Sarah Butler

MƯỜI ĐIỀU TÔI HỌC ĐƯỢC VỀ TÌNH YÊU

TEN THINGS I'VE LEARNT ABOUT LOVE



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Sarah Butler

Nhật Khoa *dịch*

MƯỜI ĐIỀU TÔI HỌC ĐƯỢC VỀ TÌNH YÊU

TEN THINGS I'VE LEARNT ABOUT LOVE

Tiểu thuyết

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

1.

Mười điều tôi sẽ nói với bố

Con từng gặp một người đàn ông ở Singapore có mùi giống bố - mùi thuốc lá và da lộn.

Con nhớ kỳ nghỉ ở Hy Lạp – những phế tích bất tận, bố cứ phải giảng đi giảng lại cho tụi con sự khác biệt giữa các loại cột Doric, Ionic và Corinthian trong kiến trúc.

Con ước bố kể về mẹ. Con ước bố giữ lại chút gì đó của mẹ.

Con vẫn giữ cuốn sách bố mua cho con hồi sinh nhật mười tuổi, lúc con muốn làm phi hành gia du hành xuyên Thái Dương hệ.

Con biết bố luôn mong nhà có một người nối nghiệp bác sĩ của bố.

Con có một giấc mơ lặp đi lặp lại. Con đứng ngoài nhà bố. Trong nhà đang có tiệc; con nghe được tiếng người nói cười. Con ấn chuông cửa, lâu lắm bố mới ra mở.

Con là người lấy cắp tấm ảnh trong phòng làm việc của bố.

Con từng lén nhìn bố - khi bố làm vườn hay ngồi trên ghế bành, hoặc ngồi bên bàn quay lưng ra cửa. Con luôn muốn bố xoay lại và nhìn thấy con.

Con tiếc là không bên bố được nhiều.

Xin bố đừng...

Bố tôi sống một mình trong một căn thuộc dãy nhà liên kế kiêu kỳ gần Hampstead Heath. Nhà quanh đó đều đỏm dáng và rộng rãi, những lối vào lát gạch tinh tươm, tường bao vừa đủ cao để ngăn người ta nhìn vào. Khắp nơi là cửa sổ xây lồi với rèm cửa nặng trịch, dây hoa ông lão và tử đằng.

Tôi xếp hàng chờ taxi ngoài khu khách đến ở sân bay và hút ba điếu trong khi chờ đợi. Khi đến lượt mình, tôi cúi người vào xe, chất nicotine khiến tôi choáng váng, buồn nôn. Tài xế mở bản *Cầu hồn* của Mozart. Tôi muốn bảo chị ta tắt nhạc, nhưng chẳng biết giải thích lý do thế nào, cuối cùng chỉ xoãi chân vào chỗ lẽ ra đặt ba-lô, tựa đầu vào khung cửa, nhắm nghiền mắt. Tôi cố nhớ đúng màu cái ba-lô, đại loại là màu xanh hải quân bân bẩn, Tôi đã tha nó đi khắp chốn bao nhiêu năm nay rồi, đúng ra phải nhớ màu sắc của nó chứ. Bên trong có quần jean, quần short, áo chẽn và một áo choàng chống thấm. Mười gói thuốc lá Nga. Đôi dép thêu cho chị Tilly. Mi giả. Thỏi son bóng gần hết. Một viên đá gần như hình cầu hoàn hảo mà tôi chọn để tặng Kal, rồi sau đó lại tự rủa mình vì khóc lóc. Một quyển Hướng dẫn du lịch Ấn Độ còn chưa đọc. Một đèn pin gắn đầu. Một bức ảnh có mọi người, có mẹ, từ hồi tôi chưa biết gì: nó là thứ duy nhất tôi sẽ tiếc nếu bị mất.

Xe về đến nhà khi trời hãy còn quá sớm. Tôi trả tiền chị tài xế, bước lên vỉa hè. Khi xe lăn bánh khỏi vệ đường tôi những muốn đưa tay ra ngăn lại, tôi đổi ý rồi, hãy đi đâu đó khác, đâu cũng được, tôi muốn ngồi ghế sau tà tà ngắm nhìn London qua cửa xe.

Lối vào nhà bố tôi có mười một bậc cả thảy. Dưới thềm, hai cái cây ốm yếu đứng trong mấy cái chậu sứ tráng men mập mạp màu xanh dương. Một cây nguyệt quế to kềnh che gần hết cửa sổ trước, nhưng tôi vẫn mong thấy được ông ngồi trên ghế sofa, một tay cầm điếu thuốc cháy dở. Ông không ở đó. Bụng tôi nhói đau, miệng tôi có vị như mới ngủ dậy mà ngậm mùn cưa. Tôi ngắt một cái lá từ cây trong chậu và xé dọc gân lá, nó lốm đốm màu vàng xanh tai tái.

Cửa trước nhà bố sơn màu nâu đỏ sậm như màu máu để khô. Hai tấm kính răn cao gờ có dây thường xuân điểm xuyết nhẹ nhàng chẳng cho thấy gì bên trong.

Khi tôi mười ba tuổi, ông cho tôi đi học ở Dorset. Tôi nhớ lần về nhà sau học kỳ đầu. Ông phải làm việc nên chị Tilly đón tôi, ngón tay chị thấp thỏm trên vô-lăng, bằng lái xe mới cứng nằm gọn ghẽ trong hộc đựng găng tay. Tôi đứng ở bậc thềm trên cùng, ngó đúng cái chuông cửa đồng từ ngày xưa trong khi chị Tilly lục lọi tìm chìa khoá. Tôi nghĩ nghĩ tại sao cái cửa nhìn không giống cửa trước nhà mình nhỉ, rồi tôi bấm chuông để nghe thử tiếng nó từ bên ngoài.

Tôi lấy trong túi ra một điếu thuốc, mặc dù sắp vào nhà tới nơi rồi. Bánh xe đánh lửa trượt qua dưới ngón cái. Tôi hít vào quá nhanh nên ho, cái ho nhẹ của người hút thuốc, tay áp ngực.

2.

Mười điều người ta mô tả tôi

Lang thang
Vô công rồi nghề
Vô gia cư
Xui xẻo
Ngủ bờ ngủ bụi
Trắng tay
Cặn bã
Bị cho ra rìa
Không ai hiểu được
Lạc lối

Tôi là một ông già bị bệnh tim, rành rành là vậy.

Sự thật là tôi cảm thấy thoải mái hơn khi ở đây – rìa con sông đầy bùn rác – hơn là ở những quảng trường đẹp mắt có lắm màn hình sặc sỡ và nhân viên an ninh, như chỗ gần ga tàu điện ngầm.

Bố đi vòng vòng. Việc này bố làm thuần thục cứ như một kiểu chiến lược định sẵn. Ở mỗi nơi, bố đều tưởng tượng về con. Bố không có mấy manh mối, mặc dù bố đoán được vài điều về con, như màu tóc, chiều cao, tuổi. Và bố biết tên con; bố có thể gọi tên con, nhìn con xoay lại. Bố con mình sẽ đứng đây, để những người đi xe đạp lướt vội qua, lắng nghe tiếng mạn thuyền chạm nhau ngân nga, và nói chuyện.

Tuần rồi, lúc bố nghĩ mình sắp lìa đời, tất cả những gì bố thiết tha là con. Không dễ nghĩ ngợi bất kỳ thứ gì khi ngực nặng như đá đè, nhưng con giúp bố qua cơn đau – con luôn giúp bố qua khỏi.

Chuyện xảy ra trên đây một quãng, trên bờ kè sông đối diện quốc hội lưỡng viện: khúc gần bệnh viện có tường cao, mấy băng ghế có rìa chạm hình đầu chim đặt trên những chồng gạch để người ngồi đó có thể nhìn thấy bên kia sông. Tôi đang đi theo hướng tây, lờ mờ định đi đến tận cầu Albert, tìm nơi qua đêm trong một góc yên ả của Chelsea. Cảnh sát ở đó khó chịu lắm, nhưng nếu mình chịu kín đáo một chút, đôi lúc họ để mình được yên. Khi ấy tôi chỉ đang đi bộ. Bác sĩ bảo xúc động mạnh có thể kích đau, nhưng tôi chắc hôm đó mình không buồn bực gì mấy.

Tôi đứng dựa tường, hai tay ôm ngực, nước mắt giàn giụa như một đứa con nít, trông chẳng giống một ông già gần sáu mươi lọc lõi chuyện sống không nhà. Tôi mong em ở đó, dừng lại và hỏi tôi bị làm sao, nhưng em không, dù sao đi nữa tôi đã quen chuyện chẳng ai đoái hoài. Tôi đứng nhìn dòng sông và nghĩ về em, và thế nào tôi lại biết là em đã chết. Thế giới đầy rẫy hiểm nguy. Ô tô tông nhau. Dao búa. Chứng tắc mạch máu. Bệnh ung thư. Tôi tiếp tục nhìn dòng sông, nghĩ ngợi nguyên nhân nào đưa em đi, và sợ mình có thể ngã lăn ra chết thình lình. Rồi cứ tự nhiên theo mạch ấy, tôi

mất kiểm soát, không phải kiểu la hét ầm ĩ – không phải cách của tôi. Mà khi đã sống như tôi, người đời bảo nên lẳng lặng mà sống. Không, tôi đã khóc như một đứa con nít.

Đừng hiểu lầm bố, bố không phải lúc nào cũng vậy. Bố thích ngồi quán nước tán chuyện vui. Bố thích nằm trên phố ngắm sao trời. Chỉ tại bố thấy mình đang lên cơn đau tim. Bố nghĩ mình sẽ chết nếu không tìm thấy con.

Bố cũng nghĩ về mẹ của con, người có cái tên màu đỏ tươi. Có lần bố mẹ đi chơi xa cuối tuần ở Brighton, chuyến đi chóp nhoáng, thật hoàn hảo. Bố mẹ ăn kem, món cá và khoai tây chiên. Bố thấy sai trái khi kể chuyện này với con, nhưng hôm ấy bố mẹ còn làm tình trong một khách sạn tàn tạ trông ra biển.

Bố đã nói dối về chuyến đi hoàn hảo nọ. Thực ra lần ấy buồn bã và u ám. Bố đã không kiềm chế được mà nổi nóng, nặng lời với mẹ con trong căn phòng không phải của mình. Bố vẫn nhớ mẹ con nhắm chặt mắt, mím môi lại. Ta đoán bà ấy cũng khổ tâm lắm.

Một khi ta đã yêu, ta thấy bản thân mình không thể thoát ra khỏi tình yêu, bố tự nghiệm ra thế. Tình yêu khiến đời thêm trắc trở.

• • •

Bố không ưa bác sĩ, nhưng sau cú choáng váng đó ở bờ sông, bố ép mình đi khám. Phòng khám nồng mùi thảm mới – ngọt và gắt. Bố ngồi xuống cạnh một người phụ nữ trạc ngoài bốn mươi, chị ta đứng dậy, bước qua phía bên kia phòng ngồi. Bố cố không để những chuyện như vậy phiền mình. Bố cầm mấy tờ báo lên và bắt đầu tìm kiếm con gái. Chẳng có gì cả.

Tên của người bác sĩ có màu sa thạch bắt nắng. Bà có cặp mắt hiền từ, bàn tay mềm và mát khi chạm vào bố. Bà nói, chuyện lo lắng là tự nhiên thôi, cơn đau bộc phát lần đầu đáng sợ lắm, ai bị cũng nghĩ họ sắp chết.

Trong căn phòng nhỏ tí có chiếc giường bệnh phủ ga giấy của bà, bố lại khóc. Bà mỉm cười, đưa bố một mảnh khăn giấy. Cử chỉ ân cần của bà, chuyện bố bị bệnh tim, hoặc hành động của người phụ nọ trong phòng chờ đã khiến bố tuôn trào. Bố ngờ là bà biết hết. Thế rồi bà hỏi bố mọi điều mà các bác sĩ vẫn hay hỏi một lão già như bố. Với bố những câu hỏi đó chẳng có nghĩa lý gì.

Bà ấy nêu tên bệnh: chứng đau thắt ngực, màu xanh dương băng giá, bắt đầu và kết thúc. Bà đưa bố xem một cái chai nhỏ màu đỏ, bảo rằng nó sẽ trị chứng đau của bố. Bố phải xịt nhanh vào lưỡi để không còn phải ôm ngực tì vào tường khi cơn đau tới. Bố cầm lấy chai thuốc và rời đi. Rồi bố tiếp tục làm những thứ bố đã làm nhiều năm trời. Bố từng viết tên con nhiều lần không kể xiết. Lúc bắt đầu, bố luôn viết tên con.

3.

Mười điều tôi biết về mẹ

Tên mẹ là Julianne – nghe giống tên người Pháp, dù mẹ không phải.

Mẹ đẹp lắm (tôi tìm ra một bức ảnh trong phòng làm việc của bố chụp bố mẹ và ba chị em chúng tôi. Lúc đó tôi đang nắm tay và ngước lên nhìn mẹ. Khi rời nhà đi học xa, tôi mang bức ảnh theo, bố cũng không hỏi gì. Nó nằm trong ba-lô của tôi, giờ mất tiêu rồi.)

Tôi và mẹ có cùng màu tóc.

Bố tôi yêu mẹ - ông chưa từng tìm ai khác.

Mẹ hay hành động hấp tấp, thiếu suy nghĩ. Tôi biết điều này hồi mười bốn tuổi. Khi đó tôi trèo lên một cái cây ở Hampstead Heath, chân mang giày mỏng, đế trơn. Tôi trèo quá cao, ngã xuống gãy cả chân. Trên đường tới bệnh viện, bố bảo "Con với mẹ con y hệt, Alice. Bộ con không dừng lại và suy nghĩ nổi năm phút về hậu quả có thể xảy ra hay sao?"

Sau khi mẹ mất, bố gom hết mọi thứ liên quan đến mẹ vào những bọc rác to màu đen, cả mấy cái gối màu ngọc lam và vàng mà hai chị Tilly và Cee rất thích, rồi lấy xe chở đi mất. Ông không mang những thứ ấy về lại.

Vào mùa hè, mẹ có tàn nhang trên má, trên vai, tôi cũng y hệt (bố bảo thế rồi đỏ mặt, tôi chưa thấy ông như vậy bao giờ. Tôi chẳng biết đáp thế nào).

Mẹ với bố cãi nhau nhiều (đó là theo lời chị Cee, chị Tilly bảo không nhớ gì, nhưng chính chị luôn là người phân vân không biết về phe nào).

Khi gặp nạn, mẹ đang lái chiếc Citroën GSA. Lúc đó mẹ lấy bằng lái được năm tháng hai mươi mốt ngày. Người ta nhận định là mẹ chết bất ngờ, bất ngờ không chịu nổi, với tôi.

Nếu không vì tôi, mẹ đã chẳng lái xe.

Bố bị ung thư tụy tạng. Chị Cee kể với tôi qua đường truyền điện thoại bị nhiễu trong lúc tôi đứng bên quầy tiếp tân một nhà nghỉ tận Ulan Bator, chị thì đứng trong sảnh nhà bố. Cho đến giờ tôi vẫn không biết tuỵ tạng là cái gì, dù tôi sẽ chẳng bao giờ thừa nhận điều đó với chị Cee.

Chị Cee nghĩ tôi là một kẻ vô vọng. Chị bảo là tôi đang phung phí tài năng, đùng một cái bay đến bên kia bán cầu. Chị còn nói thời gian sẽ bắt kịp tôi – ý là tôi lẽ ra phải mau chóng có con trước khi buồng trứng khô kiệt. “Em xử trí với Kal vậy là đúng, nhưng em cần nghĩ về chuyện ổn định cuộc sống.” Bụi lắng xuống, trầm tích cũng lắng xuống, nhưng tôi thì không. Tôi hỏi, mà anh Kal thì có gì không tốt. Chị chỉ thở dài như thường lệ, theo cái kiểu làm tôi thấy mình như mới lên năm.

Tôi dụi điếu thuốc rồi bấm chuông cửa. Chị Tilly ra mở, tôi thấy cảm kích. Chị đang mặc quần jean bó, áo thun màu cam rộng thùng thình. Mặt chị trông mệt mỏi và xanh xao. Đằng sau chị là sàn sảnh trải dài với những ô trắng đen bàn cờ, tôi lại nhớ hồi hai chị em vẽ khung chơi lò cò, bật cười khi áp lòng bàn chân lên nền gạch lạnh.

“Alice à,” chị Tilly mở rộng vòng tay. Chị mềm như kẹo dẻo. Tôi tựa trán vào ngực chị một lát, và nghe mùi nước hoa thoang thoảng mùa hè. Chị Cee đang xuống cầu thang. Giày lười màu trắng gọn ghẽ, quần lanh đen, áo cộc tay màu ngọc lam. Tóc chị có vẻ mới cắt ngắn, ánh màu thuốc nhuộm đo đỏ. Mắt chị màu nâu thẫm như đất vườn giống bố. Tôi nghe nói mắt mình giống mẹ.

Tôi sẽ không khóc. Tôi rời chị Tilly. Chị Cee đứng cầm một cái ly không, da chị ửng đỏ dưới lớp trang điểm.

“Sao em không gọi trước,” chị bảo. “Để chị rước em, sẵn xe đây mà, chứ ngồi taxi ù cả tai thì tội quá.”

“Được mà chị,” tôi nói. Chúng tôi đứng đó bối rối trong im lặng. Tôi liếc nhìn về phía cầu thang.

"Bố đang ngủ," chị Cee bảo, tôi cảm thấy cơn giận quen thuộc bùng lên trong câu nói. Chúng tôi đứng gần nhau quá. Cái sảnh không nhỏ bé gì, nhưng tôi lại thấy khó thở.

"Chuyến bay thế nào hở em?," chị Tilly hỏi. "Chị có tra thử rồi, những bốn ngàn ba trăm dặm. Xa ghê nhỉ?"

Điều khiến tôi thích Mông Cổ hơn cả là chân trời rộng hơn bất kỳ nơi đâu tôi từng thấy; đất trời vô tận. Tôi khép cửa trước lại. Tôi quên mất phải làm sao để đóng nó sập hẳn.

"Em phải...", chị Cee bắt đầu chỉ bảo.

"Em biết." Tôi kéo cửa về phía mình, đẩy mạnh nắm cửa lên trên và đóng sầm nó lại.

Chị Cee nhìn túi hành lý của tôi – một cái ba-lô nhỏ màu đen – rồi nhìn đằng sau tôi. "Em chỉ có bấy nhiêu thôi à?" Tôi hình dung sảnh hành lý với những bóng đèn huỳnh quang, hàng dãy xe đẩy, băng chuyền hành lý bằng cao su trầy xước. Tôi đứng chờ ba-lô của mình xuất hiện. Người ta chộp lấy hành lý của họ và hối hả đi mất. Tôi chờ đến lúc chỉ còn bốn kiện hành lý cuộn tới: hai thùng cứng, một cuộn gì dài dài gói bằng giấy báo với băng keo, và một túi đồ có quai mòn tưa. Tôi chờ tiếp đến khi màn hình nháy sang số chuyến bay và thành phố khác, với một nhóm hành khách mới chụm quanh. Một đợt hành lý mới bắt đầu xuất hiện. Tôi nghĩ đến việc bốc một cái rồi đi, nhưng rồi không làm.

"Em lên lầu đây," tôi nói, bước ngang các chị, nép sát vào tường để khỏi chạm vào người họ.

"Alice à, bố đang ngủ mà," chị Cee nắm cánh tay tôi.

"Chị bắc ấm nước lên đã... mình uống trà chút." Mấy ngón tay chị Tilly vân vê viền áo.

Tôi rời xa chị Cee. "Em không làm bố dậy đâu."

Tôi bước lên bốn bậc thang. Cầu thang sơn trắng, giữa có dải thảm đỏ

chốt bằng tán đồng nhuyễn. Lần đầu đến nhà – một bữa ăn trưa chủ nhật bất tận – Anh Kal từng giễu dải thảm ấy. Anh bảo mình cảm thấy trang trọng mỗi lần lên lầu vào phòng tắm, tôi cười to, bởi tôi chưa từng nghĩ thế. Tôi ước gì anh đang đứng cạnh, nắm tay tôi. Số của anh vẫn nằm trong điện thoại của tôi. Thi thoảng tôi cứ ngồi nhìn nó.

"Alice à." Tiếng chị Tilly. Mặt chị nhăn lại. "Hãy... chuẩn bị tâm lý nhé," hai bàn tay của chị nắm chặt vào nhau.

• • •

Phòng của bố trên lầu một, ở mặt trước nhà. Trong phòng có hai cửa sổ cao, một trông ra đường qua một bức tường gạch đỏ, một nhìn ra khoảng sân sau. Tôi mở cửa thật khẽ, bước vào. Mấy tấm rèm dày màu lục khép lại che nắng ban ngày, cây đèn thấp gần sofa hắt vòng ánh sáng vàng ấm xuống thảm. Tôi không muốn nhìn vào giường. Thay vào đó tôi ngắm tủ đồ: những hình trang trí tam giác bằng gỗ nhạt màu dát viền, kính hình ovan, bản lề kim loại xỉn màu. Tôi nhìn lên tấm phù điêu hoa hồng xấu xí trên trần cùng bộ giá đèn nghèo nàn, sáu cây nến giả cắm trong mớ chân đế bụi bặm.

Chị Cee từng kể hồi ở nhà cũ, khi tôi chưa ra đời, hai chị được cho phép vào phòng bố mẹ những sáng thứ Bảy. Họ lẻn vào nằm giữa bố mẹ vòi nghe kể chuyện. Sau đó, nếu bố không phải đi làm, bố sẽ rời giường, mặc áo khoác ra ngoài bộ pyjama xanh rồi xuống lầu. Hai chị Tilly và Cee lăn vào chỗ ấm bố để lại, chờ nghe tiếng chân bố ở cầu thang và tiếng khay lách cách. Những chuyện kể và bữa điểm tâm sáng thứ Bảy dừng hẳn từ khi cả nhà dọn về đây và tôi ra đời. Khi tôi hỏi lý do, chị Cee chỉ bĩu môi nhún vai, như thể mọi sự là tại tôi cả.

Căn phòng có mùi da và mồ hôi. Nóng quá. Tôi tựa tay vào lưng sofa,

lắng nghe: một tiếng *tách* mơ hồ từ ống nước; tiếng chim gọi bạn tình xuyên qua hai lớp kính cửa; tiếng bố tôi thở nhẹ.

Lần gần đây nhất tôi gặp bố là vài hôm trước khi bay đi Moscow. Hai bố con ăn tối ở một quán Tây Ban Nha mới mở ở khu South End Green. Ăn món Tapas với một chai vang đỏ đậm đà. Bố bảo suy thoái kinh tế tới nơi rồi, bố nghĩ lúc này không hẳn thích hợp để bỏ việc đâu, Alice. Tôi đáp rằng chuyến đi hấp dẫn tôi quá, mà tôi hãy còn tiền tiết kiệm. Tôi phải rời khỏi nơi này. Bố nói, sao lúc nào tôi cũng phải đi? Tôi kể ông nghe về anh Kal, nhưng nguyên nhân này không giải thích được cho những lần đi khác. Giờ tôi cố nhớ lại xem khi ấy ông trông có xanh, ốm, có vẻ đang bệnh hay lo lắng không. Chịu không nhớ nổi.

Người nằm trên giường trông không giống bố.

Bố có khuôn mặt rắn rỏi, hàm vuông, lông mày rậm. Ông là người có sức vóc: cao, không mập nhưng to lớn, đôi vai rộng, khuôn ngực cứng cáp. Khi bố ôm – tuy không thường, nhưng cũng có – tôi cảm thấy được sức mạnh từ vòng tay ông. Người này trông quá nhỏ bé so với bố tôi.

Bên phải giường, một cái hộp trắng và xanh dương nằm trên sàn. Một dây dẫn nhỏ chạy luồn dưới tấm chăn phủ vào cái hộp. Dây dẫn thứ hai nối với một cái bọc nhựa hay thấy trong bệnh viện, nó đã đầy một nửa thứ chất lỏng màu vàng.

Người nằm trên giường khò khè như một người lớn tuổi. Tôi không nhận ra gương mặt hốc hác, da dính chặt vào xương sọ ấy. Có một cái ghế bên trái giường. Nó hẳn được mang từ phòng ăn tới. Ở đây, cái ghế lưng tựa cao bằng gỗ và chỗ ngồi lót nệm ấy trông chẳng đâu vào đâu. Mà phòng ăn chắc cũng chuệch choạc khi thiếu mất một người.

Khi tôi ngồi xuống, cái ghế kêu răng rắc. Tôi ghìm mình lại. Ông ấy không thức dậy. Tôi muốn chạm tay ông, nhưng tay ông lại nằm dưới chăn, nên tôi ngồi nhìn tay mình: những ngón tay đeo đầy nhẫn bạc, móng bị gặm nham nhở.

"Con vừa về đây," tôi nói. Giọng tôi yếu ớt, nghẹn ngào. "Con vừa từ Mông Cổ về đây." Đột nhiên tôi cảm thấy cơn mệt mỏi ùa tới. "Con chẳng biết hôm nay ngày mấy nữa." Tôi bật cười, nhưng thấy có phần không thích hợp nên thôi. "Con đã cố về nhanh nhất có thể - con bị mất sóng di động cả tuần rồi – chắc lâu hơn." Tóc ông cứng đâm vào gối; môi ông khô nẻ. Tôi cảm nhận được hơi thở vào ra lồng ngực mình. Tôi muốn khóc. Tôi muốn nằm xuống sàn, nhắm mắt lại. Tôi muốn chạy đi.

"Vừa được tin là con về ngay."

Tôi nhớ lúc ngồi sau chiếc jeep ở Mông Cổ với một cặp Thuỵ Điển và một gã đến từ Palestine, chiếc điện thoại di động vô dụng bị bỏ quên dưới đáy ba-lô, con đường thì – gọi nó là đường thì cũng quá – cứ xóc nẩy chúng tôi, xung quanh chẳng có gì. Chỉ là những dặm thinh không. Thật nhớ cái thích thú khi đó.

"Trong này tối tăm quá, bố ạ. Bố không thấy vậy sao?" Tôi đứng lên kéo toang rèm ra. Trời đã bắt đầu mưa, ném những dòng nước lên mặt ngoài tấm kính. "Rồi, nước Anh lại có thêm một mùa hè đã đời," tôi nói.

"Alice?"

Tôi quay lại. "Bố ơi?" Tôi đứng nguyên, một tay nắm mép rèm. Tôi ước gì mình chưa mở rèm. Ánh sáng khắc rõ gương mặt ông, đắp những vùng tối vào chỗ da lõm. Da của ông tái mét – vàng quá. "Bố ơi, bố khoẻ..."

"Kinh khủng." Nghe như ông đang bị cảm – giọng đục và khàn.

"Điện thoại của con mất sóng," tôi nói. Ông ho, mặt ông đầy đau đớn.

"Con làm gì, lấy gì cho bố nhé?" Ông quay đầu sang bên trái.

"Cái này ạ?" Tôi bước lại bàn cạnh giường, cầm cái que gỗ có đầu hạt lựu.

"Nhúng que vào cốc," ông nói.

Trong cốc có một lớp chất lỏng màu hồng. Tôi nhúng đầu hạt lựu vào, đưa cho bố tôi. Ông chấm chấm thuốc lên miệng. Tôi thấy rõ xương dưới da ông. Có lẽ chúng tôi từng được học về tuyến tuỵ ở trường thật. Tôi có cảm

giác đó là một bộ phận màu đỏ tía sậm, thuôn một đầu. Tôi không nhớ nó có chức năng gì.

"Bố xin lỗi... làm hỏng... kỳ nghỉ của con," ông nói. Cứ nói vài từ là ông lại thở khàn gấp gáp. Cái que đầu hồng rơi xuống drap toé một vệt lên vải. Tôi nhặt lên, để nó lại trên bàn cạnh giường.

"Kỳ nghỉ nào..." Tôi dừng lại, ngồi vào chiếc ghế phòng ăn, bắt chéo chân. Tay lóng cóng không biết để đâu nên tôi thọc cả hai vào dưới đùi. Cạnh nhẫn hằn vào bắp vế. "Bố biết không, ở Mông Cổ, đất đai không thuộc về ai cả. Không có hàng rào," tôi nói.

"Cậu đó... đi với con à?"

"Anh Kal ấy ạ?"

"Cái cậu người Ấn đó."

"Anh ấy là người Anh. Con có nói với bố là bọn con chia tay rồi. Con có kể mà."

Tôi đứng lên bước lại cửa sổ, tựa đầu vào kính. Mặt kính lạnh áp vào da. Tôi tưởng tượng ngồi cùng anh Kal ngoài một căn lều Mông Cổ, ngắm mặt trời điểm màu hồng cam lên mặt đất. "Có đại bàng nữa, to lắm, ngay bên cạnh đường, những chỗ có đường đi. Móng vuốt chúng to thế này này. Chúng chỉ cần quắp con chuột lên là nó chết tươi."

Tôi nghe tiếng ông chuyển mình, và tôi quay lại. Ông đang nhìn thẳng vào tôi. Tròng trắng mắt ông ngả màu vàng đục.

"Con biết... là bố thương... con bằng với... các chị... mà," ông nói.

Tôi ép chặt một mớ rèm trong tay thành nắm đấm. Nghe như lòng tôi trĩu nặng khôn cùng. Tiếng thở rít trong cổ họng ông. Tiếng nhỏ giọt từ ống nước im bặt.

"Quan trọng lắm. Bố luôn... nói với mẹ... của con... là quan trọng."

"Ý bố là sao?"

"Con phải biết... điều đó, con... phải biết."

Ngày xưa cứ mỗi chiều thứ Sáu, ông lại mua cho tôi một viên kẹo bạc hà hình con chuột ở hiệu Thorntons. Không hiểu sao giờ tôi lại sực nghĩ tới chuyện đó, nhưng quả thật tôi nhớ tiếng mở lớp vỏ nhựa và niềm hân hoan khi cắn rời cái mũi làm bằng sô-cô-la đen nhân bạc hà ngọt.

Hai bố con không nói gì thêm. Mắt ông khép lại, rồi nhắm hẳn, tiếng thở biến thành tiếng ngáy nhè nhẹ. Tôi đứng nhìn ông.

Tôi thì thầm: "Xin đừng, xin đừng..."

Có tiếng gõ cửa. Tôi tưởng là chị Tilly hoặc chị Cee, nhưng người vào lại là cô y tá thấp người, rắn chắc, mặc quần tây và áo rộng cùng màu xanh dương.

"Cô là Alice à," cô nói. "Ông Tanner kể tôi nghe nhiều về cô."

"Ông có kể ạ?"

Cô lướt ngang tôi. "Lại ngủ rồi," cô nói. "Giờ mình cùng thay cái này nhé?" Tôi lùi khỏi giường. Cô cầm cái túi nhựa và nhấc tấm ga lên. "Bữa nay ông cho mở rèm đó à, ông Tanner? Hay nhỉ, sáng sủa hơn hẳn. Với lại con gái ông về rồi, thật đáng mừng."

"Ông kể gì với cô?" tôi hỏi.

"Ông ấy ngủ rồi." Cô không hề hạ giọng. Tôi có thể nhận ra cơ thể bố tôi gầy đến thế nào trong bộ pyjama vải cotton.

"Tôi hỏi chuyện về tôi ấy," tôi hỏi.

Cô xoay một cái van trên túi rồi bắt đầu kéo nó ra khỏi ống. Tôi nhìn thứ nước màu vàng óc ách trong ấy.

"Tôi phải..." tôi vẫy tay về phía cửa.

Cô không nhìn lên. "Em làm vậy là phải đó, em gái. Em về thật là tốt, ông ấy chờ em mòn mỏi không thôi."

Tôi đóng cửa lại sau lưng. Lối đi có mùi thơm như nó luôn thế, mùi lớp đánh bóng gỗ, mùi vữa ướt mơ hồ. Tôi đi lên cầu thang, tính lên gác xép, nhưng chị Tilly chặn tôi lại. "Em gặp Margaret rồi à?" chị hỏi.

"Cô y tá ấy à?"

"Cô ấy tốt lắm."

"Đúng thế."

"Cee pha trà rồi."

Anh Kal từng gọi các chị Tilly và Cee là cặp đôi "Điều kiện - Điều khoản." Cứ mỗi lần tôi về sau khi ghé nhà vì bất cứ lý do tụ họp gia đình nào, anh ấy đều hỏi "Hai người Điều kiện và Điều khoản ấy khoẻ không?." Tôi trả lời rằng một người thì thấp thỏm, người kia thì vô lý, rồi chúng tôi cười lăn.

"Em muốn...," tôi nhìn về phía thang lên gác xép.

"Ôi, Alice." Chị ôm tôi, hai cánh tay tôi bị ép chặt vào hông.

"Bố hiểu mà, phải không chị? Cái di động của em đó. Nó bị mất sóng. Chị Tilly ơi, bố có nghĩ là..." Tôi rời chị, nhìn trân trối vào bức tường gỗ ép trước mặt. Trông nó dơ và cũ. "Em chỉ không muốn bố nghĩ là..."

"Chị có làm bánh qui," chị nói. "Bằng yến mạch đấy." Bố thích thứ bánh này lắm. Tôi hình dung cảnh bố nằm trên giường, nghe tiếng chị Tilly loay hoay trong bếp, mùi bánh nướng bốc lên theo cầu thang vào phòng ông.

"Dẫn đường nào, đội trưởng." Tôi chạm mấy ngón tay vào trán bắt chước kiểu chào nhà binh. Chị Tilly cười nhẹ, xoay người lại đi xuống thang trước tôi.

4.

Mười thứ gợi nhớ tên con mà bố tìm được

Một cuốn sách trong thư viện Newington, tờ bìa có màu nước sông băng.

Một dãy ca tráng men vàng ánh kim bày trong cửa sổ một tiệm ở phố Camden.

Một cái cài tóc nhựa màu hồng tía ở phòng chờ ga Euston.

Một cái áo khoác sinh viên màu xanh biển, tay áo buộc vào cây trên đường Cầu Southwark.

Những mảnh vỡ mỏng manh của cái đĩa màu xám, tìm thấy gần khối nhà văn phòng mới, chỗ quán Thiên Sứ.

Một mảnh kính xanh dương nhạt trên bờ kè sông, khu Cremorne Gardens, Chelsea.

Một cái vòng xuyến vàng giả có cạnh tróc sơn bên ngoài ga công viên Battersea.

Một cái bong bóng xẹp màu hồng nhạt, vỏ cao su mịn như da trên đoạn dốc tới nhà triển lãm Tate Modern.

Một mẩu sơn xanh dương sẫm rơi ra từ biển quảng cáo trên đường Elephant, gần nhà ga.

Đoạn cuối một cái dây thắt lưng màu xám than, đường khâu đã tưa trong bãi đậu xe ngoài siêu thị Waitrose, đường Balham.

Hôm nay tim bố khoẻ. Bố men theo dòng sông, tìm kiếm sắc màu. Miễn là bố kín đáo một chút, đâu ai để ý nhiều tới một ông già nhét vào túi những thứ bỏ đi. Có những người ở hoàn cảnh bố cứ ở lì một chỗ, vạch một vòng vô hình quanh họ và không ra khỏi ranh giới ấy. Nhưng bố không biết con ở đâu, nên cứ lang thang đi tìm.

Mỗi chữ cái là một màu. Bố không chắc con cũng thấy vậy. Bố không chắc là con sẽ hiểu, nhưng bố không nghĩ nhiều về chuyện ấy. Đây này, gần biển báo lũ, một cái vỏ kẹo màu xanh dương nhạt còn nhớp tí đường. Chữ A là màu nước sông băng. Đây nữa, gần toà nhà gỗ chóp tròn không cửa sổ có một cái khuyên tai đơn bằng vàng. Chữ L màu vàng kim. Rồi gần cầu tàu hoang phế, một dải ruybăng hồng với một tờ bướm giấy láng xanh dương. Chữ I màu hồng tía; Chữ C là màu xanh biển. Chữ E màu xám than. Bố nhặt được một hòn đá nhỏ xíu hình đầu mũi tên.

Một bến du thuyền không còn mới nhô ra bên sông, trông như một phụ nữ vén váy khỏi dòng nước. Bố gắng sắp xếp các màu sắc cho thật ổn ngay trên lối đi gần sát cổng vào, rồi đi tiếp. Chỉ vài bước nữa là tới một bãi biển đầy châu báu.

Bố muốn gặp con ở đây, đứng cạnh con, những thứ linh tinh của thành phố nằm dưới chân. Đó là một nơi nhiều màu sắc. Đây nhé: một sợi dây nịt cam phai nắng; một mảnh nhựa rặt màu tía; một mảnh kim loại xanh dương phai hẳn gần thành trắng; một đoạn dây màu lục tươi. Dưới kia có thuỷ tinh và gốm. Một cái chai cháy nắng, chất thuỷ tinh đã ngả màu đen. Dưới chút nữa có đá, kim loại và mảnh gạch vỡ. Những cây đinh gỉ dày đến nỗi chẳng còn là đinh nữa. Nếu con đập mạnh vào chúng thế này, con có thể phá lớp gỉ màu cam ấm và nhận ra hình dạng bên dưới. Bố tìm thấy cục đá lửa, có một góc nó gồ ra như khớp đốt ngón tay. Màu kem vàng của những mẩu giấy tả tơi.

Chữ cái đầu mỗi từ là màu của từ đó, ta vẫn thấy được màu phần còn lại, chỉ là nhạt hơn. Vậy nên sợi dây nịt màu cam phai vừa khéo lại là thứ to

nhất; không phải lúc nào cũng dễ phối màu cho cân. Năm cái lỗ viền kim loại. Tôi đục thêm hai lỗ. Thành phố này có lắm thứ chỉ sợi và dây nhợ đến khó tin. Tôi dùng chúng để gắn các từ với nhau. Tôi nhặt nhạnh các thứ khi tản bộ rồi cuộn chúng thành một búi đủ màu nhét trong túi phải áo khoác; không phải túi có bức hình – Tôi đã học được cách chăm chút những thứ quan trọng.

Tôi bước xuống một lối nhỏ dùng để dỡ hàng khỏi thuyền, ngang qua một chiếc ủng da kiểu cao bồi có đường khâu bên hông, đế lũm như bị ai gặm mất một mảnh. Nước là màu thép. Ánh đèn đỏ chập chờn ảo não trên chóp cầu tàu Canary, những khối hình in bóng xuống mặt nước phản chiếu bầu trời trống trải, không chút mây. Một mùa hè ướt át: Tôi nghe thấy mưa ngấm sâu vào tận xương, đôi ủng sũng nước.

Bố khoá cái dây nịt lại thật khéo để khỏi làm đứt mấy sợi dây, rồi khom lưng, động tác này ngày càng khó, rồi sau này con sẽ thấy, bố đặt nó xuống mặt nước. Trong một thoáng, bố tưởng nó sẽ chìm và chực vớt nó lên, dù làm vậy nghĩa là một hai ngày tới phải mang ủng ướt. Nó ngập ngừng, rồi bắt vào dòng trôi ra xa. Bố nhìn theo, nghĩ đến bức tranh từng thấy với những đường hoa văn đen mảnh lộn xộn: tấm bản đồ vẽ những tuyến đường xe buýt chạy suốt 24 giờ trong một dặm vuông có tâm là ga Waterloo, ít ra thì tên bản đồ là vậy. Nó đẹp tới mức con không tưởng tượng nổi được đâu.

Khi quay đi khỏi dòng nước, bố thấy một trái dừa vỏ xù xì mé trên kia, gần bức tường. Bố hình dung cảnh một cậu bé đứng trên boong phà, tung trái dừa bằng đôi tay một ngày nào đó sẽ hằn sẹo bởi gió bão đường đời, giờ đôi tay ấy hãy còn mềm mịn như lớp da dưới tai. Tôi mường tượng cậu ném trái dừa từ tay này sang tay kia, cảm nhận sự thô ráp cùng đường cong vừa vặn của nó. Cậu bé chạy lên từ dưới lòng tàu, xa tiếng lửa gầm trên bếp, tiếng thịt đánh bép xuống mặt thớt, ánh dao loé cùng những lời trao đổi cụt lủn của bạn nghề. Gió rập vào mồ hôi tứa trên trán cậu, chơi đùa với tóc như mẹ cậu ngày nào. Rồi tự dưng cậu nhớ tới cái tủ bếp gỗ trầy trụa, vài

đoá hồng giả cắm trong bình đồng, bụi cáu vào những nếp giữa cánh hoa. Lẽ ra cậu đang ở trong bếp, nâng rìu bổ trái dừa ra. Nhưng không, cậu chăm chăm nhìn đường chân trời màu xanh dương mờ nhạt như quyện vào không trung, nâng cánh tay phải lên ném trái dừa đi một đường hình cung ra xa.

Tôi đặt trái dừa nằm yên lên một hòn đá phẳng rồi bổ nó ra. Tôi chưa từng biết dành dụm. Có lẽ tôi thừa hưởng nét này từ bố mình. Dù sao, với tôi hiện giờ, thế lại hay, chần chừ là kẻ khác phỗng tay trên ngay. Tôi trước nay không thích dừa, nhưng vẫn ăn hết nhẵn. Mẩu cơm dừa bám vào răng, phải dùng đầu móng tay xỉa ra. Xong xuôi, tôi bước lại bờ sông thả từng miếng vỏ dừa xuống nước. Chúng nổi như những con thuyền dong ra biển.

• • •

Rắc rối của những thành phố, hay ít nhất những thành phố như nơi này, là người ta khó lòng viết được. Nói vậy không có nghĩa là bố không cố gắng, chỉ là việc ấy không hề đơn giản.

Theo nguyên tắc, bố không kể với ai về con hay về chuyện viết lách. Lần cuối bố kể là khi gặp một người không gặp đã lâu, tay ấy uống rượu táo rẻ tiền đựng trong lon giật nắp. Hắn hỏi bố làm sao biết được con ở đây, tại London này. Hắn hỏi, "sao anh biết con bé không ở Milan, Dubai, Tokyo, Manchester, Rotterdam, Barnsley hay là New York?" Hắn nói một thôi một hồi nữa, nêu danh mọi thành phố mà hắn nghĩ ra được, mắt ngẩng lên như thể tìm những nơi còn nấp giữa những miếng gạch cáu bẩn ốp trần. Có khi con bé chẳng ở một thành phố nào sất, hắn bảo. Bố bảo hắn thôi, nhưng hắn không chịu, nên bố đứng dậy bước khỏi sảnh nhà thờ, chỗ ấy có sàn gỗ ép cùng bảng thông báo bọc nỉ, những bàn dài xếp được và ghế nhựa cứng cáp.

• • •

Mỗi năm, bố gửi cho con một cái thiệp sinh nhật. Bố không biết chính xác ngày nào, nhưng bố áng chừng cũng được. Cái khó nhất là điền bao thư: tuyền một màu trắng tinh. Bố đề tên con - ít nhất bố biết chừng ấy - nhưng bố không có địa chỉ. Rồi bố bỏ nó vào thùng thư. Những đêm sau đó bố mơ cái thiệp được nhét vào hộp thư, và con bước dọc hành lang ra nhận.

5.

Mười món ăn khiến tôi căng thẳng

Bất kỳ loài nhuyễn thể nào có vỏ mà khi ăn phải nạy, tách chúng ra – mất công mà ăn chả được bao nhiêu.

Nấm đông cô – những cục tròn trơn ướt trong miệng, chúng làm tôi rùng cả mình.

Món tôm pandan của Kal, không phải vì tôi không thích nó – nó ngon chứ - nhưng công thức nấu là của mẹ anh ấy, thế nên anh ấy luôn nhắc tới bà, rồi tôi lại phải chen vào bình luận, rồi chúng tôi cãi nhau.

Anh đào ngâm đường, vì nó chẳng giống anh đào thật chút nào.

Dưa hấu, vì tôi thấy nên nuốt luôn cả hạt, nhưng lại không thể, nên rốt cuộc tôi nhè hạt ra tay, rồi lại không biết làm gì với chúng.

Bất kỳ món gì tôi phải nấu cho hơn một người khách ăn.

Bánh sinh nhật. Đèn cầy xấu xí. Chi tiết trang trí bằng kem. Chữ bằng đường cứng dở ngấy. Chúng chẳng bao giờ hợp với tôi.

Ngũ cốc điểm tâm. Dù ngọt hay không, nó vẫn dở tệ. Tôi chỉ thích ăn bánh mì nướng với mứt mặn (marmite) thôi.

Bánh hai lớp kem nhiều đường với rượu sherry của chị Tilly. Chị ấy mất nhiều thời gian làm cho nó trông hoàn hảo đến nỗi ta không nỡ động vào nó, rồi chị ấy phật lòng khi chị Cee nói chỉ muốn dùng một muỗng thôi.

Thực ra, ăn bất kỳ món gì nhiều nhiều cùng với các chị của tôi cũng khiến tôi căng thẳng.

Tôi dậy sớm trên chiếc giường đơn mà ngày xưa tôi thường giả bộ là tàu biển, cảm thấy như bị ai đó bỏ một thùng đầy sỏi lên người. Bụng tôi kêu réo, nhưng tôi chẳng muốn gặp ai, nên lẻn lên gác mái. Nó chứa đầy đồ bỏ đi và mấy cái thùng carton cũ. Cái ghế lắc vẫn ở nguyên dưới cửa sổ mái. Ngày xưa tôi từng cuộn mình trên đó và lắc, càng lúc càng mạnh, đợi tai họa ập tới. Thường thì bố hoặc chị Cee sẽ kêu vọng lên cầu thang bảo tôi thôi đi. Những lúc họ không có nhà, tôi lắc cho đến khi thấy mệt hoặc chán. Giờ tôi ngồi vào ghế, để sức nặng của mình di chuyển nó tới lui. Trên này nhiều bụi và ấm, dù bên ngoài mưa lạnh. Vẫn là tấm thảm cũ xấu xí màu lục chói. Nó bị mòn chỗ dưới chân ghế lắc. Tôi lắng nghe những bản tin mã Morse của mưa rơi trên cửa sổ mái. Lúc nào tôi cũng thích ngồi đây, nghe tiếng mưa; có thời tôi từng thấy nó êm dịu.

Kal làm tôi thanh thản, cả chị Cee hẳn cũng thấy được. Mỗi lần chúng tôi đi chơi, uống nước hoặc ăn tối với bạn bè, sẽ có những lúc tôi ngắm anh cử động cánh tay, kể chuyện này kia, và cảm thấy bình lặng như thế. Tôi nhớ cảm giác ấy.

Tôi xoãi chân ra và nghĩ về cái ba-lô của mình. Tôi định báo thất lạc hành lý, nhưng người ta đang xếp hàng dài ở cái quầy nọ. Tôi ghét xếp hàng. Và dù sao cũng không kịp thời gian. Tôi không biết họ có bao giờ tìm giúp tôi, hoặc cái ba-lô của tôi cứ nằm dí trong một phòng nào đó. Họ sẽ làm gì với nó? Mở nó ra? Lấy đồ cho từ thiện? Xem thử họ có thích thứ gì trong đó không, rồi trút phần còn lại vào thùng rác? Tôi nghĩ một cái túi có thể cứ thế mà lạc trong một hệ thống. Mặc dù nó sẽ phải *ở đâu đó.* Thậm chí khi bạn không biết vị trí một thứ gì, nó vẫn đang tồn tại ở đâu đó.

Tôi đã quên mất cái quai xách cùng màu xanh với thân ba-lô hay là màu đen. Tôi nhăn mặt cố nhớ. Tôi tự nhủ nào có quan trọng gì, nhưng nó cứ phiền tôi.

Dưới lầu, cửa trước đóng sầm lại. Là chị Cee. Chị sống ở Berkhamsted. Có chồng. Ba con. Làm bán thời gian bên nhân sự cho một công ty thiết kế. Họ

đã cho chị nghỉ phép. Nghỉ vì hoàn cảnh đặc biệt, và bố còn chưa...

Tôi quyết định tự nguyện xuống lầu. Tôi không muốn chị hành quân lên đây.

Bếp sực mùi bánh nướng. Có mười hai cái bánh xốp nướng màu nâu trên khay làm nguội kế bên bồn rửa. Chị Cee đang ngồi cạnh cái bàn gỗ thông nặng nề, tháo laptop ra khỏi vỏ. Chị Tilly đang phí thời gian loay hoay với cái bình pha cà phê.

"Làm bằng vỏ cám và mật ong đấy," chị Tilly gượng cười. "Mua ở cửa hàng *Thực phẩm lành mạnh*. Em uống cà phê chứ?"

Tôi gật đầu, và ngồi đối diện Cee, chị liếc tôi và rồi bắt đầu tháo dây nguồn laptop. Chị ấy là kiểu người luôn cẩn thận cuộn dây nguồn quanh cái adapter mỗi lần dùng máy xong.

"Cee muốn lập một kế hoạch," chị Tilly nói.

Cee mở máy vi tính, nó kêu vo vo. "Giờ có em, bọn mình chia việc ra nhé." Chị ấy đang mặc quần jean, sơmi trắng nhét vào cạp. Mặt chị trông rúm lại.

Tôi xát tay vào hàm, dán mắt vào một vết trầy mảnh trên mặt bàn – nó dài cỡ ngón tay giữa của tôi. Tôi tự hỏi ai làm ra cái vết đó.

"Chị có tìm hiểu chút đỉnh," Cee nói. "Chị nghĩ tụi mình nên nói chuyện với bác sĩ về miệng của bố. Nó khô kinh khủng."

"Không phải bố dùng thứ thuốc màu hồng bằng cái que à?" tôi nói.

Cee chúm môi lại. "Chị thấy mình phải xem xét cách khác. Rồi chị có đọc về thuốc thấm qua da giảm đau kéo dài."

Tôi có thể bảo chị giải thích. Nhưng thay vì vậy, tôi lại nhìn xuyên qua chị vào cái tủ lạnh to lớn, trắng toát, xấu xí đang đứng liếc đểu trong góc bếp. Tôi nhớ lúc bố mua nó về, không đứa nào dám hỏi bố sẽ làm gì với chừng ấy không gian làm lạnh.

"Alice à?" Tôi hồi lại. Chị Cee trừng mắt nhìn tôi. Tôi nhoẻn cười. "Cái

chuông," chị nói, và theo giọng chị thì tôi biết chị đang lặp lại, "ở ngay đây." Chị chỉ vào một trong những bộ nhận tín hiệu chuông cửa nằm trên bàn trông như một loại thiết bị kích hoả. "Bố có nút nhấn chuông ngay bên giường," Cee nói. "Bố cần thì nhấn. Ý của Steve đấy." Chị nhô hàm ra trước, cái cách mà chị làm khi cố chứng tỏ gì đó. "Nếu chỉ có mình em ở nhà, có thể em muốn mang nó theo người," chị nói. "Có móc sau lưng mà. Này, mỗi ngày cô Margaret đến ba lần để lo vụ ống thông tiểu và mấy chuyện đại loại thế." Chị chun mũi khi nhắc tới ống thông tiểu. "Chị Tilly đã mua nhiều đồ ăn. Và giờ em về rồi" – chị cười mà tôi thấy giống nhăn mặt hơn – "chị sẽ đi làm buổi sáng và ghé buổi chiều."

"Em đã về nhanh nhất có thể được," tôi nói. "Ulan Bator xa như quỷ, chị biết mà."

"Chị đâu có chê trách gì," Cee bảo. "Chị chỉ nói rằng giờ em ở đây rồi..."

"Chị nghĩ có lẽ em đọc cho bố nghe được ấy, Alice." Tilly bày ba cái đĩa, đĩa trên cùng đựng bánh nướng xốp, cùng ba tách cà phê lên bàn. "Bố thích thế, mà em đọc to nghe hay." Chị ngồi xuống nhìn tôi nài nỉ.

"Điều quan trọng là ở bên cạnh, làm cho bố thấy được yêu thương," Cee bảo.

"Bố được thương mà." Tôi làm vỡ lớp trên một cái bánh và cắn ngập vào nó. Tôi nhìn quanh căn bếp của bố. Nó cũ kỹ, tôi đoán từ hồi những năm 70. Cái lò tách biệt, vỉ nướng nhô cao lên tận kiềng. Tủ bếp làm bằng vỏ bào ép màu trắng nẹp gỗ thông. Nó không phải kiểu nhà bếp mà thế hệ như tôi mong có. Không có mặt đá granite nhập từ Ý, không có gạch ốp tường Bồ Đào Nha, không có bồn đôi với vòi nước nóng lạnh xịt được vào góc bồn. Sàn lót vải sơn, thứ chẳng bao giờ trông sạch sẽ được dù ta có cố tẩy trắng cỡ nào. Nó là căn bếp của một người già. Tôi không thể ngừng nghĩ đến màu da của ông ấy.

"Sao mới hai tuần mà bố trở bệnh nặng vậy?" tôi nói.

Tay của Cee chuyển đến trên đĩa bánh xốp, rồi rụt lại. "Bọn chị gọi em

ngay khi bố có tiên lượng bệnh, nếu ý em là thế," chị nói.

"Trước đó bố có sụt cân," chị Tilly nói. "Nhưng không rõ rệt, rồi vài lần chị ghé bố trông có vẻ mệt." Chị lắc đầu. "Chuyện sau đó bọn chị biết là bố gọi từ bệnh viện."

"Chắc bố phải cảm thấy chỗ nào không khỏe chứ?" tôi nói.

Chị Tilly lấy cái bánh xốp thứ hai, lột lớp giấy lót bánh ra. Tôi nhìn đăm đăm vào món cà phê của mình. "Trời ơi, bố là bác sĩ mà. Bác sĩ phẫu thuật chứ có phải. Bố biết về ... về sức khoẻ chứ."

Chị Cee gõ mấy ngón tay lên mặt bàn. "Bố hút thuốc, Alice. Rồi uống rượu nữa."

"Alice, sao em không kể bọn chị nghe về chuyến đi của em đi?" Tilly nói.

"Không phải bây giờ." Tôi hớp cà phê. Nhạt quá, tôi bước lại bồn đổ bỏ phần còn lại. Cửa sổ bếp trông ra vườn, một đám cỏ hình chữ nhật tẻ ngắt, mấy đám hoa ở rìa vườn bị cỏ dại che lấp. Bố tôi là người sống trong nhà nhiều hơn. Khi nghĩ về ông, tôi hay liên tưởng tới những bức tường ốp gỗ, sách vở và tiếng rấp báo cho thẳng. Tôi nhìn một con chim sáo nhảy dọc bãi cỏ rồi dừng lại dùng mỏ mổ mổ đất. Tôi có thể nghe tiếng các chị dịch người trên ghế và mường tượng ra họ đang liếc mắt nhìn nhau, Tilly lặng lẽ nài Cee đừng nói gì.

"Họ sống trong những căn lều," tôi nói, mặt vẫn nhìn ra cửa sổ. Giọng tôi lớn hơn dự định. "Ở Mông Cổ ấy," tôi nói. "Họ sống trong lều. Và cứ mỗi ba tháng họ gói ghém mọi thứ, chất lên mấy con lạc đà và dời đến nơi khác."

"Tại sao họ làm vậy?" chị Cee hỏi.

"Em thích như thế," tôi nói. "Em thích ý tưởng luôn luôn dịch chuyển."

Chị Cee bắt đầu nói gì đó, nhưng chị Tilly cắt ngang. "Họ chọn nơi để tới như thế nào?"

Khi đó tôi xoay lại, nhún vai. "Em đâu biết," tôi bảo. "Em nghĩ chắc là nơi có nước." Tôi tựa vào cạnh bồn rửa và cắn ngón tay.

“Vậy sao họ không ở lại nơi đầu tiên họ tới?” chị Cee hỏi. “Nếu ở đó có nước.”

“Chừng nào thì bố...?” tôi nói.

Chị Tilly bóp vụn phần bánh xốp còn lại trên đĩa của chị.

“Họ bảo từ ba tới tám tuần,” cuối cùng chị Cee cũng thốt ra.

“Và đó là tính từ hai tuần rưỡi trước?”

“Đúng vậy.”

• • •

Cơn mưa kéo dài suốt buổi sáng: thứ mưa thậm tệ của nước Anh – lất phất và nhẹ hạt, bầu trời phẳng lì, trắng toát và tẻ nhạt. Tôi rời nhà sau bữa trưa. Tôi bảo hai chị Tilly và Cee là mình cần mua quần áo, quả vậy, có lẽ khi đóng sầm cửa trước rồi bước xuống bậc thềm, tôi vẫn đinh ninh là mình sẽ chỉ đi mua đồ thôi. Nhưng tôi lại lên tàu điện ngầm, ở miết trên đó qua phố Warren, Goodge, rồi quảng trường Leicester.

Ở ngã tư Charing, một phụ nữ có đôi mắt to kiểu Sla-vơ lên tàu với một cái xe đẩy em bé. Đứa nhỏ mặc váy hồng bằng nhung kẻ và quần bó ống răn màu trắng, nó nhìn tôi không chớp mắt. Tôi chăm chăm lại nhìn. Người mẹ cũng nhìn. Cô ấy mong tôi cười, nói nựng hay vẫy tay với đứa bé. Nhưng tôi chỉ đáp lại cái nhìn chòng chọc của con bé và cảm thấy dễ chịu kỳ lạ.

Tôi xuống tàu ở Kennington và đi thang bộ thay vì thang máy. Ở mỗi góc phố đều có khả năng gặp phải anh ấy – giày đen đánh bóng, râu quai nón tỉa tót, cây dù tôi bỏ lại được cầm cách xa quần anh ấy, nên nó nhỏ nước xuống nền. Tôi chẳng gặp ai. Sáu tháng rồi. Lâu hơn ấy chứ. Nếu muốn thì tôi có thể làm cho ra ngô ra khoai, nhưng tôi sẽ không.

Mọi thứ đều quen thuộc đến đau lòng. Tấm bảng trắng ở lối vào ga;

thùng rác đầy những gói khoai giòn rỗng, bao bì đồ ăn mang đi; cái lưới sắt trên cửa sổ cửa hàng tiện lợi; vỉa hè hẹp tương phản với tường gạch cao, rồi con đường Alberta trải dài xuống tận quảng trường Penton – một khối tháp xây dở dang bò lên quá đường chân trời; những tường rào công trường sơn graffiti và tấm bạt xanh dương bay phần phật cuối dãy căn hộ, nơi từng có một toà nhà khác.

Khi đến góc đường Amelia, tóc tôi ướt bết vào da đầu, và không còn chắc mình muốn làm gì nữa. Nhiều khả năng là anh ấy đang ở chỗ làm. Mà ngay cả nếu anh ấy có nhà, tôi cũng khó lòng gõ cửa mà nói: thứ lỗi cho em, Kal, em từ Mông Cổ về rồi, em chỉ đi ngang qua và muốn hỏi xem anh đã có gia đình chưa. Sẵn kể với anh là bố em bị bệnh, em buồn quá chừng. Tôi cúi đầu dấn bước nhanh trên lề bên kia đường, cạnh những khu vườn. Tôi lướt tay dọc những thanh hàng rào và lắng nghe tiếng gió giật kéo lá cây. Nếu nhìn ra ngoài cửa sổ anh sẽ thấy mình. Tôi ưỡn thẳng vai, nâng cằm lên. Con đường khá đẹp: một dãy dài những vòm cửa đỏ uốn cong và khung cửa sổ màu kem gọn ghẽ. Kal sẽ hãnh diện bảo rằng người thời Nữ hoàng Victoria cực biết quan tâm đến chi tiết, cái mớ hổ lốn bọn xây dựng phun ra trong vòng vài tháng kia làm sao được thế. Anh đưa tôi lên sân thượng vào lần đầu tôi ghé thăm. Khi ấy tôi mặc đồ quá ngắn, quá mỏng so với thời tiết khi ấy. Anh đứng sau tôi, vòng tay quanh eo tôi, và chúng tôi xoay 360 độ, từ tháp Big Ben qua điện Crystal, và trở lại. Tôi chỉ những chòm sao: chòm nào chúng tôi thấy được, chòm nào không. Em vui bề ngoài hơn là trong lòng phải không, anh bảo, và tôi nhìn sao trời, nhận ra anh đúng.

Tôi đưa mắt tìm cửa sổ phòng ngủ của chúng tôi. Của anh ấy thì phải hơn. Khóm phong lữ vẫn còn đó, với những cánh hoa đỏ hân hoan. Anh là người luôn biết chăm sóc cây cỏ, cho nên chúng tốt tươi lên thì đâu lạ gì, nhưng tôi lại thất vọng.

Thực ra, những khu vườn giống công viên hơn, thực sự là ai cũng vào được. Chúng tôi chẳng bao giờ dùng đến chúng – chúng tôi ưa mái nhà hơn, nằm trên dốc mái, ngắm nhìn mây trời. Giờ tôi cúi người đi vào vườn, cánh

cổng rít lên báo sự hiện diện của tôi, và men theo lối đi rải sỏi dày cỏ chạy quanh bãi cỏ hình bán nguyệt. Tôi chọn một băng ghế lốm đốm những vệt phân chim và địa y, vết trầy xước trên những thanh gỗ, tay vịn kim loại màu lục. Nếu giờ không phải mùa hè, tôi sẽ nhìn rõ được căn hộ, nhưng tôi lại thích chỗ lối vào khu cầu thang chung hơn. Từ đó tôi có thể thấy ai đi vào và ai rời khỏi.

Chúng tôi hẹn hò được một năm rồi tôi mới dọn đến ở chỗ anh, có suy xét đủ điều, bất kể những gì chị Cee sẽ nói. Tôi biết sống chung là khó khăn nên hai đứa cũng đã bàn bạc với nhau. Sẽ cần có vài điều lệ, anh ấy bảo, tôi không được nhấc điện thoại, có thể vài lúc tôi phải rời nhà đột ngột. Chúng tôi không nói về việc làm thế nào anh gom hết đồ của tôi và nhét vào tủ đồ, làm thế nào cứ mỗi lần trở lại tôi cảm thấy như mình chưa từng sống ở đó từ trước, nhưng tôi mường tượng ra được những việc ấy. Khi tôi dọn ra ngoài ở, chị Tilly là người duy nhất không tỏ ra nhẹ nhõm. Cũng phải thôi, tôi nghĩ, chị cũng chỉ như cái bóng vô hình trong những mối quan hệ của chị.

Tháng trước, chúng tôi trang trí phòng ngủ. Không có gì hấp dẫn. Tường xanh dương nhạt, ván sàn bằng gỗ sồi, một tủ ngăn kéo mới. Tôi ngồi trên băng ghế, cắn móng ngón tay út và hình dung từng chi tiết của căn phòng: những chỗ mẻ trên ván ốp chân tường, tủ bếp âm tường với những bản lề thép trầy xước, cái vệt trên tường chỗ tấm ván đầu giường ép vào. Ngày xưa khi tưới nước khóm phong lữ mỗi sáng Kal mặc áo khoác dài, chân anh thò ra dưới áo như một con chim đang lội. Tôi đoán bây giờ anh vẫn còn làm vậy.

Hắn sẽ lặn sang Ấn Độ và cưới cô nào đó hắn chưa từng gặp, rồi lúc đó em ra làm sao? Cee từng nói vậy, tay chống nạnh. Tôi sẽ đảo mắt, tố chị phân biệt chủng tộc. Và mặc dù không muốn, mỗi lần chị ấy nhắc tới chuyện đó là một phần trong tôi lại rùng mình kinh hãi.

Tôi đứng dậy duỗi hai tay quá đầu. Tôi định bước ngang qua lối cầu thang, nhưng lại đổi ý rẽ vào, bước lên, bởi sao lại không chứ? Có hại gì. Tôi

lướt ngón tay dọc những bức tường ốp. Đôi chân tôi để lại những dấu ướt át trên nền bê-tông, nhưng anh sẽ không để ý. Có một tấm thảm mới ngoài cửa của anh, sọc cầu vồng nhã nhặn. Anh chẳng bao giờ tự mình mua thảm cửa. Nhưng cái nhãn tôi làm – *Vui lòng không phát thư quảng cáo* – vẫn còn dán vào hộp thư, dòng chữ xanh dương viết bằng bút dạ bắt đầu phai. Chắc chắn là cô bạn gái mới hoặc người vợ nào cũng sẽ gỡ nó xuống. Không có chuông cửa, chỉ một cái vòng gõ cửa bằng đồng rẻ tiền được dập hình tựa con cáo. Tôi với tay gõ đầu nó rồi xoay đi và chạy xuống cầu thang ra đường trước khi kịp làm điều gì ngốc nghếch.

6.

Mười thứ tôi có

Một cuộn chỉ tròn xoay đủ màu.

Một con dao nhíp nhỏ, lưỡi đã gần cùn.

Nhẫn cưới của mẹ tôi - tôi xỏ nó vào dây chuyền đeo trên cổ.

Một cái áo khoác chống thấm.

Một cái quần nhung kẻ màu nâu, hơi ngắn quá.

Một áo sơ-mi xanh dương nhạt.

Một đôi giày da nâu gần vừa chân. Đế chiếc bên trái thủng một lỗ.

Mười một bảng, ba mươi sáu xu.

Một cái túi nhựa trắng.

Một bức tranh tôi vẽ người ấy nhiều năm về trước.

Trong những ngày như hôm nay bố cần phải di chuyển liên tục. Bố băng sang bờ kia bán đảo, qua những khối chung cư có ban công sơn màu sáng, qua những con đường thênh thang trống vắng, qua dãy biển quảng cáo bất tận, đến tận nơi khói phụt từ những cái máy kết quyện lại và không khí đắng nghét mùi đường cháy. Bố muốn đưa con đến đây. Ta có thể ngồi tâm tình với nhau trong một trong những cái ống bê tông phủ sơn graffiti này. Có lẽ bố sẽ kể với con hồi bố mười tuổi, bố tìm thấy chai sơn xịt màu cam còn vừa đủ sơn để vẽ những chữ cái đầu tên mình lên bức tường trong công viên gần nhà. *D.W.* Chữ W móc vào trong chữ D. Nó ở nguyên đó nhiều tháng, mỗi lần bố đi ngang lại thấy xao xuyến.

• • •

Bố lo cho con. Bố lo con chẳng an vui, bố lo con đói khát, bố lo con đau bệnh. Bố lo con chẳng ở trong thành phố này. Bố lo con ở đây nhưng lại không thích. Bố lo rằng con đã chết.

• • •

Bố bước tiếp vào nội khu Greenwich, tìm thấy một cái khăn choàng màu hoa tử đinh hương kẹt dưới hàng rào gần Cao đẳng Hải quân Hoàng gia. Khi vuốt phẳng nó ra, bố thấy giữa khăn bị có đường chạy chỉ. Ở khu quảng trường nhộn nhịp gần Cutty Sark, bố nhặt được thêm chốt cài hoa tai bằng bạc. Rồi có một gã bỏ nửa miếng bánh kẹp ăn dở vào một thùng màu đen. Bò với hành tây. Vẫn còn âm ấm. Khi cắn miếng bánh, bố cố không nghĩ tới cảnh mẹ mình đỏ ửng mặt trong bếp, nhìn trân trối vào cái bánh chưa bao

giờ như ý, bất kể bà thử làm đi làm lại bao nhiêu lần chăng nữa.

Ở góc ngã tư đường Evelyn với đường New King, bố tìm được một sợi dây giày xám nham nhở, một đầu dây vẫn nén chặt trong mẩu nhựa bọc. Nó làm bố nhớ thời đi học mặc quần ngắn, bắp chân bị lạnh.

Ở Roterhithe, bố bước dọc con đường dài yên ắng uốn theo dòng sông. Những toà nhà bên phải có tầm nhìn ra sông day lưng về con đường. Phía đối diện có cờ thánh George và những tấm khăn nhỏ vắt trên cửa sổ. Có lẽ con ở sát bờ sông. Bố tưởng tượng con kiếm được công việc buộc phải mặc com-lê khi đến sở làm. Bố gắng hình dung ra con, cũng thấp bé giống người ấy, cũng tóc đỏ, gót giày gõ bước trên vỉa hè. Một cái váy vừa vặn, áo cotton tinh tươm những nếp là khéo. Hình ảnh của con chập chờn rồi mờ đi, bố chẳng thể thấy mặt con.

Bố không nhớ lần mua bộ com-lê sau cùng là khi nào nữa, nhưng vẫn có thể mường tượng vẻ to lớn của nó khi treo trên cái móc nhựa trên thanh treo đồ trong góc phòng mình. Bố nhớ cảm giác áo ôm quanh vai, nhớ, sức nặng của áo khoác, và dây thắt lưng bố đã phải bắt đầu dùng để giữ cho quần khỏi tụt. Bố nhớ lúc cắt bỏ bộ đó. Nếu khi ấy kéo bén hơn, hẳn bố càng hả dạ.

Dưới băng ghế trong một quảng trường nhỏ xíu lát đá cuội, ánh sáng lẻn qua kẽ lá chờn vờn trên da, bố thấy một cái kẹp tóc màu vàng kim của trẻ con. Cái đó gọi như vậy phải không nhỉ? Kẹp tóc? Thi thoảng, bố lo mình rồi sẽ quên mất tên gọi của quá nhiều thứ. Bố ngẫm nghĩ xem có nên tạo một chuỗi từ để mà lặp đi lặp lại trong đầu cho khỏi quên không. Bố không làm thế vì sợ con quay mặt tránh một ông già điên cứ lải nhải những lời vô nghĩa một mình. Như thế thì còn tệ hơn chuyện quên từ ngữ.

Đôi khi, cầm nắm một vật gì đó khiến tay ta trông như tay người lạ. Cái kẹp tóc ấy mà, rồi con sẽ thấy thôi, hai thanh kẹp của nó thực ra là một mẩu kim loại gập lại, chỗ gập đính một cái hoa bé tí với năm cánh vàng kim, nhụy bằng nhựa màu đỏ. Bố nhón lấy nó bằng ngón trỏ và ngón cái, nhận

ra làn da mình sờn cũ, già nua và chai sạn nhường nào. Bố nhận ra bụi cáu vào những kẽ tay. Móng tay thì dày cộp, vàng úa, da quanh móng bị gặm tưa ra đau rát - một thói quen từ thời thơ ấu.

Giá mà cái khăn màu vàng kim còn kẹp tóc màu hoa tử đinh hương thì hay quá nhưng đâu thể mong lúc nào cũng được như ý. Bố đặt chúng trên gờ vỉa hè, góc đường Mill. Bố trải phẳng cái khăn choàng, cuộn sợi dây giày thành vòng tròn, rồi đặt cái chốt cài hoa tai cùng cái kẹp tóc vào giữa.

• • •

Chắc con không biết, bố làm thế này cũng một dạo rồi. Không lâu bằng tuổi đời của con đâu, quả có thế. Có một thời gian dài, nói thật ra là gần như suốt cuộc đời con, bố gói hết những gì bố biết về con, khoá chặt cùng những thứ còn lại mà vì nhiều nguyên cớ, bố đã quyết quên đi mà sống. Bố tưởng tượng trong đầu mình có một hầm mộ, một mê cung với những hành lang tối tăm, ký ức phân rã trong tầng tầng lớp lớp những bình tro cốt bằng đá niêm kín mít.

Lần đầu bố biết về con là lúc bố hai mươi bảy tuổi. Có thể chuyện đã thành ra tốt đẹp hơn, bố muốn vậy chứ, nhưng mẹ con kiên quyết lắm, bố không biết nói sao cho mẹ con đổi ý. Thế là bố bỏ London, thất thểu đi Leeds, gắng giả vờ mình chưa bao giờ yêu mẹ con cả. Bố làm tài xế xe phát bưu phẩm. Bố dạo bước quanh thành phố, nghĩ về đá vôi với gạch. Có đêm bố còn ngủ trên băng ghế trong công viên Roundhay, chẳng ai phiền. Bố gặp một nhóm hoạ sĩ vừa tốt nghiệp. Cả nhóm hút cần sa, thức cả đêm. Bố kết thân với một người trong số họ: Melissa, tóc ngắn hơn tóc bố, mỗi tai bấm một hàng bông tai bé tí. Cuộc tình ấy không có hậu. Trọn thời gian mà con lớn lên, bố phải làm việc cật lực để khỏi nghĩ ngợi về vụ đó.

Rồi tới vụ bung bét ông nội con gây ra. Mùa đông đó bố sống ở Preston.

Đường sá ướt nhem. Cây cối trơ trụi. Bà nội con cứ ngậm thin thít, đến nỗi bố nghĩ bà sẽ nghiến nát hết cả răng mất. Sau đận ấy bố đâm ra lạc lối.

• • •

Mà thôi đừng nghe bố càu nhàu làm chi. Bố không được làm con chán. Bố từng gặp một người theo đạo Phật. Ông ấy nhắm mắt ngồi thiền trên bục cỏ tam giác chỗ đường Stamford giao với đường Blackfriar. Ông bảo bố, chính là đây. Tại đây, lúc này, anh và tôi, những dòng xe này: đây chính là hiện hữu. Đây là thời khắc duy nhất, nơi chốn duy nhất ta phải tạo những thay đổi cần thiết trong đời. Bố muốn nói là bố chấp nhận ý tưởng đó. Nhưng bố không. Khung cảnh đó còn trở lại trong đầu bố - những đốm đồi mồi trên cái đầu trọc, ánh xanh dương nhợt nhạt trong mắt ông như màu biển phản chiếu những đám mây đầy ứ nước mưa. Tại đây, lúc này. Tất cả là đây.

• • •

Cầu Tower bị tách làm hai, nhổng lên trời. Những chiếc ô tô nối đuôi nhau lùi trở lại đường Druid. Tài xế nóng ruột gõ vào tay lái. Khách du lịch nhìn nhau hân hoan, họ chụp ảnh bạn bè đang chỉ tay vào mạn con tàu trắng đồ sộ và cây cầu gãy kì lạ. Bố bắt được một làn khói thuốc toả ra từ trong một chiếc xe hơi. Bố hỏi xin, người đàn ông ngần ngừ đưa cho bố một điếu, mắt thoáng hiện tia sợ hãi. Hắn châm lửa trước khi đưa bố. Bố hít lấy màu xám nguội. Bố thấy thuốc lá làm dịu người. Cũng hại lắm, bà bác sĩ bảo vậy. Bố nhún vai, đáp không chết vì cái này cũng vì cái khác thôi. Đúng mà, ngoại trừ chuyện bố chưa sẵn sàng ra đi.

Cây cầu hạ xuống khớp thành đường thẳng. Một đám người đi mô-tô tụ gần thanh chắn rồ máy. Thành phố lại bò về trạng thái hoạt động.

Sau khi bỏ việc ở phòng tranh, Bố bắt đầu lái taxi. Không phải loại đặc biệt được tự do đậu hay chạy rà tìm khách không đặt trước qua tổng đài đâu (black cab). Xe của bố có ghế ngồi cũ kĩ màu xanh dương, cái lẫy khoá cốp sau thì hay phản chủ. Trên bảng đồng hồ có lắp máy bộ đàm, dây nối xoắn lại như cáp điện thoại. Một giọng nói không rõ mặt người liến thoắng báo chỗ rước và nơi đến của khách.

Bố chạy ban đêm. Đường sá thoáng hẳn, tiền kiếm khá hơn, nhưng phần đông hành khách cũng dở người dở ngợm hơn. Bố đi tìm con, sục sạo khắp thành phố, xa thì Heathrow, tới tận Golders Green, ngang qua Westway; từng phút từng giây đều căng mắt mà tìm. Bố quan sát khách ngồi sau xe, những mảng gương mặt của họ phản chiếu trong kính hậu. Những câu chuyện của họ an ủi bố: nào là bạn học thất lạc đã lâu lại ngồi cùng toa xe điện ngầm, nào là đồng nghiệp trước đây tái ngộ ở quán ăn ngoại ô. Hành khách bảo rằng London là một thành phố đầy ngạc nhiên: cư dân đông hàng triệu vậy mà người quen cứ bổ sầm vào nhau.

Bố chờ đến khi đám đông hai đầu cầu tan hẳn. Đi được nửa cầu, bố dừng lại, tựa người vào lan can, chúc đầu xuống dòng nước. Nói rằng bố chưa từng nghĩ đến chuyện tự vẫn là dối lòng: bước khỏi vỉa hè đâm vào xe tải, nằm trần truồng trong tuyết giá, ngồi chênh vênh giây lát trên thành cầu, thâu thế giới vào mình lần cuối trước khi buông xuôi. Nhưng ý nghĩ về con luôn hiện diện.

Bố nhìn dòng nước lững lờ trôi qua bên dưới. Có lần ông nội con đưa bố đi câu cá. Bố không nói chắc được là câu ở đâu, hồi nào. Chỉ nhớ là nắng gắt tới mức gò má bỏng rát, bố vẫn chưa cao hơn ông, hai bố con ăn bánh sandwich kẹp cá mòi hiệu Tupperware lon màu vàng, bố câu được mỗi một con cá bé tẹo so với năm con của ông, và đó là lần duy nhất ông giả bộ không thất vọng về bố.

Bên đại lộ Whitechapel, có mấy người đang tháo tấm che các quầy hàng ráp bằng những tấm kim loại. Họ xếp tư những tấm phủ màu trắng và xanh, chất đống thùng móp méo vào mấy chiếc xe tải trắng đậu nửa trong nửa ngoài vỉa hè, đèn báo dừng nhấp nháy màu cam. Bố nhặt một trái táo với hai trái chuối thâm. Bố tìm được một cái găng tay, đường khâu giữa ngón trỏ với ngón cái đã tưa. Một cây viết màu bạc rơi ngoài thư viện. Bố tách một miếng vỏ nâu hạt dẻ khỏi thân cây. Nửa cái bìa thư bị xé, chữ đề màu đen trên nền giấy nâu sẫm.

Bố băng ngang đường Vallance, chỗ gần toà nhà bê tông màu nâu phủ bạt màu xanh lục, rồi vào công viên. Ở khoảng sân hình tròn giữa công viên, bố chọn một băng ghế trông ra đường Derbyshire, xa hơn là đường Bethnal Green, xa hơn nữa là khu Hackney và con kênh. Bố đặt găng tay xuống ghế, lấy cây viết dằn bìa thư, bẻ miếng vỏ cây làm hai rồi đặt lên miếng da xanh lục. Bố ngồi cạnh nó.

Bố sẽ mua cho con một tách trà, ở quán nào đó có ly tách đẹp và chén đường bày trên bàn, bố con mình ngồi đối diện nhau, rồi bố sẽ kể hết cho con nghe.

• • •

Tới lúc phải đi rồi. Bố để cái găng tay lại trên băng, thả bước về khu Hackney. Ở lối vào công viên London Fields, cuối dãy cửa hiệu, con đường phình rộng ra như cửa sông, có một khoảng vuông vỉa hè cạnh bức tường thấp với hai băng ghế gỗ. Gần mấy cái ghế có ba cây: hai cây nhỏ thân mảnh mai và một cây tiêu huyền thân to, cành lá um tùm. Trên một trong hai cây nhỏ, chỗ chạc cây chia thân cây ra làm hai, bố thấy một bức tượng phật bằng đất nung cao chừng hai mươi lăm phân. Trên cây tiêu huyền, giữa cành lá bố thoáng thấy một cái đồng hồ đã hết pin. Bố biết vậy vì đứng nhìn

mãi mà kim không nhảy. Bố áng áng nó chạy sớm chừng năm tiếng, hoặc trễ chừng bảy tiếng. Bố tưởng tượng con đi qua nơi này vào chính lúc mà nó chỉ đúng giờ.

Tôi ngồi trên một trong hai băng ghế, nhìn cái đồng hồ, tự hỏi có ai như mình, để lại những thông điệp khắp thành phố, hi vọng ai đó sẽ hiểu ra. Tôi tư lự không hiểu cái đồng hồ cùng bức tượng phật màu cam có cặp má căng tròn là nghĩa làm sao. Khi đứng dậy, tôi tìm được mảnh vỏ sò giữa những thứ linh tinh khác trên nền đất dưới băng ghế. Tôi rà ngón tay lên lòng vỏ tuyệt đẹp, trắng ngọc ngà. Sau đó việc tìm những thứ có màu phù hợp khác dễ dàng thôi - một túi nhựa ánh xanh, một cái bật lửa màu lục, một chiếc vớ trẻ con màu kem dính bụi, một đoạn dây điện xám than, một cái cột tóc nâu hạt dẻ.

Tôi hình dung cảnh bố mình đứng bên cửa sổ căn phòng ông dùng làm phòng làm việc khi xưa, cứ như ông là một nhà quý tộc có hẳn một cái thư viện, tiếc là cái cửa sổ bằng nhựa PVC rẻ tiền làm lộ tẩy là không phải thế. Ông nói, “Tao đúng là bó tay với mày đấy, Daniel.” Khi ấy tôi hai mươi hai tuổi, lại vừa mất việc. “Mày phải lo tạo sự nghiệp nuôi thân chứ Daniel,” ông cằn nhằn cử nhử. “Mày phải có nền tảng vững vàng. Mày phải đủ sức nuôi thân, nuôi gia đình.” Ông đạo đức giả hết sức, tôi nói câu đó với mẹ khi bà nhìn thấy ông ói ra đầy thảm cũng chính trong căn phòng ấy, da thì trắng bệch ra như đống hoá đơn trên bàn. Bà nhìn tôi như thể tôi vừa tát bà.

Những đám mây tích nước trở nên nặng nề. Mây ném bóng râm xuống những nẻo đường. Tôi ngửi được mùi mưa. Tối nay ở nhà tạm trú Thiên Sứ có chỗ ngủ, tôi nên xoay xở tới đó trước khi mưa nặng hạt. Tôi xé một vuông nhỏ từ cái túi nhựa, dẫm cái bật lửa cho nát ra rồi chọn một mảnh vỡ tam giác màu xanh lục. Tôi rút một đoạn len từ cái vớ, quấn chặt đoạn dây điện thành cuộn, rồi cột cái cột tóc nhiều lần tới khi nó thành một viên tròn căng màu nâu. Mỗi màu nằm gọn ghẽ trong lòng vỏ sò trắng ngọc. Tôi trở lại khoảnh vuông vỉa hè ở cuối đường, tới chỗ cái cây thứ ba có thân

tách làm hai. Tôi đặt cái vỏ sò đựng các thứ cho cân giữa hai nhánh, khép lại một khoảng không gian bé tẹo hình tam giác. Nó sẽ hứng nước khi mưa xuống. Có lẽ khi đi bộ về nhà ngang đây, con sẽ nhìn lên và thấy nó.

7.

Mười lý do tôi ghét chị (Cee)

Gạch ốp phòng tắm của chị có hình cá heo.

Nếu chị tham dự chương trình Tôi mang theo đĩa nhạc nào khi lạc trên hoang đảo, chị sẽ chọn bản I want to know what love is của nhóm Foreigner làm bài nhạc không thể thiếu.

Tên mấy đứa con trai của chị có cùng chữ cái đầu.

Khi xưa tôi hỏi chị về mẹ, chị nhìn tôi vừa thương hại vừa tự mãn kinh khủng, rốt cuộc tôi chẳng nghe nổi chị kể cái gì.

Chị mua trứng về, lấy ra khỏi khay, rồi bỏ chúng vào trong một cái tô sứ hình con gà trên nóc tủ lạnh.

Khi xưa chị từng dọa tôi là nhà có ma.

Chị làm tôi cảm thấy mình làm sai gì đó.

Chị đọc tờ lá cải Daily Mail. Thế nên cũng dễ hiểu chị nghĩ gì về chuyện tôi với anh Kal.

Chị nghĩ tôi là đứa dở hơi.

. Mà nói tôi ghét chị có lẽ cũng hơi quá. Tôi nhớ chị đọc truyện cho tôi nghe những lúc tôi bị cảm lạnh hay đau bụng. Chị chịu khó nhại đủ giọng, làm mặt hề để chọc tôi cười.

Có tiếng chuông điện thánh thót vang lên, ít chói hơn tiếng chuông gọi người giúp của bố, nhưng dù sao nghe tiếng là tôi đi ra cửa. Đi nửa đường ra sảnh tôi mới nhận ra bố đang reng chuông từ trên lầu. Tim đập thình thịch, tôi lao đi. Khi vào tới phòng, tôi thấy ông đang mở mắt, ngồi tựa vào đầu giường, gối chêm sau lưng.

"À, Alice," ông thốt lên, như thể không mong đợi người chạy lên là tôi.

"Sao vậy bố?"

"Chà, bố chưa... ngỏm đâu." Ông gượng cười. "Bố muốn... nói chuyện... với Matilda và Cecilia."

"Con làm được mà." Ông nhìn tôi như nhìn một đứa trẻ nhóc không hiểu chuyện. "Nói con biết bố cần gì đi, con làm cho."

Ông lắc đầu. "Bố chỉ... cần nói vài chuyện với các chị của con."

"Chị Tilly đang ở siêu thị." Bà chị cả của tôi đã nấu nướng ê hề các thứ. Tủ lạnh chất đầy đồ hộp Tupperware, nào là súp, thịt nêm ớt, trứng tráng thịt, cơm Ý, mấy cái khay nướng cũ rệu đầy tú ụ bánh qui, bánh qui bơ chanh, bánh nướng xốp. Đâu cần phải mua gì nữa, nhưng khi tôi nói vậy, chị buồn xo, nên tôi để chị tùy ý. "Còn chị Cee đang ở chỗ làm. Chị sẽ qua sau," tôi nói.

"Thôi được rồi... để... sau vậy."

Tôi đứng cạnh cái trường kỷ hẹp, lớp vải bọc đã sờn có hoạ tiết bông hồng. "Bố, con không hiểu."

Ông lắc đầu lần nữa. Tuyển tập thơ Seamus Heaney nằm chếch trên bàn cạnh giường. Tôi đọc những bài tôi thích cho ông nghe: *Bán đảo, Lời người đi câu nói với cá hồi, Đất lầy*[1]. Bố không thích thơ mấy nên có lẽ nghe không hợp, dù vậy ông không phản đối.

"Bố muốn con đọc bố nghe không?"

"Bố thèm... hút... một điếu," ông nói.

“Bố à.”

“Con y hệt mấy đứa chị. Lúc nào... cũng... xét nét.” Không phải thế. Tôi ngồi yên.

“Giờ hút thì... có sao... đâu nào?” ông bảo. Tôi về phòng mình lấy thuốc lá.

“Mở cửa... thì tốt hơn,” ông nói. “Không thì... có chuyện đó.” Ông nhếch cười, nhưng tôi cười đáp lại không nổi.

Tôi châm một điếu cho ông, lấy cái gạt tàn qua từ trên bàn cạnh trường kỷ. Ông rít một hơi run run, rồi ho. Tôi ngồi nhìn ông, xoay chiếc nhẫn ngón giữa vòng vòng. Ông bắt gặp ánh nhìn của tôi.

• • •

“Để bố... hút cho đã, Alice. Làm một điếu... với bố đi.”

Tôi nhớ những đợt chị Cee bắt ông bỏ thuốc. Chị cắt những bài báo có hình cặp phổi nám đen. Chị thút thít cạnh bàn ăn. Chị cuỗm thuốc lá của ông, cắt tan nát. Có lẽ đó là lý do tôi tập hút - để làm thân với ông. Tôi lắc một điếu ra khỏi gói, châm hút.

Ông hút nửa điếu rồi bỏ vào gạt tàn. Tôi dụi tắt giúp ông, rít một hơi nữa rồi cũng dụi đi.

“Con dự tính... làm... gì?” ông hỏi.

“Làm gì là làm gì ạ?”

“Thì công chuyện. Con quay lại...Malaysia à?”

“Mông Cổ chứ. Con không biết nữa. Con sẽ quyết định khi...” tôi ấn ngón tay lên môi. “Bố ơi, bố không biết mình bị bệnh hay sao? Ý con là phải lâu lắm nó mới tới mức này, phải không?”

“Đừng cắn... móng tay, Alice à.”

Tôi luồn đôi tay xuống dưới chân, "bố là bác sĩ mà."

"Bố cần... nằm nghỉ..." Ông gượng người dưới chăn, cố đặt mình xuống.

"Khoan, để con đỡ bố."

Ông mỏng manh, nhẹ tênh như một đứa trẻ. Tôi choàng tay quanh ngực rồi đỡ lưng ông xuống. Chẳng phải tốn sức gì hết. Tôi ngồi lại cạnh giường, nhìn đăm đăm vào hình vẽ cái đe bằng mực viết trên mặt bìa tập thơ. Tôi lắng tìm tiếng chim hót, nhưng chẳng có, chỉ có tiếng bố thở thật khó nhọc.

"Bố nhớ mấy viên kẹo chuột bạc hà hồi đó bố mua cho con không?" Tôi hỏi. "Lâu lắm rồi con không ăn viên nào."

Ông nắm tay tôi. Tôi để ý nhìn ngón tay cái vàng vọt của ông gõ lên kẽ ngón cái với ngón trỏ của mình.

"Bố dặn dò con chuyện gì?" Tôi hỏi. Ngón tay ông ngừng gõ.

"Để bố nói với Cee và Tilly sau."

"Con... làm bố... nhớ mẹ của con," ông nói.

Ông rất hiếm khi đả động tới mẹ. Tôi không biết nói gì.

"Mái tóc... con... hai chị của con cứ... ganh tị suốt," ông tiếp.

Hồi tôi mười bảy tuổi, dịp trường cho nghỉ, tôi cạo đầu trọc lốc. Tôi đứng trong phòng tắm, bồn rửa đầy óng những lọn tóc nâu vàng, tôi chăm chú nhìn da đầu xanh xanh và hình dáng hộp sọ lạ lẫm trong gương. Tôi tự nhủ, thế này cho họ biết tay. Tôi không thể nhớ chính xác mình khi đó làm thế để chứng tỏ cái gì. Chỉ có bố với tôi ở nhà, rồi tôi xuống ăn tối, chực cãi một trận. Ông chỉ hơi nhướng mày nhìn tôi rồi làm như chẳng có gì xảy ra.

"Mẹ là người thế nào?" Tôi hỏi, cố làm ra điệu không quá thiết tha.

Ông nhìn lên trần nhà. Không biết ông nghe thấy câu hỏi không. Mẹ chết lúc tôi bốn tuổi. Theo lý thì khi ấy mẹ lái xe đến rước tôi sau khi tan lớp ba-lê. Tôi nhớ mình đứng chờ trong sảnh nhà thờ, cầm cái cặp màu hồng - mặt trước cặp thêu hình nữ diễn viên ba-lê, nghe tiếng nhạc và tiếng bàn chân các bạn gái tập trên sàn gỗ lớp kế bên. Rồi mọi thứ mờ đi, trừ

gương mặt bố tái nhợt, sợ hãi - ông nhìn tôi cứ như không biết tôi là ai.

Con bé tập ba-lê chung tên Ella Summers nói với tôi là mẹ bị chôn xuống đất với giòi trong một cái thùng đen ngòm đóng đinh, và tôi sẽ không bao giờ gặp mẹ được nữa. Tôi khóc ầm lên, bịt chặt tai lại, nói với Ella Summers là tôi ghét nó, nhưng tôi biết là nó nói thật, vì vẻ ngạo nghễ trong mắt nó tan đi. Mấy tuần sau đó tôi cứ bị ác mộng. Hai chị Tilly và Cee thay phiên bồng tôi vào giường các chị, ôm lấy thân thể run rẩy, thì thào lời dỗ dành bên mái đầu ướt đẫm mồ hôi của tôi, cho tới khi tôi lại lịm vào giấc ngủ. Suỵt, đừng làm bố buồn. Suỵt, mẹ không sao đâu. Không phải tại em đâu, không ai nghĩ là tại em cả.

"Bố ơi? Con hỏi bố về mẹ kìa."

"Khó tính," ông đáp. "Mẹ con... khó tính." Giống tôi.

"Có lẽ... bố có điều... không phải." Ông nhăn mặt, "bố có hứa... với mẹ con là... thương con... y như trước...Alice à." Đôi mắt ông chợt nhắm lại, miệng trễ ra. Tôi đâm hoảng. Làm sao mà biết được là... Rồi tôi thấy tấm ga nhô lên một tí, xong lại sụp xuống. Tôi muốn lay ông dậy. Tôi đặt tay mình lên vai ông, nhưng ông gầy gò, bải hoải như thế, tôi không nỡ. Tôi ngồi nán chút nữa, rồi đóng cửa sổ, gom cái gạt tàn với hai điếu thuốc hút dở, xong ra khỏi phòng.

• • •

Nhà bố tôi không phải nhỏ, có nhiều phòng để mà tha thẩn và về ở hẳn. Nhưng hình như tôi không ở yên một chỗ được. Tôi cầm tờ báo của chị Tilly lên, lật lật, rồi đặt xuống. Tôi bắt đầu rửa chén, được nửa chừng thì đâm chán. Cô Margaret vừa tới là tôi quơ chùm chìa khoá của bố, mang đôi dép xỏ ngón vào, nguệch vội vài dòng cho chị Tilly. Lúc chờ băng qua đường East Heath, tôi nghĩ nghĩ hay là giơ tay vẫy chiếc taxi kế tiếp. Chạy thẳng

tới sân bay Heathrow, tìm một quầy vé, nhờ người bán vé chọn cho một điểm đến. Tôi tưởng tượng khung cảnh tấp nập ở sân bay, thời gian chờ chuyến, rồi xuống thang máy bay, đi vào mùi hương của một đất nước mới, niềm phấn khích dâng lên trong lòng. Hộ chiếu của mình để ở nhà rồi, tôi tự nhủ. Bố mình đang bệnh. Tôi băng qua đường, qua bãi đậu xe vào công viên Heath. Tôi bước đi dọc lối giữa hai cái hồ, rồi hướng về rặng cây. Một ông già mặc áo khoác chống thấm màu đỏ, mang ủng da đi trước tôi. Tôi rẽ phải, men theo một lối hẹp không rải nhựa bởi nhìn ông tôi không chịu nổi. Tôi bỏ đôi dép ra, nghe những viên đá mi đâm vào da mình. Vậy lại tốt hơn khóc lóc. Tôi rảo bước, chân sấn sổ trên mặt đất.

Trên đỉnh đồi Nghị Viện (Parliment Hill), ba phụ nữ mặc quần áo tập đứng gần bảng chỉ hướng. Một người đàn ông mặc đồ đen đang xếp cất một con diều rất to màu cam. Một anh chàng khác mái tóc bờm xờm, nằm trên cỏ dùng tay che mắt cho khỏi nắng. Có chừng tám người nữa, vài con chó ngửi nhau, một đứa bé mặc bộ áo liền quần xanh lục được giữ trong xe nôi. Tôi ngồi xuống một trong những cái ghế băng đậu trên sườn dốc thu cả thành phố vào tầm mắt, co chân lên ngực, nhìn London. Hàng triệu ô kính cửa sổ phản chiếu ánh mặt trời. Tôi nhận ra chỗ nhà thờ Thánh Paul, toà nhà Gherkin, khu Canary Wharf. Khi đi du lịch, tôi luôn nói mình là dân London, nhưng chưa bao giờ thực sự cảm thấy như vậy.

Tôi đưa anh Kal ra đây sau bữa cơm trưa Chủ nhật đầu tiên về ở cùng nhau. Chúng tôi ngồi đây, có lẽ ngay trên cái ghế này, cố tìm căn hộ của anh giữa những toà nhà trùng điệp. “Nhà em coi bộ dễ chịu mà, anh không hiểu sao em lo dữ vậy,” anh nói. Tôi không đáp rằng em lo vì chị Cee nghĩ anh là một tên khủng bố, vì bố em cứ nghĩ anh sẽ tống em tới Ấn Độ rồi nhốt em trong nhà bếp, bởi họ đều không hiểu chuyện mình. Tôi chỉ nhún vai cười, rồi nói tôi mong được gặp nhà anh. Tới lúc ấy, tôi vẫn chưa hình dung được cuộc tình rồi sẽ đến đâu.

Tôi lấy điện thoại ra khỏi túi, cuộn xuống tìm Kal - số di động, số ở chỗ làm, số nhà anh. Có một cái điện thoại ở hành lang trong căn hộ của anh.

Tôi tưởng tượng nó reng lên, rồi một phụ nữ chân trần bước lại. Anh từng sơn móng chân cho tôi, mỗi móng một màu. Có lẽ bây giờ chưa muộn. Có lẽ hai đứa còn tìm được cách gì đó.

Tôi giữ ngón tay trên nút gọi và trông ra London, nhưng tôi không bấm. Cuộc tình này với tôi đã chấm dứt, còn gì nữa đâu mà tơ tưởng. Tôi biết vậy.

• • •

Khi tôi về tới, nhà thơm mùi hành tây, cà chua, thịt bò. Món spaghetti bolognese. Bố thích món spaghetti bolognese của chị Tilly. Tôi thấy chảo mì và chảo nước sốt trên bàn bếp, nhưng không thấy hai bà chị đâu. Tôi tưởng ba người tụ lại nói chuyện trên lầu, nhưng lúc tôi lên tới thì chỉ có bố với chị Tilly. Cửa mở. Chị Tilly đang ngồi trên ghế cạnh giường ông, đĩa spaghetti trên đùi.

• • •

"Một chút thôi mà bố? Con xắt mọi thứ nhỏ hết sức cho bố đó," chị nói. Ông lắc đầu.

"Nhưng bố thích món này mà, không phải sao?"

Mắt bố liếc nhìn tôi và chị Tilly xoay lại. Gương mặt hai người có vẻ tội lỗi sao đó.

"Bố không chịu ăn," chị Tilly nói. "Bố gầy nhom à."

"Đừng nhặng nào, Matilda." Ông ho nghe cành cạch, tiếng ho khiến tim tôi đau nhói.

"Chị Cee đâu rồi?" Tôi hỏi.

"Nó về nhà rồi. Nó mang qua cái này." Tilly giơ ra một chai nhỏ có đầu xịt. "Nước miếng nhân tạo đó."

Tôi khoanh tay lại. "Bố nói chuyện bố muốn bàn với hai chị rồi chứ, bố?"

"Alice, chân cẳng em sao vậy?" Tilly hỏi.

Tôi nhìn xuống. Đôi bàn chân lấm đất, có lẽ cả vết máu khô, khó mà phân biệt được.

"Giày đâu em không mang?" chị lại hỏi.

Bố nhìn như thấu hết tâm can tôi. Tôi lại thấy mình mới lên năm.

"Dưới lầu có nhiều đồ ăn lắm," chị Tilly nói. "Em xuống ăn chút đi nhé? Một phút nữa chị xuống liền." Khi tôi đi khỏi chị nói với theo, "Chắc em hâm lại chút."

Tôi vào phòng tắm, khoá cửa rồi xả nước nóng vào bồn rửa. Nước sậm đen khi tôi dùng bàn tay chà nhẹ chân phải. Tôi phải gắng gượng ngăn mình khóc. Không phải tại đau. Nào có đau gì. Tôi rửa bàn chân trái trong chậu nước mới xả, rồi đi chân ướt xuống lầu.

Mì spaghetti đã vón lại. Tôi lấy một ít vào tô, múc nước sốt chan lên. Chị Tilly xuống tới. Chị đùa phần ăn dở của bố vào thùng rác, liếc nhìn đôi chân trần của tôi.

"Trông chị bết quá," tôi nói.

"Bố không chịu ăn gì cả."

"Em không chắc bố ăn nổi. Kìa chị Tilly, em chưa hâm nước sốt." Chị nhún vai, lấy đồ ăn rồi ngồi đối diện tôi.

"Bố nói gì với chị vậy?" Tôi hỏi.

"Nói là bố không đói, muốn hút điếu thuốc hơn, chị cứ cằn nhằn hoài." Vừa nói, chị Tilly vừa nghiêng đầu qua lại.

"Ý em là trước đó kìa. Bố có chuyện cần bàn cùng chị với chị Cee."

Tôi để ý thấy chị cố làm ra bộ bình thản.

“Chuyện gì mà bố phải nói với chị, chứ không nói được với em?”

Chị Tilly xoắn xoắn nĩa vào mì. “Đâu có gì.” “Đừng có lừa em. Chị thì lừa được ai, Tilly.” Mắt chị trừng lên, chị sờ sờ cái mũi.

“Sao mấy người lúc nào cũng kín như bưng vậy?” Tôi nghe được tiếng mình nhòe đi như tiếng con nít.

“Nói vậy nghe không phải đâu, Alice à.”

“Chuyện di chúc của bố à? Em cóc quan tâm chuyện di chúc. Mà phải cái đó không?” Tôi rứt mẩu xước măng rô đầu ngón cái.

“Không có gì quan trọng cả.” Chị Tilly nhìn tôi, cũng cái ánh xót xa trong mắt bố mà tôi từng thấy. Tôi muốn hét lên. “Bố già rồi mà, Alice, bố...” Chị bóp mấy đầu ngón tay lại. “Bố đang hấp hối, em ơi. Lúc em ra ngoài thì bác sĩ tới. Ông nói chẳng còn bao lâu nữa. Có thể bất kỳ...”

“Thế này chắc em điên quá.”

“Alice ơi, Alice.” Chị Tilly vỗ lên tay tôi. Tôi phớt lờ như không. “Bố thương em mà, Alice,” chị nói.

Tôi muốn có anh Kal. Tôi muốn anh xoa bóp gan bàn chân và sơn móng cho tôi. Tôi muốn anh lấy cho tôi chai bia trong tủ lạnh, rồi kể tôi nghe ngày của anh. Tôi thèm vòng tay ôm cổ anh, nương tựa.

8.

Mười lý do tôi ghét bố mình

Dối trá.

Cờ bạc.

Buông xuôi.

Làm mẹ tôi đau khổ.

Đẻ ra tôi.

Tôi thừa hưởng cái mũi của ông.

Ông là vừa là kẻ bắt nạt, vừa là kẻ đớn hèn.

Có những buổi sáng tôi thức dậy và thấy mọi chuyện đều tại mình cả.

Cái kiểu lên lớp nào là phải gây ấn tượng tốt, nào là phải làm một người đàn ông đúng nghĩa.

Khó mà tách bạch cảm giác vừa thương vừa ghét ai đó.

Không phải đêm nào tôi cũng ngủ lại ở chỗ tạm trú. Nếu anh tới ngủ thường quá, họ sẽ thử điều chỉnh anh thế này thế nọ. Cũng công bằng thôi, nhưng tôi đã chọn những điều tôi chọn rồi, mà chuyện ấy không phải lúc nào cũng dễ dầu như người ta tưởng.

Chỗ trú nằm trong tầng hầm một nhà thờ trên đường Duncan Terrace. Hồi tháng tư, một thanh niên để tóc đuôi ngựa, mang giày cam chỉ tôi chỗ ấy. Cậu ta bảo ở đó có đồ ăn, đôi khi cả bàn chải đánh răng với vớ nữa.

Lúc tôi đến, trời đang mưa nặng hạt. Dọc đường Essex, người ta cúi đầu xuống ngực, rùn vai và rảo bước nhanh hơn. Hồi còn nhỏ, tôi thích trời mưa lắm. Tôi thường ngồi cạnh cửa sổ, nhìn mưa rơi giữa những bóng đèn đường. Tôi ngắm những giọt nước đuổi bắt nhau trên mặt kính. Cái ấy luôn khiến mẹ tôi bứt rứt.

Bà lo cả nhà bị ướt, cứ như bị nước dính vào là hư hại. Tôi nhớ cảnh bà lăng xăng quanh bố lúc ông đi làm về, gắng phủi nước bám trên vai ông. Ông xua bà đi chỗ khác, giũ áo khoác, rồi để đôi giày giống hai cái vỏ bọ cánh cứng trống hoác nhả nước dơ vào tấm thảm chỗ gần cửa. Giờ tôi cũng lo lắng như bà. Tôi lo về những thứ bị hư rã, về nước mưa ngấm vào xương, mà xương xếu cũng đã già cỗi hơn bình thường. Tôi lo cho bức ảnh để trong túi áo khoác, mặc dù nó được bọc nhựa, mặc dù nó đã tồn tại lâu được đến ngần này.

Tôi thích ngủ lại ngay trong nhà thờ hơn, nơi ánh sáng đèn đường rỉ qua tranh kính, những bức tượng đứng nhìn từ trong góc. Nhưng cửa trước nặng trịch, có bản lề như những cái hoa khổng lồ, đã bị khoá. Anh phải biết đi vào đó bằng cách qua cửa hông, vào hành lang, chỗ có Đức Maria trên bệ tường nghiêm mặt nhìn, rồi qua thêm lần cửa, xuống cầu thang.

Tầng hầm có tường sơn trắng và sàn lót vải sơn màu be, được ngăn ra bằng những vòm gạch thấp. Nhiều dãy giường xếp kim loại choán phần chính tầng hầm. Những cái giường cao kều, chân lòng khòng, có vẻ bị bỏ rơi. Mép ga trải và chăn thòi ra ngoài khung giường bằng ống. Khu bếp ẩn

vào trong một góc, đó là chỗ duy nhất có cửa sổ - hai mảnh kính hẹp cáu bụi nhòm ra đường. Nơi này có mùi trà túi lọc, sữa mới lên men, và mùi người.

Bố không bao giờ muốn con đến một chỗ như vầy. Bố cố tự trấn an rằng con lớn lên trong đủ đầy. Nhưng bố đã gặp những kẻ từng sống vương giả giờ ngủ vật vờ trên phố, nên chẳng có gì bảo đảm được cuộc sống cả. Bố ký tên vào sổ, và dò danh sách tìm con. Khi tâm trạng bố có chút lo lắng băn khoăn thế này, bố nhìn thấy màu sắc trước khi nhận được mặt chữ. Chỉ có một cái tên màu xanh dương băng giá nằm giữa những sắc hoa mộc lan, vàng lem nhem, tía và nâu hạt dẻ; đó không phải tên con.

Một nhóm người tụ quanh cái trường kỷ thấp màu đen, đối diện với màn hình tivi nhập nhoè. Tôi nhận ra bà Grace cạnh cái xe đẩy tay của bà nên giơ tay chào. Thường khi bà ngủ ở công viên đối diện khu Smithfields. Bà phàn nàn chỗ đó ồn, nhưng cũng nói mấy người hàng thịt tốt với bà, bà thấy an ổn có họ ở gần đó. Trong xe tay của bà có một bếp ga dã ngoại bé tẹo, một cái xoong bị cháy, với cặp dao nĩa xin được trong một quán ăn. “Tôi cắm trại ông ạ, là một người cắm trại thực thụ,” bà nói với tôi khi chúng tôi lần đầu gặp nhau. Bà kể giấc mơ của bà là được sống ở vùng quê, nói thêm rằng bà muốn nằm ngủ dưới tán cây, nghe tiếng chim hót.

Tôi đang không có hứng trò chuyện với ai nên bỏ sang cái ghế dài thứ hai ở góc xa căn phòng. Có bốn tờ báo. Tôi lần lượt đọc từng tờ, nhưng không thấy cái cần tìm.

Tôi thấy không khoẻ trong người. Không thể làm bộ mình ổn nữa. Giống như có gì đó kéo trì lấy, làm người tôi đau khắp cả. Nếu tôi chết đi, nào có ai biết được mà cho con hay.

Bữa tối có món mì, bông cải xanh với vài miếng gà. Tôi xếp hàng, cười với người nữ phục vụ đang thọc cái muỗng kim loại to tướng vào một cái chảo ngoại cỡ. Tôi ngồi cuối bàn, đầu cúi xuống. Đĩa của tôi có một đường viền xanh dương nhuyễn ở mép. Nó làm tôi nhớ tới những cái đĩa của mẹ

ngày trước - mỗi cái có hình một bé trai màu xanh dương cùng một bé gái màu xanh dương nắm tay nhau đứng trên một hòn đảo cũng xanh dương. Có tám cái cả thảy để trong tủ gỗ sậm màu ở phòng ăn. Mỗi chủ nhật bà lại dùng chổi lông phủi bụi trên đĩa. Hồi còn nhỏ, tôi xin mẹ cho tôi giúp. Nhưng rồi đến khi đủ lớn để đỡ đần, tôi lại đổi ý. Tôi bảo có một mớ đĩa mà chẳng khi nào dùng tới thì thật là ngớ ngẩn, dù tôi hiểu được lời nói ấy khiến bà buồn lòng.

Thi thoảng tôi tự hỏi sao bà sống nổi cùng bao chuyện lừa dối của bố tôi. Tôi nghĩ bà không biết thì còn dễ xử, và có lẽ một khi bà nhận ra những chuyện ấy, chúng đã được bện chặt vào lối sống của bà, nên bà cứ tiếp tục như thế thì đơn giản hơn là tháo gỡ chúng ra.

• • •

"Tôi ngồi chung nhé?"

Tôi ngẩng lên nhìn. Anh ta có đôi vai rộng, mái tóc nâu hoa râm bắt đầu hói, gương mặt tròn tái xanh, mắt nâu lục. Mũi anh ta to, lốm đốm đỏ vì rượu. Tôi chẳng nói gì, nhưng anh ta cứ ngồi vào chiếc ghế ngay bên phải tôi.

"Mình ăn cùng nhau, thế tốt hơn." Anh ta quê ở Nga, hay Ba Lan, đâu đó ở hướng đông. "Tôi là Anton." Anh chìa tay ra. Tên anh là cái tên màu xanh băng trong sổ đăng ký.

"Daniel." Đôi tay anh ta thô ráp vì lam lũ. Lâu rồi tôi chẳng bắt tay ai.

Anh ta tọng mì đầy mồm rồi nhai chèm chẹp, miệng hé mở, đầu gật gù.

"Làm gì, anh, hôm nay?[2]," anh ta hỏi. Lúc anh ta nói tôi thấy mấy mẩu đồ ăn giữa những kẽ răng của anh.

"Bữa nay mày học cái gì?" Cứ đến giờ cơm tối bố lại hỏi câu đó xem tôi có đi học không. Ông cứ nhấn mạnh chữ học làm nó toé màu vàng kim khắp

khăn trải bàn. Nếu tôi trả lời không ra đầu ra đũa cho vừa ý ông, tôi sẽ bị tống lên lầu, khỏi ăn tráng miệng. Những đêm ông ra ngoài, mẹ lại gọi tôi xuống cho tôi ăn phần bánh táo nướng đã nguội, bánh bông lan gừng với sữa trứng đông lạnh, hoặc bánh tạc Bakewell. Hẳn lúc đó bà gắng xin lỗi tôi.

Tôi đáp: "Đi bộ thôi."

Anton gật gù, miệng vẫn còn nhai. "Tới những đâu?"

Tôi nhún vai. "Lòng vòng ấy mà. Còn anh?"

Mặt anh ta sa sầm. "Tui chờ việc cả sáng, bọn nó *hông* chọn tui." Anh ta đập nắm tay cái rầm xuống bàn. Ly nước của tôi rung rinh. "Bọn nó chọn những thằng trẻ," anh ta đáp. "Tui bảo bọn nó là tui khoẻ như trâu, mà bọn nó không nghe." Anh xọc nĩa vào một miếng gà, cầm vẫy vẫy trước mặt bố. "Không việc, không tiền."

"Vậy nên anh tới đây?" Bố hỏi.

"Tui ở đây tại thằng bạn trời đánh *hông* cho tôi ở nhà hắn." Hắn nói tui say xỉn, *hông* tốt."

Bố nhướn mày cảm thông, và cắn một miếng bông cải xanh. Nó được nấu chín thành màu xanh lục mềm sậm, tứa nước ra trong miệng.

• • •

"Chỉ vì con gái nên tôi mới xỉn chớ," anh nói.

Bố nhai từ từ. Bố không dám mở lời.

Anh ta nói, đôi mắt sáng lên: "Con gái tui, đẹp lắm." Anh gật đầu lia lịa. "Hai tuổi, nó kêu tên tui được rồi." Anh ta buông nĩa, khoanh tay lại, ngả người ra trên ghế. "Nó kêu 'Tato, tato'. Tato là cha." Anh ta chỉ ngón trỏ vào tim. "Con bé giỏi, hả? Tui nói chữ nào nó nói được luôn chữ đó."

• • •

Đến mặt con bố còn không biết. Bố không biết con ở đâu cả. Bố đã cố tìm con, con phải tin như thế. Bố đến nhà mẹ con bấm chuông, nhưng chẳng ai ra mở cửa. Rồi khi bố nhìn qua cửa sổ, bố thấy những dấu hằn của đồ đạc đặt trên thảm trước đó. Bố chờ đợi. Rồi rốt cuộc, bố về, ngồi trong căn hộ nhìn chăm chăm vào cái điện thoại. Những người gọi tới chỉ để bán cho bố thứ này thứ nọ: kính hai lớp, điện, và Chúa trời. Bố nghe những người bán hàng líu ríu chạy hết kịch bản của họ. Lúc họ xong xuôi, có một khoảng yên lặng để bố điền vào, bố hỏi xem họ có biết con bé ở đâu không. Chưa từng có ai biết.

• • •

"Con bé ổn không?" Tôi hỏi. Anton cau mày. "Con gái anh đó mà. Anh bảo tại con bé nên anh mới say."

Mặt anh ta chùng xuống giống mặt mẹ con ngày xưa. Rồi anh ta cầm nĩa lên ăn tiếp.

Tôi cũng ăn. Khi tôi ăn xong, những vết bột từ món mì dây ra khắp đĩa của mình. Tôi nói: "Xin lỗi, tôi không có ý tọc mạch."

"Tọc mạch là gì?" Khi anh ta cau mặt, một vết nhăn hằn vào giữa hai chân mày.

Tôi nói: "Nghĩa là xía vào chuyện người khác, nhiều chuyện. Tôi không có ý vậy." Tôi nghĩ anh ta chắc không hiểu hết.

"Mẹ con bé, mụ mất nết. Tiếng Anh gọi là *con mụ mất nết*, phải không?" Tôi nhún vai.

"Tui thương mụ chứ, mẹ con bé, mụ là vợ tui mà, nhưng mụ *hông* thèm

nghe điện thoại. Tui gọi điện chẳng được gì, chỉ có tiếng đổ chuông. Mụ ấy có bồ, tui biết thế. Mụ là đứa dâm đãng, cũng như mọi đàn bà." Anh ta hắt ra một cái thở dài. "Nhưng con gái tui, Sylwia của tui." Anh co khuỷu ngón tay dụi mắt trái. Ngón tay anh ta cáu bẩn, hệt như những người khác ở đây. Một chiếc nhẫn vàng mảnh hằn vào thịt ngón áp út của anh. "Có lần kia tui vừa gọi vừa nốc bia, mụ *hông* cho tôi nói chuyện với Sylwia. Tui cần nói chuyện với con bé, nhưng mụ *hông* cho." Anh ta lại dụi mắt. "Rồi mụ đòi tiền. Tôi bảo mụ là gởi rồi. Mụ đáp nhiêu đó hông đủ, mày ém giữ riêng. Tui cáu. Tui nói mụ cóc hiểu gì cả."

Người phụ nữ trong bếp gọi chúng tôi lại lấy suất thứ hai. Tôi no rồi nhưng vẫn lấy thêm. Anton để cô ấy chất đồ ăn tú ụ lên đĩa như suất trước. Chúng tôi lại bàn ngồi và không nói chuyện tới khi đồ ăn hết nhẵn.

"Tôi thì nghĩ chuyện cãi cọ vặt vãnh thôi," anh ta nói lúc đặt nĩa đánh cách xuống cái đĩa trống không. "Vợ chồng cãi là thường, chớ gì? Nhưng lần sau đó mụ hỏi tui có đang uống bia *hông*. Tui nói *hông* có, nhưng mụ bảo Sylwia qua nhà bạn. Rồi lần sau nữa nói Sylwia ngủ. Rồi kế nữa nói nó *hông* muốn nói chuyện với tui," anh kêu than. "Nó, con tui, con gái đẹp đẽ của tui. Nó *hông* muốn nói chuyện với tui?"

• • •

Bố biết rằng chừng nào ta gặp nhau, chuyện bố phải tìm con lâu đằng đẵng sẽ không còn đáng kể gì. Chừng nào ta gặp nhau, bố con mình sẽ có thật nhiều thời gian để nói tất cả những gì cần nói.

"Thấy *hông*?" Anton giơ một tấm ảnh về phía tôi. Góc ảnh hơi cong lên. "Cầm ngoài rìa thôi," anh bảo khi tôi nhận lấy. Tôi giữ nó bằng đầu ngón tay giống những người ở ga King's Cross đón lấy hình thẻ còn ướt từ máy chụp ảnh hộ chiếu.

Có lẽ con bé ba tuổi, lúc nào tôi cũng thấy khó đoán tuổi người khác. Nó có gương mặt tròn giống bố nó, tóc màu vàng sậm tết bím. Trong hình nó đứng dựa lưng vào bức tường sơn trắng. Bên trái con bé có một cánh cửa đóng. Bên phải xa xa là một góc bậu cửa sổ. Con bé mặc váy vải cotton màu xanh dương, xoè ra từ dây thắt lưng màu trắng, gấu nằm ngay trên hai đầu gối có lũm tròn. Mắt con bé ngước nhìn lên người đang cầm máy ảnh. Con bé không cười, nhưng trông tươi tỉnh.

"Bao lâu rồi?" Tôi hỏi anh ta.

"Từ khi tôi gặp con bé lần cuối là bốn năm, hai tháng, mười sáu ngày. Từ khi tôi nói chuyện với nó lần cuối là một năm, hai mươi lăm ngày rồi."

Bố nhìn tấm ảnh, cố thêm tháng năm vào hình cô bé. Anh ta giơ tay ra đòi, và tôi nhận ra mình chưa muốn trả lại.

Người đàn ông khi nãy kêu tôi điền tên tên xua cả hai khỏi bàn. Chúng tôi lấy hai tách trà trên bàn bếp dấp dính sữa và đường, rồi lại trường kỷ ngồi đọc báo. Anton kể tôi nghe ngày con gái anh ta chào đời, con bé túm chặt ngón tay anh ta thế nào, nhìn vào mắt anh ta ra sao. Anh ta cũng kể chuyện anh quen vợ mình ở đám cưới người anh họ. Cô nàng cho anh ta hôn, nhưng khi anh cố chạm vào ngực thì bị tát luôn vào mặt, thế là anh ta biết cô nàng mình muốn cưới đích thị là đây rồi. Anh ta kể tôi nghe chuyến đi tới khu Trung Pomerania ở bờ biển Ba Lan lúc Sylwia lên một tuổi. Họ đi picnic trên bờ biển mỗi ngày. Anh ta bế con gái xuống biển, kiệu nó trên vai, nghe nó cười khi nước biển toé lên ngón chân. Anh ta lùng khắp bãi biển kiếm hổ phách và tìm được mảnh có một con kiến được bảo toàn tuyệt hảo bên trong. Anh ta không hỏi chuyện tôi, và tôi vui vẻ ngồi nghe anh kể. Tivi rổn rảng những âm chói và những dải màu nguyên thuỷ. Một người đàn ông ngồi lọt thỏm trong ghế bên trái chúng tôi, chắc cỡ tuổi tôi. Chân anh ta băng bó lên tận đầu gối. Mảng râu quai nón vòng quanh miệng nhuốm vàng. Anh ta lầm rầm một tràng ngắn trước khi thiếp đi. Chúng ta đều chết nhanh quá.

"Con bé quên tui đi thì tốt hơn, hả?" Anton hỏi. Anh ta quay sang tôi, tôi nhìn đôi mắt xanh xao ngấn nước và làn da nham nhở của anh. "Thà hông có cha, chứ cha chiếc như tui có ra gì, hả?"

Tôi lắc đầu, nhưng hoàn toàn hiểu ý anh ta, điều ấy làm tôi đau đớn.

• • •

Tôi thấy cứ đà này thì có thể Anton nói tới sáng bạch. Trò chuyện với anh thì vui, nhưng nơi này có luật lệ, giờ giấc của nó. Mới gần mười giờ rưỡi, chúng tôi đã chọn xong hai giường cạnh nhau, gắng nằm nghỉ. Đèn còn sáng trưng mà tiếng ngáy đã vang lên. Chỗ trú cho người vô gia cư có cái rắc rối như vậy. Dù sao thì tôi thính ngủ quá, cái này do tôi tập, nên khi ở chỗ an toàn như nơi đây, giấc ngủ của tôi luôn đứt đoạn. Tôi nằm nhìn cái lưng của Anton gù lên dưới chăn cho tới lúc ai đó tắt đèn đi.

• • •

Tôi vừa ngừng thở một lúc. Hẳn là vậy, vì tôi choàng dậy hổn hển trong bóng tối như người suýt chết đuối. Tôi nằm mơ thấy mình băng qua cầu Waterloo, tới bảng quảng cáo uốn theo rạp phim. Những chữ cái màu trắng to bằng thân người nằm trên nền màu vàng chanh, nhưng chịu không đọc được chúng ghép lại là từ gì. Tôi cứ đi mãi nhưng không bao giờ tới được đoạn cuối cây cầu.

Tôi nhận ra năm kiểu ngáy, từ nhẹ nhàng the thé tới khò khò rền rĩ. Thoảng trong tiếng ngáy, có tiếng mưa chạm nhẹ vào những cửa sổ hẹp. Không khí khẳm mùi ngủ, mùi rắm, cùng mùi da bẩn. Một trong những tình nguyện viên cựa người trên ghế. Đôi khi họ bật đèn pin mà đọc hoặc

mở tivi nhỏ tiếng, nhưng người này chỉ ngồi trong bóng tối. Không biết anh ta nghĩ gì. Không biết sao anh ta làm việc này. Phải chăng anh ta từng qua nhiều đêm phải đụt mưa, phải chăng anh ta nhét báo làm đệm dưới lớp áo quần cho đỡ lạnh, phải chăng đấy chính là lý do. Không biết anh ta có lạc mất người thân nào không.

• • •

Khi mẹ gọi điện báo tin, tôi không thể hiểu nổi điều bà nói. Dù tôi nghe rõ tiếng bà. Tôi nghe được lời nói và cả những giọt nước mắt, nhưng không thể hiểu ra làm sao cả.

Người ta gọi hành động ấy bằng nhiều từ khác nhau. Tôi đã thử nghiệm từng từ suốt hai mươi năm ròng, hầu hết là trong đầu thôi. Lúc còn lái taxi, thi thoảng tôi trò chuyện với khách đi xe, nếu mặt họ nom tử tế, hoặc khi màn đêm đặc biệt dài, tối và đơn côi.

Ông tự tử.

Ông tự tước đi cuộc sống của chính mình.

Ông đã chết.

Ông tự sát.

Ông nốc thuốc an thần trộn heroin. Chẳng biết ông lấy những thứ ấy từ đâu.

Ông không biết làm gì khác.

Ông kẹt lún quá sâu.

Ông là kẻ khốn nạn dối trá đáng thương, có chết cũng mặc.

Mẹ là người phát hiện xác ông. Tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho ông vì chuyện đó.

• • •

Vào mùa hè tôi tốt nghiệp đại học, có một đợt nắng nóng. Bố mẹ đều đến dự lễ, tôi lấm tấm mồ hôi trong bộ com-lê cùng cà vạt mới, mẹ vừa bồn chồn vừa hớn hở, đầu đội mũ rộng vành. Thời ấy hễ cúp được buổi học hay buổi hướng dẫn nào là tôi cúp luôn, dành thời gian sức lực biểu tình chống chiến tranh, chống phân biệt chủng tộc hay ủng hộ nữ quyền; dụ dỗ đàn bà, nài nỉ họ tạo dáng khoả thân, dè sẻn từng ống sơn dầu, uống bia, hút cần sa. Tôi đủ điểm tốt nghiệp đã là chuyện thần kỳ. Ông nội bĩu môi chấp nhận thứ hạng tốt nghiệp khá xoàng của tôi. Ông bảo từ giờ mày sẽ phải làm việc chăm gấp đôi, dù ông cũng biết nếu tôi làm thế, tôi sẽ đâm hỏng bét, rồi chẳng còn theo được nghề ngỗng nào nữa.

Có lẽ bố con tôi giống nhau hơn cái mức tôi chịu thừa nhận. Ông cố sức ém nhẹm vụ bài bạc lâu hết mức có thể, rồi khi chuyện vỡ lở, ông cũng sụp đổ. Có lẽ nếu là tôi thì cũng sẽ làm như ông.

Tôi nhớ cảnh ngồi cạnh mẹ trong phòng ăn, mấy hàng đĩa không được dùng tới nằm sau cửa kính tủ. Mặt bàn đầy những giấy má. Thư từ, hoá đơn, giấy đòi nợ. Bà cứ nói đi nói lại mãi: Chậc, phải có cách nào giải thích cớ sự này. Chắc phải có chứ.

Năm ông chết, tóc bà bạc trắng đi. Trước đó thì nó còn muối tiêu, nhưng từ mùa thu bà tìm thấy ông cùng mớ giấy nợ, tóc bà phai tới khi chẳng còn tí màu nào khác. Có mấy dạo bà thử nhuộm tóc thành màu cam rực, rồi đổi màu tím nhạt. Sau rốt, bà bỏ cuộc và để nguyên như thế.

Tới lúc phải đi rồi, nhưng chẳng có chỗ nào để đi. Tôi trở mình nằm nghiêng, cái giường kêu cót két. Tôi nghe tiếng ai đó húng hắng bên kia căn phòng. Tôi nghĩ về đứa con gái của Anton, tưởng tượng con bé ngồi vắt vẻo trên vai bố nó, tay bấu tóc anh ta, cười vang. Tôi những muốn thức anh ta dậy, hỏi làm sao anh lại bỏ con bé, làm sao anh lại để mất con bé.

9.

Mười điều về ngôi nhà của bố tôi

Cửa trước bị kẹt.

Có một bức tranh của hai chị Tilly và Cee trong hành lang. Lúc ấy chị lớn bảy tuổi, chị kế năm tuổi. Họ mặc đầm màu hồng rất ăn tông với nhau, vớ trắng.

Tấm thảm dưới bàn cà phê trong phòng khách vẫn còn một vệt ố mờ mờ, chỗ đó mẹ tôi làm đổ chai vang đỏ ba mươi năm về trước.

Phòng làm việc của bố tôi có mùi thuốc lá.

Trong tủ dưới bồn rửa, có bốn chai whisky mạch nha các hiệu: Talisker,Ardmore,Jura, Laphroaig. Chai Talisker chỉ còn vài xăng-ti-mét, mấy chai kia còn hơn phân nửa.

Năm lên tám tuổi, tôi kéo giường mình khỏi tường, dùng bút bi đỏ viết tên lên giấy dán tường. Tên tôi vẫn còn nguyên đó.

Nhà không nối internet và không có cái máy tính nào.

Có ba tấm ván sàn cọt kẹt ở chỗ chiếu nghỉ thứ hai, một tấm cỡ một phần ba bề ngang, ngoài phòng chị Cee, một tấm ngay ngoài phòng tôi, tấm còn lại nằm ở chân cầu thang dẫn lên gác mái.

Nếu bạn nhìn đủ lâu vào giấy dán tường phòng giặt, mặt giấy bắt đầu trông giống hàng trăm người nhỏ xíu đứng trên cả trăm hòn đảo cũng nhỏ xíu.

Đó là nơi tôi chưa bao giờ thấy là nhà mình.

Ngay lúc tôi mở cửa trước, tôi biết rằng ông đã chết. Căn nhà như đang ép mi nhắm chặt mắt lại, nín thở và hi vọng, thậm chí là cầu nguyện, rằng cái chuyện đã rồi kia vẫn chưa thực sự xảy ra. Tôi đứng trong hành lang, cửa còn mở, nghĩ nghĩ xem có nên quay người trở ra ngoài không.

Tôi không nhớ mình đã bỏ nhà đi bao nhiêu lần lúc còn nhỏ. Những chuyến về chẳng có gì vui thú cả: người dưng nhì nhèo đòi tôi khai địa chỉ, cảnh sát nhìn tôi ngờ vực trong khi nói vào điện thoại - gầy, thấp bé, tóc đỏ, mắt xanh lục: phải, đúng là con bé. Thầy cô thì nháo nhào, hoặc thét mắng; kiểu nào thì họ cũng lặp đi lặp lại lời họ mãi, cứ như tôi chưa từng nghe. Bố luôn ra chiều thất vọng và hơi đau lòng, giống như ăn phải cái gì khiến bụng trở chứng. Có lần chị Cee tát tôi, tôi tát lại.

Mới đầu ra ngoài tôi thích lắm: cái hồi hộp lẻn ra ngoài vào màn đêm dịu mát; mùi sương giá trong sân trường, ánh vàng đèn phố ấm áp, dấu chân cáo láu táu im khe. Tôi tưởng tượng mình là một kẻ trộm thiện nghệ, một thám tử, một tên ám sát. Tôi rón rén đi khỏi những toà nhà - nhà mình hoặc trường học - rồi quay lại nhìn chúng: những cửa sổ trống không, sậm sịt, những viên gạch nặng nề nín lặng. Đôi khi tôi chạy theo nghĩa đen, chạy hết tốc lực đến khi đùi nhói buốt, tim đập mạnh như con thú dính bẫy trong lồng ngực. Tôi chưa bao giờ đến chốn nào cụ thể, chỉ là đi khỏi nhà.

Tôi đóng sầm cửa trước, cởi áo khoác mắc chồng lên áo khoác mùa hè của ông. Bố tôi. Tôi cố hình dung gương mặt ông, nhưng không được. Đâu việc gì phải ra ngoài. Tôi chẳng có nơi nào để đi, chẳng có gì để làm, chỉ lang thang trên phố, gắng không hoảng loạn. Lẽ ra tôi phải nói với ông, nói rõ rằng chuyện đó không quan trọng - dù ông có nói gì với hai chị Tilly và Cee đi nữa, nó là việc của ông. Lẽ ra tôi phải nói là tôi thương ông.

"Alice à?" Chị Cee hiện ra ở cửa phòng khách. "Alice, bố..." Chị mím chặt môi.

"Bố đã...?"

“Hai chị cố gọi di động của em.” Tôi bỏ điện thoại trong phòng ngủ. “Bác sĩ vừa đi khỏi.” Tôi gật đầu.

“Chị gọi anh Steve rồi. Anh ấy sẽ nói bọn trẻ biết.”

Tôi nhìn chăm chăm vào mẫu hoa văn lặp dọc suốt tường - kiểu bố trí hoa văn trong một khung hình vuông chắc chắn cũng nằm trên tường hàng ngàn hành lang khác, trong hàng ngàn ngôi nhà của những kẻ khác. Chị Cee bảo: “Em vào nhìn mặt bố đi.” Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một người chết. “Chị Tilly đâu?”

Chị Cee day mặt về hướng phòng khách. Chị đáp: “Người ta nói nhìn mặt người đã khuất được lần cuối thì đỡ buồn.”

Đầu óc tôi lơ lửng. Tôi gắng tưởng tượng ra ông nằm ở tầng trên. Hi vọng là ai đó đã mở rèm, nâng cửa sổ trượt lên. Mong là trên đó không u ám, nóng nực. Ông chết bất thình lình, hay biết trước phút mình đi? Ông có nằm ngó trân lên trần nhà, và nghe tim mình sắp ngừng đập? Có đau không?

“Hai chị đã nói lời sau cùng với bố.”

Tôi bước đi qua chị vào phòng khách. Chị Tilly đang ngồi trên trường kỷ, đôi tay nắm chặt trong lòng, mặt trắng bệch.

Chị nói: “Bọn chị cố gọi cho em.”

“Em xin lỗi.” Họ đang chờ tôi cất tiếng khóc. Tôi đang chờ mình cất tiếng khóc.

“Bố có...?”

Chị cúi nhìn xuống. “Bố không biết mình đi, Alice. Vào lúc...” Chị xoắn đôi bàn tay lại với nhau, ngước nhìn tôi.

Tôi muốn có anh Kal. Tôi muốn anh vỗ nhẹ tóc mình, hát cho tôi nghe. Anh thường hay tự chế những bài hát vớ vẩn, vô nghĩa, âm điệu trúc trắc: *Alice ới ời ơi. Đừng chạy vào hang thỏ, em đi anh đau lòng lắm. Ở lại đây với anh này Alice ới ời ơi.* Tôi muốn cảm nhận đôi môi anh trên da mình, tiếng nói

rung động trong lồng ngực anh. Tôi có thể gọi anh, nhưng làm thế chỉ làm mọi sự thêm rối.

"Cưng à." Chị Tilly giang tay ra. Nếu tôi để chị ôm lấy, chẳng biết chuyện gì sẽ xảy tới nữa. "Em tính..." Tôi ra dấu về phía hành lang, chị Tilly gật đầu.

Nhưng tôi không vào phòng ông. Tôi đi ngang qua đó, thẳng lên gác mái, ngồi vào cái ghế đu, rồi lúc lắc ra trước ra sau, ra sau ra trước, cấu móng vào lòng bàn tay. Khi hai bà chị lần ra được chỗ tôi rồi cất tiếng gọi, tôi không trả lời nổi. Rồi khi chị Cee lên cầu thang rồi khoanh tay đứng trước mặt tôi, tôi cũng không nhìn chị nổi. Cuối cùng chị bỏ cuộc và đi mất.

Anh Kal với tôi từng cãi nhau về chuyện tránh né. Đó là lúc về sau, khi ngày càng khó mà phớt lờ những trục trặc được nữa. Anh bảo tôi mắc chứng gây hấn thụ động. Tôi đốp lại rằng anh là thằng hèn. Tôi bảo với anh là chúng ta bị kẹt, chẳng thể đi tới đâu, vì anh từ chối cho ba mẹ anh biết rằng có tôi trên đời. Anh đáp, họ đâu có quản đời anh, họ không phải tất cả. Anh từng lừa được em, tôi nói. Anh lại nói thi thoảng anh nghĩ là tôi ghen tức. Anh đùa gì kỳ cục vậy? Tôi ném tách cà phê xuống sàn cho câu nói thêm sức nặng. Nó không hề vỡ, chỉ lăn một đoạn ngắn rồi nhỏ chút cà phê sót lên tấm thảm mỏng màu nâu sậm mà hai đứa tôi đều ghét.

• • •

Tôi nghe tiếng chuông cửa vang, rồi tiếng người. Họ hạ giọng thì thầm là vì chuyện này đây. Có tiếng bốn cặp chân bước lên cầu thang.

Họ sẽ đặt bố tôi vào quan tài, rồi đóng nắp lại bằng đinh. Tôi úp mặt vào đầu gối, tay siết lấy đôi chân trần. Tôi cảm thấy được là mình đang run rẩy.

Tôi cố gắng không nghe. Khi họ đi rồi, tôi xuống phòng mình, mở điện thoại lên. Phải mất một lúc - một tràng những cuộc nói chuyện, những kết nối cùng những đoạn nhạc chờ để được nối máy tới bộ phận hành lý thất

lạc ở sân bay Heathrow. Tôi ngồi trên giường mình, mở rồi khép nắm tay thành đấm quanh rìa cái chăn lông. Tấm trải giản dị màu xanh biển, thứ đồ dùng mà bố tôi mua; thứ đồ dùng mà bố tôi *đã từng* mua. Tôi đau, như thể ai đó đã đào một cái lỗ sâu hoắm dưới ngực mình rồi đổ đầy chì vào đó.

"Quý vị cần giúp chi?" Người đàn ông ở đầu dây bên kia nói với khẩu âm Nigeria đặc sệt. Tôi thích anh ta đọc một câu chuyện cho tôi nghe. Tôi thích nằm trên giường, đắp chăn lông đến tận cằm, rồi vòi anh ta đọc một câu chuyện cho tôi nghe.

"A-lô?"

"Xin lỗi, à phải, ba-lô của tôi."

"Cô có mã nhận diện không, thưa cô?"

"Sao ạ?"

"Mã số nhận diện hành lý của cô, thưa cô. Nó nằm trên một cái nhãn phần sau hộ chiếu của cô, hoặc có thể trên bất kỳ giấy tờ nào cô trình lúc đăng ký lên máy bay."

Tôi nhìn giấy dán tường chăm chăm - những đoá hoa hồng vươn thân gai góc vượt qua giường của tôi.

"Thưa cô?"

"Không. Tôi nghĩ là không có."

Người đàn ông bên kia đầu dây thở dài khẽ khàng, nhưng đủ lớn để tôi nghe ra. "Vậy chúng ta có thể bắt đầu bằng việc cô cho tôi biết chi tiết về chuyến bay của cô."

Tôi nhớ những cái ghế màu xanh dương sậm, chỗ tựa đầu phủ khăn nhỏ. Tôi nhớ suất ăn gồm có gà, cơm với nước sốt cà. Tôi nhớ người phụ nữ ngồi kế mặc áo khoác vàng có những cái nút trông như đồng xu bằng sô-cô-la.

"Anh có bao giờ cãi nhau với ai đó, rồi người ta... tôi không biết diễn tả sao nữa, người ta biến mất?" Tôi hỏi.

"Sao ạ thưa cô?"

“Rồi lúc anh nghĩ về chuyện đó, anh nhận ra mình chưa bao giờ làm bất cứ gì khác ngoài chuyện cãi cọ với người ta. Hoặc ít nhất anh chưa bao giờ nói được điều gì đáng nói. Không hẳn thế. Rồi lúc họ biến mất, anh đâu làm gì được nữa, phải không?” Tôi lần ngón tay quanh một đoá hồng. Tôi cố nhớ làm sao mà hồi xưa chọn mẫu giấy dán tường này, nó xấu kinh khủng.

“Thưa cô, nếu cô có thể cho tôi biết chi tiết chuyến bay của cô, cùng mô tả túi hành lý, thì tôi có thể...”

“Không sao đâu.”

“Nhưng thưa cô, tôi có thể...”

“Thật mà, chẳng sao hết, cảm ơn anh. Anh đã giúp đỡ thật nhiệt tình, thật nhẫn nại. Cảm ơn anh.”

Tôi bước xuống cầu thang, rồi dọc theo hành lang tới phòng bố. Cửa đã đóng. Nó sơn trắng, có bốn ô lõm vào.

Trước giờ, tôi chưa từng nhìn nó cho ra nhìn. Tôi đặt tay mình lên núm cửa bằng đồng. Trên tay có vết xước đỏ do tôi rứt mảnh da gần ngón cái. Tôi cần một điếu thuốc.

Con biết là không nên hút thuốc mà, Alice, bố sẽ bảo thế mỗi lần tôi có mặt ở nhà. Tôi sẽ cười to và chỉ vào chính điếu thuốc của ông. Ông sẽ bảo, bố biết, bố làm được thì ai cũng làm được, nhưng phải nói rằng hút thuốc rất có hại cho con. Con biết, bố à. Ông từng nói, bố không muốn làm một ông bố tệ hại, rồi tôi cười khoả lấp đi. Lẽ ra tôi phải nói với ông: Bố xưa nay đâu có tệ.

Tôi mở cửa bước vào. Những tấm rèm được kéo lại, khiến tôi nổi giận. Tôi sấn sổ bước từ cửa đến ngay cửa sổ gần trường kỷ, kéo toạc chúng ra. Ánh ban chiều màu vàng kim. Bỗng dưng tôi không biết có nên mở nốt những tấm rèm khác không, nhưng thế thì dễ hơn là phải nhìn vào giường. Một chiếc xe hơi lớn đen thủi có núm mạ crôm đậu trong sân đối diện. Con mèo của bà Williams nhìn tôi từ bậu cửa sổ nhà kế bên.

Cái giường trống trơn. Ai đó đã lột mất tấm ga trải. Tôi không ngờ điều

ấy. Cái chăn lông bị ùn khỏi chỗ giữa, như một đám mây trong cảm giác của trẻ con. Tấm nệm lộ đường khâu, đường hạt dày viền quanh mép. Sáu cái gối trần nằm trơ trụi gần đầu giường. Bố định làm gì với những sáu cái gối? Một cái có vết ố ở rìa. Tôi không cử động nổi.

Khi họ mang ông đi, họ có đặt ông thẳng thớm lên một cái cáng không, hay chỉ việc bỏ ông thẳng vào trong quan tài? Không hiểu sao tôi lại muốn biết. Tôi không muốn biết. Tôi có muốn biết. Chắc họ để lại dấu trên khung cửa, làm tróc sơn trên đường xuống cầu thang. Tôi không muốn nhìn.

Giờ tôi đang đứng ngay bên giường. Nếu tôi gập gối ngồi xuống, tôi có thể cảm nhận mép cứng của khung giường. Khi tôi nằm xuống, những chiếc lò xo ép lên xương sống của tôi. Tôi thấy được một đốm đen trên trần, ngay phía trên tôi. Tôi không rõ đó là ruồi, nhện, hay chỉ là một đốm nhỏ. Tôi để ý xem nó có nhúc nhích không. Không có, vậy nó có thể chỉ là một cái đốm, hoặc là con nhện con ruồi gì đó đã chết.

10.

Mười điều tôi sợ

Thành người giống bố mình.

Không thể giải thích mọi chuyện cho con hay.

Biển. Ở mép nước thì còn chịu được. Tôi có thể tháo giày và lội lõm bõm. Ra xa hơn thì nước lạnh và tối đen, tôi sợ.

Bị giam cầm.

Không nói được như ý.

Ngủ.

Chết.

Chó.

Không bao giờ tìm thấy con.

Tìm được con.

Anton nhìn trân trân cái sẹo của tôi. Tôi quay đầu đi để anh ta khỏi thấy. Nó là một đường mỏng màu xà cừ kéo từ góc mắt xuống tai bên phải. Có chừng mười người vô gia cư ngồi lác đác quanh bàn. Vài người hãy còn ngủ nán. Bà Grace đã đi rồi. Tôi đã nuốt được nửa tô cốm ngô, phần còn lại bắt đầu thấm sữa và nở ra.

Anton ngồi đối diện tôi. Anh ta có một ca trà, một tô đầy ắp ngũ cốc rắc đường, với một đĩa tú ụ bánh mì trắng nướng. Anh lấy muỗng chỉ vào mặt tôi, làm sữa rơi vãi trên mặt bàn.

"Sẹo gì vậy?" Anh ta hỏi, cái tay rảnh chạm vào má.

"Tai nạn thôi," tôi đáp.

Anh ta tọng ngũ cốc đầy mồm, nhướn mày.

"Xưa, tôi lái taxi," tôi giải thích. "Chừng năm sáu năm trước, tôi bị tai nạn." Tôi không kể rằng mình suýt đâm chết một người đàn ông. Tôi không kể rằng tai nạn ấy xảy ra vì tôi đi tìm con.

"Anh có bảo hiểm chứ, hả?"

"Tôi bị người ta kiện thì có."

Anh húp trà cái soạt, rồi thuỗn mặt ra.

Mọi ký ức trong tôi về cái đận ấy đều đứt đoạn. Cả vụ tông xe: Tôi không có cái gọi là "cảm giác mọi thứ chuyển động chậm dần" mà người ta nói khi đứng trước tai nạn như vậy.

Lúc đó bố đang tìm con. Bố tưởng là đã tìm thấy con. Một người đàn bà tóc đỏ giống y như mẹ con bước xuống lòng đường, rồi thinh không, một khoảng trắng rỗng hoác láp ngáp, cho tới khi bố tỉnh dậy, đau đến lộn cả ruột gan.

Anton xọc muỗng xuống đáy tách trà, vớt lên viên đường đã tan một nửa, rồi mút vào miệng. Đằng sau anh ta, tôi thấy ánh nắng len vào qua cửa sổ bếp. Tấm kính có vệt nước chảy, nhưng tôi không nghe tiếng mưa.

“Bữa nay anh làm gì?” anh ta hỏi.

“Đi bộ.”

Anh nhăn mặt.

“Còn anh, đi tìm việc chứ hở?” Tôi hỏi lại.

Anh ta nhún đôi vai nặng nề. “Không biết nữa. Ba ngày rồi, bọn nó chẳng nhận tôi.”

“Nếu muốn, anh có thể...” Tôi ngừng bặt. Lâu lắm rồi tôi không dính dáng với một ai đó.

“Đi đâu, anh đó?” Anton hỏi.

Tôi nghĩ nghĩ có nên kể với anh ta về con hay chăng, nhưng rồi thôi, dù có lẽ tự anh ấy cũng hiểu được. Tôi nhận thấy dù nói chuyện với ai thì anh ta cũng luôn lảng mắt nhìn chỗ khác, và tôi biết mình cũng làm y hệt.

“Anh muốn đi đâu?” Tôi hỏi.

Anton xoay cái tách của anh trên mặt bàn nhựa. “Điện Buckingham.” Buckingham - một chữ sậm màu gụ, màu tủ com-mốt kiểu cũ, nghe không giống từ miệng anh phát ra. “Tôi muốn xem điện Buckingham.”

Chúng tôi xin bánh mì kẹp chỗ người tình nguyện đang lau chùi bếp. Cô đưa cho tôi cái bàn chải với ống kem đánh răng. Mỗi nhà vệ sinh ở đây có một bồn tiểu đơn cùng một ca-bin tắm đơn. Tôi đứng trước la-va-bô chải răng tới khi nướu chảy máu. Tôi cố không nhìn vào kính.

Anton mang đôi giày thể thao trắng. Áo khoác của anh trông như một cái túi ngủ quân đội cũ mèm, màu xanh ô-liu óng ánh hợm hĩnh, màu của tên con gái anh ta. Tôi mang giày ống vào, siết chặt dây.

Lên tới đầu cầu thang, Anton rẽ phải chứ không rẽ trái. Tôi theo anh vào thánh đường, cái nơi cứ làm ta thấy như ở phòng sinh hoạt chung trong trường, tôi nhìn chỗ khác khi anh làm dấu thánh rồi quỳ ở băng ghế chót. Tôi không phải người theo đạo, nhưng lúc chờ Anton, tôi nhìn bức tranh Chúa Jesus trên tường phía xa trong khung những ngọn lửa vàng viền lông

chim, và tôi thả lời nguyện cầu của mình bay lên trần vòm, những lời đậu trên môi tôi suốt ngày ròng.

Bên ngoài, ngày đã sáng rỡ. Không khí vẫn còn mát sau cơn mưa nhưng đã cảm nhận được sức nóng chực chờ. Hôm nay đi bộ sẽ phải cởi áo khoác cột quanh eo đây; tôi có cách cột để khỏi làm nhàu bức hình ở túi trong.

• • •

Bố thường gặp mẹ con trong một căn hộ ở khu Bloomsbury. Căn hộ ấy là của cô bạn Marina của mẹ con, cô ấy làm việc ở Paris nhưng giữ nơi đó làm chỗ lui tới London. Có lẽ con không muốn nghe chuyện này, nhưng bố không đừng được. Nó nhỏ tí, nhưng hoàn hảo. Cửa mà khoá rồi thì chỉ còn lại bố với mẹ của con trong không gian nhỏ nhoi ấy, xa hẳn thế giới rì rầm ngoài kia. Mẹ con làm bố cười. Cô ấy kể chuyện các cô con gái, rồi những người mẹ khác mà cô biết, cô có cách nhìn ra cái kỳ khôi ở mọi thứ. Khi cô cười, cười thực sự ấy, bố thấy niềm vui hiện ra rõ ràng và chân thực như thuỷ tinh khắc. Sau đó, thi thoảng bố cùng mẹ con ra ngoài. Bố nhớ lúc dạo bước qua khu Woburn Square, vừa khéo lúc hoa thuỷ tiên bung nở vàng rộ, bố mẹ cùng ngắm nghía mấy tòa nhà xem nên chọn chỗ nào dọn vào ở. Nhưng mẹ con sợ bị bắt gặp, nếu thế thì không chóng thì chầy bố mẹ lại cãi nhau, thế là mẹ con bảo phải đi.

• • •

“Chỗ này sang quá, hả?” Anton quay đầu sang phải, ngắm nghía những khuôn viên có hàng rào đen, những dãy nhà gạch ngạo nghễ, sinh viên ùa ra ùa vào các toà nhà đại học: cơ man nào là giày dép đúng mốt, tóc chải

cẩn thận, và sách vở nghiêm chỉnh. Bố ngỡ như nghe được tiếng gót giày của người ấy trên vỉa hè, cái chạm của người trên cánh tay mình, và ánh ngời trong đôi mắt ấy.

Anton dừng lại ở góc Gordon Square, ngắm ba cô gái băng qua đường. Anh ta gật gù.

"Sylwia, con bé đến đây," anh nói. "Tui hả, có khi chết, nhưng con bé sẽ đến đây. Nó đi học. Nó biết nói tiếng Anh rồi, giỏi hơn tui rồi. Con bé đến đây."

Chúng tôi tiếp tục đi dọc khu Torrington Place về phía đường Tottenham Court. Tôi có thể nghe anh nói cả ngày. Tôi muốn biết là tóc của Sylwia bết thành lọn khi ướt, rằng làn da con bé toả mùi sữa ấm, và con bé hay lẩm bẩm nói mơ. Tôi đã bỏ lỡ tất cả những điều ấy.

Khi tôi hỏi anh ta có viết thư cho con bé không, anh quay ngoắt mặt đi.

"Biết nói gì chớ?" Trông sắc da mặt anh ta đỏ lựng từ quai hàm lên trên, tôi biết rõ rằng anh ta không biết viết, dù anh ta chưa hề nói ra.

Anh ta muốn mua bia uống, nhưng tôi lắc đầu, anh ta cũng không ép. Khi đi qua khu Soho, anh ta thao láo nhìn những cửa hàng vật phẩm hỗ trợ tình dục mà cười sùng sục một mình. Lúc đi qua quận Mayfair, tôi với anh ta đi gần lại với nhau, chẳng nói chẳng rằng.

Điện Buckingham chưa bao giờ gây ấn tượng với tôi, nhưng Anton lại rất thích. Anh ta thích bức tượng ánh vàng kim. Thích mấy anh lính đội mũ lông. Thích những gia đình chụp ảnh đứng thành hàng, tựa vào hàng rào.

"Bốn năm ở London rồi mà anh chưa từng tới đây à, Anton?" Tôi hỏi.

Anh ta nhún vai. "Tui ở đây vì công việc, vì tiền, vì con gái," anh ta nói, mắt lảng tránh tôi. "Tui ước có cái máy ảnh, để gửi hình cho Sylwia." Anh ta bồi thêm.

Cả hai đứng lặng thinh. Người lính bên phải như bằng gỗ tạc. Tôi chờ hắn nhúc nhích mà lộ tẩy, nhưng hắn đứng im phắc. Không biết hắn có đang nghĩ về người thương chăng.

“Cái sẹo của tôi do cửa xe hơi cắt. Tôi chẳng nhớ được gì.” Tôi lên tiếng.

Anh ta lắng nghe.

“Lúc ấy tôi tưởng mình tìm ra một người nên mới bị mất lái. Họ cố sức quy kết là tôi bất cẩn, thiếu ngủ, nhậu nhẹt đêm trước đó, rồi thì hàng năm năm trời chưa đi khám mắt, thôi thì đủ cớ mà họ nghĩ ra được. Nhưng cớ sự chỉ vì tôi nghĩ mình đã tìm thấy một người muốn tìm.” Tôi kể.

Chúng tôi cùng nhìn một cậu bé chừng tám tuổi cầm máy ảnh bằng cả hai tay như sợ nó phát nổ, chĩa về phía hai phụ nữ đan tay nhau, ánh mắt rạng cười.

“Ai chứ?” Anton hỏi.

Tôi nghe tim ép vào lồng ngực. Ở đây không có cái ghế nào. Tôi cúi người ngồi xuống bậc thềm gần một đám sinh viên, chắc là người Pháp. Chúng đang tán nhau, nghịch điện thoại và trêu nhau cười rộ. Một đứa con trai chừng mười bảy tuổi bắt gặp ánh mắt tôi và quay ngoắt đi. Tôi thấy nó nghiêng người thì thầm với đứa con gái bên cạnh. Con bé liếc nhìn tôi rồi đỏ mặt. Ngày đang nóng lên, tôi nghe mồ hôi chảy dọc lưng như kim châm. Miệng tôi đắng đót dù có dùng kem đánh răng hồi sáng.

Anton ngồi cạnh tôi. “Anh buồn quá vậy,” anh ta nói.

Tôi đổi thế ngồi trên bậc đá. “Thỉnh thoảng.” Anh gật đầu. “Mẹ tôi, bà buồn, giống anh. Khổ lắm.”

“Anh giận bà già hở?” Tôi hỏi.

Anton lắc đầu. “Không giận, không có giận. Bà đi nay cũng mười năm rồi.” Anh đáp.

“Tôi có thể viết thư giùm anh, nếu anh muốn. Cho bé Sylwia.” Tôi nói.

Tôi không nhìn anh, anh cũng không đáp. Tôi thấy chân phải anh ta nhịp điên cuồng trên bậc thềm.

“Mà phải dùng tiếng Anh, anh bảo con bé biết tiếng Anh mà?” Tôi nói.

Một hồi sau, bàn chân anh ta thôi rung lắc. “Anh là người tốt bụng,

Daniel, tui muốn anh viết thư giùm," anh nói.

Tôi gật đầu.

"Mà không viết đây, không ở đây," anh nói.

Chúng tôi cuốc bộ tới nhà tạm trú Thiên Sứ, chỗ đó là địa bàn quen thuộc của anh, Tôi cũng biết một chỗ ở đó. Chỗ ấy nằm thụt vào cách đường một khoảng vỉa hè rộng. Họ không giang tay chào đón, nhưng cũng không xua đuổi mình. Có một dạo tôi gắng tìm con ở đó - trên máy tính. Một phụ nữ dùng mùi nước hoa giống mẹ giúp tôi. Có những 432.000 kết quả, nhưng tôi không tìm thấy cái nào nói về con hết.

Anton đi nhanh quá sức tôi.

"Anh đi chậm lại tí," tôi bảo anh ta, một tay ôm ngực, nghe tim mình phồng lên ép vào xương sườn.

Anh nhăn mặt. "Anh bị ốm?"

"Cứ đi chậm lại cho tôi nhờ."

Anh ta bước chậm lại. Dù sao thì tôi ưa đi thong thả như vầy hơn, để mà nhìn ngắm quanh quất.

• • •

Có lần tôi đón một người đàn ông cùng con trai anh ta. Tôi rước họ trước một căn nhà tối om ở quận Tooting lúc bốn giờ sáng. Đứa con trai chắc không quá năm tuổi. Người đàn ông nọ bồng nó trong tay, vai trái anh ta quàng một cái túi xách thể thao. Anh ta thì thầm những câu líu ríu vào tai thằng bé bằng thứ tiếng tôi không hiểu được. Làm ơn ra sân bay Heathrow, anh ta bảo. Tôi liếc trộm họ qua kính, đều đặn thấy được khuôn mặt họ dưới ánh đèn đường: mắt thằng bé sụp xuống, người đàn ông tay vỗ nhẹ tóc con. Họ đang chạy trốn chăng? Ít ra thì tôi cứ muốn nghĩ như thế. Đêm đó

vắng lặng. Bố nhấn chân ga, chiếc xe nuốt chửng những dặm đường hướng tới ánh đèn sáng rỡ của sân bay. Lúc đến nơi, thằng bé đã thiếp đi, nét mặt người đàn ông đầy lo lắng, cơ trên hàm máy giật. Anh ta cho tôi tiền boa hậu hĩnh kèm cái gật đầu gọn lỏn, nhấc cái túi ra khỏi cốp sau, bế thằng bé đang ngủ lên rồi biến mất giữa những cửa kính trong sảnh đi. Tôi hình dung ra phen chờ đợi hồi hộp ở bàn thủ tục, cái nhìn thẳng trân về trước ở quầy soát hộ chiếu, và giây phút nhẹ nhõm khi máy bay nhấc mũi lên bầu trời.

"Nếu đi được, anh có về nhà không?" Tôi hỏi Anton khi chúng tôi luồn lách qua đám du khách nhốn nháo quanh Viện Bảo tàng Anh quốc. Anh ta bị mùi hành chiên thơm phức từ một quầy bánh mì kẹp xúc xích làm xao nhãng. Mãi đến lúc cả hai rẽ ở góc đường, đi men theo đường hàng rào dài, anh ta mới lại mở miệng.

"Khó lắm," anh nói.

"Hẳn rồi."

"Tui *hông* tiền đáp máy bay. Với lại tui đi rồi, chắc *hông* quay lại được nữa. Mà tui kể hôm qua rồi, có khi *hông* cha còn hơn cha chiếc như tui. Cái mặt tôi bợm bãi thế này, thấy *hông*? Tôi *hông* tiền bạc gì cho con bé."

Tôi tưởng tượng cảnh bố mình ngồi bên bàn viết, cộng mớ nợ nần, chai thuốc nằm trong cặp trên sàn.

"Nhưng chắc hẳn là..." Tôi nhận ra mình không biết nói gì với anh ta.

Cả hai bước tiếp trong im lặng. Tôi thầm trấn an quả tim mình: giờ ổn rồi, ổn rồi, sắp tới rồi, sắp tới rồi.

Tôi thấy một cái vớ nhỏ xíu ở Middleton Square, màu hồng, có dải ruy băng kết quanh mũi. Tôi dừng lại, nhặt nó lên, cho vào túi. Anton không để ý, hay anh ta có thấy mà không nói gì. Vừa bước tiếp, tôi vừa vân vê mặt ngoài chiếc vớ. Có một cái nơ bướm ở mặt trước, đính bằng một đường khâu đơn. Tôi cảm nhận được đường chỉ gồ chỗ đầu ngón chân, và có lẽ một vệt bùn, hay gì khác khô lại dính vào. Tôi tưởng tượng một con bé trong xe đẩy

cựa quậy, chọc bàn chân vào tấm che mưa bằng nhựa. Người đàn bà đẩy xe nôi tay xách nách mang những cái giỏ. Cô đang vội đến phòng khám của bác sĩ. Lần trước hai mẹ con bị trễ giờ khám và phải chờ đợi nhiều giờ liền. Trời đang mưa lạnh, nhưng cô nghe mồ hôi tuôn trong lần áo. Khi chiếc vớ rơi ra, con bé khóc toáng lên, vì không khí lạnh và tấm che mưa làm những ngón chân trần của nó khó chịu. Người mẹ không hay chiếc vớ rơi ra. Cô bị tiếng con khóc làm cho mệt phờ. Cô vén món tóc vương xuống mặt và đi tiếp.

Chúng tôi đứng lại trước thư viện. Nó là một toà nhà lớn, cong, dãy tường dưới các cửa sổ được nén chặt bằng những viên gạch ốp nhỏ tí màu xanh dương. Anton nhìn quán rượu bên kia đường thèm thuồng.

"Mình không có giấy," anh nói.

"Tôi sẽ xin."

Anton lắc đầu. "Tui *hông* muốn giấy xấu, *hông* giấy xấu."

Tôi bước về phía lối vào. Cửa kính trượt mở ra. Anton ở lại ngoài vỉa hè.

"Mình không cần phải..." Tôi quay lại chỗ anh. Hai cánh cửa bắt đầu khép lại nhưng cảm ứng được sự hiện diện của tôi nên lại mở ra như bị nấc cụt.

"Ừ, ừ. Tôi muốn..." Anton gồng vai lên. "Chỗ này là gì?"

"Thư viện," tôi đáp. "Anh tìm chỗ nào ngồi đi." Tôi vẫy tay về phía những cái bàn đặt giữa các kệ kim loại chứa sách, rồi bước lại bảng đề chữ "Hướng dẫn." Người ngồi sau quầy có bộ râu quai đỏ lốm đốm, mũi ngắn và to. Anh ta ngước mắt lên ngó tôi, tôi thấy được luồng suy nghĩ hiện ra trên mặt anh. Tôi nom không xấu, đừng nghĩ thế, nhưng khi chỉ có độc một bộ quần áo thì nó sẽ sờn đi nhanh chóng, London thì lại bẩn thỉu - làn da của mình phơi trong nó mà. Nếu bên ngoài trời mưa thì dễ hơn, người ta dễ thông cảm hơn vì thời tiết chơi xỏ làm mình bị ướt như chuột lột. Tôi cười với người đàn ông nọ, để ý không lộ cái răng gãy ở hàm dưới, cái mỉm cười đủ để bày tỏ thiện ý thôi.

“Tôi muốn nhờ anh giúp một việc,” tôi nói.

Anh ta trân trân ngó tôi ngờ vực, nhưng tôi cứ nói tiếp. “Tôi cần viết một bức thư.”

Anh ta dịch về sau một bước rất nhỏ nhưng rõ rành rành.

“Anh cho tôi xin hai tờ giấy nhé?” Tôi đề nghị. “Với cho tôi mượn cây viết.”

“Tôi không... ý là chúng tôi không...”

“Tôi sẽ rất lấy làm cảm kích.” Tôi lấy giọng kẻng nhất mà nói, nó han gỉ cả - cái lối phát âm ấy chẳng được ích lợi gì trong thế giới của tôi.

Anh ta nhăn mặt. Cái điện thoại bên phải anh ta rè khẽ, đèn nháy đỏ. Anh ta bóp ngón trỏ và ngón cái vào nhau. Đồng nghiệp của anh ta bắt điện thoại. Tôi chờ đợi.

“À có...” Anh ta lấy hai tờ giấy từ máy in sau bàn đưa cho tôi. “Và tôi thấy...” Anh ta nhặt lấy cây viết bi không nắp, đuôi lam nham vết cắn trên bàn phím máy tính.

Tôi cố hết sức để không ra vẻ giật chộp hai thứ ấy. “Cảm ơn anh.”

Anh ta hơi ngẩn ra. Tôi cười bồi cái nữa.

“Còn phong bì nữa,” anh ta nói. “Anh sẽ cần phong bì.” Anh ta ngừng nói. “Trừ khi anh có rồi?” Tôi lắc đầu. Anh ta quay đi, khom người mở một ngăn kéo. Chiếc áo khoác màu xanh biển của anh trượt lên làm lộ gấu sơ-mi nhàu và chỗ thịt phình ra bên hông.

“Anh tử tế quá,” tôi nói, cầm lấy cái phong bì. Anh ta hơi nghiêng đầu đáp lại.

Anton ồ lên khi tôi lỉnh kỉnh giấy, viết cùng phong bì tới. Nhiều cái đầu trong phòng ngẩng phắt lên, tôi đặt ngón tay lên môi làm hiệu cho anh ta im lặng. Anh ta đã chọn cái bàn gần cửa sổ, mấy cái kệ bao quanh. Báo trải khắp mặt bàn. Tôi chồng báo lại để đọc sau, rồi đặt giấy trắng trước mặt anh ta.

“Tờ này làm nháp,” Tôi nói, tách hai tờ ra. “Tờ này làm thật.” Đã lâu rồi tôi không viết.

Chúng tôi đang ở khu tiểu thuyết hư cấu. C - màu xanh biển y hệt màu bộ đồng phục đi học cũ của tôi; D - màu cam nhạt như bột nước cam uống liền; E - xám than sậm; F - màu trắng có sắc ngọc trai óng nhạt. Xưa mẹ tôi có một chuỗi ngọc trai - một món trong hằng hà quà tặng của bố tôi. Tôi cho thế là tội lỗi, mẹ lại bảo đó là lòng yêu. Mẹ con tôi bày chúng trên bàn ăn, nào là nhẫn với xuyến, nào là vòng cổ với trâm gài. Tôi bảo bà chọn ra hai món, chỉ hai món thôi. Tôi phải cứng giọng vì bà đang khóc, mà tôi không chịu nổi cảnh khóc than. Bà chọn chuỗi ngọc, và hộp trái tim nhỏ có lồng ảnh. Tấm ảnh của ông ấy nằm đối diện bà, được cắt không khớp phần khuôn lắm. Tôi ép mình im lặng.

Anton đọc cho tôi viết. Tôi cứ tưởng phải hỏi đi hỏi lại để giúp anh chọn những điều muốn viết, nhưng từ ngữ rơi ra đã là những câu thẳng thớm. Anh đã để tâm nghĩ về bức thư này từ lâu rồi.

Sylwia của bố - “Có chữ *w*, chữ *w* trong tiếng Anh đó,...Daniel...”

Bố viết cho con từ London, nước Anh. Ở đây rộng lớn, nhiều người. Bố nhớ con. Mỗi ngày bố thức dậy là nghĩ đến con. Bố thấy mặt con. Bố nghĩ từng ngày con xinh xắn thế nào. Bố ngủ trong nhà rất to.

Anh ta nhìn tôi, ánh mắt dò hỏi. Tôi gật đầu khích lệ.

Nó có cái vườn với hai hàng hoa lá, cái cây mọc nhiều trái táo. Con chắc thích chỗ này. Con thích đào xới vườn bằng cái xẻng con và làm hoa lớn.

Đôi khi bố nghĩ con đã quên bố rồi. Nếu con quên cũng không sao, Sylwia. Xa mặt thì cách lòng mà. Bố không quên con. Bố muốn - Không, không, bố ao ước - con nhớ đến bố.

Bố viết mà lòng nghĩ về con. Bố chưa từng thấy mặt con. Lúc mọi sự khó khăn, bố lo tới lúc tìm được con thì bố không nhận ra con. Bố lo lần ấy, người trên đường bố đụng là con, và bố đã phá đi cơ hội duy nhất mình có được. Dẫu vậy bố thường nghĩ bố không thể nào bỏ lỡ cơ hội ấy.

• • •

Người ta đâu thể nhớ một người chưa từng gặp mặt. Nhưng bố nhớ con.

• • •

Khó giải thích lắm con ơi. Có lẽ khi con lớn lên, bố kể con nghe. Nhưng bố về nhà sớm thôi. Mình lên núi đi chơi. Chân con giờ dài hơn rồi, con đi nhanh hơn bố. Con có thể kể bố nghe mọi chuyện từ hồi bố đi.

Một gã tóc vàng tết lọn dài đi chen qua bàn bố ngồi. Anh ta nhìn tôi với Anton mà vờ như không. Gã bốc một cuốn sách, bìa trước có hình đám lửa màu cam, rồi chuồn mất.

Con gái của bố. Bố muốn chỉ con xem London. Bố muốn ngắm đôi mắt con sáng lên khi thấy màu xanh lục của cầu Hammersmith, cái màu con thấy khi áp sát vào sơn mà nghe được mùi của nó. Bố muốn chỉ con những chỗ bố lui tới, những nơi bố để lại thông điệp. Một đoá thuỷ tiên màu vàng phai cắm giữa những thanh kẹp ống máng xối. Một cái móc áo màu bạc trên nhánh cây chìa ra. Một cái nút màu chu sa nhét giữa hai viên gạch bị gặm mòn bởi thời gian.

Toàn thứ bỏ đi ấy mà, chắc con sẽ bảo thế.

Không nhìn này. Nghe này.

Bố muốn kể con nghe về từ “chu sa”: nó là một loại khoáng vật, cũng có một loại bướm màu đỏ cam gọi là bướm chu sa đó. Thứ ấy có màu đỏ son, bóng sắc nhựa khiến con dễ nghĩ nó là thứ nhân tạo, nhưng nó hình thành dưới lòng đất, và bay lượn trên trời.

Bố muốn hỏi con lắm thứ lắm, Sylwia. Bố muốn biết về mỗi giây phút từ lúc bố đi. Mong là bố không bị ghét vì ra đi. Đi là để cứu giúp, bố đến đây để cứu giúp

nhà mình. Đôi khi chuyện không được như ý, cần có thời gian để bố trở lại nơi bố cần tới.

Bố thương mẹ con, Sylwia. Người lớn có lúc cãi nhau, nhưng bố yêu mẹ và con nữa.

Bố có hứa với con là sẽ về nhà, Sylwia. Phải ít lâu nữa, nhưng bố sẽ về nhà. Khi bố về rồi bố sẽ bế bổng con lên cho con nhìn trên đầu tất cả mọi người, cao đến nỗi con thấy cả nóc nhà và nói chuyện với đám chim. Nếu con giận bố, bố chờ được.

Chú Daniel bạn bố viết giúp bố thư này. Chú ấy là người tử tế. Bố yêu con, Sylwia.

Tato.

Nét chữ của tôi xấu từ nào tới giờ. Tôi nhìn nó bò lan như một con côn trùng mỏi mệt trên tờ giấy, để lại một vệt màu xanh sau lưng. Khi viết đến tên mình, tôi thấy nó có vẻ lạ lẫm làm sao. Tôi ngước lên và thấy người đàn ông chỗ quầy hồi nãy đang nhìn chúng tôi. Không biết anh ta có thích làm ở đây không nhỉ, liệu tất thảy câu chữ nơi này đối với anh ta là gánh nặng hay vận hội nhỉ.

"Tôi viết lại cho sạch đã." Tôi nói. Anton và bố cùng nhìn vào nét chữ lổm ngổm trên giấy.

Anh ta gật đầu. "Xong rồi tôi vẽ cho con bé."

Cái thư thật không khác mấy so với bản nháp, nhưng Anton không bình luận gì. Anh ta cầm tờ giấy cùng cây viết tôi đưa và bắt đầu vẽ đường viền quanh phần chữ. Tôi nhìn anh ta nhíu mày lại mà vẽ ra những chiếc lá đan nhau, và những bông hoa hiện lên dưới ngòi viết. Từng tuổi này rồi mà tôi vẫn còn bị người đời làm cho sửng sốt.

Tôi quay sang đống báo, vì lúc nào cũng có một cơ hội tìm thấy con đâu đó. Cái ngày tôi buông bỏ có thể là ngày tôi nhận được thứ mình đang tìm.

• • •

Điều lạ lùng là suýt nữa bố không thấy nó. Ý bố là bố có nhìn ra, rồi đọc tiếp, vì khi con tìm kiếm gì đó lâu như bố bấy lâu, ý nghĩ về nó mạnh mẽ, rõ rệt trong trí đến nỗi con phải gắng sức lắm mới nhận ra phiên bản của nó trong đời thực.

Bố đã tìm tên con ngần ấy năm, từ khi bố biết được cái tên ấy. Không chỉ trên báo, cả trên radio, gáy sách, máy tính, cả trên bia mộ.

Bố thấy tên ông ấy chứ không phải con - cái tên màu đen thoáng màu bạc và vàng kim. Tin ấy trên tờ *The Times*, cũng không có gì đáng ngạc nhiên. Bố lật qua trang kế mới bừng nhận ra sự liên quan của cái tên ấy, mạnh như một quả đấm thụi vào cổ. Tim bố đánh thót trong lồng ngực, bố phải nhắm mắt lại mà thở.

Khi bố mở mắt ra, Anton vẫn còn đang vẽ một kiểu hoa hồng tinh tế; người đàn ông chỗ quầy thì mải gõ bàn phím máy tính. Một phụ nữ đi ngang cửa sổ, điện thoại áp vào tai. Tờ báo nằm trước mặt bố trên bàn. Bố lật trang.

Tin vắn nêu tên ông ấy, không phải tên con. Nhưng khi bố gắng tập trung đọc phần chữ nhỏ bên dưới, bố thấy con trong đó, màu xanh dương nước băng nằm cuối một dòng chữ.

Ngày đưa tang là ngày mai, một ngọn đồi, ngày thứ Năm xanh lục lung linh.

Bố hình dung là con rất buồn, điều này làm tim bố đau nhói. Bố nắm trọn chiếc vớ em bé nhỏ xíu trong túi vào tay mình.

Nhiều khi người ta in nhầm ngày, nhầm giờ thì sao.

Bố không được hoảng.

Bố xé mẩu báo có tin ấy từng chút một, không thành tiếng để người đàn ông chỗ quầy khỏi nghe thấy. Anton ngẩng lên, nhưng bố không nhìn vào mắt anh ta. Bố gấp tờ báo, đặt mảnh xé vào túi trong có cái vớ, viên chỉ màu và thuốc xịt trợ tim. Bố nhớ mẩu tin ấy nói gì rồi, nhưng không chịu nổi nếu làm mất nó.

• • •

Ngày ấy tôi mặc cái áo khoác có đốm bẩn trên ve áo dự đám tang bố mình. Tôi không muốn đi chút nào, nhưng mẹ cứ gõ cửa phòng miết cho tới khi tôi chịu mở, rồi bà đứng ngay đó chờ tôi thay đồ xong. Hôm ấy trời quang, cũng như bữa nay. Không khí ấm áp, bầu trời toàn một màu xanh dương sắc hè. Nhiều ngày qua, tôi không gội đầu. Da đầu ngứa ngáy. Mắt thì đau nhức.

Có mười người dự tang. Tôi không biết sáu người trong số đó. Một người có nước da màu cam Florida, mặc một bộ com-lê xám. Tôi hình dung cảnh ông ta trong một căn phòng có mành che kéo ngang cửa sổ, cái bàn xanh lục bày những lá bài ngửa, cười mỉm trong khi bố tôi thua mất mớ tiền không thuộc về ông. Vị mục sư lầm rầm cầu khấn, đọc vấp tên người đã khuất. Sau đó, ngoài nhà thờ, người đàn ông trong bộ com-lê cắt khéo bắt tay tôi, nói rằng ông nghe tin mà thương tiếc, rằng bố tôi đã là một người bạn, người đàn ông tốt. Giọng ông ta trầm ấm và chắc nịch. Móng tay có vẻ được tỉa tót. Tôi không nói gì cả.

"Daniel, anh không khoẻ hở?" Giọng của Anton nghe sao xa xôi cứ như tôi đang dưới nước, hoặc bị cóng tai.

"Tôi cần..." Tôi ngừng, rồi lại nói. "Có một cái..." Tôi lắc đầu. "Tôi phải..."

Anh ta nhíu mắt nhìn.

"Đây, bỏ vào phong bì, rồi mình còn phải đề địa chỉ." Tôi rút phong bì từ dưới lá thư, ẩy về phía anh ta. "Còn tem nữa, anh cần một con tem." Tôi thấy nét sợ loé trên mặt anh ta. "Có một bưu điện trên đại lộ Rosebery gần chợ, ngay trên đồi. Anh có tiền lẻ không?" Lẽ ra tôi không nên bày ra vụ này. Tôi còn có việc phải làm.

Thở nào, thở nào, thở nào. Không có Anton thì tôi không đời nào biết được. Tôi không muốn con nghĩ tôi là kẻ không có danh dự. Tôi gấp lá thư

làm đôi, rồi làm tư. Anh ta đã biến nó thành thứ đẹp đẽ, dù chữ tôi thật xấu xí.

Anton lôi trong túi ra một mẩu giấy nhàu nhĩ. Thoạt nhìn tôi không hiểu, nhưng rồi lờ mờ nhận ra cái địa chỉ, bèn chép từng chữ cái một lên phong thư. Tôi với anh ta đứng dậy. Người đàn ông chỗ quầy ngẩng lên dòm chừng. Tôi tiến lại chỗ anh ta.

"Cảm ơn anh," tôi nói, mặc dù lẽ ra tôi phải đang ở ngoài kia, đi gặp con; tôi phải tới đó chờ. "Cảm ơn anh. Bạn tôi viết thư cho đứa con gái ở Ba Lan. Cảm ơn anh giúp đỡ." Tôi đặt trả cây viết lên quầy.

Anton gật đầu, vỗ nhẹ phong thư và mỉm cười. Bọn tôi đi sắp khỏi cửa, suýt không nghe anh ta nói với theo.

"Hai ông có tiền mua tem chưa?" anh ta hỏi.

Tôi ngoái nhìn. Nụ cười của anh ta có vẻ tự mãn. Đôi lúc người ta cư xử như thế khi cảm thấy mình đang làm điều tốt. Tôi chưa từng khó chịu khi gặp trường hợp như vậy, dù nhiều người ngược lại. Tôi nhìn Anton dò ý. Anh ta lắc đầu.

"Chờ chút." Người đàn ông dúi tay vào một túi quần, rồi túi kia. Anh ta giơ ra đồng một bảng. "Chừng này chắc đủ gửi lá thư," anh ta nói. Giọng anh ta cao lên, như đang đòi hỏi gì đó.

Anton nhận đồng tiền. Móng tay của anh ta dài như móng đàn bà. Anh ta khẽ gật đầu, rồi nhìn ra cửa. Người đàn ông chỗ quầy ngần ngừ, rồi nhún vai chào, quay sang phục vụ một phụ nữ trẻ ôm chồng sách.

• • •

Hàng người ở bưu điện dài sọc, đợi chờ lâu lắc. Phải nhích từng chút lên trước cùng những người kia. Người ta âm thầm dịch ra xa chúng tôi. Mới đầu tôi mặc kệ, vì ý nghĩ về con đã gần sát bên, và tôi không thể nghĩ nhanh

hơn nhịp đập tim mình. Nhưng rồi tôi đâm lo. Tôi đã quen với mùi của mình. Tôi đã quen với chuyện gấu quần áo của mình tưa bét. Tôi cố trấn tĩnh.

Anton hôn lên phong thư, rồi bỏ nó vào cái miệng màu đỏ của thùng thư. “Anh phải đi rồi. Cảm ơn anh, Daniel.”

“Gặp lại anh sau,” tôi nói.

Anh ta lúc lắc đầu. “Có lẽ, Daniel.” Chú ấy nói đúng.

Người ta chẳng biết được điều gì có thể xảy tới.

11.

Mười ý nghĩ không thích hợp khi tôi dự tang bố

Làm thế quái nào máy bay nặng như thế lại bay được?

Ông thương chị Tilly và chị Cee nhiều hơn tôi.

Có một túi đồ lót chưa giặt trong cái ba-lô bị mất của tôi.

Anh Kal trông khá ổn. Anh ấy đã tìm được người khác, tôi chắc mẩm như thế.

Chắc chắn cái sự chết của một ông bác sĩ có gì đó mỉa mai.

Tôi không tin Chúa.

Cái máy đóng rèm tự động trước quan tài bao nhiêu tiền?

Nếu tôi bảo anh Kal mình đã đổi ý thì sao?

Ông mục sư nhìn hao hao Sean Connery.

Tôi muốn trở về nhà, lôi mấy chai whisky ra nốc sạch.

Tôi lạnh, từ khi ông chết tôi cứ thấy lạnh. Bên ngoài, trời một màu xanh thẳm vô vị. Tôi đang mặc bộ quần áo mua hôm qua: quần ôm màu đen, áo khoác đen có một cái nơ bướm đính ở cổ mà tôi không thích lắm. Tôi xem xét mình trước gương phòng tắm, môi ngậm bàn chải đánh răng. Cái lạnh đang cướp đi vẻ tươi sáng của làn da, kẹp miệng tôi nhỏ lại, thu hẹp đôi mắt tôi.

Khi tôi xuống lầu, họ đều đứng trong phòng khách, dù có đủ chỗ ngồi cho hết thảy. Mấy đứa con trai của chị Cee lảng vảng gần lò sưởi, lóng ngóng trong bộ com-lê tối màu mới cứng. Chị Tilly mặc một bộ đầm dệt kim đen dài lượn ôm lấy eo. Chị Cee gọn gàng trong bộ com-lê vải lanh màu đen. Chị đánh phấn mắt màu xanh dương như là sắp đi tiệc tùng. Tôi đứng lại ở cửa, trong thoáng chốc cảm thấy họ chỉ là một đám người xa lạ, họ thuộc về gia đình ai khác, và tôi chẳng liên quan gì với họ. Ánh mắt mọi người cứ đảo về phía cửa sổ; mỗi lần có xe hơi chạy ngang căn phòng lại rục rịch.

"Mười một giờ là họ tới," anh Steve nói. Đôi môi anh dày, lúc nào trông cũng ướt rượt. Anh kéo tay áo lên để xem đồng hồ. Nhìn cái bộ anh chạm nó cũng đủ biết đồng hồ đắt tiền. "Còn chừng mười phút." Anh ngẩng phắt đầu lên như kiếm tìm lời đồng tình. Chị Cee ôm chặt cánh tay anh. "Em đi hút điếu thuốc đây," tôi nói. "Ngay trước nhà thôi." Chị Cee tặc lưỡi rõ mồn một, tôi thấy chị với anh Steve liếc nhìn nhau.

"Người ta tới bây giờ đấy, Alice," chị nói.

Tay tôi run run khi châm điếu thuốc. Tôi hít hơi thuốc vào phổi, nhưng không thấy đỡ tí nào. Có tiếng cửa trước đóng lại sau lưng, tôi chuẩn bị nghe chị Cee lên lớp, nhưng người ra là chị Tilly. Chị ngồi lên tường cạnh tôi.

"Cho chị một điếu nhé?" Chị nói.

"Chị đâu có hút thuốc."

“Chị muốn làm một điếu.”

“Hại ghê lắm chị à.” Tôi mồi cho chị một điếu. Chị hít một hơi cạn xìu, rồi bắt đầu ho sặc. Chị thẹn thùng cười, tôi cười đáp.

“Chị cứ nghĩ về mẹ,” chị Tilly nói.

Tôi búng tàn điếu thuốc, nhìn tro bay xuống bậc thềm.

“Lúc đó em còn nhỏ quá,” chị nói. “Chị còn nhớ em nhỏ xíu, chị thấy mình phải thay mẹ chăm lo cho em, mà không biết làm cách nào.”

Tôi nhìn trân trân xuống đường. Những cái cây gieo bóng râm thô tháp lên vỉa hè. Tôi nhớ lại cái cặp có thêu hình nữ diễn viên ba-lê. Không biết chuyện gì xảy ra với nó rồi.

“Chị làm được đó chứ,” tôi nói.

“Chị làm tốt mà.” Chị Tilly cười gượng.

“Chắc mọi người đều đổ lỗi cho em,” tôi nói.

“Gì chứ?”

“Thì mẹ đó. Vì hôm đó mẹ lái xe đi rước em mà.”

“Alice ơi. Đừng, em không được nghĩ vậy.”

Chúng tôi hút thuốc trong câm lặng.

“Alice à?” Giọng chị Tilly có chút gắt gỏng.

“Sao chị?”

“Chị muốn... Chuyện là chị có kể...”

“Họ tới rồi.” Tôi chỉ cái xe tang đen chạy chầm chậm vào con đường tới chỗ chúng tôi, theo sau là hai chiếc Mercedes dài cũng màu đen.

“Họ tới rồi,” Chị Tilly vọng lại lời tôi, rồi nhìn điếu thuốc trên tay như không biết nó là thứ gì.

Quan tài chứa ông nằm trên sàn thấp của chiếc xe tang. Nó làm bằng gỗ đỏ, được đánh bóng để từng đoá hoa cánh trắng bên trên phản chiếu lên nắp quan. Cửa trước xịch mở khi xe dừng hẳn. Có một loạt chuyển động

phía sau chúng tôi, chị Cee cằn nhằn bọn trẻ, nhắc mang khăn giấy, tắt điện thoại di động, chỉnh cà vạt cho thẳng. Chị Tilly nắm tay tôi, siết chặt.

"Đám tang mẹ cũng thế này," chị nói. "Cứ như không có thật."

Một người đàn ông mặt u sầu, đi chầm chậm một cách cố ý lên bậc thềm. "Chào Cecilia, Matilda, Alice." Ông bắt tay, gật đầu khi gọi tên chị em tôi. Bàn tay ông to, làn da mát lạnh: dễ chịu thật. "Các cô xong xuôi chưa?" Ông hỏi. Ông nhìn vào mắt tôi, tôi muốn nói là chưa, tôi chưa sẵn sàng cho bất kỳ cái gì cả. Thực sự, tôi chưa hề sẵn sàng. Nhưng tôi chỉ nhìn xuống, đi theo ông. Tôi mang đôi giày cao gót mà tôi tìm được trong phòng cũ, tôi không thể nhớ mình đã để giày trong đó. Tôi ngó đôi bàn chân mình trên bậc thềm - giày da bóng mũi nhọn - rồi muộn màng tôi nhớ ra lần cuối mình mang đôi này là cái hôm đi ăn tối cùng anh Kal, khi tôi nói với anh rằng tôi không chịu đựng được nữa, trừ khi có thay đổi, trừ khi hai đứa có thể thôi giả vờ. Không phải chuyện giả vờ, tụi mình đâu có giả vờ, anh bảo. Thì cũng sắp sửa như vậy rồi, tôi đáp.

Tôi để người đó lùa mình vào sau chiếc xe đen, rồi ngồi ken giữa hai bà chị. Lúc nào họ cũng khiến tôi thấy mình nhỏ nhít.

Tôi biết nếu tôi nhìn lên sẽ thấy bà Williams đứng bên cửa sổ nhà bà ngó ra, tay bế con mèo. Thay vì vậy, tôi nhìn trân trân chiếc xe tang. Từ chỗ mình, tôi thấy được chữ *Granddad* toát màu hồng tía nằm trên cửa kính sau. Tôi ngó qua chị Cee. Chị đang nhìn thẳng trước mặt. Tôi không nói gì.

Xe chạy như đang đều đều ngược gió. Ánh nắng, bóng râm và màu sắc lướt qua cửa sổ, nhưng tôi chỉ cúi đầu, nhìn vào cái vỏ bóng loáng của cần gạt số.

"Ước gì mình không phải đi đưa tới hai lần," chị Tilly nói.

"Bố muốn vậy," chị Cee đáp. Câu nói của chị nghe cộc lốc. "Bố muốn nhà mình tới nhà thiêu, rồi cầu nguyện ở nhà thờ."

Chị Tilly thở dài. "Hồi đó mình đưa mẹ cũng vậy à?"

Chị Cee húng hắng, tay ép chặt vào miệng. "Chị nhớ không rõ nữa," chị

đáp.

"Mẹ tự tử hay sao?" Tôi nói mà không nghĩ.

"Alice, vì Chúa." Chị Cee trừng mắt ngó vào gáy người lái xe. Tôi nhìn đôi tay bồn chồn trong lòng chị Tilly.

"Em hỏi cho biết thôi mà." Tôi khoanh tay lại trước ngực. "Không phải bữa đó mẹ đi sai hướng hay sao?"

Hai bà chị không trả lời. "Có khi mẹ bỏ đi," tôi nói.

Hình như tôi nghe chị Cee lầm bầm "giống mày đó" không thành tiếng, không chắc nữa.

Chúng tôi tới đó nhanh quá. Tôi áp sát chị Tilly, tay đan vào ngón tay chị. Chúng tôi bước đi giữa hai cây cột to, vào một căn phòng trải thảm, có những băng ghế gỗ đặt dài hai bên, giống một thánh đường. Bốn người nam tôi không quen biết khiêng quan tài trước mặt chúng tôi. Họ đặt nó cẩn thận lên một cái bàn hẹp. Họ hẳn từng làm chuyện này rồi. Những tấm màn vải nhung màu vàng. Quan tài nằm trên những bánh lăn. Bố tôi đã...

Người phụ nữ làm lễ có giọng nói êm mà gắt. Bà cứ lặp đi lặp lại "vinh danh sự sống." Mấy đứa cháu trai ngồi sau tôi, lọt thỏm vào ghế. Tôi ước anh Kal ở đây, vòng tay ôm lấy vai tôi.

Lẽ ra tôi phải quay lại, nói chuyện với bố. Tôi không biết mình đã nghĩ cái giống gì nữa, sao lại cố trừng phạt ông khi chẳng còn mấy thời gian. Tôi nhớ lại buổi tối ông ngồi trong quán ăn Tây Ban Nha, đối diện với tôi bên cái bàn nhỏ hình tròn có khăn trải màu đỏ. Quanh cây nến là mấy chiếc đĩa sâu lòng tráng men mờ. Ông hỏi tôi, con có chắc chuyện con đang làm là đúng đắn hay chăng. Bố tưởng việc làm của con đang trôi chảy. Tôi đáp, đúng là thế, nhưng con phải rời đi. Rời bỏ không phải là lựa chọn duy nhất đâu Alice à, ông nói. Đôi khi cũng đáng kiên trì ở lại, làm cho mọi thứ ổn thoả.

Nếu tôi đã ở lại, tôi đã gần ông nhiều hơn. Ngược lại... Người phụ nữ thôi nói. Chị Tilly nắm chặt tay tôi, chặt tới nỗi làm tôi đau. Những tấm màn

kéo lại, rồi nối liền thành một bức tường màu vàng. Chắc ai đó đã lập công ty hẳn hoi, chuyên bán những tấm màn tự kéo, để làm quan tài biến mất sau một cái bấm nút. Tôi nghe tiếng rền của một cái máy khác, các bánh lăn bắt đầu chạy. Tôi tưởng tượng ông nằm trong quan tài, dịch chuyển về phía nguồn nhiệt.

Có nhiều năm, vào mỗi Giáng Sinh, ông đưa chúng tôi đi xem múa ba-lê. Ông vận com-lê, ba chị em diện đầm mới, mang giày bóng loáng. Những lần huyên náo, vui nhộn ấy. Một chỗ ngồi riêng, ghế đệm nhung đỏ trông ra hai cánh gà. Mọi thứ đều diềm vàng, lấp lánh. Ánh sáng mờ đi, rồi đến giây phút đợi chờ im lặng, trước khi hai cánh rèm mở ra như có phép thần, thế là vở diễn bắt đầu. Tôi thích ngắm diễn viên khi họ rời sân khấu, cách mà họ biến đổi thành người thật ngoài đời, xa ánh đèn biểu diễn.

Xong rồi. Chúng tôi đứng dậy. Tiếng nhạc nhè nhẹ tỏa từ những cái loa, tôi nghĩ là Fauré. Chúng tôi rời băng ghế, đi dọc lối trải thảm ra cửa. Kết thúc rồi. Ông đi rồi.

Chiếc xe tang cũng đã đi mất. Tôi tự hỏi có phải nó đang trên đường tới một đám tang khác hay không. Chữ *Granddad* đã được đặt lên ngăn đen phía sau của một trong những chiếc xe. Bố không thích nó đâu. Hẳn ông cho rằng nó loè loẹt.

Chúng tôi rẽ khỏi đường chính của Hampstead, chậm dần lại rồi ngừng bên ngoài nhà thờ. Những cái cây treo cành trĩu lá phía trên một hàng rào sắt màu đen, hắt ánh nắng lốm đốm lên những tấm lát sân bằng bê tông. Mãi đến lúc rời hẳn xe tôi mới trông thấy anh Kal.

Bụng dạ tôi nôn nao, chân cẳng cuống cuồng. Anh đứng gần vòm lối vào sân nhà thờ, nhìn tôi. Mắt sẫm. Miệng rộng. Tôi quay đi. Tôi nhìn lướt con đường - một hàng cây dọc tim đường; một ngôi nhà bằng ván gỗ có cửa vàng; một nghĩa trang sau hàng rào cao; một người đàn ông mặc áo khoác cũ bằng vải wax, tay ông giơ lên như đang chào ai đó. Tôi nghe được nhịp đập tim mình.

Chị Tilly đứng sát tôi. Tôi ngó chị trân trân.

“Chị đã cố tìm dịp báo trước với em, Alice à. Cậu ấy muốn biết tin. Chị hiểu bố có... Nhưng hai người hoà thuận mà, phải không?”

Bố mà anh ta từng cùng uống whisky, bàn luận điểm số bóng chày và bài đăng trên tờ BMJ, những tranh đấu chính trị trong ngành y.

“Chị không có quyền,” tôi rít lên.

Chị chạm vào tay tôi, tôi phải ép mình không xô chị ra. Tôi so vai, quay lại đối mặt với thánh đường, với anh Kal.

Anh mặc bộ com-lê. Xưa, tôi luôn tưởng tượng anh mặc com-lê. Thôi đi. Anh chỉ cần nhích người, chỉ cần một bước sang bên, hay đi vào thánh đường thì sẽ dễ dàng cho tôi biết mấy. Đằng này anh cứ đứng yên, nhìn tôi. Đôi mắt ấy. Thôi đi. Tôi gập ngón tay, siết chặt cánh tay chị Tilly.

“Đừng bỏ em,” tôi thì thầm.

“Không bỏ đâu mà.” Bàn tay chị đặt lên tay tôi.

Tôi bước lướt qua anh. Tôi cố sức bước qua anh. “Alice ơi.” Anh chỉ nói mỗi một câu.

Tôi gần như chao đảo. Tôi gật đầu theo hướng anh đứng, nhưng không thể nhìn anh. Tôi dán mắt vào nhà thờ. Cửa chính và cửa sổ bên phải không thẳng; có thể thấy những chỗ trát lại để che vết nứt trên tường. Chắc móng nhà bị sao đó.

Chị Tilly dẫn tôi vào trong. Trần thánh đường nâng cao thành những vòm trắng bên trên chúng tôi. Những đường xoắn màu vàng kim bò lên, lan xa, như dây thừng trong hoạ phẩm. Chúng tôi vào chỗ ghế đầu. Tôi dán mắt lên bệ thờ, nghĩ về mấy tấm màn nhung màu vàng ở chỗ nhà thiêu. Tôi nghĩ về chiếc giường bị lột tấm trải của bố, rồi nghĩ về cảnh mẹ tôi ngồi sau tay lái, ca-pô xe rúm ró như mảnh giấy nhàu, kính trước tan nát. Chị Tilly có lần kể người mẹ không một vết xây xước, tôi không tin.

Thánh đường đầy những tiếng khẽ khàng: bước chân, thầm thì, người ta

loay hoay suốt buổi lễ, xê xích mấy cái gối quỳ cầu nguyện, tìm tư thế thoải mái. Tôi cho phép mình liếc quanh một vòng. Anh Kal ngồi bên kia lối đi, vài hàng ghế sau. Anh đang đeo cái cà vạt tôi mua ở Việt Nam tặng anh. Đó là chuyến đi đầu tiên từ lúc tôi dọn về ở với anh. Tôi nhớ lúc đứng trong tiệm, tay mân mê những màu vải, vẫy tay xua người bán hàng sốt sắng quá mức. Khi tôi đưa tặng, anh Kal nói, cái này có màu mắt em. Đâu phải, tôi đáp. Anh nói, mỗi lần đeo nó anh sẽ nhớ đến màu mắt em. Thôi đi.

Ông Hugo Wells đọc điếu văn đầu tiên. Ông làm việc cùng bố. Mái tóc bạc cắt ngắn, râu quai nón tỉa gọn. Đôi bàn tay khẳng khiu. Tôi nhớ lần bố nói đó là tay của người chơi dương cầm, chủ nhân đôi tay ấy là của bác sĩ phẫu thuật giỏi nhất bố từng làm chung. Giọng của ông khoẻ và chắc nịch. *Tại sao ta phải chịu nỗi xa mặt cách lòng? Ta đang đợi người, đợi đến lúc dừng nghỉ, nơi nào đó gần gụi, không hề xa xôi. Mọi thứ đều tốt. Không có khổ đau, không có mất mát.* Ánh sáng lọc qua kính màu thành sắc vàng kim, ánh trên những món đồ đồng, ra vẻ rằng thế giới này đẹp đẽ.

Tôi không thể tập trung nghe lời kinh. Lòng tôi quằn quại. Đầu anh Kal cúi xuống. Anh không thấy tôi. Có lẽ em đã lầm. Có lẽ chúng mình có thể tiếp tục như trước. Có lẽ chúng mình có thể thử lại.

Chị Tilly đứng lên, bước vấp víu lên bục giảng kinh. Chị ngẩng đầu lên, hồi hộp một nụ cười hé. Tôi khuyến khích chị.

“Bố của chúng tôi là một người đặc biệt.” Giọng chị run run rồi trở lại bình thường. “Chúng tôi may mắn được gần gụi với ông.” Mọi người cử động, gật gù. “Ông là một người lặng lẽ, nghiêm túc, chăm chỉ, mà cũng thật có khiếu hài hước.” Chị liếc chị Cee và tôi, tôi thấy mình nhoẻn cười, gật đầu. “Khi tôi mười tuổi, còn em Cee tám tuổi, lúc ấy em Alice vẫn chưa chào đời, chúng tôi đi nghỉ ở Normandy.”

Tất cả những gì tôi nghe được là tiếng máu dồn lên tai. Trước khi em Alice chào đời, mọi thứ đều tốt đẹp. Trước khi em Alice chào đời, bố không lạc lõng đến thế, không chán chường đến thế. Tôi nhớ lần chị Cee trừng

mắt tức giận, nắm tay chống nạnh, tuyên bố xanh rờn rằng đúng lý thì tôi không được sinh ra, rằng tôi là một sai lầm cực kỳ khủng khiếp, rằng tôi ra đời khiến bố mẹ bất hoà. Tôi khóc, chạy đi tìm bố. Lúc đó chắc tôi sáu hay bảy tuổi. Ông bế tôi vào lòng, vén mớ tóc che mắt tôi, dỗ dành đến lúc tôi dịu lại để kể lại được trong tiếng nấc. Ông chối, tất nhiên ông chối, bảo rằng tôi là đứa con đẹp đẽ, được chào đón, là một món quà đối với bố và mẹ. Ông bảo rằng ông thương tôi, không có chuyện lỡ lầm gì hết, rằng ông sẽ mắng Cecilia, bởi những lời chị nói thật là độc ác. Cố nhiên, tôi ra khỏi phòng làm việc của ông mà trong lòng bán tín bán nghi, nỗi ngờ vực ấy cứ dai dẳng như hòn sỏi bị sóng đánh mòn mắc trong cuống họng.

Tôi nhắm mắt và ép mình nhớ lại: lúc ăn kem trên cầu Westminster, bên cạnh là bố đang gắng giảng giải cho chúng tôi về chính trị. Những buổi sáng sau đêm Giáng Sinh - một chiếc vớ của bố dưới chân giường mỗi đứa, mặt dưới vớ màu cam, bởi hồi bố còn nhỏ, bố luôn mang vớ có mặt dưới màu cam như thế. Tôi nhớ lễ tốt nghiệp, khi bố nắm lấy vai tôi, và tôi thấy được ánh tự hào ngời lên trong mắt ông.

Tôi nhìn đôi môi của chị Tilly mấp máy. Tôi cố gắng định tâm nghe chị nói. "Tôi nhớ lúc ông bế bổng em Alice đặt lên vai ông để cho con bé nhìn từ trên đám đông," chị nói.

Khi ấy có diễu hành gì đó, đường phố đầy những người. Tôi còn nhỏ quá đâu thấy gì, lại quá lớn để được bồng bế. Tôi nhớ lúc vịn tóc ông, chân thõng trước ngực ông - run rẩy nhưng an toàn, trên đỉnh của cả thế giới.

"Chúng tôi luôn cảm thấy được tình yêu thương dạt dào của ông. Chúng tôi biết rằng ông là người sẵn sàng hi sinh trong cuộc sống riêng cho chúng tôi khi cần thiết." Chị Tilly thở run run, tiếng ấy được mi-crô phóng to lên. "Chúng ta sẽ nhớ ông rất nhiều." Chị cúi đầu chào, lảo đảo bước khỏi bục giảng kinh, đi về băng ghế. Chị vừa yên vị xong là oà lên khóc. Khi chúng tôi đứng dậy hát bài sau cùng, tôi vòng tay ôm vai chị, gắng giữ chị thẳng người. *Chúa là Đấng chăn giữ tôi*, tôi hát dù trong lòng không hề tin điều đó.

• • •

Có lần anh Kal bảo tôi: “Em thật may mắn khi có một người bố như bố em.”

“Sao lại thế, lúc cần thì có ai thấy bố đâu?”

“Nói vậy không đúng.”

“Bác sĩ cùng kíp mổ bảo thế.”

“Anh quý bố em.”

“Em cũng vậy.”

“Mà ông không...”

“Sao?”

Anh nhún vai, mắt anh nhắm lại theo cái cách tôi vẫn thấy, lúc hai đứa sắp sửa nói đến chuyện bố mẹ của anh.

Tôi tưởng tượng anh Kal ngồi mé bên trái, phía sau. Nếu bố của anh chết đi, chẳng có ai sẽ nghĩ tới chuyện báo tôi hay. Tôi thường hay tưởng tượng nọ kia về gia đình anh. Lúc anh qua bên nhà anh ăn tối, tôi sẽ một mình xử chai rượu vang trong căn hộ, mường tượng ra nhà bố mẹ anh, từ tấm thảm chỗ lối vào tới những tấm gạch ốp có hoa văn cẩm thạch trong phòng tắm. Tôi dựng nên cuộc nói chuyện trong bữa cơm nhà họ. Con có quen cô nào tốt chưa, hở Khalif? Chưa có ai đâu ummi (mẹ trong tiếng Ấn Độ). Con phải lo mà tính đi chứ. Con gái bà Abad mới tốt nghiệp trường Cambridge đấy. Để rồi ummi lấy ảnh nó cho con.

• • •

Một lần nữa, tang lễ kết thúc. Tôi cùng chị Tilly bước xuống lối đi trở ra

ngoài, cảm thấy những cái nhìn xoi mói của người ta vấn vít chị em tôi. Ai đó đang chơi đàn ống, không hay lắm, tiếng đàn ngập ngừng khi tới những đoạn trúc trắc. Đàn như vậy thì bố sẽ chê. Chẳng có gì vừa ý hết, tiếng đàn kia, những bông hoa được đặt trên băng ghế sau thánh đường, hay bất cứ thứ gì.

Chị Cee dàn chúng tôi thành một hàng gần cửa. Tôi để người ta bắt tay và nói những gì họ cần nói. Tôi chẳng biết đám người này là ai với ai.

Tôi đang chờ anh Kal. Ngay khi trông thấy anh, tim tôi đập dồn, tôi nghe dòng adrenaline xộc lên trong người, tôi toan chạy đi. Có khi anh sẽ chỉ lướt qua thôi. Nhưng không. Anh nắm tay tôi, khiến tôi sốc muốn nín thở. “Alice, anh rất tiếc...”

Tôi nuốt khan khó nhọc. Tôi không thốt nên lời.

“Ông là người tốt.”

Bố làm thân với anh Kal nhanh hơn chị Cee. Họ nói chuyện về hệ thống chăm sóc sức khỏe quốc gia và môn bóng chày. Cứ mỗi Giáng sinh, anh Kal lại biếu ông một chai whisky mạch nha.

“Em khoẻ không?” Anh hỏi.

Tôi nhướn mày.

“Anh xin lỗi, anh... Nghe nói là em đi xa.”

Tôi nhớ về Mông Cổ: màu của mặt đất khi mặt trời chìm xuống đường chân trời; vài cái lều, bóng ngựa lác đác, thinh không mênh mang.

“Thôi anh để em tiếp tục,” anh nói, liếc nhanh hàng người nhấp nhô phía sau.

“Mọi người sắp họp mặt.” Những chữ này tuôn ra vội vã. “Ở nhà em.” Tôi nhìn xuống đôi giày da bóng, tự hỏi anh còn nhớ đôi này không.

Anh ngập ngừng một vài giây, rồi đáp. “Vậy thì hay quá. Cảm ơn em. Anh muốn nâng ly tưởng nhớ ông.” Tôi cắn móng tay.

“Gặp lại em thật là tốt, Alice à.”

Tôi gắng gượng kềm lòng tới khi anh bước ra đường, rồi tôi quay mặt vào tường nhà thờ. Tiếng nấc bật lên từ trong tim tôi, bẻ gập người tôi lại. Nghe như một bàn tay vuốt dọc sống lưng tôi. Không phải bàn tay anh. Người ta cứ ùa ra từ trong thánh đường. Tôi chả quan tâm.

"Alice à, thôi gắng đi nào." Chị Cee với qua tôi. Có một người đàn ông lạ đứng cạnh cửa nhà thờ. Ông có vẻ ngập ngừng. Ông nên cạo râu, tắm rửa cho sạch sẽ. Tôi để chị Cee dẫn bước. Tôi quyết định là mình sẽ đi ngủ khi về tới nhà. Sẽ trốn dưới cái chăn lông. Sẽ chốt chặt cửa phòng.

Nhưng nhà đông ken người, thế là tôi bị xua ra phòng khách. Hai cái bàn dài trải khăn trắng, nằm trước dãy kệ sách. Tôi chẳng biết chúng ở đâu ra. Trên một bàn là hàng ly rượu vang, vài ly đã được rót rượu trắng, rượu đỏ. Ở bên trái là mớ ly lùn nằm cạnh bộ sưu tập whisky của bố. Bàn thứ hai đầy trĩu đồ ăn. Trông cứ bất kính thế nào.

Anh Kal đứng cạnh lò sưởi; anh cầm nửa ly rượu whisky màu mật ong, trò chuyện với một ông già chắc chừng tám mươi, làn da ông khô nhăn như vỏ trái hồ đào, làn tóc bạc mỏng lơ thơ trên vầng trán điểm đồi mồi. Tôi nhận ra rằng mình sẽ không bao giờ biết được hình dáng của bố khi ông tám mươi.

"Bánh mì kẹp nhé, Alice?" Là anh Steve, tay cầm một đĩa bánh mì kẹp với hai góc bánh ngọt nhô ra ngoài mép. Anh đã cởi áo khoác, trưng ra cái áo sơ-mi màu xanh dương nhạt, lấm tấm vài đốm mồ hôi dưới cánh tay.

"Thôi, cảm ơn anh."

"Ăn chút cho khoẻ, nhà có chuyện buồn, mất sức lắm. Phải ăn vào."

"Anh nghĩ xem, sao ông sơn phòng này màu đỏ?"

Anh Steve nhìn quanh, nhăn mặt. "Cho nó rực rỡ."

"Anh thấy phòng tối không?"

"À thì em tỉa gọn cây nguyệt quế ngoài cửa sổ là được." Anh gục gặc đầu về phía cửa sổ trước, miệng cắn cái bánh mì kẹp tôm. Sốt mayonaise rơi lên

cổ tay, anh liếm sạch. "Làm một ly nhé?" Anh hỏi.

"Cho em rượu đỏ."

Anh cười mỉm, lật đật quay đi, rồi trở lại đưa tôi một ly đầy ắp. Ngón tay anh chạm tay tôi khi tôi cầm lấy.

"Cảm ơn. Em phải tiếp khách chút đây," tôi nói. Nhưng chưa kịp thoát thì chị Cee xuống tới.

"Tên khốn đó không thèm tới, tin nổi không?" Chị huơ huơ một nhánh cần tây. "Sao bà chị không chịu bỏ quách cho rồi."

Chị Cee chưa bao giờ ưa Toby, bạn trai của chị Tilly. Đó không phải là bạn trai đường đường chính chính của chị Tilly, bởi hắn đã có vợ. Hắn cũng khá, điển trai theo cái kiểu cổ điển mà tôi không bao giờ mê. Nhưng sự thật là hắn đã có vợ, thế nên hắn rõ ràng là một tên khốn. Tôi không để ý sự vắng mặt của hắn.

Chị Cee lại nói, "Hắn bảo sẽ tới, nhưng lại có chuyện bất ngờ. Chuyện gì mới được chứ? Bà chị tôi cứ bao biện cho gã ấy mãi. Bả làm bộ cứ như không, nhưng tôi nhìn thấu hết."

Đôi tay của chị Tilly lúc nào cũng khiến chị lộ tẩy. Tôi mường tượng những lóng tay trắng bệch ra khi chị chà xát sự phiền lòng xảy tới.

Có lần tôi hạch hỏi chị về chuyện đó.

"Chị phải làm sao nữa? Chị đã chọn người ta rồi." Chị hỏi.

"Sao hắn không chịu bỏ vợ?" Tôi hỏi dồn.

Chị lắc đầu buồn bã. "Đời đâu phải như trong phim Hollywood, Alice," chị đáp.

Rốt cuộc tôi kết luận là chị thích như vậy. Chị luôn là thứ cho không, là thứ hoa lá cành điểm xuyết, là vị ngọt bất ngờ của đời mà ai cũng thích hưởng. Chị lén lút đi chơi xa cuối tuần, tha về này quà này cáp. Lúc nào cũng có vẻ lảng tránh. Khó mà ngờ được chị Tilly lại như vậy, nhưng tôi hiểu. Chị Cee đinh ninh rằng có điên mới cặp với kẻ có vợ. Đối với chị Cee

mà nói, một đêm lãng mạn nghĩa là gọi đồ ăn Trung Quốc mang tới tận nhà, hộp kèm bạc hà bọc sô-cô-la kèm đĩa phim hài sến, khi bọn nhóc trên lầu đã ngủ queo.

"Xem ra, mấy chị em còn phải tính lại nhiều thứ." Anh Steve nói. Chị Cee trừng mắt nhìn anh.

"Ý anh là sao?" Tôi hỏi.

"Thì nhà này lớn mà." Anh đáp.

"Bộ anh tính xong phần tiền cho mình rồi đó hả?" Mặt anh Steve sa sầm.

"Alice à, anh chỉ nói là có nhiều thứ phải dọn lại," chị Cee nói.

Chị ấy đã mở hàng vụ này rồi. Hôm qua, tôi bắt gặp chị đang trong phòng làm việc của bố, xung quanh là giấy tờ chồng chất, bọc rác đen đầy quá nửa đống bìa hồ sơ giấy cứng. Mặt chị ửng đỏ, vai nhô ra trước, đầu lưỡi mím giữa cặp môi. Lúc tôi mở cửa, chị ngẩng phắt đầu lên, rồi nhìn xuống một thùng hồ sơ màu xanh dương nằm dưới chân. Chị dịch nó lại ghế, rồi tréo chân che lên. Đôi tay chị nhảy loăng quăng bên mép chồng giấy trên đùi. Tôi đồ là chị với anh Steve đã nói chuyện này lúc ăn điểm tâm. Giữ lại cái gì. Vứt bỏ cái gì. Bán cái nhà giá bao nhiêu.

"Thôi em đi tiếp khách," tôi nói, gượng cười. Tôi nhìn lên xuyên qua cửa sổ, thấy người đàn ông cạnh nhà thờ hồi nãy - tóc tai bờm xờm - đứng ở ngạch cửa trước. Ai đó sẽ cho ông vào. Tôi dợm bước ra cửa. Giống như bơi trong keo dính vậy. Tôi cúi đầu, không nhìn vào mắt ai.

Nhưng vừa tới lối vào thì tôi bị chặn lại. "Cháu chắc là Alice?"

Người này thấp bé hơn cả tôi. Đôi mắt bà màu xanh chói, tóc nhuộm đều một màu. "Chà, cháu giống mẹ quá." Bà nhìn tôi từ đầu tới chân. "Lần cuối cô gặp, cháu còn nhỏ xíu, đâu biết được cháu lớn lên lại giống chị ấy thế này. Cô tên Marina, mừng gặp lại cháu." Cái bắt tay của cô ấy chắc nịch. Tiếng cô có giọng du dương miền cao phía bắc. Tôi tự nhiên thích cô, nhưng không muốn nói chuyện với cô.

"Chắc cháu mong khách khứa về cho sớm," cô gật gật. "Cũng phải thôi,

nhưng được gặp lại cháu thật là tốt. Người ta nói bố cháu hễ kể về cháu là nở mày nở mặt lắm.” Cô mỉm cười, tôi đoán là xã giao thôi. “Biết chuyện đó cũng vui, phải không cháu?”

Tôi đứng ngó trân vào khoảng không ngay trên vai phải của cô. Cô sắp quay mặt bước đi. “Sao cô biết bố cháu?” Tôi vẫn mở miệng hỏi.

“À thì,” cô húng hắng, móng ngón tay màu đỏ anh đào ép vào đôi môi mỏng. “Cô biết mẹ cháu. Hai chị em thân lắm.” Cô giơ hai ngón tay lên, tay kia xoắn chúng lại. Mắt cô đảo qua một bên. “Lâu rồi cô không gặp bố cháu.” Cô ngập ngừng. “Chị cháu viết thư cho cô báo tin Malcolm qua đời. Thấy mình trong danh sách mời dự tang, cô quả cũng hơi ngạc nhiên, nhưng cô cũng muốn đến viếng, sẵn thăm mọi người.” Cô nhìn xoáy vào tôi. “Cô với bố cháu không phải lúc nào cũng thuận nhau, nhưng chú ấy là người đàng hoàng, tử tế.”

“Cô biết mẹ cháu?”

“Từ hồi đi học.” Cô chạm vào tay tôi. “Cô vẫn nhớ mẹ cháu nhiều,” cô nói, rồi thở dài.

“Cô biết lúc đó mẹ lái xe đi đâu không?”

“Sao hở cháu?”

“Ngày hôm ấy, khi mẹ... tông xe.” Cô Marina cau mặt. “Lẽ ra mẹ tới rước cháu ở lớp ba-lê,” tôi nói. “Nhưng lúc người ta tìm ra mẹ, mẹ đang đi hướng khác.”

Cô thoáng ngần ngừ, rồi khẽ thở ra. “Ôi trời, chắc lúc đó mẹ cháu nảy ra ý gì đó.” Cô nhìn tôi, nghiêng đầu qua như một con chim ngắm con sâu. “Mẹ cháu hay có ý tưởng bất chợt,” cô nói, và mỉm cười. “Có thể chị ấy đang lái xe đón cháu, thấy bảng chỉ đường tới một nơi mà chị ấy thèm đi xem trước giờ, hay thấy con đường đẹp quá, thế là chị bẻ tay lái rồi rẽ hướng đó. Chị ấy là vậy. Chị chắc là đang mơ mơ màng màng, lại lái quá nhanh, không nhìn đường, và rồi...” Cô ngừng nói, ánh mắt chúng tôi chạm nhau. “Cô chưa từng gặp người nào như mẹ cháu.”

Im lặng chùng xuống. Tôi uống hết ly rượu, xoay xoay cái ly trên tay.

“Không biết chiều nay cháu có gặp ai tên Daniel không?” Cô Marina hỏi.

Cô đánh trống lấp là phải, tôi muốn cô đi cho. Tôi muốn tất cả bọn họ đi cho. Tôi lắc đầu, rồi ra hiệu mình phải đi chỗ khác. Cô hé miệng toan nói gì nữa, nhưng tôi xoay người bước đi. Chị Tilly đang rửa ly tách trong bếp. Chị ngẩng lên đỡ lấy ly của tôi, nhưng chẳng nói gì. Ra ngoài, tôi tựa lưng vào tường bếp, nhắm mắt lại. Ánh mặt trời ấm nóng trên mặt tôi, sao tôi vẫn nghe lạnh giá.

“Ông cụ không thích làm vườn mấy nhỉ?”

Giọng anh Kal làm tôi giật thót. Tôi thẳng người, áo khoác kẹt vào một viên gạch. “Ông cũng có chút chút,” tôi đáp. “Cuối tuần, ông ra vườn, vừa nghe radio vừa nhổ cỏ tí đỉnh.”

“Mùa hè khó ưa quá hả?”

Anh đúng. Mọi thứ đều mọc ra bờm xờm. Phải cắt cho phẳng cái sân. Cỏ dại gần lấp kín luống hoa rồi.

Anh Kal và tôi gặp nhau lúc dự tiệc hoá trang của một đứa bạn chung. Cả hai đứa đều bịa chuyện. Tôi mới đi Nepal về, mặc bộ sari đính cườm vàng mà tôi mua ở đó. Anh mặc bộ đồng phục bệnh viện màu xanh dương nhạt, lốm đốm máu giả.

“A, nữ thần Hindu đây rồi.” Anh làm bộ bị xúc phạm, làm tôi phát hoảng. “Đừng hoảng chứ,” anh cười to. “Trông em đẹp tuyệt.”

“Còn anh... ơ...”

“Giống thầy mổ cuồng sát à? Anh có một cây rìu, mà hình như quăng mất rồi.”

Anh dễ nói chuyện, hỏi thăm những nơi tôi đã đi, những nơi tôi sắp tới. Anh không hỏi tôi làm nghề gì, hay tôi có kế hoạch gì trong đời. Anh lớn hơn tôi gần sáu tuổi. Rồi cuối đêm tiệc tàn, lúc bọn lính La Mã với băng siêu anh hùng dỏm mặc đồ thun ôm sát bóng nhoáng chạy nhào đi bắt chuyến

tàu điện ngầm cuối, tôi nghiêng người hôn anh, và anh hôn lại.

Tôi đưa một tay ra sau lưng, chống lòng bàn tay vào gạch. Anh đã tỉa râu quai nón và cắt tóc gọn gàng. Tôi nghe được mùi nước hoa cạo râu.

"Em ở nhà lâu không?" Anh hỏi. "Em không biết nữa."

Tôi muốn anh chạm vào mình. Tôi muốn anh hôn mình, để được quên hết trần gian. "Anh có đang quen ai không?" Tôi hỏi.

"Alice à."

"Vậy là có. Em cá là hai người đính hôn rồi, phải không? Chị Cee cứ bảo..."

Anh thở dài, đút tay vào túi quần. "Đúng ra mà nói, bà chị ấy có biết gì về anh đâu."

"Xin lỗi."

Anh nhún vai, di di chân phải trên đất, cúi xuống nhìn. "Anh cố gọi điện thoại cho em. Rồi anh viết thư cho em nữa," anh nói.

Tôi biết anh quá rõ. Tôi biết cách anh ấn ngón cái vào giữa cằm khi nghĩ ngợi. Tôi biết anh thích cà chua nấu chín, không ưa cà sống. Tôi biết vẻ mặt của anh lúc ngủ.

"Anh gọi cho bố em, hỏi địa chỉ của em, nhưng ông bảo em đi mất rồi. Thế là anh không gửi cái thư đi được," anh phân trần. "Anh không muốn gửi email, làm vậy thì kỳ..."

"Anh còn giữ nó không?"

Lúc ấy anh ngẩng nhìn tôi, và tôi biết anh mệt mỏi. Da quanh mắt anh có vẻ già cỗi và nhão ra.

"Cái thư ấy?" Tôi nói.

Anh lắc đầu, cúi nhìn xuống, thế là tôi chẳng biết được anh có thật viết bức thư đó hay không. Tôi muốn anh vòng tay ôm tôi. Tôi muốn kể rằng mỗi sáng thức dậy, tôi lại nổi giận, vì lẽ ra bố phải còn sống. Nguồn cơn chỉ tại tôi không bao giờ chịu nói là tôi thương ông, ngay cả khi tôi biết ông sắp

chết. Tôi muốn kể rằng cái nhà này làm tôi sợ hãi, nó tăm tối quá sức; rằng tôi cứ bước chân vào một phòng trống là có cảm giác vấp phải đám người đang xì xào về mình. Tôi muốn anh bảo tôi rằng không phải tôi đang phát điên.

"Anh về bây giờ chưa?" Tôi hỏi.

"Anh nhớ em nhiều."

"Thôi mà."

"Anh đi đây, Alice." Anh chạm vào cánh tay tôi, tôi nghe mình khát khao, như thể dòng điện chạy khắp người. Tôi gắng hết sức đứng yên. "Em gắng bảo trọng, em nhé?" Anh nói. "Chuyện này sốc quá."

Tôi ậm ừ trong họng. Tôi lắng nghe tiếng chân anh bước ra cửa sau. Mở nó ra. Đóng nó lại. Tôi nghe tiếng anh ngập ngừng ngay trước khi bước ra, rồi anh đi mất.

Bố mình chết rồi. Cái vườn nổi loạn. Không khí ẩm mùi mưa. Tôi gập chân, thấp người xuống, lưng dựa tường, đến khi chân tôi gập sát lại trước ngực. Tôi tựa vào căn nhà; tôi để nó ôm lấy mình.

12.

Mười công việc tôi từng làm

Phụ việc trong một hiệu bánh ở Preston. Năm mười sáu tuổi.

Phát báo ở Broughton. Rất mau chóng, tôi nhận ra nhà nào có chó chực sẵn ở hành lang.

Phân loại bưu phẩm, khu Mount Pleasant.

Làm việc chân tay, khu đông nam London.

Trực phòng trưng bày ở một chỗ trong Soho. Làm ở đó bố hạnh phúc nhất.

Lái xe chuyển bưu phẩm, Leeds.

Làm người mẫu cho hoạ sĩ, Leeds.

Xếp hàng lên kệ trong siêu thị Sainsbury, phố Kentish.

Làm lao công văn phòng ở White City London. Tôi nhớ tất cả hình bọn trẻ con, các bà vợ, các ông chồng dán trên rìa các màn hình máy tính.

. Lái xe taxi, London.

Đêm qua tôi không hề chợp mắt. Lẽ ra phải ngủ: tôi không thể để mình xỉu đi rồi phải vào bệnh viện, không thể là hôm nay. Thay cho giấc ngủ, tôi đi bộ, cái trạng thái nhịp nhàng khiến tôi bình tĩnh lại. Dạo này tôi phải đi chậm hơn, nhưng dù sao vẫn hiệu nghiệm. Tôi lê bước quanh Hampstead cho đến khi chân đau nhức. Cứ cách chừng một giờ tôi lại dừng bước, nghỉ mệt dưới đèn đường, lấy mảnh báo trong túi ra, giơ nó lên vầng sáng mà đọc: *Tang lễ tại nghĩa trang Highgate, sau đó là buổi cầu nguyện lúc 1 giờ chiều tại nhà thờ Thánh John thuộc giáo hạt Hampstead. Kính từ hoa tang. Tiền phúng điếu hiến Quỹ Marie Curie Chăm sóc Bệnh nhân Ung thư.*

Khi mặt trời ló dạng, sức lực trong tôi như đã mất hút theo màn đêm. Tôi tìm được một băng ghế để ngồi, nhưng không cho mình nhắm mắt lại. Quá trễ rồi, đâu ngủ được nữa. Ngồi cả tiếng rồi mà tôi vẫn nghe tay chân mềm như bún, cứ như chân tay kẻ khác. Thế nên tôi lê bước đến siêu thị trên đường Heath, đứng ở lối ra, gắng làm cho người ta để ý. Cho xin chút tiền lẻ, tôi nài. Tôi ghét làm vậy, nhưng tôi cần ăn. Ai nấy đều tảng lờ. Rốt cuộc, một phụ nữ cầm ba chiếc túi nhựa màu trắng dừng lại, đưa cho tôi một cái bánh croissant còn nóng. Chị mỉm cười với tôi. Chị khoảng năm mươi tuổi, kiểu phụ nữ khoẻ khoắn tươi cười, người có thể pha trà, chạm vào tay anh mà ân cần hỏi han.

"Cảm ơn chị," tôi nói.

"Anh tính đi đâu à?" Chị hỏi.

"Đi dự đám tang," tôi trả lời, và nhận thấy gương mặt chị ra chiều thông cảm.

"Tôi trông được chứ?" Tôi hỏi.

Chị nhìn tôi rồi lục tìm trong túi. "Đây, ăn ít trái cây nhé." Chị cho tôi một trái táo. "Tôi làm cho một tổ chức từ thiện hỗ trợ người vô gia cư," chị nói. Tôi chưa bao giờ ưa chữ đó. Tôi để chị huyên thuyên một chặp, rồi nhận danh thiếp của chị.

“Xin thứ lỗi, tôi phải...” Tôi ra dấu vào cái đồng hồ tưởng tượng trên tay, và chị miễn cưỡng gật đầu.

Tôi chọn một sổ văn phòng của một đại lý bất động sản, bên trong có những tấm ảnh khổ A4 cùng những mục gạch đầu dòng trong khung nhựa gọn ghẽ, để gắng vuốt lại tóc. Tôi ăn hết nhẵn trái táo - phần thịt trắng man mát, cái lõi, cả hạt đen – rồi chùi tay vào quần. Cha tôi từng dạy không chỉ một lần, rằng ấn tượng đầu tiên là quan trọng nhất. Ấn tượng xấu khó mà phai được.

• • •

Khi tôi cúi người qua cổng vòm vào sân nhà thờ, tôi nghe được một khúc nhạc đàn ống. Các cửa nhà thờ đang mở, và một người đàn ông cao lớn, tóc hoa râm, mặc đồ trắng, đứng chắp tay trước bụng, trò chuyện với một phụ nữ lưng đã còng do tuổi già.

Bố đến muộn. Bố không kịp... Suýt chút nữa thôi là bố chẳng được gặp con. Không, bố chắc là mình tới sớm.

Vị mục sư ngẩng lên nhìn khi tôi tiến tới, ông mỉm cười. Xưa, tôi thường muốn theo đạo để được chấp nhận mà không bị dị nghị, hoặc ít nhất được người ta vờ chấp nhận. Nhưng tôi đi lướt qua ông, không nói gì. Nội thất thánh đường không hợp với tường ốp gạch thẻ giản dị bên ngoài. Những vòm trần màu trắng, diềm dát vàng, vươn cao quá đầu rồi nối vào dãy ban công hẹp dọc ba bức tường. Những băng ghế sơn màu xanh nhạt hệt màu tên của con. Có khoảng hai mươi người lác đác khắp nhà thờ. Đa phần là người già. Vài người ngồi cùng nhau. Bài cầu nguyện buổi sáng. Bố không đến muộn. Bố chưa mất con. Tôi ngồi phía sau, cầm lấy quyển kinh trên kệ trước mặt mình. Những trang mềm như khăn giấy, thoảng mùi bụi.

Trước nay tôi không biết hát nên bị lạc điệu, sai lời, loay hoay tìm nốt.

Dù sao, tôi thích cảm giác để tiếng mình thoát khỏi cơ thể mà không phải nghĩ ngợi mình đang nói gì. Và khi bố hát, bố cảm thấy phập phồng trong lồng ngực tin mừng: bố gần tìm ra con rồi. Con gái của bố. Gần lắm rồi.

Dọc đường ra, tôi không nói chuyện với mục sư, mà rẽ phải vào nghĩa trang nằm thụt vào mé tường phủ dây thường xuân.

Tấm bia trước mộ mẹ không được to như ý tôi, nhưng làm gì có đủ tiền mà làm. Bà nhất quyết đòi nằm gần bố. Lòng tôi phần nhiều muốn để bà nằm càng xa ông càng tốt, nhưng bà ép tôi hứa điều ngược lại. Hai người không nằm sát nhau, muốn thế thì phải lo đặt trước lâu lắm. Nhưng ông bà nằm cũng khá gần nhau. Con đứng trước mộ bà là thấy được mộ ông. Bố đã không thất hứa.

Tôi gắng thăm mộ mỗi năm một lần, ở cạnh mộ một ngày, đôi khi hơn. Tôi dọn dẹp, nhổ cỏ dại quanh tấm bia của bà cũng như những bia gần đó. Tôi lấy dao nhíp gắng cắt cỏ sát gốc. Tôi nhặt đá, nhánh cây rồi xếp thành hình. Tôi ngồi trò chuyện với bà, khéo sao cho không thấy được mộ của bố từ góc đó. Tôi ép mình không nhìn ông.

Tôi thấy tốt nhất là đừng hình dung cảnh bà rầu rĩ đến thế nào nếu bây giờ bà đang ở đây nhìn tôi, trong khi tim tôi gần thôi đập, gấu áo gấu quần thì rách bươm.

Tôi tự nhắc mình hôm nay là thứ Năm: một ngày sáng sủa màu xanh lục, vực tôi lên khỏi hố sâu của tuần lễ. Tôi nhủ lòng, mình hồi hộp là phải. Tôi chưa từng gặp con gái, có quá nhiều thứ cần được giãi bày. Tôi tìm lại băng ghế dưới cây, thầm biết ơn cái bóng râm. Tôi lấy bức hình ra khỏi túi, đặt nó lên đùi phải. Lớp vỏ nhựa bọc ngoài rột roạt khi tôi chạm vào.

• • •

Người ấy cười khi tôi nói tôi muốn vẽ cô. Chúng tôi ngồi trong quán ăn ở

Nhà Triển lãm Chân dung Quốc gia. Đó là lần đầu tiên chúng tôi hẹn gặp nhau. Tôi đinh ninh là cô sẽ không đến. Ly trà của tôi lạnh ngắt lạnh tanh, và lòng tôi buồn thê thảm. Rồi cô đến, đùm đề cây dù ướt mưa, túi giấy nặng trĩu, tóc uốn lọn, áo choàng đỏ xoè ra từ vòng eo thắt nịt.

"Anh còn chờ," cô nói.

Cô uống Earl Grey, nhâm nhi lát bánh sô-cô-la bằng cái nĩa bé xíu. Câu chữ hiện ra trong trí tôi, nhưng khi tôi toan nói lại thấy ngớ ngẩn, nên tôi chẳng thốt nên lời.

"Anh cắt tóc rồi à," cô nói. "Đẹp lắm."

Tôi sờ đầu, lúng ta lúng túng đáp: "Cảm ơn."

Quán vang vang những tiếng ly tách, dao nĩa chạm nhau, tiếng người cười nói.

"Anh im lặng quá."

"Tôi muốn vẽ cô," tôi buột miệng. Cô ngả đầu sang một bên.

"Khoả thân à?" cô hỏi.

Tôi nghe tim mình đập rộn. "À, ý tôi..."

Rồi cô hơi ngửa đầu, phá lên cười, cứ như chúng tôi không phải đang ở nơi công cộng, mọi người xung quanh không có nghĩa lý gì.

"Không phải thế..." Tôi nói, dù trong lòng muốn vậy.

"Tôi là gái hai con rồi," cô nói.

"Cô đẹp lắm."

Một câu nói ăn điểm. Gương mặt cô thoáng hiện nét vui thích.

"Lâu rồi không có ai nói với tôi điều ấy," cô nói.

"Chồng cô cũng không à?" Tôi hỏi, rồi nhăn mặt.

Cô cười thoáng buồn. "Hình như dần dà, người ta đâm chán."

"Tôi thấy cô rất đẹp," tôi ngập ngừng. "Tôi muốn được vẽ chân dung cô."

"Anh có phòng tranh à?"

Tôi lắc đầu. Tôi nghe hơi thở mình dằn xé trong lồng ngực.

"Anh cũng tài nhỉ?"

"Tài gì?"

Cô mỉm cười. "Thì tài vẽ ấy."

Tôi nhún vai rồi chăm chú nhìn xuống bàn tay tôi. "Cũng được."

"Để xem nào." Cô với tay lấy từ một trong những cái túi ra cây viết bi mảnh, màu đen, với một phong thư lớn, rồi đặt xuống bàn giữa tôi và cô. "Vẽ đi nào." Cô ngẩng cằm, ưỡn vai ra sau, vuốt mái tóc xuống bao lấy gương mặt.

Tôi dặn lòng phải vẽ chầm chậm thôi. Tôi dặn lòng đây có thể là cơ hội duy nhất để được ngắm cô như thế này. Tôi nhìn để nhớ nét xương dưới làn da mặt. Tôi nhìn để xác định nét rõ của viền hàm dưới. Tôi nhìn để tìm chi tiết nhấn – nốt ruồi nhỏ xíu trên gò má trái, đường viền mí mắt hơi không đồng, khoảng mờ gần như vô hình giữa đường son tô và nét môi của cô.

"Anh không vẽ sao?" cô nói sau vài phút.

"Tôi phải ngắm kỹ đã," tôi nói.

"Nghe như anh nhìn thấu tới bên trong rồi ấy."

"Tôi đâu giỏi thế."

"Để tôi kể anh nghe tôi nghĩ gì nhé?"

"Đừng nhúc nhích, ngồi yên vậy nhé." Lúc này, bằng những đường nét nhanh và chắc, tôi mới vẽ độ nghiêng của đầu, ánh tinh quái trong mắt, nét môi hơi cong của cô.

Khi vẽ xong, tôi đẩy cái phong bì trên bàn về phía cô. Cô ngắm bức vẽ thật lâu, khiến tôi xốn xang trong lòng.

"Cô không thích sao?" Tôi nói.

"Anh vẽ tôi đẹp lắm, mà có chút đanh đá."

"Tôi không cố tình, ý là phần đanh đá ấy."

Cô mỉm cười, cầm phong bì đặt vào một trong những túi đồ của mình.

"Cho tôi giữ bức vẽ nhé?" Tôi hỏi.

Cô nhướn mày.

"Để rồi tôi vẽ cho cô lần nữa," tôi nói. "Nhưng tôi thích..."

Cô gật đầu và đưa tờ giấy cho tôi. Chúng tôi ngồi trong im lặng, lắng nghe tiếng những cốc trà chạm lách tách xung quanh...

"À." Cô thở ra một cái và mỉm cười. "Gặp được anh vui lắm, Daniel. Tôi mừng là mình..." Cô lắc đầu, như đang gắng bỏ dẹp bỏ một ý nghĩ. "Anh là hoạ sĩ có tài. Tôi ấn tượng lắm." Cô bắt gom mấy túi đồ.

"Đừng đi." Tôi thốt lên trước khi kịp ngăn mình lại. Nghe như lời tuyệt vọng.

Cô nhìn tôi, cái nhìn chăm chăm màu lục ngọc.

"Tôi định hỏi cô muốn xem vài bức tranh của tôi không."

"Không, bữa nay chắc không được. Tôi mang nhiều đồ quá, mà còn phải về nhà lo mấy đứa nhỏ," cô nói.

Tôi cảm thấy lời nói của cô thấm xuyên ngực mình. Tôi chờ cô đứng dậy, nhưng cô ngồi yên, như đang nghĩ ngợi cách trả lời một câu hỏi. Rốt cuộc, cô buông mấy túi đồ, lục trong giỏ xách, lấy ra cây viết hồi nãy tôi dùng để vẽ với một cuốn sổ kẻ ngang nhỏ. Cô viết vội, rồi xé trang giấy ra, đặt nó úp mặt xuống bàn. Cô dằn tay lên nó một lúc, có vẻ phân vân nên lấy nó cất đi hay để lại.

"Tôi phải đi thật rồi." Lại một trận quýnh quáng những túi đồ, áo choàng, dù, và tóc. Tôi cũng đứng dậy toan giúp, nhưng chẳng được gì. Cô nghiêng người đặt vào má tôi một nụ hôn, rồi đi mất.

Tôi ngồi lại, nhìn trân trân dấu son môi màu đỏ in hình đôi môi của cô trên miệng cốc trà. Tôi nghe mạch đập căng phồng. Tôi lật mảnh giấy lên. Một địa chỉ ở Bloomsbury. Một cái hẹn - ba ngày nữa, vào ngày thứ Sáu màu trắng ngọc trai. Một thời điểm – 3 giờ chiều. Không có gì khác. Không số

điện thoại, không thông điệp chi hết. Tôi nhìn nét chữ của cô, rồi bức hình mình vẽ. Tôi không biết mình ngồi lại đó bao lâu.

• • •

Lấy bức hình ra xem thường xuyên quá là không nên. Giấy và mực viết không bền như mong đợi. Bức hình còn nguyên tới giờ này đã là thần kỳ, tôi vẫn có nó để mà ngắm. Phần keo rìa phong thư khô sạm thành màu vàng xỉn từ nhiều năm trước. Giấy thì mềm oặt đi vì cũ. Tôi ép lớp nhựa bọc sát vào để nhìn mặt người ấy. Mực đã phai bớt, nhưng tôi vẫn nhận rõ ánh nhìn phóng ra từ đôi mắt ấy, với đường môi trên hơi nhếch. Con có giống cô ấy không, làn da xanh xao ấy, những đốm tàn nhang trên vai ấy? Tôi khum người che bức hình để không một tia nắng nào chạm vào cô. Tôi muốn chạm vào gương mặt cô, vân vê những nét vẽ. Nhưng tôi đã tập lo xa, học cách giữ gìn mọi thứ, nên lại thôi.

Những buổi chiều ở Bloomsbury, đôi lúc cô kể về cảm giác tù túng. Con cái làm thân thể hư hao, và chúng cũng làm ta chẳng ngủ nghê được mấy nữa, cô nói. Cố nhiên, tôi yêu bọn trẻ. Nhưng đôi lúc tôi muốn nhân giấc ngủ của bọn chúng mà bỏ đi, đóng cửa lại sau lưng, không bao giờ trở về nữa.

Tôi vuốt lớp nhựa bọc cô ấy, rồi cẩn thận đặt bức hình thẳng thớm vào trong túi áo khoác. Khi tôi làm điều đó, chợt cảm thấy cô có thể ở đây, ngay nghĩa trang này. Cũng có khả năng ấy chứ.

Tôi sục sạo nghĩa trang, kiểm tra từng tấm bia một. Tôi tìm cái tên màu đỏ gạch sáng của cô, nhưng chỉ tìm được những tên Jennifer, John, Juliet, và Joseph.

Bên kia nhà thờ có một nghĩa trang khác. Bố đứng ở một góc, vịn vào hàng rào chờ con.

Hai chiếc Mercedes lò dò chạy trên con đường về phía nhà thờ. Trên kính sau chiếc đầu tiên có tám chữ cái màu đỏ - màu hoa cẩm chướng trên những mảnh nhựa: *Granddad*.

Dad. Grandfather. Người Cha. Người Ông.

Bố đã tưởng tượng, tất nhiên là vậy, rằng con đã có vài đứa nhóc. Lâu từng ấy rồi mà. Con đã khôn lớn.

Mấy chiếc xe ngừng hẳn. Tôi đứng im phắc, nhưng nghe như mình đang ở giữa một cơn bão quay cuồng. Cửa tài xế hai xe xịch mở, những người mang vẻ mặt nghiêm cẩn, mặc com-lê hào nhoáng, mang giày bóng đặt chân xuống đường. Tôi tự hỏi họ có bao nhiêu bộ cả thảy. Tôi tự hỏi họ có tài khoản riêng chỗ cửa hàng giặt ủi gần nhà chăng, họ tự mình mang đồ đi giặt hay là có vợ để mà nhờ mang đi giặt. Chậm thôi. Tôi nhận ra áo khoác của mình phất phơ giữa mấy ngón tay. Có một cơn gió nhẹ thốc lên, tôi nghe gió chạm vào má mình. Chậm thôi.

Người Cha. Người Ông.

Hai tài xế mở cửa sau, rồi đứng chờ. Người đầu tiên bước ra là một gã vừa lùn vừa béo phì. Bố không thể tưởng tượng con cặp kè với một người như vậy. Theo sau gã là ba cậu trai trẻ.

Hai trong số đó cao bằng ông bố chúng đi trước, cậu thứ ba thì nhỏ hơn. Gã chạm tay vào đầu cậu trẻ nhất, và bỗng nhiên tôi hết sức thèm cảm nhận làn tóc cậu bằng lòng bàn tay mình.

Bố bắt đầu thấy mình khao khát gặp mặt con sau bao nhiêu cay đắng, nhưng khi con bước lên vỉa hè, sức nặng trong ngực bố biến thành cát bụi bay đi. Mái tóc của con giống hệt. Bố biết trước mà. Và con cũng nhỏ người như cô ấy. Con gồng cứng người, đôi vai con cho thấy con yêu thương ông ta. Một người chị của con bước lại chỗ gã đang để tay trên tóc cậu trai.

Con quay mặt khỏi nhà thờ, khỏi mọi người đang chờ trong đó. Khi con xoay người bố thấy được mặt con. Gương mặt con giống mẹ đến nỗi bố đâm sợ: đôi mắt nâu hạnh nhân, miệng nhỏ, môi dưới dày hơn môi trên. Tóc con

búi lại sau đầu, nhưng bố biết khi con tháo kẹp, mái tóc ấy sẽ rơi xuống thành những lọn nâu đỏ ngang vai. Đôi mắt con nhìn lướt đường phố như thể con đang tìm thứ gì đó neo mình lại.

Chính khoảnh khắc này đây. Ta đang nhìn nhau. Gió xào xạc trên cây, thế giới bừng lên ánh sáng lung linh. Ta đang đứng đối mặt nhau, chỉ có một con đường và dải vỉa hè phân cách.

Lẽ ra bố phải biết rằng mình càng mơ nhiều, sự đời diễn ra lại càng khác. Khi bố mơ cảnh này, con nhận ra bố. Khi bố mơ cảnh này, bố giơ tay lên như bây giờ, và con đáp lại. Đôi khi con nhăn mặt, rồi cười vang; đôi khi con biết ngay lập tức; cũng có khi bố phải kể với con - bốn từ: đỏ tía, xanh băng, nâu hạt dẻ, trắng ngọc trai. Nhưng ánh mắt con trượt khỏi bố, cứ như bố là người dưng vậy. Bố vẫn giơ tay. Bố nhướn mày lên, mỉm cười. Cười với con. Con gái của bố.

Con trở lại nhà thờ, tìm nắm tay chị của con. Bố không chịu nổi sự phũ phàng. Cảm giác như ai đó đang thọc tay vào bóp mạnh trái tim trong lồng ngực. Anh phải tránh xúc động mạnh, bác sĩ từng bảo thế, anh phải tránh những tình huống gây căng thẳng.

Tôi có thể để mặc kệ cơn đau tới. Có lẽ nếu ngã xuống đất thì nó sẽ quay lại. Nhưng giờ nó xa quá rồi. Tôi lập cập lấy chai thuốc từ trong túi, xịt vào dưới lưỡi. Rồi tôi băng qua đường, nối bước những người mặc com-lê đen sau cùng, vào nhà thờ.

Tôi ngồi ngay chỗ hồi ban sáng, khéo tránh ánh mắt của vị mục sư. Ông đang đứng trên bục giảng kinh, nhoẻn một nụ cười mà hẳn ông đã tập luyện trước gương, dành cho những dịp thế này.

Tôi thấy được gáy của con gái. Nó xát tay phải vào cổ. Con liếc quanh, rồi tôi thấy con nhìn trân vào một cậu trai da sậm màu, cao ráo, tóc đen dày, hàm râu quai nón gọn gàng. Cậu ta ngồi mà đầu cúi xuống hai đầu gối. Con nhìn chỗ khác, tôi thấy được sự thất vọng hiện ra nơi đôi vai con. Đột nhiên tôi thấy mình nổi giận với cậu trai kia. Tôi cố tập trung nghe lời vị mục sư

nói. Những lời ấy loá đủ thứ sắc màu trong mắt tôi. Thông minh. Tận tâm trong nghề. Người bố hết lòng. Ba người con gái xinh đẹp. Tự hào.

Tôi không biết người đi dự tang tôi sẽ nói gì, họ sẽ dùng những từ nào - hầu như; chưa từng thật sự; nỗ lực nhiều.

Không biết tới lượt mình thì ai sẽ đi đám.

Đứa chị độc thân đứng lên, bước về phía bục giảng. Người ta giới thiệu tên nó là Matilda. Bố đã gặp hai đứa chị lần đầu bố thấy mẹ của con ở hành lang Nhà Triển lãm Chân dung Quốc gia. Không biết chúng còn nhớ không, khi đó chúng cũng lớn rồi. Khi ấy bố đang ngắm tranh của nữ hoạ sĩ Laura Knight. Bố đang đứng sát bức tranh, xem nét vẽ của hoạ sĩ khắc hoạ chiếc áo len đan màu đỏ nhạt. Bố thích làm điều đó - tìm tòi xem sự vật được tạo ra thế nào. Con biết bức tranh đó không? Nó vẽ một hoạ sĩ bên giá tranh, đang hoạ một phụ nữ khoả thân. Người mẫu đứng bên phải, bầu vú bên trái lộ ra, đôi tay cô đỡ gáy, gờ mông ửng hồng. Hoạ sĩ không nhìn người mẫu hay giá vẽ, mà nhìn mông lung như thể đang nghĩ về thứ gì đó khác hẳn.

"Mẹ ơi, sao chú đó nhìn cái cô không mặc đồ vậy mẹ?"

Tôi bật lùi khỏi bức tranh. Đó là Cecilia - sau này tôi mới biết tên con bé - mảnh khảnh, tóc nâu cột gọn gàng, đang ngó tôi trân trân. Tôi nhìn lên thì thấy mẹ con bé, thế là trái tim tôi chực rớt ra ngoài. Cô đang nắm tay một con bé khác trông hiền hơn.

"Tôi xin lỗi," tôi thốt.

"Sao lại xin lỗi nhỉ?" Cô nói, nhoẻn cười, tim tôi như thắt lại. "Con à, đây là nhà triển lãm tranh, người ta xem tranh là đúng rồi," cô giảng giải cho con bé đang phẫn nộ bên phải. "Giờ mình để chú này xem tiếp nhé." Cô lại cười, cũng với ánh mắt ấy. Tôi đứng như trời trồng.

"Mẹ ơi, sao chú đó nhìn mình ghê vậy?"

Mặt tôi nóng lên. Người mẹ suỵt nhắc con gái, nhìn tôi có vẻ xin lỗi. "Xin lỗi nhé," tôi nhắc lại. Chợt tôi nhận ra đôi tay mình vô dụng và ngượng ngùng, lủng lẳng hai bên vai. "À, ừm, tôi mời các quý cô đây dùng trà nhé?"

Tôi đề nghị. Nghe vớ vẩn thế nào, nhưng tôi không thể để cô đi mất. Cô thẳng người, nhìn tôi nghiêm nghị như sắp dần cho tôi một trận.

"Cháu uống sô-cô-la nóng được không ạ?" Là Matilda. Tôi muốn ôm chầm con bé mà cảm ơn.

"Được chứ cháu, nếu mẹ cháu đồng ý." Tôi nói.

• • •

Hai chị của con là những cô gái tử tế. Bố biết ngay là chúng được dạy dỗ đàng hoàng. Không biết bố nghĩ thế nào lúc đòi mẹ con bỏ chồng để sống với bố. Bố nghĩ thể nào mình cũng thay thế được ông ấy, làm chồng làm cha tốt như ông ấy.

Bố thấy con ngó Matilda trân trân. Nó nén tiếng nấc nghẹn mà nói cho thành câu, rồi nó cũng kềm lại được. Người bố yêu thương. Tận tuỵ. Luôn công bằng.

Ông ấy biết chuyện, từ đầu đến cuối, mẹ con kể với bố vậy. Bố hi vọng điều đó không làm con khổ.

Bố ngậm tên con trong miệng, cái tên ánh màu xanh băng rực rỡ đến nỗi răng của bố đau nhức. Alice.

• • •

Tôi đứng dậy cùng những người khác và len lỏi ra cửa, đầu cúi thấp. Tôi chỉ duy nhất muốn gặp con gái. Tôi bước khỏi thánh đường, vào quầng nhiệt nóng sáng của ban ngày.

Nhưng người chào tôi lại là Cecilia. Tôi thoáng nghĩ là nó nhận ra mình,

nhưng rồi nhận ra ánh mắt nó khinh khi bộ dạng của tôi, muốn tôi đi khuất mắt. Con xoay người đi, khóc thành tiếng. Matilda vỗ vỗ vào giữa đôi vai con. Cậu trai con nhìn lúc làm lễ đứng vụng về ở cổng, như đang giằng xé không biết nên quay lại ôm con vào lòng hay là bỏ đi.

“Tôi xin chia buồn với gia đình,” tôi lẩm bẩm với Cecilia.

“Cảm ơn ông,” nó nói, nhướn mày lên một chút - chờ đợi.

Tôi không chuyện vãn với ai mấy, nên lời nói sao mà khó khăn; tôi phải vớt chúng lên như lấy nước từ dưới giếng. Khi gàu nước lên tới miệng giếng thì có nguy cơ đổ ụp, và lại trống rỗng.

“Tôi muốn ghé qua, để nói, lời chia buồn.”

Nó có vẻ mặt của người ăn kiêng - chút gì đó rầu rầu mà lại thêm nét bất mãn.

“Bố của cháu.” Con vẫn ngoảnh mặt ra chỗ khác. Bố không để mất con được.

“Ông biết bố à?”

“Ông Malcolm ấy.” Miệng nó dịu lại.

“Ông Malcolm,” tôi lặp lại, cái tên cứ như một loại mật hiệu nào đó. “Ông ấy đã… Tôi muốn đến thăm cho phải lẽ.” Cằm nó hơi nhích lên như thoáng gật đầu. Nó muốn tôi đi cho khuất. Mà con đang ở ngay đây rồi. Nó dõi theo ánh nhìn của tôi.

“À vâng, cảm ơn chú có lòng đến viếng,” nó nói. Gã thấp người bước lại, tay khoác eo nó rồi thì thầm gì vào tai nó. Nó lắc đầu, rồi quay lại tiếp tôi. “Chắc chú hiểu lúc này gia đình đang bối rối,” nó nói. “Là lúc cần được riêng tư với nhau.”

“Tôi có biết mẹ của cháu,” tôi nói. “Bà Julianne.” Nhiều năm rồi tôi không nói tên cô ấy ra. Màu đỏ son.

Ánh phân vân hiện lên trong mắt nó, nhưng làn da, mái tóc, bộ quần áo và cái mùi khăm khẳm trên người tôi thể hiện tôi là ai, và tôi đang núng

thế.

Tiếng đàn ống dừng lại. “Cảm ơn chú đã ghé,” nó nói, rồi quay lưng đi về phía con. Bố không biết nó nói gì với con, nhưng khi con nhìn bố, bố hiểu nó đã phá hỏng hết cả, và con cũng nghĩ bố là kẻ cầu bơ cầu bất, không có quyền xuất hiện nơi đây.

Matilda dắt con ra xe. Bố không biết con sống ở đâu. Chạy theo thì làm sao kịp. Những người khác đang rời đi, rẽ lối, đóng sầm cửa xe. Bố không nghe tiếng đề máy, nhưng chiếc xe chở con đang lăn bánh đi. Cơn đau trở lại, bố cắn răng mà nghe ngực mình đau nhói.

Ngoại trừ cậu trai trẻ yêu con - hoặc là cậu ta làm con buồn, đang muốn làm hoà - còn có gồm một cặp già cả, một phụ nữ nhỏ người tóc đen cột thành đuôi, với một gia đình - hai đứa nhóc, đứa nhỏ nhất mà được bế lên sẽ nằm gọn trong cánh tay bố nó. Tôi chọn bắt chuyện với người phụ nữ.

Tôi vuốt lại tóc, lấy ngón tay chà chà mép. Rồi thẳng lại áo khoác, ưỡn vai thẳng thớm, rồi lôi cái giọng mà tôi đã cố công giấu tiệt bấy lâu, tới nỗi nghe chẳng còn giống của tôi nữa.

“Xin lỗi.”

Cô quay lại tuồng như tôi làm cô giật mình.

“Chào cô.”

Rồi tôi biết được cô là Marina, nhờ giọng du dương từ vùng cao phương bắc, khổ người, cùng đôi mắt xanh xám ấy. Chúng tôi chưa từng gặp mặt, nhưng người ấy đã vừa cười trìu mến vừa kể về cô cho tôi nghe, trong căn hộ còn có bức ảnh chụp cô đang đứng, đầu đội mũ lông thú cuộn lên quanh gò má, trên nền cây cối trĩu đầy tuyết. Marina và tôi đều là những kẻ ưa tự do, có lần Julianne bảo tôi như thế.

“Tôi quên mang địa chỉ rồi,” tôi nói. “Địa chỉ nhà ấy mà.” Đôi mắt cô nhíu lại. Tôi cứ tưởng hỏng bét.

“Anh quen nhà họ à?” Cô hỏi.

“Vâng, tôi có quen ông Malcolm. Đồng nghiệp cũ ấy mà.” Tôi gắng vận cái giọng đậm màu kem cà phê mà nói. Thế là được việc. Cô mở giỏ xách, lấy ra một mảnh giấy gấp. “Có đây.”

Địa chỉ in bằng mực đen. Những chữ tôi cần có hai tông của cùng một màu: màu lam sẫm và màu xanh hoàng gia nhạt hơn, sáng hơn một chút.

“Tôi nghe nói con bé Alice vẫn sống ở đó,” tôi ướm lời. Khó mà giữ giọng điềm tĩnh như không nữa.

“Chỉ những khi nó đi xa về thôi. Tôi cảm thương bọn trẻ. Khi nhà chỉ còn lại mỗi bố hoặc mẹ mà người ấy ra đi nốt thật là đau khổ. Để tôi đưa anh đi nhé?”

“Không, không cần đâu.” Tôi thấy ánh ngờ vực bùng lên trong mắt cô. “Xe của tôi đậu ngay bên kia.” Tôi vẫy ra phía sau. “Vậy gặp lại anh ở đó nhé.”

“Tôi tên Marina,” cô nói và chìa tay ra. Cô đeo ba chiếc nhẫn, mỗi chiếc đều lấp lánh những viên đá quý.

Tôi nuốt khan và đưa tay ra bắt. Da tôi vừa dày vừa sần sùi, móng tay thì lại quá dài. Tôi thấy cô muốn rụt tay lại, nhưng rồi vẫn bắt. Tôi ép mình buông ra trước, khi buông tôi nói tên mình, bởi tôi có cảm giác chẳng còn gì để mất; có lẽ cô là người duy nhất hiểu được. Tôi nhìn lại vào mắt cô một thoáng, xong quay người bước đi. Và ngay cả khi nghe giọng cô từ chỗ nói tên tôi, chuyển sang gọi to, đầy thúc ép, rồi như hạch hỏi, tôi vẫn bước đi.

• • •

Tôi biết con đường đó. Tôi chưa từng dự cuộc sát hạch tìm đường ngắn nhất dành cho cánh tài xế taxi, nhưng nhớ rõ những chỗ đường sá nối với nhau. Tôi ép mình đi chậm rãi: Đường Heath. Đường Perrin. Đường Gayton. Màu đỏ tía, xanh ô-liu. Xanh hoàng gia, vàng kim. Màu tía, nâu hạt dẻ.

Tránh xúc động mạnh Tôi dán mắt vào mặt đường trước mũi giày. Tôi men theo khoảng giữa những phiến lát vỉa hè, để ý những dúm rêu hoặc cỏ bướng bỉnh bám trụ. *Khi con bé đi xa về*. Từ chốn nào? Ở nhà bao lâu?

Tôi rẽ phải vào đường Willow - màu vàng sa thạch, nâu hạt dẻ - bởi tôi vẫn chưa sẵn sàng. Tôi cần nghĩ đã.

Tôi vào khu Heath, vượt qua mấy cái hồ, vòng về phía tây, rồi quành lại về phía con.

Căn nhà chắc to lắm, bố đinh ninh như vậy. Bố hình dung ra tường gạch nhợt nhạt kiểu London, cửa sổ cao, chậu cây lác đác. Một căn nhà của người trưởng thành, mà con trông mỏng manh đến thế; bố miên man nghĩ về điều đó. Bố muốn đưa con đi quán, đặt một đĩa thức ăn trước mặt con. Bố muốn ngồi xem con ăn. Khi con xong rồi, bố lại cho con thứ khác: tí bánh kem, hay thêm cốc trà, con lắc đầu bảo không - thế là bố muốn kể tất tần tật cho con nghe.

Kể gì trước tiên nhỉ? Chuyện bố gắng tìm ra hai mẹ con - sau khi cô ấy ngồi đối diện bố trong quán ăn ấy, bảo bố rằng chuyện đã đến lúc chấm dứt, cô không thể làm gì được nữa, rằng cô rất tiếc. Rồi bố nổi điên và đập phá đồ đạc. Rồi bố bị mất việc. Những hành động dại dột ấy chỉ hại thân. Có lẽ bố sẽ kể con nghe về mùa hè khi bố còn nhỏ, tất cả những con ong trong vườn đều chết, lớp lông trên thân chúng mềm, màu đen lẫn vàng, cùng đôi cánh mỏng manh. Bố gom chúng lại, rồi làm cho mỗi con một cái mộ - cả một hàng tang thương cạnh bờ rào. Bố ngắt hoa rắc lên, làm những tấm bia bằng que xiên mứt cùng bìa giấy cứng. Bố ca một bài u buồn phù hợp với không khí ấy, lúc bố chôn chúng.

Ngõ Cannon. Phố Squire’s Mount. Đường Holford. Toà nhà Cannon Place. Màu lam sẫm, vàng kim. Xanh ô-liu, đen. Đỏ tía, nâu hạt dẻ. Trở lại lam sẫm, xanh hoàng gia.

Số nhà 33.

Cửa hai lớp - màu đỏ đậm.

Hai tấm kính răn, thường xuân xoắn xít bên mép.

Chuông cửa, bằng đồng, nằm ở khung cửa bên trái.

Những bậc thềm màu xám cũ, lốm đốm vết đen.

Một cây nguyệt quế che hết nửa cửa sổ, nhưng tôi vẫn thấy được mép rèm màu đỏ và bóng người đi lại bên trong. Một bàn tay cầm ly rượu vang. Phần sau một cái đầu hói.

Tôi đã tìm kiếm căn nhà này suốt gần ba mươi năm trời ròng rã. Cô ấy dọn đi. Ông chồng đã ép cô - hẳn nhiên là vậy. Người phụ nữ tôi gặp ở căn hộ của Marina không biết người ấy đi đâu. Cả khi tôi doạ dẫm - tôi có cân nhắc hậu quả, lúc ấy đã cùng đường - tôi nghĩ khi ấy cô ta cũng không biết thật.

Tôi đứng phía đường đối diện, tưởng tượng mình nhấn chuông cửa làm vang lên một tiếng cụt lủn, như tiếng một gã gào lên trên phố.

Tôi đã đi đến tận đây rồi.

Tôi băng qua đường, chầm chậm bước lên bậc thềm dẫn tới cửa.

Con đang đứng xa kia cạnh tường, tay phải cầm ly rượu vang đỏ, nói chuyện với gã người thấp đậm - anh rể của nó. Trán nó nhăn lại; tay trái xát vào hàm. Tôi cũng làm thế, luôn luôn như thế, những lúc tự ngăn mình khóc. Nó bắt gặp ánh mắt tôi, chắc chắn là vậy, rồi nó đi ngang phòng, về phía cửa. Về phía tôi. Tôi gắng vuốt lại tóc cho thẳng. Tôi liếm môi để chuẩn bị nói. Quả tim tôi căng lên áp vào xương sườn. Tôi chờ đợi.

Con không ra cửa. Con đã thấy bố, chắc chắn là vậy.

Bố cứ chờ. Con sẽ tới.

Con không ra cửa.

Khi con bé đi xa về. Con đi xa đâu đó rồi về; vậy chắc con sẽ ở nhà vài ngày là ít. Khi một người trong nhà chết đi, có nhiều thứ phải dọn dẹp lắm. Vậy là còn thời gian, tôi tự nhủ. Tôi có thể cắt tóc, tìm bộ quần áo mới. Còn thời gian. Đám tang không phải là chỗ để nói chuyện, con có đủ thứ phải lo. Chí

ít thì giờ đây bố đã biết con ở đâu.

Tôi chờ đến lúc chắc chắn là nó không lại, rồi đi trở ra, xuống thềm và chầm chậm bước đi. Tới cuối đường, tôi thấy một cái bao thuốc lá rỗng. Tôi kéo lớp giấy bạc bên trong ra, vứt cái hộp bìa cứng vào thùng rác. Tôi từng gặp một người chuyên sưu tầm dây điện, thứ đó nếu mà để tâm đi tìm thì sẽ thu được nhiều tới mức kinh ngạc, anh ta xoắn chúng lại thành tên người, thành bươm bướm, thành bất cứ hình thù gì nghĩ ra được. Gã ấy còn có tài nữa là xếp hoa bằng giấy bạc trong bao thuốc lá. Xếp cái hoa đó phải cực kỳ tỉ mẩn: xé những hình vuông nhỏ tí, rồi xếp thành cánh hoa. Nó chính xác. Đẹp đẽ. Khiến mình chuyên chú. Gã dạy tôi xếp, và giờ tôi đang ngồi xếp hoa trên băng ghế trong khoảng giữa hai con đường, có rào bằng cọc chắn để xe hơi khỏi chạy vào. Giữa băng ghế có tay vịn, để những kẻ như tôi không nằm xuống được. Tôi xếp dọc những mảnh giấy bạc rồi gập chúng lại để gió không thổi bay mất. Mình sẽ xếp hoa cho con bé, tôi tự nhủ. Rồi thì về nhà tạm trú, ăn chút gì đó, tắm rửa sạch sẽ, lập ra một kế hoạch.

Tôi leo thềm trở lại cái cửa màu đỏ. Căn phòng vẫn đông người, nhưng không thấy con. Tôi đặt đoá hoa lên gờ tường thấp bên trái bậc thềm, rồi quay lưng bước đi.

13.

Mười thứ trong nhà bố

Ủng cao su màu xanh lục, cỡ mười một. Hồi còn nhỏ, tôi thích xỏ chân vào ngọ ngoạy trong đôi ủng rộng thênh thang ấy.

Một cái máy xén cỏ, dây nguồn đủ dài để căng khắp chiều dài sân. Tôi nghĩ mình chưa bao giờ xén cỏ.

Tám cái bình giống hệt nhau đựng đầy những ốc vít, đinh, vòng đệm. Mấy bình này hồi trước đựng mật ong keo. Ông luôn điểm tâm bằng bánh mì nướng gần khét phết mật ong.

Một cái xẻng - cán gỗ có những vết nẻ dọc.

Một cái đèn pin rỗng ruột - khối lượng dồn hết về một đầu, không thăng bằng. Giáng Sinh rồi, ông mua cho tôi một cây đèn pin gắn đầu. Nó ở trong cái ba-lô tôi làm mất.

Mười sáu con nhặng xanh chết; hai con nhện chết.

Một cái đĩa lót mép xanh dương, cáu đầy tàn thuốc lá. Hai bố con chưa từng hút thuốc cùng nhau, trừ lần ngay trước khi ông chết.

Lưới nhện. Tôi bực vì chúng rất đẹp khi còn mới, nhưng rồi chúng xỉn đi, rời rã khi ta chạm vào. Tôi ghét chúng cứ bám nhơm nhớp vào da không nhả.

Cái ca đỏ của ông; một lõm mẻ trông như con mắt trừng màu trắng ở chỗ tay cầm.

Một hộp diêm đựng hạt giống đen. Năm nọ, ông khoanh một mảnh vườn vuông vức cho tôi coi trồng. Tôi chẳng thích. Tôi ước gì hồi đó mình giả vờ thích.

Chuyện lạ bắt đầu từ sau đám tang. Chị Tilly thấy món đầu tiên. Một bông hoa bằng bạc. Nhỏ xíu, tuyệt đẹp, cắm trên tường gần cửa trước, trong khe vữa giữa hai viên gạch. Cái hoa đẹp đẽ được xếp bằng giấy bạc, cánh mỏng manh hình thoi. Còn có một cái lá dưới gốc.

"Chị biết một người biết làm thứ này," chị nói, và đưa nó cho tôi. Tôi nghĩ có lẽ của anh Kal - nhưng anh không phải kiểu người ưa làm thế này.

Rồi vài ngày sau đó chẳng có gì. Tôi đã quên quên, tới thứ ba lại thấy một bông hoa màu hồng. Lần này là hoa thật, vẫn chỗ đó. Nó được cắm vào giấy Post-it cuộn tròn, ghim lại bằng một cây đinh mảnh. Một mảnh ruy-băng màu vàng kim cột quanh cuộn giấy, với một mớ thứ tạp nham khác nữa. Tôi tự nhủ rằng vớ vẩn. Nhưng những thứ này có vẻ do ai đó cố ý sắp đặt. Tôi rót nước đầy ly rượu vang, cắm hoa vào. Nó nghiêng qua một bên, lá nổi trên mặt nước, cánh hoa thẫm lại. Mớ còn lại được bỏ vào thùng rác.

Hôm qua, có một mẩu cáp điện gắn mảnh kim loại bọc đầu chai, một vòng thuỷ tinh mòn cũ, vài mẩu vỏ cây. Lúc đó tôi vừa đi siêu thị về, tha một đống thùng các-tông. Cạnh thùng sắc màu nâu chọc vào nách tôi. Khi nhặt sợi cáp lên, tôi thấy một vuông bìa cứng màu cam, có lỗ xoi bằng đầu bút bi, một hàng lỗ bé tí, mép lỗ lờ mờ vết mực. Có lẽ là bọn trẻ con bày ra những thứ này.

Tôi xếp chúng trên bậu cửa sổ. Nhờ vậy tôi đỡ buồn một chút.

Hôm nay, lúc mở cửa đón người môi giới bất động sản, tôi thấy ánh phản chiếu trên tường của một cái lá vàng kim. Gã môi giới choán trọn lối ra. Gã trông có vẻ thật thà, chừng hai mươi hơn, cà-vạt trông đắt tiền, tay gã cầm chặt chìa khoá xe hơi, điện thoại di động, và bìa hồ sơ cứng màu xanh dương như sợ ai cướp mất. Tôi ngờ làn da rám nắng của gã là do bôi kem.

Bố mới mất mà tính chuyện này thì sớm quá. Nhưng chị Cee đã hăng tiết lên rồi. Chỉ là cách nó đương đầu với thời điểm khó khăn thôi, chị Tilly nói đi nói lại. Khi tôi vạch ra rằng nhà đâu phải mỗi chị Cee, chị Tilly đáp

tôi nên dọn sang nhà chị ở một dạo, cứ để chị Cee giải quyết căn nhà của bố. Chị Tilly sống trong một căn hộ dành cho người độc thân ở khu Tây Hampstead. Nó nhỏ xíu, nhưng cũng đẹp, và là của chị. Tôi sẽ nhẩn nha trên cái trường kỷ, ủn chăn lông về một bên, uống cà phê như bợm, chàng ràng khắp lối. Mỗi tối chị sẽ nấu đồ ăn cho tôi và lúc nào cũng trông lo lắng. Tên Toby sẽ vờ không phiền vì sự quấy quả của tôi, rồi tôi lại phải tìm việc gì đó làm tạm, hoặc mua một vé máy bay. Khi tôi nói với chị Cee rằng bố mới chết mà đã lo bán nhà bán cửa thì hơi bất kính, chị tức đỏ mặt, bảo tôi không biết điều, rằng hay là tôi dọn qua nhà chị mà ở trong khi chị dọn dẹp mọi thứ - thế khác gì tự giết mình. Rồi chị sẽ vênh váo ta đây làm lụng chăm sóc những ba đứa con, ám chỉ tôi là kẻ vô công rồi nghề. Bởi vậy tôi nhượng bộ, bảo rằng để tôi lo vụ đó. Tôi sẽ đưa người môi giới đi xem nhà, tôi sẽ lọc lại hình hiếc, tranh ảnh và làm tất thảy những thứ quỷ quái khác để bán căn nhà. Chị bĩu môi, bảo rằng vậy mới phải, có lẽ chị em mình nên chờ vài tuần, rồi tôi hầm hầm lao đi gọi điện thoại ngay cho ba đại lý bất động sản trong danh bạ điện thoại. Họ đều đề nghị tới xem trong tuần này.

"Tôi tên Michael," người môi giới nói, chuyển mọi thứ qua tay trái để chìa tay phải ra bắt. "Chắc cô là Alice. Vui được gặp cô. Nhà đẹp quá." Gã thụt lùi và nhìn lên. "Lúc này không phải thời điểm tốt nhất để bán nhà, nhưng vị trí này thì tuyệt." Đôi mắt gã đáo qua đáo lại trong khi nói. Răng gì mà đều tăm tắp. Tôi tự hỏi, có phải gã là loại người thô lỗ nốc cô-ca ừng ực; hay có bố mẹ khe khắt, hay bị doạ đuổi việc vì nhân công thừa hay không. Tôi muốn xem cái lá trên tường, nhưng lại bắt tay và mời gã vào nhà.

"À vâng, chúng ta xem một lượt chứ nhỉ?"

Gã giơ chân gạt chồng thư trên tấm thảm cửa vào một góc. Mớ thư này được gửi cho ông M. Tanner. Tôi không rớ vào chúng được. Tôi nhìn lên bên ngoài cửa trước. Bầu trời đầy mây trắng xoá. Một cơn gió luồn vào khe cửa khiến tôi rùng mình.

Tôi theo Michael đi khắp nhà. Gã sờ mấy bức tường, hít hít chỗ cửa sổ, nhòm ngó đèn đóm và ổ cắm điện. Gã mở vòi sen, giật nước toa-lét, giẫm

giẫm chân lên mấy tấm ván sàn. Gã ghi ghi chép chép bằng cây viết bi xanh dương, nét chữ nhỏ rí khó coi. Tôi tưởng tượng cảnh bố nhìn chúng tôi, nhếch mặt cười giễu. Hẳn ông sẽ bảo: “Đừng làm căng quá, Alice, chuyện làm ăn thôi mà.” Chuyện làm ăn thôi mà.

Chúng tôi vào tới bếp. Tôi thấy được nét khinh bỉ trên môi Michael khi gã nhìn vào sàn lót vải sơn, tủ bếp kiểu những năm bảy mươi, những hoa với rác rến trên tường mà tôi lấy vào xếp ở bậu cửa sổ. Đồ trang trí của tôi đó, tôi những muốn kể ra, nhưng chắc gì gã hiểu được.

“Thế, anh nghĩ sao?” Tôi hỏi. “Vâng. Vâng.” Hắn gục gặc và cố mỉm cười. “Anh có thấy trong nhà hơi tối không?”

Gã cười căng thẳng. “Sơn lại một phát là tươi ngay.”

“Lúc nào tôi cũng hơi...” tôi lại cười không đâu, “sờ sợ cái nhà.” Tôi lắc đầu. “Cà phê nhé. Anh uống cà phê không?”

Gã uống cà phê đen với ba viên đường. Tôi bày bánh quy sô-cô-la ra đĩa, trông chúng thảm hại thế nào. Gã ăn bốn cái, làm dính vụn bánh vào má. Tôi thấy khó lòng mà chú tâm nghe gã nói những gì.

“Cô Alice, vấn đề là cô phải nghĩ đến người mua nhà, cô cần tưởng tượng ra họ...”

Tôi ngó trân đôi giày của gã. Thon dần về phía mũi, da mềm màu nâu, dây buộc màu xanh dương nhạt.

“... vì vậy tôi nghĩ rằng còn phải sửa sang nhiều, thưa cô Alice...”

Đôi bàn tay gã huơ huơ ăn nhịp với lời nói. Những ngón tay mảnh, móng cắt gọn, không có nhẫn.

Hôm qua tôi tìm được một bức hình của mẹ trong một thùng không dán nhãn trên gác mái. Tôi đã cố ép mình bắt đầu dọn dẹp, nên bắt đầu lôi mấy cái thùng sát mái ra.

Thùng đầu toàn là sách: *Fahrenheit 451*, *Người máy có mơ về loài cừu điện tử?*[3], *Thế giới mới can trường*[4]. Thùng thứ hai đựng một bộ bát đĩa - mép vỏ

sò, nước men nâu kiểu những năm bảy mươi. Thùng thứ ba loé lên ánh màu. Lụa màu ngọc lam. Chỉ vàng kim. Tôi có nghe nói về mấy cái gối này - chị Tilly với chị Cee thường hay đội lên đầu giả làm công chúa; họ tưởng bố đã vứt chúng cũng mọi thứ khác. Có ba cái gối trong thùng, và dưới đáy thùng là một bức hình mẹ có khung. Bức hình vẽ bằng viết nét đen mảnh. Đầu của bà nghiêng một góc nhỏ, nhưng mắt nhìn thẳng vào người vẽ, mỉm cười. Không có chữ ký nào hết.

Tôi kể với hai bà chị về mấy cái gối, nhưng bức hình thì không. Nó được đặt trên bàn trong phòng tôi, lưng tựa vào cửa sổ. Người phụ nữ ở đám tang nói đúng: Tôi sở hữu cái mũi nhỏ, gần như hếch lên, đôi mắt hình hạnh nhân, cái cằm tròn trịa và mái tóc dày quăn lọn, giống hệt như bà. Tôi tự hỏi đó có phải lý do bố tôi có vẻ không ưa tôi suốt mấy tháng trời sau khi bà chết đi. Nếu đúng vậy thì chắc đó là lý do vì sao thi thoảng tôi bắt gặp ông nhìn tôi một cách kỳ lạ. "... vậy cô nghĩ sao, cô Alice? Cô có bằng lòng làm vậy chăng?" "Xin lỗi?" Tôi nhoẻn cười xin lượng thứ.

• • •

Mặt gã chùng xuống, và tôi hình dung gã luôn bị thất vọng thuở còn nhỏ.

"Sơn lại, với mấy tấm thảm ấy mà?"

"Thảm nào?"

Gã nheo nheo mắt. Tôi không rõ hắn có mắng tôi một trận không. Thay vì vậy, gã càng thêm kiên nhẫn, bảo rằng tôi cần xem xét chuyện sơn lại nhà màu trắng, thay thảm mới. Rõ ràng là mấy thứ này sẽ làm giá bán tăng lên.

"Màu trắng à?" Tôi hỏi.

"Màu hoa mộc lan ấm hơn, người ta thấy thoải mái với màu mộc lan. Cô

cũng nói là giờ căn nhà hơi âm u mà."

Tôi gật gù. Tôi hình dung cảnh mình hất một lon nước sơn trắng lên tường phòng khách. Ý nghĩ ấy làm tim tôi đập rộn.

"Vậy nhé." Gã lôi trong bìa ra một tờ giấy trắng và bắt đầu viết. "Sơn lại càng nhiều càng tốt, ít nhất cũng phải sơn hết sảnh, chiếu nghỉ cầu thang, và phòng khách. Đặt thảm mới trong sảnh, chiếu nghỉ, phòng khách. Bỏ màu đỏ và xanh lục đi, thay bằng màu trung tính. Đồ nội thất..." Gã gặm gặm đuôi viết. Cặp mắt gã hất lên nhìn trần nhà. "Tôi nghĩ ta nên bỏ đồ nội thất nhà mình đi, rồi hãy mời khách đến xem. Cô thấy sao, cô Alice?" Tôi thích ý nghĩ những thứ nội thất nặng nề của bố có thể biến mất. Hẳn ông muốn chúng tôi giữ lại mà dùng. Tôi hình dung cái tủ đồ màu gụ, vách gỗ thông mỏng, diềm crôm sáng loá của ông bay sang nhà chị Cee; hoặc cái trường kỷ trong phòng ông cúm rúm trong một góc căn hộ chị Tilly. "Chúng ta có thể bỏ đồ nội thất đi," tôi nói.

"Tuyệt!" Micheal vỗ tay. Tôi muốn đấm gã. "Cô cần gạt cảm xúc đi mà nghĩ cho khách, cô Alice. Chúng ta muốn khách mua bước vào nhà, tưởng tượng cảnh họ trở về sau một ngày làm việc, khui một chai rượu vang, dùng bữa tối. Có điều bây giờ thì nó... chà..." Gã phẩy tay một cái như muốn xua cả căn nhà đi.

Tôi ăn một cái bánh quy, rồi liếm sô-cô-la dính ngón tay. Gã nhìn tôi, rồi khi tôi bắt gặp, gã húng hắng, nhìn chỗ khác. "À việc sau cùng là sửa lại bếp," gã nói. "Cần làm mới toàn bộ cái bếp."

Tôi nói rằng tôi sẽ cân nhắc - chuyện sơn lại, thay thảm, bỏ đồ nội thất, sửa cái bếp, và cả chuyện chị em tôi có thích làm ăn với chỗ của hắn không nữa. Nghe tôi nói, gã lộ vẻ sợ hãi, nhắc đi nhắc lại với tôi rằng sở của gã nào là uy tín, nào là quy mô có nhỏ nhưng lại cung cấp dịch vụ hiệu quả và vừa ý khách hàng, nào là phí môi giới có tính cạnh tranh.

Tôi tiễn gã ra cửa. Cái lá vàng kim không còn nữa. Trên bậc thềm cũng không có. Chắc nó bị gió cuốn, hoặc bị lấy lại rồi. Tôi tự nhủ có lẽ nó chưa

từng nằm đó mà là chính tôi đang phát bệnh điên. Tôi trông theo gã Michael bước xuống đường, tưởng tượng ra căn nhà của bố mình biến thành năm tấm ảnh với một đoạn mô tả dở tệ trên cửa sổ đại lý bất động sản.

Cả nhà dời về đây ở khi mẹ mang bầu tôi. Chị Cee thường hay kể tôi nghe về căn nhà cũ. Nhà cũ đẹp, sáng sủa và vui hơn ở đây. Có lần chị đưa tôi thăm nhà cũ, hai chị em đứng ở cuối đường mà ngắm. Gạch London cũ mờ; cửa sổ rộng khung trắng; khoảnh vườn sân trước đầy hoa. Sao nhà mình lại chuyển đi? Tôi hỏi, chị nhún vai đáp rằng chị chẳng biết. Cái cách chị nói khiến tôi hiểu rành rành, cớ sự là tại tôi.

Tôi bước vào bếp. Tôi nhét lát bánh vào khe nướng, nhìn mặt bánh dần đượm màu cam, hơi nóng toả lên trên. Tôi quết bơ lên miếng bánh sẫm màu, cắt ra thành hai hình tam giác như bố làm. Như bố từng làm. Vừa ăn, tôi vừa đi đi lại lại trong bếp, mở tủ xem, làm rơi vãi vụn bánh. Tôi bật điện ấm nước. Cái ấm cũ kỹ bằng nhựa, vuông vức, cáu sốt cà một bên thành. Nó làu bàu rồi rung lắc, xì hơi nước ra. Tôi múc cà phê vào trong ấm pha, hít vào hương cà phê nâu sậm. Tôi chưa động tới thứ gì cả mà cái bếp đã nhuốm màu tan hoang rồi.

Mùi thơm cà phê gợi nhớ những sân bay. Tôi tự nhủ rằng mình sẽ ra đi. Xong xuôi ở đây là tôi đi ngay.

Tôi bắt đầu dọn. Tôi bưng đồ trong ba ngăn tủ ra bàn bếp, xong đứng xem xét. Những cái đĩa màu trắng và xanh dương mà ông giữ vẫn y nguyên như từ hồi tôi biết nhớ. Tôi cầm một cái lên, rồi đặt xuống. Sành sứ vô hồn, thương tiếc mà chi. Tôi xịt chất lau rửa vào ngăn kệ, làm sạch hết bụi bặm, hạt gạo với bột rơi vãi, dây thun lớp nhớp. Rồi tôi đứng lên ghế dọn sạch các tủ phía trên. Cái ly đầu tiên tôi làm rớt có thể là do sơ ý. Nó không vỡ, chỉ miễn cưỡng nảy lên rồi lăn về phía chậu rửa. Cái thứ hai mỏng hơn - một ly rượu vang mảnh khảnh - và nó vỡ tan thảm thiết, mảnh văng khắp sàn. Cái thứ ba cũng y vậy; cái thứ tư thì không sảng khoái bằng. Tôi dọn sạch tủ, từng cái ly một, cho đến khi tôi bị vây chặt giữa đống mảnh thuỷ tinh. Cảnh

tượng khá đẹp, những mặt thuỷ tinh vỡ phản chiếu tưng bừng ánh mặt trời.

14.

Mười nơi tôi từng qua đêm

Hiên nhà thờ Thánh Peter ở đường Walworth.

Công viên Myatt's Fields, dưới cây thông lớn gần nhà kính.

Trên giường xếp, trong tầng hầm nhà thờ Thánh John, phố Duncan, Islington.

Công viên Roundhay ở Leeds. Công viên này rộng lắm - thảm cỏ được chăm tỉa trải dài hàng dặm.

Khu Clapham Common, phía nam nhà hóng mát.

Một nhà nghỉ gần trạm Southwark - tôi không nhớ tên đường, nhưng gặp thì sẽ nhận ra: nó hẹp và hơi tù túng, cửa sổ lắp kính an ninh.

Khu Hampstead Heath.

Trong một mái vòm dưới cầu Waterloo, chỗ có một bức tường bị che phủ bởi bóng hậu một bức tường khác.

Trong một ống cống bê tông bờ đông bán đảo Greenwich, nghe nước sông lững lờ trôi.

Trên thành cầu Blackfriars, cố quyết định đời mình.

Đêm sau đám tang, tôi ngủ ở khu Heath, khi tôi bước trở lại ngôi nhà, cái hoa không còn đó nữa. Bố tưởng tượng con cầm nó, điều này khiến bố nảy ra một ý.

Trước khi bố gặp mẹ con, bố trải qua vài năm làm hợp đồng cho mấy công trường xây dựng. Phải mất nhiều tuần để chuẩn bị móng xây những ngôi nhà mới. Con phải xây nền cho chắc chắn, nếu không thì đắp cái nhà lên đó cũng vô ích. Đó là công việc của bố - xây nền. Tốn nhiều thời gian, nhưng cũng đáng.

Bố dành vài ngày lượm lặt các thứ. Nếu con bước đi đủ xa và cố công tìm kiếm, con có thể tìm được gần như mọi thứ mà con thích. Trong một thùng xà bần đựng đầy những khung cửa nát, thuỷ tinh vỡ và xà bần bê tông ngoài một ngôi nhà ở công viên Belsize, bố tìm thấy một túi nhựa rỗng màu xanh dương.

Bố băng đến khu Kentish, rồi về hướng Camden. Bố thấy một chuỗi hạt trai giả khép nép trên bậu cửa sổ một cửa hiệu, và bốn viên sô-cô-la vuông gói trong giấy vàng trên đất.

Khi xếp hàng chờ lấy súp ở đường Buck, tôi dõi mắt tìm Anton, nhưng không thấy. Không phải chờ tới lúc đưa muỗng súp lên miệng tôi mới thấy đói cồn cào. Nước súp màu nhàn nhạt, có dầu, phập phồng những cà rốt, khoai tây, và lúa mạch. Tôi ăn hết ba tô súp, năm lát bánh mì trắng.

Mẹ tôi khi trước không thích nấu nướng. Mỗi bữa ăn thường bắt đầu bằng lời xin lỗi - món rau củ bị chín rục hoặc còn sống; bà không làm cho nước sốt thịt sệt lại; món sốt kem chữa cháy lại bị vón cục. Bố tôi thay vì cười khoả lấp, lại gục gặc ra bộ nghiêm trọng, rồi tiếp cận đĩa đồ ăn với vẻ mặt của thầy khám nghiệm pháp y. Lúc nào tôi cũng muốn bảo với bà là đồ ăn ngon, bà nấu giỏi, nhưng vì lẽ gì đó, tôi không thể. Khi tôi đã bỏ nhà đi, tôi bắt đầu ăn cơm đứng. Thi thoảng tôi chỉ cần mở hộp đựng món đậu rồi múc ra mà ăn ngay, chống tay trên quầy bếp, hay tựa vào cửa phòng khách, xem tivi.

Mẹ của con thích ăn tiệm. Hai người mới đi ăn cùng nhau một vài lần. Bố chẳng bồi tiếp được mấy - những dao nĩa và ly tách sáng choang làm bố khiếp đảm. Anh ăn gì mà như chực đánh trận, cô ấy phán, thế là bố cố sức từ tốn. Thế là cô ấy lại phán, anh làm em hồi hộp, rồi bố chẳng biết làm sao nữa.

Ngoài nhà thờ, bố tìm thấy một mảnh kính vỡ màu xanh lục gần giống màu chữ T, thứ mà bố nghĩ chỉ có ở bãi biển.

Khi sắp sửa hoàng hôn, cái túi nhựa xanh dương đã đầy một phần tư. Sau ba ngày nó đầy căng. Vòng nút chai. Bịch khoai tây chiên rỗng. Một cái kẹp nhựa phơi đồ màu hồng. Một cái kẹp giấy màu xanh lục tươi. Một đoạn cáp điện.

Nhiều vỏ gói kẹo. Một cái xe đồ chơi màu cam. Một khung hình rỗng bằng bạc.

Bố bắt đầu bằng tên con.

Bố tìm được một mảnh giấy màu xanh dương nhạt, loại giấy hình vuông có keo dính ở mép trên để viết lời nhắn, hay ý nghĩ nào đó thoáng qua. Lớp keo đã hết dính lâu rồi. Bố cuộn mảnh giấy thành ống rồi găm lại bằng một cây đinh mảnh màu xám để nó khỏi bung ra. Bố quấn một đoạn ruy-băng quanh ống - loại ruy-băng người ta vẫn dùng để gói quà. Bố tìm được bông hoa hoàn hảo, màu hồng tía, cánh hoa như hình trái tim, thế là cắm luôn nó vào trong ống giấy màu xanh dương. Rồi bố tìm màu lam sẫm; rốt cuộc cũng tìm được một mảnh vải din mép tưa. Mảnh vải có đường thêu chữ thập bằng chỉ cam, bố tỉ mẩn gỡ ra.

Bố trở lại căn nhà ấy, bước lên bậc thềm, đi về phía con. Bố nhòm qua cửa sổ. Cái bàn đã biến mất. Có một cuốn sách mở trên trường kỷ, nhưng bố không nhìn được tựa. Bố đặt mảnh vải din lên tường bên hông. Bố định đặt ống giấy thẳng đứng như bình hoa, nhưng nó không vững được nên đành để nó nằm trên thềm, bông hoa hướng về phía cửa.

• • •

Con bé không có cha thì hơn, cha chiếc gì như tôi. Tôi không thể gạt lời nói của Anton khỏi tâm trí.

• • •

Alice. Daughter. (con gái)

• • •

Ngày hôm sau, bố chọn một tấm bìa cứng màu cam, không đúng như màu bố muốn, nhưng thế cũng tốt rồi. Bố xoi thủng nhiều lỗ trên mặt giấy. Con cầm lên nhìn qua lỗ sẽ thấy những ngôi sao. Đó là một chữ dài: con gái. Càng nghĩ càng thấy lạ. Hầu hết những chữ cái bố tìm được trong những nút chai. Màu xanh dương nhạt, một màu cam-đỏ ấm áp, màu tía nặng nề. Cái chai vỡ làm chữ T; dây cáp điện có vỏ nhựa màu hoa mộc lan làm chữ H. Hai chữ cái cuối có sẵn ở những cái cây. Màu xám than làm chữ E, màu nâu hạt dẻ làm chữ R - viết trên vỏ cây. Bố xâu mọi thứ lại bằng sợi cáp, rồi mang đến cho con.

Bố đứng gần cửa trước và nhòm qua cửa sổ. Quyển sách không còn đó nữa. Bố không thấy được gì khác ngoài cái tràng kỷ, tấm thảm đỏ sậm, rèm được cột lại bằng dải nhung dày, một phần kệ sách nhô ra chỗ bức tường phía xa. Bố bày quà của mình lên tường, rồi rời đi.

• • •

Suy cho cùng thì thành hay bại có thể phụ thuộc ở bề ngoài. Tưởng tượng mà xem: một phụ nữ ra mở cửa sau tiếng chuông. Một người đàn ông ăn vận lịch lãm đứng đối diện cô. Cô lắng nghe điều ông cần nói. Thế gian chợt biến đổi. Lại tưởng tượng mà xem: một phụ nữ ra mở chuông cửa sau tiếng chuông. Một kẻ vô gia cư đứng đối diện cô. Kẻ ấy bị gãy mất một cái răng, có một vết sẹo dài trên mặt, và bốc mùi rác rưởi. Cô đóng sầm cửa, tiện thể khoá chốt để đề phòng.

• • •

Chữ yêu thương có màu vàng kim. Tuy bố chưa từng gặp con, nhưng còn gì khác để nói ngoài yêu thương?

Alice. Daughter. Love. (Alice. Con Gái. Yêu Thương)

Bố xếp một cái chén tí hon bằng cái vỏ kẹo sô-cô-la màu vàng kim, dùng ngón tay ép lớp vỏ ấy đến khi nó cứng lại thành hình. Bố vo một viên bạc từ một cái vỏ kẹo khác, rồi bỏ nó vào cái chén vàng. Bố bỏ thêm một bông hoa tử đinh hương nhỏ hơn ngón tay em bé, với mảnh vụn đá màu xám than. Bố đi về chỗ con mà lòng nhẹ nhõm, đặt chữ *Love* cho cân lên tường ngoài ngôi nhà con ở.

• • •

Dù hôm nay trời mưa, bố tiếp tục đi nhặt nhạnh, chùi những thứ tìm được vào áo, và túm chặt miệng túi nhựa để màu sắc bên trong khỏi ướt.

Trong lúc bước đi, bố hình dung cảnh con ngồi trên chiếc ghế sọc, cầm sách trên tay, đầu gối gập lại, lắng nghe tiếng mưa lách tách trên cửa sổ, với cốc trà trên sàn nhà. Bố mong con được ấm áp và khô ráo, hôm nay không phải ngày để ra ngoài.

Đêm đầu tiên ngủ ngoài trời ở London, trời mưa. Trước đó tôi ở nhờ, ngủ trên ghế dài trong căn hộ của một người bạn trong quận Camberwell, nơi anh ta ở chung với bạn gái. Đận ấy tôi từ Leeds trở về, trong lòng vẫn còn buồn khổ. Người bạn gái nọ thông cảm được tuần đầu - tôi không nhớ tên cô, chỉ biết cái tên ấy nhuốm màu hoa tử đinh hương. Cô pha trà cho tôi, nghe những lời tôi huyên thuyên, nhưng rồi tôi mau chóng nhận ra sự chán ngán toả ra từ cô. Rồi một đêm, tôi ra ngoài uống chút rượu để họ có chút riêng tư. Tôi uống quá chén, chỉ nhớ được mình rời quán rượu, đầu óc lơ mơ, mưa lạnh ướt mặt. Nửa đường về căn hộ của họ, tôi nôn thốc nôn tháo lên áo lên giày, và biết mình không về đó được nữa. Tôi ngủ co ro dưới một bụi cây ở công viên Myatt's Fields, hoặc ít ra đó là chỗ tôi tỉnh dậy. Mình mẩy đau như dần, lạnh run lập cập. Quần áo thì ướt sũng. Đá với cành con in vết hằn lên da. Tôi còn nhớ, khi ấy tôi tự nhủ mình còn sống thật là may, nhưng giờ lại thấy ngược lại.

Tôi chờ đến khi biết chắc họ đã đi làm rồi lẻn vào căn hộ, tắm vội vàng, suýt bỏng vì nước nóng quá, giặt bộ đồ, trải phẳng rồi dùng máy sấy. Tôi còn đánh bóng đôi giày nữa. Tôi ngồi trên ghế dài, nốc cạn cả một bình trà. Rồi tôi ghi lời nhắn cảm ơn, gói ghém đồ đạc, xong bỏ di.

Những điều cấm kỵ có cái dở như thế. Một khi ta đã phạm vào rồi thì chúng chẳng có gì to tát nữa.

Tôi ưa mặt cỏ hơn băng ghế. Tôi ưa góc khuất hơn là chỗ thoáng đãng. Tôi thích ngủ trong tiếng lá xào xạc hơn là ngủ trong tiếng xe hơi. Thi thoảng tôi trở lại cùng một chỗ: dưới kia, gần chỗ con kênh cắt vào lòng đất bên nhà tạm trú Thiên Sứ; hiên sau nhà thờ Thánh Peter bên đường Walworth. Một dạo nọ tôi qua đêm ở mé nam cái nhà hóng mát trong khu Clapham Common. Cái tôi thích nhất là những vì sao. Hiếm khi nào ta thấy

được sao trong thành phố. Tôi chưa từng được học về những chòm sao. Dù không biết tên chòm nào, tôi vẫn có thể phân biệt được chúng.

Điều đáng nói là con mất đi nhịp điệu thường ngày của cuộc sống. Ngủ nghỉ, giặt giũ, cạo tỉa, ăn uống, ra ngoài đi làm. Mọi thứ phân rã nhanh hơn con tưởng. Con sẽ hỏi tại sao bố sống thế này. Tất nhiên, con có quyền được biết. Nhưng cớ sự đâu hề đơn giản.

Hôm thứ Tư, tôi đi về phía tây, băng qua khu Heath, vào công viên Golders Hill – chỗ này cây cối cách hàng chỉn chu, lối đi được tráng nhựa, và cỏ được cắt tỉa cẩn thận. Tôi rẽ vào lối ngang chuồng chim, ngắm một con diệc trắng bay qua bay lại trên mặt bê tông đầy vệt phân chim.

Hôm nay tôi nghe tim mình khoẻ. Một phụ nữ trẻ mỉm cười với tôi khi đi ngang. Tôi thấy một cặp đang ôm nhau gần đài tưởng niệm chiến tranh bên ga tàu điện ngầm Golders Green, bên dưới chữ "courage" (lòng can đảm), chàng ôm nàng nhấc lên và quay vòng như một cái cây bật gốc trong gió. Tôi bước dọc đường Accomodation, qua một toà nhà thấp bằng gỗ có những tấm ốp sơn phết, qua hàng rào trắng vẽ những hoa hướng dương và chim vẹt sặc sỡ. Những cầu thang sắt ngoài trời màu đen bò từ dưới đất lên lưng các toà nhà, máy điều hoà phì khí nóng ra. Nhân viên của khách sạn và tiệm quán rít ni-cô-tin vào phổi.

Tôi tìm được một hạt dẻ ngựa sót lại từ năm ngoái, có màu nâu-nhăn-khô. Tôi cũng tìm được cái bật lửa màu tía đã hết ga với một bên dây đeo đồng hồ màu xám sẫm. Ngoài một cửa hiệu tạp hoá có nào rau nào củ chất chồng trong nhiều thùng nhựa, tôi tìm được một tấm bưu thiếp màu sông băng. Một dòng sông chảy xiết xuống dốc đồi, ánh nước màu lam đục – màu tên của con. Mặt sau thiếp, ai đó ghi chữ "Thân mến" bằng mực xanh. Chữ sau đó bị gạch đi, và cũng nét mực viết bi xanh đó kéo một đường mấp mô, đánh chéo khoảng trắng. Góc dưới bên trái có in dòng chữ: Sông băng Franz Joseph Glacier, New Zealand.

Người ấy nói, nào hãy cùng đi thật xa, và tim tôi đánh thót. Cô bảo, đi

chơi cuối tuần ấy mà, thế là tôi cố sức kìm nén nỗi thất vọng. Malcolm đưa mấy đứa con gái về thăm ông bà bên nội, cô sẽ viện cớ để ở nhà. Cô muốn đi biển. Tôi hỏi, em không thấy biển buồn hay sao. Cô bảo tôi thật ngốc ngếch và đa cảm, rồi hôn tôi nồng cháy.

Chúng tôi đi Brighton. Khách sạn nằm trên con đường chạy dài dọc bờ sóng. Khung cửa sổ dãi dầu gió biển, và những luồng mặn mòi chui vào qua khe trượt. Cô nằm phịch lên giường – chiếc giường đôi chật hẹp, tấm trải màu lam nhạt ôm thít cái nệm. Cô nói, em thấy mình xấu xa, hãy đến đây, và mỉm cười.

Sau đó tôi hỏi cô có yêu tôi không, cô đáp rằng tất nhiên là có, rồi cười ngất như thể chẳng có gì quan trọng cả. Cô gọi tôi là "lối thoát," là "bí mật hư hỏng" của cô. Tôi mà "nghiêm trọng hóa vấn đề" là cô cáu ngay.

Tôi rẽ lên ngõ Hoop, băng qua cảnh tượng gây sốc nơi nghĩa trang – hàng hà sa số bia mộ chen nhau ngoi lên, cùng nhà hoả thiêu quây tường đỏ choé. Tôi chuyên chú nhìn các màu sắc. Tôi chuyên chú đặt từng bước chân nối nhau.

Cuốc bộ trở về chỗ của con phải mất một lúc lâu. Bố đứng trong ngõ Christchurch, ngắm mảnh trời thành phố bị kẹp giữa những toà nhà cao bằng gạch vươn lên trên một sân chơi tĩnh lặng. Bố xin lỗi, *Alice, daughter, love.* Bố xin lỗi vì đã không yêu thương đủ nhiều để khiến mẹ con ở lại bên bố. Bố xin lỗi vì đã không thể làm một người bố. Bố xin lỗi vì đã không tìm được con. Bố xin lỗi vì tất cả.

Chữ S màu xanh ô-liu. Bố tìm được một cái mũ lưỡi trai kiểu lính mắc trên hàng rào gần những cái hồ, trên phố Heath. Chóp nón dính một vết bẩn mà xà bông tẩy không ra, nhưng bố hi vọng con sẽ không để ý. Bố đặt những chữ cái vào trong. Một vòng vỡ bằng bạc làm chữ O, hai cái lá màu nâu hạt dẻ làm hai chữ R, và một bánh xe màu nâu sẫm của xe đồ chơi làm chữ Y.

Rèm đang mở, bên trong có ánh đèn. Bố đi lên bậc thềm, nhìn qua cửa

sổ. Con đang nằm trên ghế dài. Trái tim bố muốn rạn vỡ trong lồng ngực. Con đang ngủ, gương mặt con giống gương mặt mẹ con như tạc. Bố đứng ở bậc thềm trên cùng và nhìn ngắm con. Tránh xúc động mạnh. Bố có thể bấm chuông cửa. Bố có thể thức con dậy. Nhưng con đang gối lên áo khoác, gác chân trần lên tay ghế mà nằm ngủ, bình an quá. Và bố không, chưa thực sự sẵn sàng gặp con. Bố để cái nón lên tường rồi bước đi.

Alice. Daughter. Love. Sorry. (Alice. Con gái. Yêu thương. Xin lỗi.)

• • •

Tôi còn phải viết xong một từ nữa mới sẵn sàng gặp con gái, nó cũng sẽ sẵn sàng gặp tôi. Tôi định quay lại quán Thiên Sứ, tìm Anton. Anh ấy sẽ hiểu. Và nếu anh không giúp được, tôi sẽ tìm người khác. Cần cắt tóc, cạo râu. Tôi nhớ những khi bố mình chuẩn bị đi làm, cách ông đứng trước gương lớn, vuốt tay áo khoác xuống; nhích chân qua lại để xem nếp quần thẳng thớm chưa; liếm ngón trỏ rồi vuốt chân mày; ngẩng đầu lên nhòm xem hai lỗ mũi sạch chưa. Nếu ông bắt gặp tôi đang nhìn, ông cười cười, vỗ nhẹ đầu tôi. Con trai, đừng bao giờ quên rằng con phải tạo ấn tượng tốt với đời. Ông sẽ dặn dò như vậy.

Thi thoảng tôi nghĩ chuyện khó giải quyết nhất là mẹ tôi không chịu đổi thái độ về bố.

Tôi tố, ông ấy nói láo.

Bà bao biện, bố con bị hù doạ mới nên nỗi.

Ông gây chuyện bung bét.

Lúc nào bố con cũng muốn làm điều phải, đâu cần nặng lời vậy.

Ổng chỉ biết thây kệ mọi sự mà đi chết.

Bố con quẫn bách quá mà, ông kể mẹ hay thì đâu đến nỗi. Ước gì bố con

không tự tử.

Nghĩ như vậy thì ích lợi chi đâu?

Rốt cuộc tôi chịu hết nổi: căn hộ thuê chật chội, nhếch nhác, thảm te tua, mấy cái máy sưởi tiết kiệm xấu xí, gương mặt, đôi mắt bình thản cùng đôi môi hoà dịu, sẵn sàng nhoẻn cười của mẹ. Tôi ghét sự chấp nhận của bà. Tôi ghét xúc xích và đậu hộp rẻ tiền, ghét những cái chăn mỏng tang xếp chồng trên hai cái giường, hũ đựng xu trên kệ lò sưởi. Tôi vẫn ghé thăm bà, nhưng thời gian giãn cách giữa những lần thăm cứ dài ra; tôi phải công nhận như vậy. Bà sống ở đó nhiều năm ròng, trước khi mắt bà yếu đến độ phải vào nhà dưỡng lão mà ở. Bà tự mình lo liệu tất thảy. Tôi đã chẳng hiếu thuận gì cho cam.

Bố ao ước mình đã có cơ hội làm một ông bố đường hoàng, nhưng mẹ của con bảo rằng phải vì con, vì cô ấy, vì chính bố nữa mà đành chịu. Cô ấy nói không muốn chuyện thành ra như vậy, lẽ ra bố là lối thoát chứ không phải ngõ cụt. Khi bố bảo mình giúp được chứ, cô lắc đầu cười mỉm mà như mếu vì buồn quá. Lúc đó cô ấy ngày càng bế tắc, vì bố, vì con: giờ bố mới nghiệm ra điều này.

“Anh còn trẻ, Daniel à. Chưa tới ba mươi nữa.” Theo cô thì nhiều đàn ông rất muốn chuyện tình lén lút kết thúc kiểu đó.

Anh thì không, anh thì không, hai ta giải quyết được mà, bố nói đi nói lại.

“Làm gì còn có ‘hai ta’ nào nữa,” cô bảo.

Bố chỉ có thể giải thích duy nhất điều này với con, cô ấy biến thành một người hoàn toàn khác. Giống như cô ấy bị một tầng màu mới, cứng ngắc bọc thít lấy mà bố vô phương đối phó.

Nhưng bố yêu con.

Nhưng bố muốn làm một người...

Nhưng bố yêu con.

Cô ngồi đối diện tôi mà đôi mắt như hoá đá, trong một quán ăn mà chúng tôi chưa từng đến. Mặt bàn tròn bằng mi-ca màu be, viền kim loại mỏng. Chân bàn bị hư, hoặc sàn không phẳng, bởi mỗi lần chúng tôi nâng lên hay đặt cốc xuống, hay chạm chân vào bàn, cả cái bàn bị lắc mạnh, làm đổ trà ra đĩa lót, ly tách loảng xoảng. Tôi xếp khăn ăn, nhét vào dưới một chân bàn xem thế nào. Vẫn vậy. Tôi nhìn quanh tìm thêm gì khác để xếp tiếp thì bàn tay cô đặt lên tay tôi.

"Thôi kệ nó, Daniel. Không sao đâu."

Những ngón tay búp măng của cô tuyệt đẹp, móng tay sơn cùng màu đôi môi cô, cùng màu với tên cô. Tôi cầm lấy tay cô. Cô gắng rụt ra, nhưng tôi không cho. Tôi thấy đôi má cô thoáng đỏ bừng, nghe lòng mình khấp khởi đôi phần.

"Buông tôi ra," cô kêu lên.

"Tôi yêu em."

"Tôi nói với anh rồi, Daniel, tôi đã cố sức giải thích cho anh hiểu, rằng tôi không được lựa chọn." Cô ngó trân vào vai tôi khi nói. Cô còn chẳng thèm nhìn vào mắt tôi.

"Em có anh mà," tôi nói.

Cô lắc đầu. "Chuyện mình lẽ ra không kết cuộc như vầy, Daniel. Em xin lỗi."

"Nhưng anh cũng có quyền với con chứ." Tôi nghe giọng mình nhuốm màu thê thảm. Cô nhướn mày – cặp chân mày sắc gọn, sậm hơn màu tóc cô. Tôi buông tay cô ra. Cô bắt đầu sột soạt cất đồ vào túi, và tôi biết cô có thể rời đi bất kỳ lúc nào.

"Tôi sẽ nói chuyện với anh ta," giọng tôi như giọng một đứa học trò ngổ ngáo. "Anh ấy biết mà, Daniel, vấn đề là ở đó, anh ấy biết hết rồi."

• • •

Alice. Daughter. Love. Sorry. Father. (Alice. Con gái. Yêu thương. Xin lỗi. Bố.)

Tôi lấy chuỗi ngọc trai nhựa ra khỏi túi. Chữ F màu trắng, loá ánh ngọc trai. Tôi dùng chỉ cotton trắng cột những chữ cái khác vào kẽ hạt. Một miếng bưu thiếp màu sông băng làm chữ A. Một cái dây buộc màu xanh lục làm chữ T. Một mảnh nhựa mịn hình tam giác làm chữ H. Một bông hồng nhỏ xíu từ miếng lụa xám than làm chữ E. Hạt dẻ ngựa làm chữ R.

Hôm nay có một cái áo khoác len màu xanh dương nhạt phủ trên tay vịn trường kỷ, với một bình thuỷ tinh cổ thon đựng hoa cúc đã chớm tàn trên bậu cửa sổ. Không thấy con. Tôi nhìn cái chuông cửa bằng đồng. Tôi tự nhủ để ngày mai. Để ngày mai. Tôi để lại chuỗi ngọc trai nhựa lên tường, rồi bước đi.

15.

Mười điều tôi sợ

Ngôi nhà này. Tôi chẳng biết tại sao - không phải vì mấy con ma của chị Cee.

Ở lại đây và chết vì chán.

Rời khỏi đây và chẳng biết đi đâu.

Rằng có lẽ tôi muốn kết hôn rồi đẻ con - những thứ tôi thề không bao giờ làm.

Rằng tôi sẽ không bao giờ nhìn thấy bố lần nữa.

Rằng tôi đang xoá bỏ ông khỏi ngôi nhà, và tôi sẽ không bao giờ có thể đảo ngược chuyện ấy.

Rằng dù thế nào thì tôi cũng có khả năng biến thành người như chị Cee.

Ý niệm thiên đường - dù có thật hay không.

Rằng tôi đã làm hỏng điều gì đó tốt đẹp với anh Kal.

Rằng mẹ tôi không phải người tử tế gì cho lắm.

Chị Cee muốn cả nhà họp mặt, miễn là chị khiển được theo cách của chị. Hôm qua chị đòi họp, mang theo hai chai nước có ga với một bịch rau trộn. Chị khăng khăng đòi gom mấy cái gạt tàn, đặt hết gần bồn rửa chén. Chị Tilly thì đem theo bánh trứng với bánh cà rốt. Tôi rót nước vào mấy cái tách dùng riêng đựng cà phê. Chị Cee thấy chướng, nhưng chẳng đả động gì. Chị đề nghị chúng tôi gọi người chuyên dọn nhà tới làm. Tôi bảo: "Sao lại để người lạ vào lục lọi đồ của bố." Chị thở dài, gõ ngón tay xuống mặt bàn.

"Mình nói vụ này rồi mà," tôi tiếp. "Em ở nhà thì để em dọn dẹp cho."

Chị Cee nhướn mày khó chịu. "Bộ em không tính kiếm việc làm hở?"

"Từ từ em kiếm cũng được," tôi đáp. "Em giỏi sống tiện tặn mà."

"Ờ, không phải trả tiền trọ cũng đỡ."

"Cee à," chị Tilly trừng mắt doạ.

Tôi bừng bừng nhìn chị Cee, rút một điếu trong gói thuốc trên bàn mà bằng cách nào đó thoát được đôi mắt cú vọ của chị, rồi châm hút. Chị khụt khịt rõ to.

"Có thôi đi được không?" Tilly bảo. Tôi nhìn chị ấn từng đầu ngón tay vào ngón cái, lần này tới lần khác.

"OK," tôi đáp. "Thay vì trả tiền trọ trong chính ngôi nhà của ông bố mới chết, em sẽ quét dọn, sơn phết, lo chuyện mấy người môi giới nhà. Thế là có nhà mà ở." Chị Cee nhăn mặt vì ghét không được chỉ tay năm ngón, nhưng tôi đã làm chị cứng họng.

"Vậy công bằng chưa, bà chị?" Tôi ngả người, nhả khói lên trần nhà, tỏ vẻ tôi vừa phải gắng gượng hợp tác ghê lắm.

Thế là cả sáng nay, tôi lau dọn phòng ông. Tôi dọn sạch kệ phòng tắm đựng nào là sữa tắm, xà bông, dầu gội đầu, kem cạo râu với dao cạo. Tôi gom mấy đôi giày bằng da bóng cứng chắc nằm dưới đáy tủ đồ của ông, bỏ hết vào những cái bọc chồng hai lớp để khỏi bục. Tôi tháo quần áo của ông khỏi móc, vùi vào nhiều bọc rác đen. Ở ngăn trên cùng tủ đồ, tôi tìm được cái áo

khoác len cashmere, loại của nữ, màu đen, có cườm nhỏ đính quanh cổ. Tôi đưa lên mũi, nhưng chỉ thấy mùi bụi bặm.

Dọn bỏ hết những thứ ấy là tới lúc đi mua sơn màu hoa mộc lan. Tôi bắt tàu lửa lại khu Cricklewood. Tiệm B&Q nằm ngay sau ga. Một chiếc xe bán bánh hamburger phả hơi thở thơm mùi thịt mỡ xông khói khắp bãi đậu xe. Tôi bước đi dưới hàng hiên mái thấp, qua nhiều luống cây xanh tốt cùng những dãy xe đẩy lồng vào nhau. Có một hàng người ở quầy dịch vụ khách hàng, ai đó bắt đầu lớn tiếng.

Tôi la cà dọc những lối đi. Nào là lò sưởi, đèn đuốc, véc-ni, vữa trát, đồ lề, gỗ, gạch ốp lát, thảm sàn, thanh treo rèm, mẫu ván sàn, chất cách nhiệt, nước sơn.

Có cả một lối đi bày sơn trắng. Trắng cuội, trắng xương, trắng kem, trắng cũ, trắng muốt, trắng cánh buồm, trắng lanh mềm, trắng vải bông nhàu, trắng hoa lài, trắng ánh trăng, trắng tuyết hoa, trắng mộc lan.

Chị Tilly với chị Cee thích mua sắm. Hai người ưa những thương xá, cửa hàng siêu to đầy ắp lựa chọn trong ấy. Mấy chỗ như vậy lại khiến tôi thấp thỏm, vì chúng khiến tôi cảm thấy thà chẳng mua gì. Tôi không biết mình cần bao nhiêu sơn. Tôi mua hai thùng loại mười lít, ngờ ngợ là không đủ. Lại mua thêm con lăn, khay pha, bộ cọ, với ba tấm phủ nhựa.

Hồi mười tuổi, tôi phải chọn giấy dán tường phòng mình. Có lẽ hai bố con đã tới đây mua, không biết nữa, nhưng tôi hãy còn nhớ mấy cuộn giấy bọc nhựa trông như những cái kẹo, bố tôi thì kiên nhẫn hơn lúc bình thường. Con thoải mái chọn đi, cứ thong thả, Alice. Tôi hãy còn nghe giọng nói của ông.

Lúc tôi về đến, có một tràng ngọc trai nhựa trên tường. Ai đó cột những mẩu rác linh tinh giữa các hạt – một hạt dẻ ngựa héo queo, miếng bìa cứng, mẩu nhựa, với một bông hồng kiểu người ta hay cài vào tóc khi làm đám cưới, một đoạn dây màu lục. Tôi mang vào nhà, để chung với những thứ còn lại. Quà tặng. Hay dấu hiệu. Tôi còn phải lo nghĩ nhiều chuyện khác.

Anh Steve nói đúng, cây nguyệt quế ám căn phòng quá. Tôi bỏ mấy thùng sơn trong sảnh, lấy cây kéo tỉa với một cuộn bao rác đi ra ngoài. Nhánh cây chọc vào tay tôi, nhưng tôi không buồn để ý. Tôi xén cho cái cây thấp hơn bậu cửa sổ, hót lá vào bao rồi ném chúng ra cạnh mấy thùng rác.

Rồi tôi bắt đầu với phòng khách. Tường ốp ván gỗ dăm, sơn màu đỏ sậm cả dưới và trên phào giữa ốp tường. Tôi tháo những tấm phủ bụi mỏng như màng dính, như lớp keo mỏng mà hồi đi học tôi rất thích phết lên đầu ngón tay rồi lột ra. Tôi dời ghế dài, ghế bành cũ kỹ và bàn thấp của bố ra giữa phòng, bọc chúng lại bằng tấm nhựa - chúng trông nhỏ hơn hẳn dưới lớp phủ.

Tôi mang một cái ghế trong bếp lại, leo lên để gỡ rèm khỏi mắc. Hồi nhỏ tôi thường trốn sau những tấm rèm này, trong khoảng trống từ rèm đến gờ lồi ra của cửa sổ, cuộn lấy chúng quanh người cho tới khi mình biến thành cái kén bằng vải nhung bụi bặm. Rèm khó gỡ quá. Tôi phải đỡ rèm lên trong khi bẩy những cái móc mắc trên vòng nhựa. Khó mà tưởng tượng được vài miếng nhựa nhỏ tí lại chịu nổi sức nặng của rèm. Khi tôi thả tấm rèm tháo được đầu tiên xuống, ánh mặt trời ùa vào. Căn phòng bỗng như chao đảo.

Tôi tháo con lăn và khay pha khỏi bao nhựa, xuống bếp lấy dao cạy nắp một thùng sơn ra. Tôi nhớ hồi sơn phòng ngủ nhà anh Kal – khi xong việc hai đứa quá đỗi tự hào. Tôi ghét ý nghĩ rằng có một người đàn bà khác thức dậy trong căn phòng ấy.

Một nhát sơn trắng mới cắt màu sơn đỏ cũ. Tôi lùi bước, cười vang, rồi quay qua nhìn ra cửa sổ, chỗ khi nãy vẫn còn cành lá nguyệt quế. Căn phòng sáng lên hẳn – khác quá. Cổ họng tôi ấm ứ gì đó. Tôi cất thành tiếng ngâm nga, rồi vì chẳng có ai nghe thấy, tôi hát lên: *Alice ới ời ơi. Đừng chạy qua hang ấy, con thỏ chờ em đến. Ở lại đây với anh này Alice ới ời ơi.* Tôi lại nhúng con lăn và tiếp tục sơn.

Tôi phải lôi cái ghế khắp phòng để với lên trần nhà. Tôi làm vấy sơn lên diềm chân tường, lên cánh tay. Tôi sơn một lớp mất tới hai giờ, và khi đứng

giữa phòng xem lại công trình của mình, tôi thấy lớp sơn cũ thẹn thùng ửng lên dưới màu hoa mộc lan, góc tường bị hằn dấu cọ. Tôi làm vậy ông có ghét không? Tôi muốn gọi điện cho ai đó anh Kal chẳng hạn, để được trấn an. Nhưng mà thôi.

Phải chờ bốn giờ nữa tôi mới sơn lớp thứ hai được. Thế nên tôi pha cốc cà phê, hút ba điếu thuốc. Tôi chùi sạch sơn trên tay, trên mặt, lấy chìa khoá móc trên cây đinh gần cửa sau rồi đi ra vườn.

Nhà kho của bố đứng nép mình vào góc phải, dây thường xuân phủ đầy. Bên trong có mùi đất và thuốc lá. Lưới nhện dinh dính bám vào những thanh gỗ. Trong ngăn dưới cùng cái tủ com-mốt đã xuống màu vì ẩm ướt và cũ kỹ, tôi thấy một hộp diêm. Nó sột soạt khi tôi cầm lên, đựng đầy hạt giống nhỏ xíu màu đen. Hình dáng hạt không đều: vài hạt tròn ủm, vài hạt thon như đầu mũi tên, mớ khác thì quắt lại trông như những lát cam tí hon. Màu cũng không đồng đều: vài hạt lợt màu lẫn vào – giống hạt đậu Hà Lan khô bé tí. Ở ngăn phía trên, tôi tìm thấy bốn khay ươm bằng nhựa và nửa bọc đất mùn.

• • •

Tôi sơn xong lớp thứ hai. Bố vẫn còn thấy được màu sơn đỏ. Bố còn thấy không? Mùi sơn khiến đầu tôi ong nhức đằng sau mắt. Tôi ngồi lên cái ghế phủ tấm nhựa, ngó trân chỗ tường ngày xưa treo bản đồ. Chị Tilly đã mang nó đi. Tôi hình dung ra nó treo trên lò sưởi trong phòng khách của chị - Westminster 1720, con sông uốn khúc như cái khuỷu tay xương xẩu, lấm tấm những thuyền bè, thành phố phai nhạt thành những cánh đồng. Nghe như căn phòng đang nín thở, nhìn tôi tức tối – cứ như tôi đã làm gì sai quấy. Nó chỉ là một căn phòng trong cái nhà sắp thành món hàng rao bán. Nó chỉ là một căn phòng trong một cái nhà mà thôi.

Bố mà nhìn kỹ vẫn thấy được màu đỏ, dù nhạt thôi.

Tôi trở ra nhà kho. Trời lắc rắc mưa. Tôi đứng lại một phút, lắng nghe tiếng mưa rơi khẽ trên mái, rồi gom hộp diêm, một khay ươm hạt và bọc đất mùn. Tôi để hết lên bàn bếp rồi ngồi xuống. Khi tôi trút hạt giống ra, chúng nhảy khắp mặt bàn như đang cố chạy trốn. Tôi nhặt một hạt, giơ lên mặt. Nó chẳng chịu nói gì với tôi cả. Tôi đứng dậy rót cho mình một ly rượu vang. Mí mắt tôi nặng như chì. Da tôi tê tái, cả người đau nhức vì đứng sơn nãy giờ. Bên ngoài, trời đã xâm xẩm tối. Cơn mưa to dần, khạc ra những tia nước dọc cửa sổ.

Điều tôi cần làm là ngồi lại bên bố mà hỏi ông...

Tại sao bố nói bố không giữ lại thứ gì của mẹ hết? Tại sao bố không kể về mẹ?

Bố có oán trách con vì mẹ phải đi rước con ngày hôm đó không?

Đến chừng nào con mới hết khổ sở như vầy? Cứ như con đang đi trên mép tường, chực ngã?

Tại sao con thức dậy trong đêm mà nghe như căn nhà này hờn giận con?

Hẳn ông sẽ không rỗi hơi đâu mà trả lời những câu tương tự. Ông là kiểu người chung sống với những khúc mắc mà không nghĩ ngợi hay nói nhiều về chúng. Sự chịu đựng ấy thể hiện trong ánh mắt ông nhìn tôi. Cái ánh mắt hạch hỏi con-nhỏ-này-là-ai, tại-sao-nó-không-giống-hai-đứa-kia-hơn của ông. Và cái ánh mắt Alice-à-sống-cho-ra-nền-nếp-đi-con của ông.

Tôi không trồng mớ hạt giống theo thứ tự gì cả. Tôi đổ đất vườn vào một cái khay, làm đổ màu vàng khô lên mặt bàn và sàn bếp, rót nước đầy một chai rượu vang rỗng và cho nước chảy nhỏ giọt thành hàng trên lớp đất. Nước rỉ ra mặt bàn, tôi dùng khăn bếp lau sạch. Tôi tìm một tờ báo, lót nó dưới cái khay. Rồi tôi ấn đầu ngón tay xuống mặt đất – một, hai, ba, bốn, năm, tới khi tôi ngừng đếm. Mỗi hạt vào một lỗ, sau đó là một lớp đất phủ lên trên. Tôi muốn làm một hạt giống nhỏ xíu màu đen. Tôi muốn rúc xuống lớp đất màu mỡ, ẩm ướt, và chẳng có gì khác để làm, ngoài việc trỗi

dậy.

Tôi đặt cái khay lên bậu cửa sổ bếp, cạnh những bông hoa – bông bằng giấy bạc và bông hồng đang chết dần trong ly rượu vang, cái nón xanh, chuỗi ngọc trai, và những cái nút chai. Tôi muốn tưới thêm nước, nhưng sợ làm chúng ngộp. Tôi chẳng biết tí gì về cây cỏ. Anh Kal không khi nào cho tôi lại gần mấy cái cây của anh sau khi tôi làm chết cây xương rồng mà anh bảo là không gì làm nó chết được. Tôi đứng và chuyên chú nhìn vào khay đất sẫm màu, như thể trông đợi điều gì đó xảy ra. Tôi lo sẽ chẳng có gì xảy ra. Có lẽ chúng cũ quá rồi. Có lẽ chúng đã chết rồi.

16.

Mười điều tôi sẽ nói với con gái

Bố xin lỗi.

Con có nhìn thấy màu trong chữ không? Bố có di truyền khả năng đó cho con chăng?

Ông ấy có bao giờ kể con nghe về bố?

Bố đã cố gắng.

Bố không biết kể đầu đuôi thế nào nữa.

Trước giờ bố vẫn đi tìm con, con phải tin như thế.

Bố không ghét, cũng không thể ghét mẹ của con.

Con ổn không? Cuộc sống có thuận lợi không?

Bố mơ về con từ lúc con chào đời đến giờ.

Bố xin lỗi.

Tôi tìm tên Anton trong sổ đăng ký, nhưng chẳng có. Tôi nhìn quanh tìm cũng không thấy. Có vài người tôi biết – bà Grace vận đầm tía cạnh chiếc xe đẩy tồi tàn; anh chàng Bob lúc nào cũng cười, những người khác toàn lạ mặt. Tầng hầm thơm mùi sốt cà chua và cà phê hoà tan.

"Cháu biết ai tên Anton không?" Tôi hỏi con bé ngồi cạnh bàn, mũi thon dọc dừa, tóc búi chùm. Trông nó không quá hai mươi.

Nó cau mày lắc đầu. "Anton à? Cháu không biết." Nó nói giọng xứ Newcastle. Không biết sao nó lại ở đây.

"Chú ấy người Ba Lan, cao cũng cỡ tôi, nhưng đô vóc hơn." Tôi nói.

Con bé lắc đầu lần nữa. "Chú hỏi vòng vòng xem sao," nó nói, chỉ về phía căn phòng.

Tôi hỏi mấy người chỗ bàn, chỗ ghế dài rồi vào cả bếp. Rốt cuộc tôi tìm được người biết anh ta. Người đó vừa ha hả cười vừa tự giới thiệu mình là Thợ Săn, giống như tên nhãn hiệu ủng Thợ Săn.

"Anton ấy à? Tay Ba Lan phải không?" Anh ta hỏi. "Anh ấy có một đứa con gái," tôi nói.

Hunter đánh đét vào đùi. Anh ta mặc chiếc quần trắng cáu bẩn, rộng quá một hai cỡ. "Chính hắn đấy. Con bé tóc bím phải không?"

"Mặc đầm màu lam nữa."

Anh ta nhìn tôi sắc lẹm. "Gượm đã, anh không phải loại thích ấu dâm chứ?"

"Anh ta là bạn tôi, tôi có chuyện cần nhờ giúp thôi mà."

Thợ Săn gật gù. "Tay ấy kiếm được việc rồi." Anh ta ngả người tựa ghế và lại gật gù, như ra vẻ chính anh đáng được chúc mừng. "Xây nhà bên Dagenham. Bảo là đang tích cóp tiền mua vé bay về nhà, giải quyết rắc rối với bà xã." Lần này anh ta lắc đầu. Anh ta để tóc đuôi ngựa, cột bằng một sợi dây. "Sao thiên hạ cứ đâm đầu đi cưới với xin, tôi chả hiểu nổi."

Tôi không biết có tin được anh ta hay không.

“Tay ấy còn còn được cho cái ghế nệm để ngủ đêm nữa ấy chứ,” Thợ Săn nói, “tạm thời là vậy.”

“Sao anh biết hay vậy?”

Thợ Săn nheo mắt nhìn tôi. Cặp chân mày anh ta có vẻ dữ dằn. “Người ta hay nói là ai cần biết cái gì cứ tìm tôi mà hỏi.” Anh ta so vai lên rồi thả xuống. “Không tin thì thôi.” Tôi gật đầu. Dù sao thì Anton không ở đây.

“Nghe này.” Thợ Săn nhổm người khỏi ghế, vỗ vào vai tôi. “Bọn mình hẵng kiếm chút đồ ăn nóng sốt ở chỗ tử tế này đã, rồi anh kể tôi nghe anh muốn được giúp thế nào.” Bữa ăn tối có món đậu hầm với bánh mì trắng cắt lát. Thợ Săn ăn uống gọn ghẽ lắm, cứ dùng khăn chùi miệng luôn luôn.

“Sao nào? Kể nghe chơi,” anh ta bảo.

Tôi xé một miếng bánh mì, nhúng vào bát, nhìn nó thấm màu đỏ, rồi đáp: “Ngày mai tôi đi gặp con gái.”

“Hiểu.”

“À thì...” Tôi chợt hoảng sợ. “Ý tôi là, nhìn bộ dạng tôi này.”

“Anh bảnh quá xá đó chứ, Daniel. Thứ nữa, anh không phải đệ tử lưu linh, tôi nhìn là biết.”

“Tôi vẫn là một kẻ không nhà.”

“Chà,” Thợ Săn giơ cái nĩa lên. “Con gái anh không biết vụ này sao?”

Tôi bẻ vụn bánh mì bỏ vào bát đậu hầm.

“Cô bé bao nhiêu tuổi?” Thợ Săn hỏi.

“Hăm tám.”

Anh gật gật ra vẻ hiểu chuyện. “Mà lâu rồi anh không gặp nó hả?”

“Đầu đuôi câu chuyện phức tạp lắm.”

“Lúc nào mà chẳng thế. Nó biết anh là người thế nào không?”

“Tôi chỉ muốn mình nom khả kính chút. Tôi không muốn chuyện chưa

đâu vào đâu đã hỏng bét."

"Phải rồi." Anh ta nhìn kỹ tôi.

"Tôi tính nhờ Anton," tôi phá lên cười, "xem anh ta có con dao cạo nào không đặng cắt tóc giùm tôi."

Thợ Săn cũng cười vang.

"Cũng lâu rồi tôi chẳng để ý gì tới tóc tai người ngợm." Tôi nói, trong khi nhìn Thợ Săn ăn. Tay phải anh ta đeo ba tràng hạt gỗ màu nhạt. Hẳn anh ta nghĩ tôi dở hơi.

"Tôi khoái anh rồi đó, Daniel," rốt cuộc Thợ Săn cũng nói, gác muỗng thẳng thớm ngang chén. "Tôi thấy có thiện cảm với anh. Bọn mình cần gì nào? Kéo này. Dao cạo này. Rồi áo khoác, với chút xi giày. Anh ăn cho xong đi, tôi sẽ quay lại."

Tôi chật vật kết thúc món hầm trong khi Thợ Săn đi hỏi khắp phòng. Lúc tôi gần xong, anh ta trở lại, tay cầm một lưỡi dao cạo, một cây lược, một cây kéo nhà bếp, xấp báo nhàu nhĩ với một cuộc giấy ăn.

"Trùm bảo là không được lộn xộn." Anh ta nhướn mày cười cười. "Giờ thì tin tôi chưa?"

"Thì trước đây tôi có biết anh đâu."

"Cái đó quan trọng gì?" Anh ta cầm kéo lên. "Cắt gọn hai bên với đằng sau chịu không?" Tôi nuốt khan.

"Giờ thì chiến thôi." Anh ta kéo ghế của tôi khỏi bàn, trải mấy tờ báo quanh tôi, xong quấn một mớ khăn ăn quanh vai tôi. Có người bưng lại một ly nước từ dưới bếp. Quý bà Grace rung rung xe đẩy, mỉm cười với tôi. Có vài gã nhạo là Thợ Săn trông ẻo lả quá. Anh ta giơ kéo ra nhứ dọa mà cười ngất.

Thợ Săn vẩy nước lên tóc tôi, rồi bắt đầu chải thật lực. Tôi gắng giữ thẳng đầu. Một lúc sau, tóc tôi dễ chải hơn.

"Hồi trước, bà già cắt tóc cho tôi," tôi nói.

"Đừng có tưởng tôi tính bế anh vào giường rồi đọc truyện dỗ anh ngủ đó

nghe.” Thợ Săn kẹp một đường tóc vào tay, rồi tôi nghe tiếng kéo cắt ngang những sợi tóc.

“Đó giờ anh có cắt tóc ai chưa?” Tôi hỏi.

“Tóc thôi mà, lo gì.”

“Có điều...”

“Biết rồi.” Anh ta cắt nhanh hơn. Tôi cảm thấy ngón tay anh ta chạm vào đầu, cổ, rồi gập tai tôi xuống. Tôi nhớ mẹ quá. Bà luôn ho khi bị căng thẳng, thế là tôi phải tập trung để khỏi giật mình. Bà dùng cây kéo mỏng bằng bạc, tôi nhớ cảm giác lưỡi kéo lạnh áp vào da mình.

Thợ Săn dừng tay. Anh ta đi một vòng xem xét. “Tôi biết chơi tông-đơ, mà cắt vầy cũng OK rồi.” Anh nói.

Tôi đưa tay lên sờ đầu. Tôi nhận ra đã lâu lắm rồi tôi không chạm vào đầu mình.

“Anh vào phòng tắm coi thử chớ?” Thợ Săn hỏi. “Hay là chờ tôi cạo râu luôn?“

“Thôi để tôi tự cạo,” tôi nói.

“Biết là anh tự làm được, nhưng tôi đây đang sẵn trớn, Daniel. Thoải mái đi. Tưởng tượng anh đang ngồi trong một tiệm ngon lành.” Anh ta vỗ má. “Cạo mặt, phải có kem. A, nhìn quý cô này xem.”

Tôi xoay qua, thấy cô bé trực bàn tiếp nhận đang đứng đằng sau, tay cầm bình kem cạo râu với lưỡi cạo dùng một lần. Cô bé cười với tôi. “Nghe nói ngày mai chú có hẹn quan trọng,” nó nói.

“Đúng rồi.”

Thợ Săn đi mà như múa lại chỗ cô bé, lấy bình kem với lưỡi cạo. Anh điệu đà, phấn khởi tợn. “Cho một bát nước, lấy cho mình một bát nước nóng.” Anh ta kêu lên.

Có kem với lưỡi cạo mới, nhưng da mặt tôi quá là sần sùi lại khô khốc, nên cũng chẳng dễ chịu mấy. Xong xuôi, Thợ Săn dẫn tôi lại phòng tắm.

Bọn tôi đứng cạnh nhau, và tôi nhận ra anh ta nhỏ tuổi hơn tôi cũng kha khá - tóc hoa râm mà vẫn còn trẻ.

“Vầy được chưa?” Anh ta hỏi.

Tôi đưa tay sờ má, sờ cằm. “Anh làm được lắm, cảm ơn nhé.” Tôi nói.

“Bọn tôi hoá phép cho anh trẻ lại tới mười tuổi.”

Tôi nhìn lại mình, không ngăn được ý nghĩ về con cừu vừa bị xén trụi lông – tái nhợt, lẩy bẩy. Tôi bắt gặp ánh nhìn của anh ta trong gương. “Anh được mấy đứa con?”

Anh ta lảng tránh ánh mắt của tôi, đánh trống lấp: “Bọn tôi còn phải kiếm cho anh một cái áo khoác sạch sẽ nữa. Mà anh phải tắm đã. Nếu anh muốn, tôi canh cửa giùm cho.”

“Sao anh lại giúp tôi? Ý tôi là, tôi rất cảm ơn, thành thật cảm ơn sự giúp đỡ của anh.”

Thợ Săn ngoẻo đầu qua một bên. “Thế là đủ rồi. Lòng-biết-ơn ấy.” Anh ta nhấn từng vần một của chữ ấy – màu tía sẫm, giống một vết bầm.

Tôi chầm chậm cởi đồ. Tôi không quen cảm giác trần truồng, thấy kỳ khôi thế nào. Đợi khá lâu, nước chảy ra mới nóng, rốt cuộc bồn cũng đầy, và tôi xoa xà bông mùi táo khắp hai bàn tay. Tôi tắm thật mau, cố tránh nhìn bóng mình trong kính. Lau hết sạch một cuộn giấy lớn, người tôi mới khô. Rồi tôi dùng một cuộn nữa để chà chỗ dơ trên áo quần trước khi mặc trở vào. Những vệt ướt trên vải áp cái lạnh vào da tôi.

Khi tôi từ phòng tắm đi ra, Thợ Săn ôm lấy hai vai tôi, hít hít ra vẻ hài lòng.

“Con bé sẽ yêu anh ngay,” anh ta nói. “Giờ tôi phải đi gặp một gã hỏi mượn cái áo khoác đã. Tôi sẽ trở lại.”

Và anh ta quay lại thật, với ái áo khoác nhung kẻ màu nâu.

“Tiệp màu quần của anh đó,” Thợ Săn cười hết cỡ.

Hai bên nách hơi chật. Lớp vải lót bị toạc, nhưng mặc lên thì không thấy

được.

“Đẹp nhỉ.” Quý bà Grace thốt lên, rồi đỏ mặt.

“Hết chỗ chê đó chứ,” Thợ Săn đáp. Anh ta xoay tôi vòng vòng. “Quá xá hết sảy.”

“Tôi không có chút...” Tôi xọc tay vào túi quần. Tôi có vài xu một bảng bằng bạc với đồng, nhưng không muốn đưa ra, sợ là mình sẽ cần mua gì đó cho con.

“Này Daniel.” Thợ Săn vỗ nhẹ vào lưng tôi. “Quà tặng mà anh bạn. Cầu chúc anh thành công.”

• • •

Sáng ra, tôi thức dậy thì Thợ Săn đi mất rồi.

“Chú ấy để lại cái này.” Cô bé ở bàn tiếp nhận nói, đưa cho tôi một chai xịt khử mùi đã gần cạn, loại dành cho nữ. Xạ hương hồng. Tôi vào phòng tắm, kéo áo lên, xịt vào dưới nách.

Lúc đi, tôi trao cái áo khoác cũ cho cô bé, nhờ cô bé chuyển cho ai cần dùng, hoặc bỏ nó.

“Chúc chú may mắn nhé.”

• • •

Tôi đi suốt chặng đường đến chỗ con. Tôi thấy mệt rụng rời, và cơn bồn chồn lại dâng lên trong lòng. Bức hình vừa khít với túi trái áo khoác. Chai thuốc xịt trợ tim đã gần hết, cùng viên chỉ màu gồ lên bên túi kia. Tôi vã mồ hôi và sực nức mùi nước khử mùi phụ nữ.

Khi tôi tới nơi, căn nhà trông khang khác. Phải mất một lúc tôi mới nhận ra cái cây. Nó bị ai đó xén một đoạn, giờ chỉ cao chưa tới bậu cửa sổ. Cành lá thòi ra từ những bao rác to chất đống trên khoảnh vuông rải sỏi trước nhà. Cảnh vật cứ tênh hênh thế nào. Khi tôi bước tới cửa, tôi thấy đồ đạc bị dồn lại giữa phòng, phủ bạt nhựa. Những bức tường đã sơn trắng, nhưng bên dưới vẫn thấy màu đo đỏ. Con đang chuẩn bị ra đi. Con đã đi mất rồi. Tôi đứng tựa vào tường cho khỏi ngã.

Tôi mường tượng cảnh Thợ Săn cầm cây kéo bếp, gắng nhớ lại cái chạm của anh ta trên mặt, căng da ra để cạo cho sát. Đừng phí phạm lòng tốt ấy.

Nhưng tôi không bấm chuông cửa được. Nỗi sợ dâng lên ngập tràn. Tôi đã xây xong nền móng cho mình. Tôi đã tắm táp, cạo râu sạch sẽ. Không còn nhiều thời gian nữa.

Bố không có gì để tặng con.

Bố hình dung ra mẹ của con trong căn hộ bé tẹo ở Hornsey. Trong nhà có tấm thảm li ti những tam giác trắng và hồng. Khung cửa sổ đã mục, bếp ám khói. Bố đưa cô đến đó chừng một tháng sau buổi chiều nọ ở quán ăn. Một người bạn cho bố mượn xe hơi, bố đón mẹ con ở rìa khu Heath.

Cô không muốn vào. Cô nói đi nói lại, anh là lối thoát của em, Daniel à, ngày nào cũng thế này thì không được. Nhưng tôi nài ép. Tôi cứ tưởng rằng cô sẽ đến sống cùng tôi, chúng tôi sẽ thức dậy cùng nhau mỗi sáng đến cuối cuộc đời.

Chúng tôi ngồi uống trà trong bếp, làm tình trên ghế dài bọc da giả. Nhớ lại thì thấy cô thật tử tế vì đã không khi dễ tôi. Sau đó, cô bảo tôi thả cô xuống chỗ nhà cô. Tôi chưa từng thấy nhà cô trước đó. Và lần hiếm hoi đó hẳn là cố ý – một cách để giải thích tường tận sự tình. Lúc ấy tôi ỷ y, bởi cô đã chọn tôi, bởi tôi nghĩ mình đã chiếm được những gì tốt đẹp nhất nơi cô. Nhưng sau này, tôi ngộ ra những gì cô đã nói. Sao cô có thể từ bỏ cuộc đời ấy để đến sống với tôi trong căn hộ bẩn chật ở Hornsey? Tôi không có gì để hiến dâng nữa, ngoại trừ những điều chúng tôi đã có với nhau.

• • •

Nhưng tôi vượt bao gian khó mới tới được đây. Đặt ngón tay lên chuông cửa, tôi quay sang nhòm qua cửa sổ. Ánh nắng bừng lên, và tôi thấy bóng mình hắt vào trong phòng, ngay giây phút ấy tôi nhận ra mình bất lực. Tôi đã đến tận đây mà không tiến lên được nữa. Tôi nhìn lại ngón tay mình trên chuông cửa, khoé da vẫn cáu bẩn dù tôi cố kỳ cọ. Tôi nhủ thầm mình là một kẻ già nua, lại không nhà. Bố không có gì để cho con. Bằng chứng về thân phận người bố, bố cũng không có nốt. Có lẽ con sẽ nhìn bố thương hại, và có thể - cầu Chúa ngăn điều này – rút trong bóp ra vài đồng bố thí. Bố mong chờ điều gì khác nữa chứ?

Bao nhiêu công sức hoá ra vô ích. Bố xin lỗi. Alice. Con gái. Yêu thương. Xin lỗi. Bố.

Bố xin lỗi.

17.

Mười điều người khác nói với ta khi bố ta qua đời

Cháu có phước mới có người bố như ông ấy, cháu phải nhớ điều này.

Nhớ hồi bố tôi qua đời, tôi nằm cả tuần dậy không nổi. Sụt tới sáu ký – tin nổi không.

Sẽ cực khổ lắm đây, giờ song thân mất cả rồi. Phải lo liệu, sắp xếp nhiều thứ.

Nếu cô cần gì cứ gọi điện thoại cho tôi hay.

Malcolm là một người sáng suốt – anh lặng lẽ, nhưng suy nghĩ thấu đáo lắm.

Cháu cần lo tính xem giải quyết cái nhà thế nào nhé.

Ôi cái ngày ông ấy cưới mẹ cháu, nhìn ông vui nhất trần đời.

Cháu biết hồi trẻ ông ấy chơi bóng bầu dục cừ khôi không?

Mẹ cháu mất đi thì chú ấy thật vất vả, làm gà trống nuôi ba đứa con gái, nhưng chú ấy nào có nản lòng. Chú ấy hãnh diện vì ba chị em cháu lắm đấy.

Có phải cháu là đứa lúc nào cũng ở xa tít mù không?

Tôi sẽ bay thẳng đến Delhi, hoặc có lẽ Tokyo – đâu đó tấp nập cho tôi lạc lẫn vào. Tuần này tôi mua một ba-lô mới màu đỏ, quai đeo màu đen, đôi giày cao cổ đi đường trường, và một áo khoác chống thấm. Tôi dùng tiền bố cho, mớ tiền này tôi chưa từng lấy ra tiêu bao giờ.

Ít nhất thì căn nhà này sẽ mừng rỡ khi tôi đi. Tôi đang tước nó đến tận lõi, chỉ để lại những bức tường, sàn nhà và cửa sổ trơ trụi. Tôi đang sơn cho nó một màu gọi là màu hoa mộc lan, nhưng lại giống màu sữa gạn kem hơn. Tuần tới, tấm thảm đỏ choé trải thẳng một đường giữa lối lên cầu thang quá chiếu nghỉ và rỉ màu đỏ vào phòng làm việc của bố sẽ được thay bằng một tấm khác màu be. Sàn gác mái sẽ đổi từ màu lục sang màu trắng nhờ, lốm đốm nâu cà phê. Mai đây, một gã tên Shaun cùng phụ tá sẽ tới sửa bếp. Họ sẽ tháo các tủ, bỏ cái bếp ga đi, rồi lấp chỗ trống bằng tủ bếp IKEA bóng loáng những tay cầm crôm, bếp âm mặt đá, với một lò nướng ngang thắt lưng.

Chị Cee bực vì không được chỉ tay năm ngón. Cái bực ấy toát ra mỗi lần chị ghé và cứ khoặm mắt moi ra lỗi này lỗi nọ. Chị mím môi, khoanh tay mỗi khi tôi báo mình tính làm gì tiếp theo. Nhưng chị không chối cãi được là căn nhà sáng sủa, tinh tươm hơn.

Hôm qua là lần đầu tiên tôi thấy cái nhà đã thay đổi. Tôi đi suốt hành lang, tiếng bước chân vang vọng – một âm thanh rông rỗng như dội lại từ nơi xa thẳm.

Hiện giờ Michael chính thức là người môi giới nhà của chúng tôi. Gã "cực kỳ phấn khích." Những bức ảnh chụp phòng khách với tường mới sơn màu tai tái đã sẵn sàng nhảy lên trang mạng của họ. Đôi lúc tôi phải nghỉ giữa chừng, ép tay vào ngực và nhắm mắt lại để chặn nỗi đau buồn ập tới.

Thì ra bố không vứt hết đồ đạc gợi nhớ về mẹ. Tôi tìm thấy cả một lô những thứ tưởng đã mất: bộ đầm dạ hội màu lam ngọc với đôi giày hợp tông; tấm bưu thiếp in hình cầu tàu Brighton ghi dòng chữ mực đen, nét cứng – "Em từng nghĩ ngày nào đó mình sẽ tới nơi này, nhưng không có

anh thì ý nghĩa gì đâu, J"; một mẩu giấy xé ra từ phong thư, cũng nét chữ ấy – "Em hứa. J."; ba quyển thơ của các tác giả Keats, Shelley, Shakespeare, bìa có ghi tên bà; sợi dây chuyền mặt kim cương hình giọt nước mà bà đeo trong tấm hình tôi đã làm mất; rồi cái áo khoác, vài cái gối, cùng bức hình. Tôi giữ riêng bức hình rồi để hết mọi thứ còn lại vào thùng, đưa cho chị Tilly và chị Cee xem. Mặt họ trắng bệch ra. Chị Tilly bật khóc, còn chị Cee cắn môi.

"Chị không tin nổi là ông chẳng hé một lời," chị Tilly nói.

Chị Cee sờ sợi dây chuyền đựng trong hộp nhung vàng sờn cũ. "Em thấy mình chia cái này ra là hay nhất," chị nói.

"Em nhớ lần mẹ cố sức làm bánh sinh nhật cho em không, Cee?" Chị Tilly hỏi. "Bà mua thứ kem phủ kinh khủng đó rồi cố xây lâu đài cổ tích cho em." Chị Tilly tươi cười, nhưng chị Cee có vẻ lạnh nhạt. "Rồi tiệc đang giữa chừng, mấy cái tháp canh ụp xuống." Chị Tilly phá lên. "Ôi trời, nó giậm chân giậm cẳng đùng đùng."

Tôi hình dung được cảnh mẹ ngượng ngùng, lính quýnh trong khi chị Cee mím môi, tiu nghỉu.

"Mà mẹ biết chọn đồ đẹp," rốt cuộc chị Cee cũng chịu nói, tay mân mê chút lụa màu lam ngọc thò ra ngoài thùng. "Lúc nào bà cũng có vẻ trong sáng."

Chị Tilly gật đầu. Tôi xin cáo trước rồi vào phòng tắm, ngồi trên cạnh bồn đến khi biết cơn hồi tưởng của hai bà chị đã xong.

Tôi lấy được bộ đầm, vì nó chỉ vừa với vóc người nhỏ nhắn của tôi. Họ đi là tôi mặc thử ngay, rồi đứng trước gương gắn tủ đồ, tóc kẹp cao hở cổ. Chiếc áo thật đẹp, làm bằng lụa nhăn, đường khoét cổ sâu, tay dài, eo thắt. Đôi giày cũng khá vừa vặn. Tôi thấy mình như một bóng ma.

• • •

“Tôi biết nhà mình vẫn chưa hoàn toàn sẵn sàng,” Michael có nói qua điện thoại. “Nhưng chúng ta cứ hãy đăng bảng bán nhà cho vài người để ý, rồi vài tuần nữa chúng ta có thể bắt đầu cho xem nhà. Kích thích khách hàng một chút cũng đâu thiệt gì.”

Tôi hỏi gã về chuyện cho xem nhà, khi ấy tôi phải làm những gì. “Chỉ cần có mặt để trả lời câu hỏi của họ,” gã đáp. “Nếu cô không muốn thì xin lánh mặt. Có người khổ sở vì họ như thành người lạ trong chính mái ấm của mình. Mà thường khách xem cũng thoải mái hơn khi không có mặt chủ nhà.”

“Đó không phải mái ấm của tôi,” tôi nói.

• • •

Trời lại mưa. Tôi tựa tay lên thành ghế dài, nhìn ra cửa sổ. Những món quà không đến nữa. Lần cuối là chuỗi ngọc trai – cách nay đã một tuần. Từ đó chẳng có gì nữa. Tôi tự nhủ, tác giả chắc là bọn trẻ con, những món ấy chẳng có nghĩa gì hết. Dẫu vậy, tôi cứ ra mở cửa trước xem thử, lỡ có thì sao.

Những người mang bảng “bán nhà” tới trên chiếc xe tải trắng. Tôi nhìn họ: một cậu trai khá trẻ với một phụ nữ nhiều tuổi hơn chút. Cậu trai giơ tấm bảng nhựa quá đầu để tránh mưa, trong khi người phụ nữ đóng cây cọc gỗ dài xuống đất. Họ không rung chuông cửa. Họ không ngẩng nhìn tôi trong khi tôi nhìn họ.

Người khác sẽ đến sống ở đây. Người khác sẽ gắn những chìa khoá mà giờ đây đang nằm trong túi áo khoác của tôi, hoặc trong túi của chị Tilly, hoặc cái tủ có mặt dán hình người chăn cừu của chị Cee, vào xâu chìa khoá của họ. Họ sẽ tra chìa vào ổ khoá, mở cửa vào nhà. Họ sẽ gào lên, cưng ơi, về đến rồi, rồi ai khác sẽ cười rộ, đặt cốc trà hoặc tờ báo của họ xuống để bước ra hành lang. Họ sẽ nhìn những bức tường màu hoa mộc lan và nói, sao

mình không thêm tí màu cho tươi? Họ sẽ mua những hộp sơn thử màu lục và lam, ịn vài mảng sơn méo mó lên tường – cãi vặt về mẫu sơn nào thích hợp nhất, rồi hỏi thêm ý kiến bạn bè.

Hai giờ chiều, chuông cửa reng. Tôi không hẹn gặp ai. Tôi đang ở trong phòng cũ của chị Cee. Chẳng còn mấy dấu tích của chị - vài vỏ sò nằm khuất trong ngăn kệ trên cùng, tờ áp phích in hình một người đàn ông bế em bé được cuộn lại. Hẳn bà chị đã lau dọn sạch bong nhiều năm về trước, đóng thùng mọi thứ để nhét lên gác xép hoặc bỏ đi – sách dạy múa ba-lê; búp bê Barbie mặc áo thun thuỷ thủ và áo khoác đỏ; cái nhà búp bê gỗ có bàn ghế gỗ với chạn trái cây cũng bằng gỗ mà tôi thèm đến mức phải cuỗm đi, rồi chí choé cãi với chị Tilly khi chị ép tôi trả lại. Tiếng chuông cửa lớn quá, tận trên này mà nghe rõ mồn một, vang vọng khắp sảnh lớn. Tôi áp hai gót chân xuống sàn, ngồi thêm một lúc. Anh Kal. Tên anh lẻn vào tâm trí trước khi tôi kịp ngăn lại, thế là tôi gần như chạy ùa xuống thang. Nhìn bóng người sau kính tôi đã biết là không phải anh, nhưng tôi vẫn thất vọng tràn trề khi nhìn thấy hai ông bà ngoài năm mươi tuổi.

“Chúng tôi rất xin lỗi đã quấy quả.” Người đàn ông đầu hói, da đầu ướt mưa đi lại chỗ tôi. Người đàn bà vẫn đứng ở bậc thềm, đôi mắt sáng lên khấp khởi. Bà cầm cây dù đã xếp lại phân nửa, mép dù đen nhấp nhô như những cánh chim gãy. “Chúng tôi thấy bảng nên vào hỏi thăm,” người đàn ông tiếp. “Chúng tôi cố công tìm một căn nhà ở khu này để...” Ông nhìn người đàn bà, rồi cả hai cười ngập ngừng. “Chúng tôi tìm đỏ mắt mà chưa được chỗ nào. Tôi biết lẽ ra phải gọi cho bên môi giới trước, nhưng sẵn tiện đi ngang đây, không biết cô có phiền chúng tôi xem qua chăng.”

“Cho chúng tôi xem sơ thôi,” người đàn bà nói, miệng bà nhoẻn cười. “Chúng tôi sẽ biết ơn cô nhiều.”

“Cô là chủ nhà ạ?” Người đàn ông hỏi. Tôi nhìn xuống. Tôi đang mặc chiếc quần jean lấm bụi và áo thun hai dây loại rẻ mua tuần rồi.

“Nhà này... Nhà này của bố tôi.”

Ông khách sửa bộ biểu lộ sự cảm thông. Hai người đều chờ tôi nói tiếp. Tôi nhìn mưa rơi sau lưng họ, nghe tiếng nước ồ ồ chảy xuống trong ống máng. Tôi có thể gọi cho Michael. Gã sẽ bảo tôi lờ họ đi. Gã sẽ cứu tôi khỏi thế kẹt, nhưng nghĩ đến cái giọng đường mật của gã là tôi không chịu được.

"Mời ông bà vào." Tôi nói.

Hai người mỉm cười với tôi rồi bước qua bậc thềm trước khi tôi kịp thốt lên rằng mình đã đổi ý. Người đàn bà cầm cây dù trước mặt, nước nhểu lên sàn nhà.

"Không sao đâu ạ," tôi nói. "Cứ để vào góc kia là được." Người đàn ông xoay đầu nhìn bên này bên kia, trần nhà, rồi cầu thang. Chắc ông nghĩ tường hành lang trước giờ đều sơn màu hoa mộc lan. Tôi những muốn kể với ông, xưa có một bức tranh vẽ hai bà chị của tôi ngay kia trên cái bàn nhỏ, tôi thường hay đứng trước nó, nheo mắt lại để cho màu mờ đi, để tự huyễn hoặc là có mình trong tranh ấy. "Nhà tôi vẫn chưa cho khách xem được," tôi nói. "Chúng tôi đang nhờ người thay thảm, với sửa lại bếp. Chắc cuối tuần sau mới xong." Tôi đứng giữa họ và cửa phòng khách.

"Không sao cả," ông nói. "Chúng tôi được xem qua là tốt rồi."

Chòm râu của ông được tỉa gọn ghẽ. Ông sờ râu, bắt đầu hỏi tôi về căn nhà. Bao nhiêu phòng ngủ, phòng tắm? Mấy cái lò sưởi còn tốt không? Nhà mình có định giá chào bán chưa? Vườn tược thế nào? Khu này yên tĩnh không? Nhà nằm trong hạng thuế hội đồng nào? Ông ta đứng giữa mỗi phòng, chầm chậm xoay qua trở lại, gật gù nhẩm tính. Bà thì miết những bức tường, cửa này cửa kia, rồi bước lại cửa sổ nhìn ra.

Tôi gắng giữ được bình tĩnh, cho chúng tôi vào phòng của bố. Tôi quan sát họ đi quanh. Người đàn bà gần như rên thành tiếng vì thích thú. Phòng ngủ chính mà. Họ sẽ đưa vào một cái giường khung thép rộng rãi. Bà sẽ kê bàn trang điểm có ba cái gương được tạo góc để bà ngắm được đôi tai mình. Tôi mường tượng được cảnh bà ngồi trên ghế nệm thấp, bôi kem dưỡng da ban đêm; còn ông thì nằm trên giường, đọc sách bên cây đèn chụp vải

nhung.

"Mua cho gia đình phải không ạ?" Tôi hỏi.

Người đàn bà kéo kéo vạt áo khoác. "Không, chỉ hai chúng tôi thôi." Bà khách cười rất nhạt.

Tôi gật đầu. "Có điều... Tôi không chắc căn nhà này hợp với trẻ con."

Họ liếc nhìn nhau.

"Tôi chưa từng cảm thấy thoải mái trong nhà này."

"Nhà đẹp quá," người đàn bà nói, tay mân mê cạnh tủ đồ.

"Nếu được phép chúng tôi muốn xem qua tầng trên," ông ta nói. "Chỉ vài phút thôi, để chúng tôi nắm được toàn cảnh."

"Cô thật là tốt," người đàn bà nói. Bà vận áo khoác màu kem có thắt lưng, mang giày da cao cổ màu nâu. Người bà hãy còn gọn gàng.

Họ theo tôi lên cầu thang. Tôi mở cửa phòng cũ của mình. Tôi không muốn họ vào đây.

"Cô nói phải, cái đó quan trọng lắm," người phụ nữ nói.

"Sao ạ?"

"Chuyện kiếm được nơi ăn chốn ở hợp với mình. Một tổ ấm thật sự. Không hiểu sao cô lại không thích ở đây." Bà ra dấu về phía cái bàn, bức hình của mẹ, tầm nhìn trông ra vườn sau, những kệ gỗ thông đựng những thứ tôi còn chưa bỏ đi – sách truyện trẻ em, mấy viên sỏi, với một con gấu bông cũ mèm. "Thật hoàn hảo," bà thốt.

Tôi nhớ lần đầu bố để tôi ở nhà một mình suốt buổi tối. Khi ấy, tôi mười bốn mười lăm tuổi gì đó, cái ý nghĩ được ở nhà một mình thật là huy hoàng. Tôi làm gì, ăn gì, xem kênh nào trên tivi đều được tất. Nhưng ông vừa đi khỏi cùng với mùi xà bông và nước hoa cạo râu, sau khi tôi pha sô-cô-la nóng với ba muỗng đường rồi chễm chệ ngồi vào chiếc ghế bành bọc da sờn cũ trong phòng khách vốn thường là chốn của riêng ông, tôi nghe sự im lặng đến ù tai của căn nhà, rồi bắt đầu thấp thỏm. Tôi bật tivi, tăng âm

lượng, nhưng sự im lặng ấy vẫn dồn ép tôi. Tôi cảm thấy miệng bắt đầu khô, tim đập thon thót. Tôi tự nhủ mình thật ngớ ngẩn. Nhưng vẫn sợ. Tôi gắng truy ra xem mình sợ cái gì. Trộm dưới gầm giường, kẻ cưỡng hiếp, ma quỷ, hoả hoạn, đèn đuốc tối thui, lũ lụt – hay có lẽ thứ khác, thứ gì đó lần mò trong gạch, trong lớp vữa tường, khung cửa và cả cửa sổ, lò sưởi ốp sứ màu kem láng bóng trên có những lá xanh gân guốc, trong cái ghế dài lù lù sọc đỏ, cùng những kệ sách nặng nề tối tăm. Tôi bấm chuyển kênh liền liền nhưng không chọn được kênh nào. Tôi muốn đi vệ sinh, nhưng không tài nào dám rời khỏi căn phòng ấy. Tới lúc bố về, bụng dưới của tôi nhộn nhạo như có đá nhọn bên trong. Ông giơ tay sờ trán tôi rồi hỏi tôi có sao không. Tôi gạt ông đi, rồi bước thật chậm lên cầu thang vào phòng tắm.

Phòng tắm. Phòng chị Cee. Phòng chị Tilly. Gác mái. Tôi rê ngón tay dọc tường suốt đường đi xuống tận cửa trước. Hai người nọ cảm ơn tôi một hồi lâu. Bà lấy cây dù, tôi mỉm cười và gật đầu chào, rồi họ đi. Tôi đóng cửa lại sau lưng họ, tựa đầu vào tấm kính răn. Tôi cần hít thở không khí chút. Đi bộ chút vậy. Bố thấy cảnh này hẳn sẽ nói không gì bằng ra ngoài vận động cho thư thái.

Đường sá yên tĩnh, không khí có mùi mặt đường ẩm ướt. Những chiếc xe hơi rít vội qua. Trên phố Heath, có vài người dắt chó đi dạo, vẻ mặt cam chịu. Một cặp trai gái khúc khích dưới tán cây. Gió tốc vào cây dù của tôi, thế là tôi xếp nó lại, cảm nhận mưa phất vào da mình.

Nếu bố tôi có ở đây, ông sẽ lắc đầu, bảo tôi thôi hành xử ngốc nghếch đi. Đừng có lo buồn chuyện cái nhà, nó chỉ là cái nhà thôi, ông sẽ nói. Bật dù lên che đi, không cảm lạnh bây giờ. Bố biết con quá mà, thích chí được tí chốc mà để bị ướt nhem, cảm lạnh cả ngày, rồi lại rền rĩ than vãn. Tôi cố không nghĩ về ông, nhưng không thể.

Tôi để lại cây dù trên băng ghế gần mấy cái hồ - ai đó sẽ được chút ủi an. Tôi bước lên Đồi Nghị Viện, nhìn London giăng mù, những toà nhà đã biến thành bóng ma của chính chúng.

Nếu anh Kal ở đây, anh sẽ nhìn tôi mà phì cười. Anh sẽ nói, em ướt như chuột lột rồi kia, rồi vòng tay ôm lấy vai tôi, kéo tôi vào lòng. Tôi bước xuống đồi, xa nơi ấy. Dưới bóng cây, mặt đất rặt màu nâu bùn. Nước nhỏ giọt không thành nhịp.

Tôi lấy điện thoại trong túi ra – đừng mà – tìm số anh Kal và bấm nút gọi. Anh trả lời sau một tiếng reng.

“Ủa, Alice?” Giọng anh dò hỏi.

“Anh bận gì không? “

“Không, không. Chờ anh chút xíu.” Tôi nghe tiếng sột soạt. Giấy tờ? Hay quần áo? Tôi tưởng tượng anh lẻn ra khỏi phòng. “Alice, em khoẻ không? Anh không nghĩ em sẽ...”

“Em muốn người đó là anh.” Tôi nói.

“Chuyện gì?”

“Những thứ ấy. Những món quà. Trước cửa nhà.”

“Alice, em có sao không?”

“Em biết người đó không phải là anh. Nhưng em lại muốn thế. Em muốn người đó là anh.” Tôi nói, giọng tôi nghẹn ngào, tôi ngừng bặt rồi nuốt khan.

“Alice à, em không sao chứ?”

Tôi áp điện thoại vào tay, nhìn cái dốc rậm rì cỏ phía trước. “Em ở khu Heath.”

“Mưa gió thế này mà.”

“Khi nãy có người tới xem nhà.”

“Khổ thân em.”

“Em muốn...” tôi đặt chân vào một lũm bùn. Nước cuộn lại quanh đế đôi giày thể thao của tôi. “Vâng?”

“Không có gì. Có ai ở gần anh, phải không?

“Alice, anh không...”

“Lần này bố mẹ anh duyệt chứ?”

“Em thật không công bằng.”

Tôi ghét anh. Tôi ghét người ấy. Tôi ghét chính quả tim mình đang rúm lại đau thương. “Này, em sắp...” Tôi không cúp máy được.

“Em muốn mình gặp nói chuyện không?”

Hai đứa sẽ ngồi đối mặt nhau trong một quán rượu, hoặc quán ăn. Anh sẽ không chạm tôi.

“Alice à?”

Tôi muốn nói rằng anh là kẻ đáng ghét, nhưng vậy không công bằng. Tôi muốn kể anh biết tôi chỉ còn cách làm cho xong rồi bỏ đi.

“Nhà em đang cho sửa lại bếp,” tôi nói. “Bếp của bố ấy, nó cũ quá rồi.”

“Mình đi quán Dino được không?”

Chúng tôi thường đến đó những khi không có hứng nấu nướng. Khăn bàn sọc ca-rô. Tường ốp gạch vân đá. Không khí nức mùi tỏi.

“Ngày mai anh đi được. Bảy giờ nhé?” Anh nói.

Anh sẽ gọi món pizza Fiorentina. Tôi sẽ dùng mì spaghetti von-gole. Chúng tôi sẽ dùng chung món rau trộn và một suất bánh mì phết tỏi. Sẽ có cây nến trong chai rượu đầy sáp. Họ sẽ chơi thứ nhạc Ý sướt mướt.

“Cứ như mình vẫn như xưa, Alice à.”

“Ta đã không còn như thế rồi mà.”

“Alice ơi, anh biết vậy, nhưng em lại gọi cho anh.”

“Đừng kêu tên em nữa, giọng anh y hệt như gã môi giới nhà chết tiệt đó.”

Tôi nghe anh hít một hơi. “Được thôi. Anh có việc phải làm. Chúc em may mắn khi đi đường hoặc bất cứ gì em định làm.”

“Bảy giờ được đó.” Tôi ngửa đầu ra sau để đón mưa rơi lên má. Anh không nói gì, nhưng chưa cúp máy. “Anh sẽ tới đó chứ?”

“Được thôi.” Anh đang dỗi.

“Vậy nhé.” Tôi nói, rồi chờ anh cúp trước.

• • •

Khi tôi về đến nhà, trên tường không có gì lạ. Cả tuần này không có gì. Là ai làm thì họ cũng thôi rồi. Thật kỳ khôi là tôi đâm nhớ những món quà ấy.

Vào trong thì thấy thêm hai bức thư nằm ở hành lang. Tôi cứ để vậy, đi lên lầu, xả nước nóng vào bồn tắm. Làn nước sưởi ấm lòng tôi, khiến tứ chi tôi rã rời. Tắm xong, tôi khoác chiếc áo choàng tắm mà bố thường mặc – tôi vẫn chưa bỏ hết mọi thứ - rồi pha sô-cô-la nóng trong cái tách màu đỏ bị tróc một tí ở tay cầm. Cái bếp có vẻ buồn bã và câm nín, cứ như nó biết sắp đến ngày đổi chủ. Tôi cầm cái tách lên tận gác mái. Tôi lăn sàn, nhìn lên bầu trời, chờ sao mọc.

18.

Mười thứ tôi nghĩ mình sẽ làm trong đời

Quản lý một phòng trưng bày tranh.

Làm hoạ sĩ.

Kết hôn.

Có con.

Tôi đã luôn mong muốn đi Bắc Cực, chỉ để tận hưởng sự hoang vu nơi ấy.

Thuận thảo với bố mẹ hơn.

Hồi còn nhỏ, tôi muốn trở thành phi hành gia. Năm mười bốn tuổi tôi lần đầu tiên thấy những bức ảnh chụp bề mặt mặt trăng.

Tôi từng muốn làm kiến trúc sư một thời gian.

Giúp cho cuộc đời ai đó tốt hơn.

Tránh để đốn ra như bố mình.

Bố nghĩ mẹ của con yêu bố bởi bố có thể quảy túi dọn đến nơi khác bất kỳ lúc nào bố muốn, hoặc ít ra mẹ con nhìn nhận như thế. Anh thật trẻ trung và tự tác, cô ấy bảo. Hãy tận hưởng nhé, cô nói, rồi bố sẽ gật đầu bảo tất nhiên phải thế, tất nhiên phải thế. Không biết giờ đây cô nghĩ gì về bố. Bố vẫn còn tự do, theo định nghĩa ấy của cô, nhưng đã già, lại mắc bệnh tim, mệt mỏi và sợ hãi đến mức không dám bấm chuông cửa gặp con.

Nhưng bố không đầu hàng. Bố không muốn con nghĩ bố là loại ấy. Bố không muốn con nghĩ bố là kẻ hèn nhát. Bố nghĩ suốt – vừa đi vừa nghĩ, rồi phác ra một kế hoạch.

Bố sẽ tạo ra một nơi dành cho con. Không cầu kỳ lắm đâu. Một tuần là xong. Tức là bố sẽ lại lượm lặt các thứ, điều này sẽ giúp bố bình tĩnh, ngăn quả tim này trở chứng. Bố biết mình cần những màu nào. Bố biết điều mình muốn nói.

Hôm qua tôi đi lên phía bắc, nơi những con đường trải rộng, yên tĩnh, xe cảnh sát đậu hai bên. Tôi đi ngang một căn nhà có chùm bong bóng bạc sau cửa sổ. Tôi có thể thấy bọn trẻ đang nô đùa trong vườn. Một nhóm người lớn ngồi quanh cái bàn gỗ thông, tay cầm những tách trà. Tôi nghĩ về Anton và bức thư của anh. Tôi tưởng tượng đứa con gái của anh lần ngón tay trên những bông hoa bằng mực và ước bố nó ghi địa chỉ để nó hồi âm. Tôi tưởng tượng cảnh anh làm việc ở Dagenham, trát xi măng lên những viên gạch, xây nhà xây cửa mà nghĩ về con bé.

Trên gờ tường bao quanh một khoảng sân, tôi tìm được cái nhẫn màu lam nhạt, đính một đoá hoa cúc trắng bằng nhựa lủng lẳng.

Dưới một băng ghế, ở rìa khoảnh cỏ hình tam giác, tôi tìm được một cái vỏ hạt ánh màu bạc – thứ này làm tôi nhớ chùm vỏ ốc xà cừ treo ngoài hiên nhà bố mẹ, hễ có gió thổi là lốc cốc gõ trên mặt kính.

Trên một bậu cửa sổ nọ, kế bên chậu sành dày chứa một cây hoa vân anh rộ nở những đoá màu hồng, tôi tìm được một mẩu nhựa tam giác màu lam

sẫm.

Rồi ở chỗ chân trụ thu phí đậu xe vạch một vòng không tròn mấy lên phiến gạch vỉa hè, tôi tìm được một cái nút bọc lụa trắng đã ố.

Cạnh một cái lốp xe hơi, tôi tìm được một ngôi sao vàng kim, cánh sao mập mạp – kiểu ngôi sao mà thầy cô giáo thấm nước rồi dán vào bài làm của học trò để khen làm tốt.

Tôi đi tới đường chính, cảnh vật khác hẳn – tiếng ồn ã của dòng xe cộ, một đám hỗn độn những toà nhà không có gì để thổ lộ với nhau. Người phụ nữ thứ sáu mà tôi tiến lại hỏi xin tiền lẻ bảo tôi, “Để tôi đãi anh một cốc trà,” hẳn bà nghĩ tôi là kẻ nghiện ngập cần chút tiền để khoả lấp cơn thèm không đáy. Tôi theo bà vào một quán ăn có những tờ thực đơn màu lục giòn, rồi bà mang cốc trà cho tôi, nhìn tôi đổ bốn gói đường vào cốc. Bà gầy trơ, tóc tém chặt thành đuôi gà. Bà vận áo khoác đỏ có hàng nút to bằng nhựa, mặt hoa tai hình trái anh đào lủng lẳng nơi cổ áo. Tôi những muốn ngồi uống trà với bà, nhưng trà đựng trong cốc giấy, và tay bà đang giữ cửa mở.

Trên đường trở lại khu Heath, tôi thấy một xe chữa lửa đang phóng những dòng nước ào ạt vào một khối nhà văn phòng bốc cháy. Những lưỡi lửa liếm vào tường gạch, bầu không khí sực mùi kim loại và nhựa cháy. Vài năm trước, có đận tôi ngủ trong một nhà kho cháy trụi trên khu Wapping. Có những hình chữ nhật đen đúa xưa kia là cửa sổ, các căn phòng màu xám nhung, mọi thứ phủ một lớp bụi mềm. Bụi cáu vào tay tôi, khiến tay tôi giống bức ảnh chụp vùng châu thổ chằng chịt sông ngòi từ trên không. Sống ở chỗ đó, tôi ho hen như ông già lụ khụ, nhưng được cái khô ráo, và tôi lần lữa ở đó cho đến khi xe ủi tới.

• • •

Chỗ tôi chọn không xa nhà của con mấy – chỉ một quãng đi bộ ngắn ngang khu Heath. Cái hốc dài gần hai mét, rộng chừng nửa mét, nằm ẩn trong khóm hoa đỗ quyên. Không nguy nga gì lắm, nhưng yên tĩnh và khô ráo, đủ chỗ cho một người sống. Tôi dọn sạch cành và lá khô trên đất, dùng lòng bàn tay ịn cho phẳng. Tôi trút túi nhựa đựng đầy màu sắc ra. Tôi lấy viên chỉ màu khỏi túi, rồi tách từng sợi một, cột chúng lên các cành cây. *Alice. Daughter. Love. Sorry. Father.* (Alice. Con gái. Yêu thương. Xin lỗi. Bố.) Mỗi sợi chỉ được treo lên cứ xao động qua lại như có gió thổi. Tôi lấy một mẩu giấy xoắn màu vàng kim, thắt chỉ vào giữa thân rồi treo lên. Tôi chọn một mảnh bìa cứng màu hồng pha tía, dùng đinh xoi một lỗ nhỏ, xỏ một sợi chỉ khác qua lỗ. Giờ đã vào việc rồi, tôi cảm thấy đỡ nặng lòng.

Nhiều năm trước khi bố tôi chết, tôi thuê một phòng nhỏ trong căn nhà bẩn thỉu. Nơi đó như một xà lim, tường trắng lạnh lẽo, giường thì chật hẹp. Tôi bắt đầu thu thập màu – những mẩu vặt vãnh tôi tìm thấy trên đường, hoặc trong phòng chứa của siêu thị chỗ tôi làm việc khi ấy. Tôi dán thẳng những thứ ấy lên tường. Làm vậy là trái quy tắc nhà trọ, nhưng ông chủ chẳng bao giờ dòm ngó gì, vả lại khi rời đi tôi không để lại địa chỉ nơi đến để chuyển thư. Tôi nhớ có một cô thích những thứ đó, ngón tay cô cứ mân mê những đường nét trên tường. Sáng ra, tôi thức dậy thì cô đi rồi. Nhưng cũng ngày hôm ấy, có bàn tay đút một phong bì qua khe cửa dưới, bên trong có một cái lông chim ác là óng ánh hàng trăm sắc đen, một mẩu bút chì đỏ, một cái vỏ sò vân gồ - giống loại vỏ sò trên bờ cát dài bất tận mà ta nhặt khi lẵng nhẵng theo chân bố mẹ. Tôi cẩn thận dán những thứ ấy vào chỗ, tưởng tượng cảnh cô tìm chúng khi tới phòng tôi lần sau, nhưng cô không bao giờ trở lại nữa.

• • •

Tôi dành hẳn một tuần làm lụng. Tóc tôi bắt đầu dài ra. Tôi không có kính để nhìn, nhưng tôi hi vọng mặt mũi tôi không còn vẻ cộc trụi như trước. Tuy vậy, má tôi đã lởm chởm đầy râu. Tôi không có dao cạo, mà đâu thể quay lại chỗ trú được: ít nhất thì không phải chỗ ấy. Bố có thể nói với những người đã giúp bố rằng con không ở nhà, rằng con đi xa một dạo, nhưng bố chưa từng giỏi giang gì chuyện nói dối. Khi bố xong việc, chỗ này sẽ rất đẹp – không giống bất kỳ thứ gì con từng thấy. Bố hình dung con ngồi xếp bằng ngay chính giữa, ngẩng nhìn sắc màu, tấm tắc mỉm cười, bởi vì rốt cuộc con đã hiểu ra mọi chuyện.

19.

Mười nơi tôi từng làm tình

Phòng khách sạn ở Irkutsk, thảm thì dơ, vòi sen thì nhỏ nước tong tong suốt đêm.

Một nhà trọ cho thanh niên ở Singapore. Chúng tôi chèn ba-lô dưới tay nắm cửa.

Cartegena, Columbia. Chàng trai lần đó trẻ hơn tôi.

Boston, Massachusetts. Tôi ngờ rằng người đó đã kết hôn.

Một cái lều gần hồ Windermere – năm tôi mười bảy tuổi. Sau đó, chúng tôi nằm lắng nghe tiếng mưa.

Lần ấy ở Hy Lạp, trên ban công.

Trên nóc căn hộ của anh Kal, nhìn ra London. Tôi nhớ cách anh vuốt mái tóc tôi.

Trong nhà vệ sinh một quán rượu ở Chiswick, nhưng tôi không muốn nhớ.

Băng ghế sau trên một chiếc taxi, đâu đó ở Newcastle. Tôi đã uống quá nhiều.

Chưa lần nào ở đây, giờ tôi nhớ lại, quả là chưa bao giờ trong căn nhà này.

Chị Cee ghé, diện giày chạy bộ màu bạc với bộ đồ tập thể dục màu nâu vàng thấm mưa. Chúng tôi chất các túi đồ của bố lên xe của chị - chúng trông như một loại nấm quá cỡ bám chặt vào ghế. Dòng xe cộ bò từng chút và thắng gấp kin kít, trên vỉa hè là những người thu mình dưới dù, đụt mưa ở mái che cửa. Mùi nhựa ngọt thoang thoảng trên xe.

Bảy giờ ở quán Dino. Hay là cho anh ấy leo cây nhỉ.

"Chị có thích làm mẹ không?" Tôi hỏi khi chị Cee quành vào đường Holloway. Chị đang căng mắt ra lái xe.

Chị nghiêng đầu qua một bên như đang giãn một múi cơ cổ. "Có, chị thích," chị nói, thẳng đầu lại.

Tôi quay ngang nhìn chị. Mắt chị được trang điểm bởi phấn vẽ lấp lánh và mi giả màu nâu.

"Chị nghĩ em không bao giờ biết yêu thương cho tới khi em có con," chị nói. "Rẽ chỗ này phải không?"

"Đường kế tiếp, sát quán rượu." Tôi chỉ.

"Hồi sinh Martin, chị..." Đôi má của chị ửng hồng. "Chị thương con đến nỗi có thể giết người, hoặc lao mình vào đầu xe tải. Bây giờ nếu cần chị vẫn sẵn sàng làm thế vì bất kỳ đứa nào."

"Ngay đây." Chúng tôi ngồi nghe tiếng kim báo trên xe tíc tắc. "Chị thấy làm vậy có gì sai không?" Tôi hỏi.

"Chị thấy phụ nữ được lập trình như vậy. Em nghĩ kỹ sẽ hiểu." Chúng tôi rẽ vào con đường phụ, giữa những khối nhà chung cư dang dở, các ban công sơn màu trông như đồ chơi trẻ con.

"Ý em là chuyện mang đồ đi vứt bãi rác."

"Chỗ này là nhà máy tái chế chứ có phải. Nếu không thì làm sao?"

Chúng tôi đi theo bảng chỉ dẫn: gặp giao lộ rẽ trái, leo con dốc bê tông, luồn dưới thanh báo chiều cao sơn màu vàng và đen. Cảnh tôi muốn thấy là

thứ bãi rác ta thấy trên tivi – trong những bộ phim Hollywood, hoặc phim tài liệu về những nước nghèo thuộc Thế giới thứ ba. Tôi muốn thấy một đống rác vươn xa mút tầm mắt. Tôi muốn bầu trời đầy mây và những hình người lom khom nhặt nhạnh chút gì có giá. Tôi muốn lũ chim bay lượn kêu quang quác doạ lũ chuột bên dưới. Tôi muốn cảm thấy mùi hôi thối. Thay vì vậy, tôi mở cửa bước vào vùng sáng mờ trong không gian vây bọc bởi bê tông như trong một toà nhà, hoặc bãi đậu xe nhiều tầng. Sáu cái thùng to xếp thẳng hàng, cạnh mỗi thùng có bậc thềm kim loại dẫn lên. Góc xa đặt những thùng nhỏ hơn để chứa ống mực máy in, máy vi tính, quần áo, giày dép. Một người đàn ông mặc áo khoác vàng chanh quan sát chúng tôi từ khoang nhà tạm bé nhỏ màu xanh lục. Chị Cee và tôi nhìn hai công nhân mới chừng đôi mươi gom các thùng bìa cứng đã ép dẹp. Cậu trai hì hục nâng xấp bìa cạc-tông từ dưới sàn bê tông lên, cô bé chạy lên xuống bậc thang, cầm giơ lên chúng trên mặt thùng rồi thả xuống. Bốn gã Jamaica kéo một cái ghế nệm dài đủ rộng cho cả bốn ngồi xuống khỏi một chiếc xe tải thuê. Giọng họ vang lên rồi biến mất giữa khoảng không vắng ngắt. Họ thích cái ghế đó, bỏ nó đi thì buồn, nhưng tới lúc tậu cái mới rồi.

Chị Cee mở cốp sau, rồi chúng tôi im lặng dọn trống cốp. Nhiều bao đựng toàn giấy, những góc trắng cộm căng dưới lớp nhựa đen: hoá đơn đã trả, biên nhận của những món hư hỏng từ lâu, chồng tập san y học cũ rích. Hai bà chị khăng khăng đòi dọn phòng làm việc của bố, họ đóng chặt cửa khi dọn. Tất nhiên tôi phản đối. Lúc muốn, tôi cũng cứng đầu ngang ngửa chị Cee, nhưng chị Tilly mặt đỏ bừng, mắt ngấn lệ, cản tôi làm căng quá. Tôi nhún vai tỏ vẻ bất cần, nhưng sau khi mỗi chị cầm một bao nhựa đầy những giấy tờ ra khỏi phòng, tôi mở cửa bước vào.

Phòng làm việc của ông trải thảm cùng màu đỏ sẫm giống tấm thảm trải bò lên cầu thang rồi chạm vào tường chỗ chiếu nghỉ. Một cái bàn góc nằm cạnh cửa sổ không rèm, trên là cây đèn bàn màu vàng kim – chụp đèn cong và gồ như vỏ sò. Tường dán giấy gỗ ép, sơn màu trắng nhiều năm trước. Có một bức tranh vẽ cảnh cỡ lớn bên trái bàn: một bức tranh xấu xí của xứ Hà

Lan vẽ những cái cây mập lùn xám xịt, bầu trời đầy mây là mây. Căn phòng có mùi thuốc lá thoang thoảng. Số lần tôi vào đây đếm được trên đầu ngón tay.

Tôi kéo mở từng ngăn kéo tủ hồ sơ. Hồi mười ba mười bốn tuổi, tôi từng cố mở mà ngăn kéo bị khoá. Bị khoá nghĩa là có bí mật. Tôi đùng đùng nổi giận, tìm chìa khoá mãi nhưng không thấy. Lần này thì ngăn kéo mở ra cùng tiếng con lăn lạch cạch. Ngăn trên cùng vẫn đựng đầy bìa hồ sơ mỏng màu xanh lục, những tấm nhãn bọc nhựa có nét chữ đen mảnh của bố. Sổ liên lạc của các con gái. Giấy chứng nhận âm nhạc của các con gái. Mục báo về các con gái. Tôi kéo ra một mảnh báo cắt đã ố vàng. *Cô bé Hampstead bứt phá về nhất* – một bức ảnh chị Cee mặc đồ thể thao, tay giơ chiếc huy chương treo trên sợi dây dày kẻ sọc. Tôi đặt nó về chỗ, rồi rút một cuốn sổ liên lạc. "*Khó mà biết được em Alice bỏ dở nhiều thứ gồm bài nghiên cứu, bài cảm nhận và bài luận bởi em chán, hay bởi vì em thiếu tự tin để suy xét cho đến kết luận.*" Cô Ward. Cô ấy có mùi ngũ cốc ngọt hương mật ong Sugar Puffs, răng vẩu. Tôi để cuốn sổ lại, đóng ngăn kéo đó. Ngăn kế tiếp cũng đầy bìa hồ sơ màu xanh lục, nhưng không đựng giấy tờ gì, nhãn đề đã bị tháo hết khỏi khe nhựa.

• • •

Thùng nhận giày tặng từ thiện có một ngăn kéo kim loại giống ngăn ký gửi ở ngân hàng – tên các tổ chức từ thiện nhận giày được sơn bên hông màu xanh lục vui tươi. Con xin lỗi, con xin lỗi, tôi nhẩm trong đầu khi nghe tiếng giày của ông rơi trên những bọc giày của người khác. Hồi xưa, cứ đến chiều Chủ Nhật là ông trải báo trên bàn bếp, xếp giày ra. Ông dùng giẻ mềm màu vàng trét xi lên, rồi đánh bóng bằng cái bàn chải mập mập có tay cầm gỗ. Ông sẽ hỏi, con thấy mặt con trên giày chưa, Alice? Tôi sẽ cầm giày gí vào mũi, hít hít mùi hăng của xi. Chưa được, chút nữa ạ, tôi sẽ đáp. Ông sẽ

gọi tôi là viên đốc công khó tính. Mỗi lần ông ra ngoài, ngay cả sau khi nghỉ hưu, ông vận áo quần là ủi thẳng thớm, giày bóng loáng. Tôi nghĩ ông chưa từng tậu một đôi giày thể thao nào. Rồi những đôi giày của ông sẽ xuất hiện trong các hiệu đồ từ thiện có mùi thảm cũ, những kệ gỗ dăm trong đó trưng đĩa lẻ, tách không đĩa lót, những bình thuỷ tinh khắc nổi xấu xí, tượng thú bằng sứ và búp bê mặt buồn.

• • •

“Chị nghĩ bố có cảm giác đó không?” Tôi hỏi chị Cee trên đường về.

Chị chau mày.

“Cảm giác như của chị đối với Martin ấy. Chị có nghĩ là ông sẽ... chết vì tụi mình?”

Một đứa nhóc chạy xe đạp lạng ra lạng vào dòng xe. Nó mặc bộ đồ tập màu xám, điện thoại di động áp vào tai. Tôi từng cảm thấy như nó lúc này – thấy mình là vô địch.

“Chị chắc là vậy. Tuy ông không phải loại người biết bày tỏ, nhưng mà...”

“Em luôn cảm thấy ông ước rằng bố mẹ chỉ có hai chị thôi.”

“Ồ Alice.” Giọng chị có gì đó khiến tôi buồn rượi. Tôi nhìn chị. Chị biết tôi đang nhìn, nhưng vẫn ngó thẳng phía trước.

“Vậy nghĩa là sao?” Tôi hỏi.

Chị cắn răng. “Nghĩ như vậy thật không phải. Bố thương em mà.”

“Chị kể là hồi sinh em, hai người cãi nhau.”

“Làm gì có. Chị nói hồi nào?”

Tôi nhún vai. “Nhiều năm trước. Lúc đó chắc em sáu bảy tuổi gì đó.”

“Vậy cái đó đâu đáng kể gì?”

"Em không hiểu sao lại không đáng kể."

"Con nít nói nhăng nói cuội thôi mà."

"Lúc đó chị mười lăm rồi, với lại chị Tilly bảo đôi lúc con nít biết còn nhiều hơn chị ấy."

"À, chị không nghĩ là... Ừa, bố mẹ có cãi nhau, mà cái này đâu có gì bất thường. Có thể lúc đó chị hờn dỗi gì thôi." Chúng tôi im lặng đi tiếp. Khi xe đậu lại ngoài nhà, chị Cee tắt máy rồi quay sang tôi. "Chị xin lỗi." Chị nói ra điều này thật khác thường, nên tôi không nghĩ được câu gì đáp lại.

• • •

Chúng tôi ngồi ở bàn bếp uống trà, nhúng bánh quy gừng vào trà đến sát ngón tay, rồi ăn thật nhanh trước khi bánh rã ra. Còn lâu mới tới bảy giờ, nhưng tôi muốn chị đi về. Tôi cần tập trung.

"Chị Tilly kêu mình qua tối nay. Chị muốn nấu cho tụi mình ăn. Cả Toby nữa," chị Cee nói, môi cong lên khi phát âm cái tên ấy.

"Em bận đi gặp một người." Thật không may, tôi đỏ mặt. Chị Cee nheo mắt hỏi.

"Ai vậy?"

"Chị Tilly với gã Toby sao rồi?" Tôi hỏi.

"Sao chị ấy phí đời cho một gã đàn ông chị không bao giờ có được..." Chị Cee lại giở giọng, rồi nhìn vào mắt tôi. Thay vì ngưng nói, chị ưỡn vai mà nói tiếp. "Làm như vậy chỉ khổ thân. Cứ như chị ấy không thật sự muốn có những gì chị bảo rằng mình mơ ước."

"Chị ấy yêu hắn mà," tôi đáp.

Chị Cee lắc đầu. "Đôi lúc chị nghĩ vẩn vơ rằng em với bà chị cả không phải ruột rà gì với chị."

Tôi lấy một cái bánh quy nữa, bẻ nó ra làm hai. Có thể anh Kal đã đổi ý. Có thể anh đã quyết định rằng tôi đáng để anh thay đổi.

“Vậy là em không đi?” Chị Cee hỏi.

“Em không đi được.”

“Alice à, em có tính...”

Tôi khoanh tay lại, nhướn mày lên.

“Ý chị hỏi khi nhà bán rồi...” Chị thoáng rùng mình. Vậy là chị không phải người trơ trơ như đá. “Em sẽ trở lại Trung Quốc à?”

“Mông Cổ chứ.”

“Em sẽ đi?”

Tôi nhún vai. Chị ngó tôi, tôi trân trân nhìn lại. “Có lẽ em sẽ ổn định và kiếm việc,” tôi đáp.

Chị Cee cười, và tôi muốn đấm chị một cái. Chị gom mấy ly trà mang lại bồn rửa.

“Ủa cái gì đây, Alice?” Chị hỏi.

Khỉ thật.

“Chưa từng biết là em có tài trồng trọt đấy nhé.”

Chị đang nhoài mình trên bồn rửa về phía khay ươm nằm trên bậu cửa sổ, tờ báo lót đã xỉn vàng, khô lại, bên cạnh những món quà linh tinh nọ. Tôi lao tới thật nhanh. Tim tôi như nhảy thót lên tận cằm, sợ chị vứt chúng đi. Trên mặt khay sẫm màu sô-cô-la là năm, không, bảy tám mầm xanh nhỏ xíu. Đã cao bằng chiều dài móng tay em bé rồi. Mỗi mầm tách ra làm hai. Chúng đang lớn. Tôi ẩy chị ra, rồi vuốt ve một cái mầm bằng ngón út.

Chào cây, mừng vào đời.

Chị Cee đứng sát bên, tôi nghe cả tiếng chị thở.

“Cây gì vậy hở?” Chị hỏi.

“Em không biết.” Tiếng tôi như nghẹn. Tôi nuốt khan. “Mỗi cây một

giống khác nhau, hạt giống em tìm được trong kho," tôi nói.

Tôi không biết hạt nào đã nảy mầm, hạt nào chưa, và tôi nhận ra là nếu không moi lên thì không cách gì biết được. Moi lên thì nó chết cả. Mà mai mốt cây đủ lớn để nhổ lên xem thì vỏ hạt cũng đâu còn nữa.

"Cái này rõ là ngớ ngẩn. Cả tuần em loay hoay trong căn nhà quái quỷ này mới nên nỗi." Tôi nói.

"Em làm giỏi mà, Alice."

"Em thấy như mình đang xoá sổ bố vậy."

Chị đặt tay lên vai tôi, xoa xoa như thể tôi còn con nít. Dẫu vậy, tôi thấy dễ chịu đôi phần.

• • •

Tôi mặc bộ đầm, mang giày của mẹ, kẻ mắt màu lam ngọc cho hợp tông. Tôi bới tóc, thả lọn hai bên để cho gương mặt mềm mại chút. Chỉ là đi ăn quán Dino thôi mà. Thế này thì điệu quá. Nhưng lỡ anh đổi ý thì tôi muốn mình mặc đẹp để đón nhận.

Đôi giày có gót cao. Hẳn mẹ cũng thích, vì được tôn dáng cao lên chút. Tôi tới sớm mười phút, dù đã cố nấn ná để tới trễ. Tôi ngồi vào cái bàn vuông nhỏ gần bức tường vân đá, gọi ly rượu gin với lon tonic. Lúc anh Kal tới, tôi đã uống gần hết. Rượu gin làm tôi nhẹ nhõm mà cũng mong manh hơn.

Tôi đứng dậy. Anh nhoài người hôn vào má. Tôi cảm thấy hàm râu chạm nhẹ vào da thịt, và hít vào mùi nước hoa trên mặt anh.

"Coi bộ anh phải đua với em mới được," anh nói, chỉ vào ly của tôi. Anh gọi người phục vụ, kêu một chai vang đỏ.

Tôi nhìn anh mắc áo khoác lên lưng ghế, lấy điện thoại và ví ra khỏi túi,

xếp lên bàn. Tôi nốc cạn ly của mình. Anh ngồi xuống, nhìn tôi. Tôi không định mở lời trước.

"Em đẹp quá," anh nói.

Tôi bối rối sờ má, cúi đầu. Lẽ ra tôi mặc đồ jean xoàng xĩnh thì hơn. Anh mặc quần jean với cái áo sơ-mi sọc ca-rô mà tôi tặng lâu rồi, dù tôi nghĩ là anh không để ý chuyện đó lúc mặc nó vào.

"Em khoẻ không?" Anh hỏi.

Tôi nhún vai.

"Em đang thu dọn nhà cửa hở?" Tôi gật đầu.

"Chắc là cực lòng lắm." Điện thoại của anh nghèn nghẹn rung trên bàn. Anh liếc nhìn chứ không cầm lên.

"Em ở trong nhà đó cũng đâu vui vẻ gì." Tôi nói.

"Biết là vậy."

"Còn căn hộ của anh, anh vẫn ở chỗ cũ à?"

Anh nhìn tôi một thoáng, và tôi chợt tự hỏi anh có nhìn thấy mình ngồi mơ màng trong khu vườn gần nhà anh hay không. Cũng chỉ vài lần thôi, bốn lần là nhiều nhất. Có lẽ năm lần. Nhưng anh cười đáp, "Ừa, vẫn y như cũ. Con chó của cô Julie chết tháng rồi, nhờ vậy mà yên tĩnh hơn chút." Cô Julie ở kế bên nhà anh. Mỗi khi cô ra ngoài con chó lại tru inh ỏi.

"Tội cô Julie." Tôi nói.

"Trong cái rủi có cái may đó chứ." Tôi không nên tới gặp anh.

Người phục vụ bưng chai rượu đến, anh Kal pha trò với hắn chuyện vườn nho, đất trồng này nọ. Anh lắc ly rượu, uống một ngụm rồi gật gù tán thưởng. Người phục vụ rót đầy ly của tôi.

"Anh chị gọi món luôn chưa ạ?" Hắn hỏi.

Đúng như tôi đoán: pizza Fiorentina, spaghetti vongole, rau trộn, bánh mì phết tỏi.

Tôi nhìn anh Kal uống rượu, cái kiểu anh uống luôn khiến tôi bực bội.

Bợm bãi thì được, phịch nhau trước khi cưới cũng được, điểm tâm bằng thịt lợn xông khói cũng chả sao – miễn là người lớn không phát hiện ra mà rầy rà.

"Em kể anh nghe đi," anh nói.

Em yêu anh. Em ghét anh. Em nhớ anh. Em chẳng còn biết mình là ai nữa. "Em đi Nga, rồi tới Mông Cổ," tôi nói.

Anh trề môi gật gù. "Đi xe lửa thế nào?" Hai đứa từng tính cùng đi một chuyến bằng xe lửa.

"Cũng tốt. Đi lâu." Tôi nâng ly lên môi và uống quá vội. Tôi như lạc mất hồn. Rượu tràn ra lên mặt rồi đổ xuống bộ đầm. Tôi lấy khăn ăn dấp dấp. Anh Kal đưa tôi lọ muối, và tôi rắc lên lụa, xát cho thấm vào. Tôi dằn khăn ăn lên môi, cố sức kềm chế để khỏi khóc oà.

"Mang đến tiệm giặt khô, họ sẽ giúp em."

"Bộ này của mẹ em đó." Giọng tôi lẩy bẩy.

"Alice à." Anh nắm tay tôi, và tôi để yên.

"Anh nhớ em lắm, Alice." Tôi nhìn bàn tay hai đứa nắm nhau trên bàn. Da anh mát, khô, và quen thuộc.

"Anh biết là hai đứa mình nói lời chia tay rồi. Anh biết em khổ tâm nhiều. Anh hiểu lời em bày tỏ."

"Anh nói thật lòng."

"Em biết."

Tôi chờ anh nói rằng anh đã đổi ý, nhưng anh không nói. "Anh đang quen ai phải không?"

Anh buông tay tôi ra, ngả người tựa ghế. Anh cầm nĩa lên xoay xoay. "Không hẳn," anh đáp.

Tôi bật cười, thế là anh nhìn tôi như thể tôi xúc phạm anh.

"Còn em thì sao?" Anh hỏi.

Tôi ngủ với một người đàn ông ở Irkutsk trong căn phòng khách sạn có

kính gắn một bên tường, tấm trải giường nhung xám. Xong rồi, tôi châm điếu thuốc. Anh ta bảo mình bị suyễn, vả lại người ta cấm hút trong phòng đó. Thế nên tôi quấn chăn, ra đứng ngoài cái ban công nhỏ xíu mà hút. Căn phòng trông ra một con đường buồn tẻ, xe cộ chen chúc. Âm thanh nơi ấy làm tôi nhớ London.

Món spaghetti của tôi ra tới. Mấy con nghêu tí hon quắt lại trong vỏ.

"Công việc anh thế nào?" Tôi hỏi.

Anh gật đầu. "Tốt." Anh cắt một miếng pizza, đưa lên miệng, pho-mát trắng căng ra thành đường mỏng. "Tuyệt. Anh vẫn làm ở bệnh viện St. Thomas, gần đây có đăng được vài bài nghiên cứu."

Tôi luôn tò mò anh trông thế nào ở chỗ làm. Tôi hình dung anh quyết đoán và chính xác hơn so với khi ở nhà.

Anh nhường tôi ít pizza. Tôi tự ngăn mình đồng ý. "Hai bà chị Điều kiện với Điều khoản khoẻ không?" Anh hỏi.

Tôi cười, không nén được. "Vẫn vậy, chị Tilly còn quen gã Toby. Cee vẫn chỉ tay năm ngón." Tôi đáp.

"Em khắt khe với chị ấy quá."

"Chị ấy khắt khe với em thì có."

"Em ở nhà bao lâu?"

"Em không có cảm giác chắc chắn là mình đang ở nhà mình nữa."

"Vậy thì ở London bao lâu?"

Tôi nhún vai. "Em không biết."

"Alice ơi, em tiều tuỵ quá."

"Bố em mới chết mà, nhớ không?" Tôi bốc một con nghêu. Vỏ ngoài gồ vân nâu, bên trong ruột màu tía bầm. Tôi tách vỏ, nó gãy làm đôi. "Em tính đi Delhi. Tuần sau. Chị Tilly với chị Cee có thể giải quyết cái nhà. Dù sao thì cũng gần xong rồi."

"Anh có thể đi cùng em."

"Anh còn phải đi làm."

"Thì anh nghỉ phép. Mình thử gắng lần nữa nhé Alice."

"Mình nói chuyện với nhau đã khó, huống gì. Mà anh đang quen người ta."

"Đâu có ai..."

"Anh có được phép cưới cô đó không?"

"Anh không muốn cưới, Alice à. Anh cứ tưởng em cũng không muốn cưới."

"Em không."

"Vậy thì anh chả hiểu sao chuyện mình lại thành ra vậy." Tôi nghe lệ ứa ra trong mắt. Tôi mím môi lại.

"Anh biết tại sao mà," tôi thì thầm.

"Nhưng mình ở với nhau vui mà, đúng không?" Anh với qua chạm vào tay tôi. Tôi không rụt lại.

"Em không thể nhận điện thoại trong nhà anh," tôi đáp. Anh thở dài. "Giờ người ta ai cũng xài di động hết rồi."

"Cái đó không quan trọng. Quan trọng là em không chịu được. Quan trọng là em không thể cưới anh nếu em muốn. Em không thể có con với anh."

"Anh tưởng em không muốn có con." Anh dịch tay đi. Tôi vẫn còn nghe hơi ấm của anh trên da mình.

Tôi cạy con nghêu ra khỏi vỏ. Nó có vị tỏi và nước biển.

"Sao mình không trở lại như xưa?" Anh hỏi.

"Em gần ba mươi rồi, anh Kal à."

"Vậy thì sao? Mình bàn với nhau rồi mà. Khỏi cưới. Khỏi con cái. Chỉ có hai đứa mình sống với nhau. Mình từng ở như vậy, vui mà."

Mình chưa từng nói về chuyện đó, về những thứ quan trọng."

“Anh vẫn yêu em, Alice.”

“Xin đừng như thế.”

“Thật mà.” Anh hơi lớn tiếng.

Xem nào. Quay lại căn hộ của anh. Điểm tâm muộn mỗi sáng chủ nhật với bánh mì nướng kẹp trứng chiên. Bia sẵn trong tủ lạnh. Kế hoạch từng ngày, từng tuần của tôi dựa theo bảng phân công trực bệnh viện của anh. Dành dụm để chừng sáu tháng lại đi du lịch chỗ nào mới, lúc về thì kể chuyến đi cho anh nghe. Anh nói đúng. Tôi không muốn kết hôn hay con cái gì cả. Tôi luôn biết là vậy. Mà nếu tôi có muốn cũng không có ai chịu cưới. Sẽ không có ma nào chịu cưới em, nếu em cứ phí đời với hắn, hẳn chị Cee sẽ nói vậy. Quay lại sẽ là một bước thụt lùi, là tai hoạ.

Tôi thôi món spaghetti, ngả người ra ghế, khoanh tay lại. “Em sẽ trở về nếu anh chịu kể rõ chuyện mình với bố mẹ anh.” Tôi nói.

Anh đang ngốn đẫy pizza. Nuốt xong, anh để dao nĩa xuống hai bên đĩa. “Em biết vậy là làm khó anh mà Alice,” anh đáp.

Những hôm anh nghỉ làm, hai đứa sẽ thả bộ ra bờ sông, mua theo cà phê, xuống bờ biển nếu nước triều hạ. Hai đứa sẽ săn tìm kho báu – một hòn đá hình trái tim, một cái vòng bạc lót xỏ vừa ngón tay như chiếc nhẫn. Hai đứa sẽ thức dậy và đi ngủ cùng nhau.

“Vậy thì thôi,” tôi đáp.

Anh ngước mắt lên, thất vọng. “Anh không hiểu nổi em.” “Ừa, anh không hiểu đâu.” Tôi không thể suốt đời sống ngoài rìa, điều này tôi khó mà giải thích cho anh được.

“Mình ở bên nhau được ba năm tốt đẹp, Alice à. Mình có tình cảm với nhau chứ. Anh chưa từng cố thay đổi em. Anh chưa từng cản em đi đây đó.”

Tôi chẳng nên gọi hẹn anh làm gì. Gặp lại lần nữa cũng chẳng suôn sẻ gì hơn.

“Những chuyện đó mà anh còn phải kể sao, Kal.” Tôi thấy mặt anh sa

sầm. Một lúc lâu, anh không nói gì.

Rồi lúc mở miệng, anh nói chậm rãi, giọng kềm chế. “Bộ em nghĩ làm như ý em dễ lắm sao? Từ bỏ chính gia đình mình dễ lắm sao, Alice?” Tôi cau mày. Anh nói tiếp. “Em bất chấp cả gia đình vì anh được hay không, Alice? Làm họ buồn tan nát, và không bao giờ gặp họ nữa?”

Tôi ngó anh trân trân. Tôi thích đôi mắt với hàng lông mi dày cong. Tôi thích cả cái cằm và đôi tai ấy. Tay tôi vân vê nếp lụa ở cổ tay trái. Mép tay áo được may thủ công. Tôi làm hư bộ đầm của mẹ rồi. Tôi nghĩ về bố và ba chị em lúc ngồi trong rạp ba-lê, ăn kem đựng trong hộp giấy, so sánh cốt truyện với phần biểu diễn trên sân khấu.

“Anh nói đúng,” tôi đáp.

Anh chau mặt.

“Anh nói đúng,” tôi lặp lại. Trước giờ tôi chưa nghĩ ngợi cho thấu đáo chuyện này. “Em không thể từ bỏ gia đình,” tôi nói. Chết tiệt, cả chị Cee tôi cũng không bỏ để đổi lấy anh.

Anh gật gù, bẻ một miếng vỏ bánh pizza rồi nhằn nhằn. “Tụi mình ở được với nhau, nhưng chỉ hai đứa mình thôi. Tụi mình xoay xở ổn mà, phải không?” Anh nói khi mẩu vỏ bánh biến mất.

Tôi nhếch mép cười. “Tụi mình ở được, nhưng kết thúc rồi,” tôi đáp.

Anh liếm môi. “Không nhất thiết phải vậy.”

“Em xin lỗi vì khơi lại chuyện này.”

Anh chồm về phía tôi. “Tụi mình cho nhau thêm thời gian, cứ gặp thường, xem mình tới đâu.”

“Em sẽ đi Delhi.”

“Anh đến gặp em nhé?” Anh riết chặt ánh nhìn của tôi. Ngực tôi nhói đau. Toàn thân tôi nhói đau.

“Em phải đi đây,” tôi nói. Tôi rút trong ví ra tờ hai mươi bảng. Anh lắc đầu, nên tôi dằn ly vang lên tờ bạc. Khi đi ngang anh, bàn tay anh đưa ra và

tôi nghĩ anh sẽ chạm vào tôi, nhưng anh chỉ đặt tay lên môi, thế là tôi rời bước, đi vào màn đêm.

20.

Mười điều tôi muốn nói về London

Cư dân đánh rơi mất đồ nhiều hơn ta tưởng.

Lúc mặt trời toả nắng thì dễ chịu hơn.

Vừa nhỏ hơn, vừa lớn hơn cái thành phố mà ta hình dung.

Có tình người.

Hãy đến gần sát nhà máy điện Battersea mà lắng nghe tiếng lũ sáo đá trên những cây cần cẩu cũ bên mép nước.

Có một cái đồng hồ nằm trên cây, ở rìa công viên London Fields.

Có một chiếc xe tăng sơn màu đen và trắng ở góc giao đường Mandela với ngõ Page's.

Có một bức bích hoạ vẽ người đàn ông đọc sách gần cái cây gãy, góc đường Noel Street cắt đường Poland, cách giao lộ Oxford không xa.

Thường thì những nơi có vẻ ngoài ít mời gọi lại có nhiều thứ hay ho - có cả một khu rừng phía sau những khối nhà khu Heygate.

Thành phố này là nơi ta khó lòng hoàn toàn thấu hiểu.

Mỗi lần vào cái hốc của bố con mình, bố luôn thật cẩn thận. Có thể con không ngờ được rằng người ta để ý mọi sự lặp đi lặp lại trong một thành phố như thế này. Khi bố chắc không có ai dòm ngó, bố vạch lá mang thêm màu vào tô điểm nơi ấy.

Vào đây con, mừng con đến. Con sẽ ngẩng lên nhìn trần nhà, mỉm cười. Bất ngờ quá phải không? Để bố cắt nghĩa cho con hiểu. Mỗi chữ cái có một màu nhé. Con cũng thấy vậy à? Bố biết mà. Nhưng có lẽ những màu con thấy không giống như bố? Thôi để bố chỉ con xem. Đây là tên con. Màu lam băng nhạt làm chữ A; vàng kim làm chữ L; màu hồng tía nhạt làm chữ I; màu lam sẫm làm chữ C; rồi màu xám than làm chữ E. Con gật đầu, vậy là con hiểu. Tất nhiên con hiểu. *Alice. Daughter. Love. Sorry. Father.*

Bố lo lắng chuyện làm quà cho con, bố sẽ nói vậy, và con sẽ cười hơi buồn, đáp rằng lẽ ra bố không phải lo lắng gì cả - con còn ao ước gì nữa nào? Con sẽ bảo, con luôn hiểu, hoặc luôn nghi ngờ chuyện đó. Con sẽ bảo, con đã chờ đợi suốt từ bấy đến nay.

• • •

Tôi lại thăm căn nhà đó mỗi ngày, và mỗi lần rời đi tôi đều hoảng hốt, vội vã. Tường phòng khách biến thành màu trắng, đồ đạc đã được sắp đặt vào chỗ. Những bao rác đựng cành lá đã biến mất. Con đang chuẩn bị ra đi, nhưng mình vẫn còn việc phải làm. Tôi muốn nơi gặp mặt thật hoàn hảo. Bố không biết con là kiểu người nhẫn nại chờ đợi hay con giống mẹ con hơn. Cô ấy cứ như một cơn gió xoáy, nhấc bổng ta lên, xoay mòng mòng, lúc gió dừng là ta thở không ra hơi và mất phương hướng.

Chuyện chúng tôi chỉ kém dài được một năm. Tôi luôn oán trách Malcolm phá hoại chuyện mình, nhưng có lẽ chúng tôi đã kết thúc từ trước

đó. Tôi nhớ một buổi chiều nọ ở Bloomsbury. Cô ngồi cạnh cửa sổ, một nắm rèm trong tay, đầu tựa vào kính, bất động thật lâu. Tôi cứ tưởng cô ngủ gục. Khi rốt cuộc cô nhúc nhích, tôi hỏi có chuyện gì, thế là cô quay sang nhìn tôi mà nước mắt hai hàng.

"Em không chịu nổi sự lén lút này nữa," cô nói. "Cứ phải trốn chui trốn nhủi." Tôi nhìn cô, nghĩ rằng mình sẽ vui lòng mà ở cùng cô đến tận cuối đời trong căn hộ chật chội đó.

"Em cảm thấy mình bế tắc quá, thở không nổi nữa," cô nói.

Tôi đâu biết nói gì. Tôi cố gắng an ủi. Tôi vuốt ve bờ vai, hôn lên cổ cô. Tôi gắng làm cô nghĩ về chuyện bỏ đi Ý, Scotland, hoặc Australia, nhưng cô gạt đi. "Em có chồng con phải lo mà, Daniel."

"Anh biết, anh biết."

"Anh không hiểu gì hết."

Sau đó, tôi mua rượu vang và mấy cái bánh madeleine nhỏ xíu. Hai chúng tôi ngồi xếp bằng trên giường, uống rượu bằng ly cao của Marina. Cô bảo ngày xưa cô muốn làm nghệ sĩ múa ba-lê, thức dậy sớm nhất nhà, tập múa trong phòng ăn của bố mẹ cô: những điệu arabesque, glissade, pas de chat – giờ tôi nhớ ra những từ này. Múa cho anh xem, tôi bảo. Cô cười vang, đáp rằng chẳng còn nhớ bước mấy, nhưng cô trượt khỏi giường và tôi ngắm cô lướt đi quanh phòng, ánh mắt cô xa xăm và đôi môi mỉm cười.

"Anh muốn thời gian dừng lại, ngay bây giờ," tôi nói.

Cô nhìn tôi, nhướn mày. "Nếu anh dừng thời gian lại, anh đâu còn sống nữa," cô nói.

Kể từ khi mất cô, phần lớn thời gian đời tôi trôi đi chậm ngoài sức tưởng tượng. Thời gian trôi chậm nhất trên phố sá, nhưng cũng ít có ý nghĩa gì khi ở đó – hôm nay ngày mấy, giờ kế tiếp là giờ nào; tôi bán đồng hồ của mình nhiều năm về trước.

Khi tôi làm việc, thời gian cũng chậm lại. Tôi còn nhớ những đêm ngồi sau tay lái chiếc taxi rong ruổi miên man. Công việc gần nhất tôi làm là hồi

năm năm trước: bảo vệ một nhà kho nào đó ở khu Bow, lĩnh lương bằng tiền mặt. Họ bắt gặp tôi ngủ gục trong ca trực liền đuổi tôi. Bây giờ, hình như tôi đã quá già nua, mất sức nên chẳng được ai thuê nữa, và rồi tôi nhận ra mình chẳng còn nhiều thời gian, nên tôi quyết định làm điều quan trọng là đi tìm con.

Trừ lúc này, thời gian của tôi đang vuột đi. Cả ngày nay, tôi tìm màu, rồi cuốc bộ về ngang căn nhà. Khi rẽ vào con đường trước nhà con, tôi thấy tấm bảng. *Nhà bán.* Nếu đợi ở đó từ sớm, chắc tôi đã thấy ai đó đi xe tải tới nhà, mang cây cọc gỗ dài màu trắng kia cùng tấm bảng gắn phía trên. Cảnh ấy khiến tim tôi lên cơn đau; tôi phải dùng đến chai thuốc xịt đã gần hết nhẵn – cảm giác mát lạnh dưới lưỡi. Tôi cố hình dung ra những người ấy dựng bảng; điều này giúp tôi thở lại được. Một cậu trai trẻ chừng hai mươi – tóc màu hoe hơi nhờn. Cậu mặc áo thun dài tay có mũ trùm đầu. Đôi giày thể thao của cậu xơ tróc, gót đã bắt đầu mòn. Hông xe bị móp một chỗ, kính chiếu hậu bên trái bị mất.

Bố ngồi trên băng ghế gần ngôi trường cuối con đường trước nhà con, gấp một mảnh giấy báo làm hoa. Bố bước lên bậc thềm trước cửa, rồi để lại trên tường cho con.

Bán một cái nhà có thể mất nhiều thời gian. Tôi đã xem qua nhiều báo, đi ngang nhiều quầy báo *Evening Standard*, đủ để cảm nhận tí chút thế giới này. Giá bán nhà đang sụt giảm. Những bức tường và mái nhà che mưa nắng bỗng dưng không còn đáng giá như người ta tưởng. Nhưng tôi thấy mặt đất như đã rung bật dưới chân mình. Tôi thấy phải làm gấp hơn nữa.

• • •

Tôi cố sức làm thật nhanh. Đã gần hết chỉ và dây buộc. Những ngón tay tôi lóng ngóng. Lại đau. Tôi xịt thuốc vào dưới lưỡi một lần, hai lần – nhưng

rồi cái chai hết sạch mà tôi vẫn đau. Tôi không thể chết, chốn đẹp đẽ này đã gần xong, đã có thể đón tiếp con gái tôi.

Tôi tập trung vào màu sắc; nhẩm chúng trong đầu: lam băng, vàng kim, hồng tía, lam sẫm, xám than. Thở đi. Màu cam đục mờ, lam băng, màu cam-đỏ nóng, tía sẫm, hoa mộc lan, lục, xám than, nâu hạt dẻ. Thở đi. Vàng kim, bạc, hoa tử đinh hương, xám than. Thở đi.

Rồi cơn đau dịu bớt. Tim tôi nhẹ đi. Xanh ô-liu, bạc, nâu hạt dẻ - hai lần, nâu sẫm. Thở đi. Tôi ngước mắt lên nhìn vòm lá và những sắc màu nhảy múa. Bố hình dung được khung cảnh khi con đến đây. Sẽ đẹp lắm. Trắng ngọc trai, lam băng, lục, hoa mộc lan, xám than, nâu hạt dẻ.

Bố muốn pha cho con một tách trà. Bố muốn rót nước nóng vào một cái tách trắng, khuấy thêm đường và sữa, ép túi trà vào thành tách bằng muỗng kim loại nhỏ. Bố muốn ngắm nhìn con ngồi co chân lên tận ngực, tay cầm tách trà, hơi nóng bốc lên thơm ngát. Nhưng bố không có trà, chỉ có một chai whisky còn vài ngụm. Bố chôn nửa cái chai dưới đất, phủ lá cây lên trên. Không có ly tách gì để uống cả. Vậy thì không sánh được với tách trà, nhưng chí ít bố cũng có gì đó đãi con.

• • •

Sáng nay tôi cuốc bộ lại Kenwood House[5], tới nơi ngay lúc họ đang mở khoá nhà vệ sinh. Tôi ép xà bông lỏng vào lòng bàn tay, mở vòi cho đến lúc hơi nóng bốc lên, rồi rửa mặt. Xà bông có mùi như kem trái cây. Tôi hất nước lên tóc, lấy bàn tay làm lược mà chải mớ tóc rối bù. Từ lúc Thợ Săn cắt tóc đến giờ mới một tuần, thế nên tóc vẫn ổn, tôi tự nhủ. Khi tôi sờ má, râu mới nhú cọ vào lòng bàn tay. Tôi không có dao cạo. Lởm chởm quá, tôi tự nhủ. Tự tin nào, tôi tự nhủ.

Một gã nọ bước vào. Bố và hắn không nhìn thẳng vào mắt nhau, nhưng

bố ngó lại khi hắn vừa liếc trong kính vừa rửa tay. Bố chờ cho hắn đi khỏi, bỏ chai thuốc xịt trợ tim vào thùng rác màu đen, rồi đến với con.

Hôm nay, bố có quà cho con.

Bố thấy một nụ hồng bạch nằm trên vệ đường. Bố ấp nó trong lòng bàn tay suốt con đường đến nhà con.

Lần này, lúc đi lên bậc thềm, tôi biết rằng mình sẽ bấm chuông.

• • •

Có lẽ bố không bao giờ biết được mẹ con đã chết, nếu không nhờ một tờ báo cũ mèm. Đám tang đã qua lâu rồi. Bố nhớ những dòng chữ khiến lòng mình tan nát. Bố ngồi trong một góc hóng mát phía nam cầu Blackfriars, mẩu tin cáo phó trong tay. Bầu trời khi ấy thật đẹp: ánh dạ quang đan cài những đám mây thẫm màu. Những toa xe lửa đưa người dưng băng qua dòng nước, toa kéo phì khói ra. Từ đó bố quay lại tìm con. Trên mỗi bệ tường có móc một phao cứu sinh bằng nhựa màu đỏ đề dòng chữ "Để cứu một sinh mệnh."

• • •

Điều duy nhất ngăn giữ bố không trèo lên tường, chúi người về trước và buông rơi, chính là tên của con ghi bên cạnh hai đứa chị, dưới tên của cô ấy. Bố lấy làm tiếc cô ấy đặt cho con cái tên màu lam lạnh nhạt đến vậy. Nếu biết, bố đã chọn cái tên nào ấm áp hơn, ngời ngời màu nắng. Màu hồng của chữ cái giữa tên con bị chìm nghỉm vào sắc lam và xám. Tên con khiến bố nghĩ tới mùa đông, tới những người đứng chơi vơi trên một ngọn đồi chẳng có cái cây nào che họ khỏi gió quật, tuyết rơi. Dẫu vậy, tên của con đã cứu

sống bố, và lần đầu tiên bố biết được con là ai trên đời.

21.

Mười thứ xảy ra khi ta thu dọn căn nhà của bố

Ta nhận ra một người chẳng mấy khi mua sắm thì đồ đạc cũng tích lại không ít.

Ta phải lau chùi rất nhiều bụi bặm.

Ta phải cố sức dẹp bỏ ý nghĩ bụi từ đâu ra mà lắm thế.

Ta kiệt sức vì ngồi miết một chỗ, gần như bất động.

Ta sẽ lưu luyến những tủ bếp mà trước đây ta chưa từng thích.

Ta cứ quên rằng ông đã chết.

Ta nhận ra quần áo thật là nặng nề.

Ta quên ăn.

Ta phấn khích một cách phi lý về chuyện hạt giống lớn lên thành cây.

. Ta cố an ủi mình bằng cách đứng áp người vào tường – hiệu quả hơn nhiều so với ta tưởng.

Từ nhà hàng về nhà, tôi nhắm mắt suốt trên tàu điện ngầm, rồi cúi đầu thất thểu bước vào, đôi giày của mẹ xát vào gót. Lúc đi tôi đã tắt hết đèn. Tôi đứng ngoài vỉa hè nhìn nó: chỉ là một căn nhà tối thui trên một con đường tối thui, với tấm bảng *Nhà bán* ghim trên cọc. Đâu còn chốn nào khác mà đi, thế nên tôi lê bước nặng nề lên cửa trước, rồi vào nhà. Vẫn còn mùi sơn. Khi tôi tháo đôi giày của mẹ ra, nền gạch mát lạnh áp vào lòng bàn chân.

Tôi làm hỏng bộ đầm của mẹ rồi. Tôi vào phòng bố, tưởng tượng cảnh mẹ đứng đó ngắm nghía trong tấm kính trên tủ đồ, vừa đeo hoa tai vừa chạm hờ dây chuyền. Có ba vết bẩn. Một đốm lớn giống hình chiếc lá, hai bên là hai đốm nhỏ. Tôi loay hoay kéo dây khoá xuống, rồi thả cho bộ đầm rơi xuống chân. Tôi nhớ những khi anh Kal vuốt ve, khen tôi xinh đẹp.

• • •

Sáng nay tôi nằm trên chiếc giường đơn trong căn phòng từng là phòng của tôi, trong căn nhà từng là nhà của bố tôi. Tôi thấy người như bơm đầy khí hê-li, bồng bềnh như có thể bay đi bất kỳ lúc nào. Nếu là chị Tilly, chắc chị sẽ bảo tôi khóc một trận cho thoải mái, nhưng tôi đến khóc cũng không khóc nổi.

Tôi nằm mà mắt ngó trần nhà. Bữa nay Shaun sẽ tới phá cái bếp tan tành. Tôi ủ rũ vào phòng tắm. Ánh mặt trời rỉ qua kính cửa sổ mờ, biến những viên gạch ốp bé tí thành những đường lấp lánh. Tôi kéo rèm để trả chúng về nguyên trạng.

Bộ đầm của mẹ nằm trên sàn phòng của bố. Nó nhăn nhúm và vết ố loang to hơn, sẫm hơn so với ngày hôm qua. Tối qua, tôi ăn mặc như con búp bê, chắc trông ngớ ngẩn lắm. Tôi nhặt bộ đầm lên nhét vào một túi nhựa.

Khi mở cửa trước, tôi thấy nó. Một bông hoa nữa, to hơn bông đầu tiên, làm bằng giấy báo – chữ nghĩa dúm dó mất hút theo nếp gấp. Lòng tôi khấp khởi. Kỳ cục thật. Tôi bỏ bộ đầm ở hành lang và mang cái hoa ra sau bếp. Có lẽ tối qua nó đã nằm đó, nhưng tôi không nhìn thấy – tối qua tôi đâu thiết gì nữa. Tôi bật ấm nước, nó gầm gừ rồi tự tắt, nhưng tôi không pha cà phê. Thay vào đó, tôi lại bàn bếp ngồi mà ngắm cái hoa, chả biết là bao lâu. Ngồi chán, tôi đứng dậy, bước lại mấy mầm cây. Càng ngày chúng càng khoẻ và cao hơn. Cái hoa giấy nhẹ lắm, nên nó nằm lên đám cây mầm không hề hấn gì. Tôi nâng cái khay ươm nhựa mong manh, một tay tựa nó vào hông, tay kia mở cửa, rồi đi ra vườn.

Tôi quỳ xuống dải đất bên dưới cửa sổ bếp, đặt khay qua một bên, nhổ cỏ và đám cây linh tinh mọc sẵn trong bồn. Đất dính vào kẽ tay, cáu vào nếp nhăn trên da. Lúc dọn xong – đất sạch cỏ, một mớ xanh rì bị chối bỏ nằm trên lối đi – tôi đếm lại mầm cây dù đã biết có bao nhiêu, rồi ấn ngón trỏ xoi hai mươi ba cái lỗ xuống đất. Tôi bốc mầm ra khỏi khay – những rễ trắng trần trụi, thân dễ gãy – rồi cho chúng vào nhà mới. Có một khoảnh khắc khi hạ mầm cây đầu tiên xuống lỗ, tôi muốn dừng lại, muốn trả mầm vào khay, và mang hết vào trong nhà. Nhưng không kịp nữa rồi. Tôi tiếp tục cho đến khi một hàng xanh xanh thành hình. Tôi chừa cái hoa bằng giấy báo lại sau cùng, ấn cuống vào một lỗ ngay chính giữa hàng cây. Nó ngoẻo qua một bên, thế là tôi ém đất quanh cuống cho nó đứng thẳng lên. Tôi ngồi xổm ngắm chúng, và nước mắt không hiểu từ đâu trào ra.

• • •

Tôi đang đi lên lầu thì chuông cửa reo. Tiếng chuông khiến tôi đứng sững lại giữa cầu thang.

Chắc là Shaun, cái gã thấp đậm có nụ cười xuề xoà. Chắc gã đang cầm

một túi đầy đồ lề. Gã sắp moi ruột cái bếp, phá nát nó, xé toang nó.

Có thể là anh Kal. Không phải anh Kal đâu.

Có lẽ là người thấy cái bảng lại hỏi thăm. Tôi sẽ không cho họ vào. Tôi sẽ nói là tôi xin lỗi, nhưng họ phải gọi cho bên môi giới, số điện thoại nằm ngay trên bảng.

Và rồi, dẫu biết chuyện này thật ngớ ngẩn, tôi nghĩ có lẽ người bấm chuông là bố tôi, một tay xách cặp táp, áo khoác dài màu be cài nút dù ban ngày trời nóng. Tôi có thể nghe tiếng ông, đủ khẽ để khiến ta chú ý, bảo rằng ông đã làm mất chìa khoá. Thật là phiền chết được, chắc bố già mất rồi, ông bảo, rồi tôi sẽ cười để cho ông thấy rằng tôi biết ông chưa hề già, ông sẽ sống mãi. Tôi bước lại cửa. Bóng người sau lớp kính, thấp hơn và ốm hơn ông. Bố tôi thật ra không bao giờ quên chìa khoá.

Tôi sắp mở cửa thì chuông lại reng lần nữa. Một âm thanh chói gắt vang lên làm tôi nhảy dựng. Tôi nghĩ tới cái chuông chị Cee mua cho bố, nút bấm gắn trên bàn ngủ, kế bên lọ thuốc có cái que bọt biển hồng. Nước mắt cay xè trên sống mũi. Ông cũng là một kẻ ương ngạnh hệt như tất thảy chị em tôi.

Người đàn ông đứng ngoài cửa thấp hơn bố tôi, lại gầy còm ốm yếu. Tóc ông ướt và bờm xờm, ông ta cần cạo râu. Đôi mắt ông màu xám nhạt, da quanh mắt dày và nhăn nheo. Tôi thấy ông ở đâu đó rồi thì phải.

“Tôi...” Ông ta khẽ nói. Giọng ông khiến tôi nghĩ tới đôi cánh của loài ngài – một thứ phủ nhiều bụi.

Tôi đặt một tay lên mép cửa, tay kia giữ chốt gài, nhưng không đóng cửa lại. Tôi nghe được mùi ngòn ngọt của quần áo và da người lâu không tắm giặt. Tôi từng nghe mùi này rồi: trên tàu điện ngầm, ở trạm xe buýt, trong các góc thư viện, bất kỳ chỗ nào ta có thể dừng lại một phút mà không bị xô đẩy đi.

“Tôi có... Tôi muốn...” Người đàn ông chìa tay ra. Trong bàn tay ông là một bông hồng không cuống. Nó đã gần tàn, những cánh hoa màu kem bị thời gian đánh bại, mép cánh xỉn lại như giấy cháy. Ông hắng giọng, nhưng

không nói gì. Tôi tự nhủ sẽ đếm đến mười. Bố hay nói vậy: Alice, bố đếm đến mười, con mà không xuống đây thì biết, một, hai, ba, bốn...

"Tôi tìm được cái này," ông nói. Răng ông vàng khè, một răng cửa hàm dưới bị gãy mất. "Không hiểu sao người ta ngắt nó trong vườn hoa rồi bứt bỏ hết gai với lá đi." Ông húng hắng rồi liếc tôi một cái, cặp mắt ông có thoáng màu lam. Phải rồi. Giờ tôi nhớ ra rồi.

"Ông có đến dự lễ tang," tôi nói.

Nét sợ hãi lướt qua mặt ông, như thể kẻ trộm bị bắt quả tang. Ông quay đầu và tôi thấy vết sẹo trắng mỏng kẻ một đường từ đuôi mắt phải xuống tai.

"Phải không ạ?" Tôi hỏi.

"Rồi có ai khác cắt những mảnh nhựa vuông, đặt sáu bông hồng vào giữa, cột chân hoa lại, rồi dán một gói dung dịch dưỡng hoa vào," ông nói tiếp.

Tôi chắc chắn là ông có tới lễ tang. Ở nhà thờ, rồi sau đó ở nhà, hay đó chỉ là cái huyễn tưởng trong đầu tôi. Có thể ông là một đệ tử lưu linh, đọc cáo phó rồi mò tới để tranh thủ lòng thương mà nốc rượu. Tôi chỉ cần đóng sầm cửa lại. Có điều, tôi không muốn làm vậy.

Tôi nhìn cái hoa trong tay ông, và chợt nhớ lúc anh Kal xuất hiện chỗ tôi làm với bó hoa hồng đỏ thắm. Tôi cắt một bông, đặt vào giữa trang sách rồi ép lại như một cô học trò, tôi vẫn giữ bông hoa ấy đâu đó, hoặc ít nhất thì tôi chưa vứt nó đi.

"Chú biết bố cháu à?"

Ông cúi mặt xuống. Ông mặc cái áo khoác nhung kẻ bẩn thỉu, cái quần nhung kẻ còn bẩn hơn nữa. Cổ ông đeo dây chuyền, mặt dây núp sau lần áo sơ-mi. Gặp chị Cee là chị ấy đóng cửa lập tức. Còn chị Tilly hẳn sẽ cười, đưa cho ông này tờ năm bảng, rồi cũng sập cửa. Nhưng ở ông có gì đó thân thuộc, nếu tôi đóng cửa thì chỉ còn mình tôi chờ đợi trong căn nhà này.

"Tôi muốn cho cháu xem một thứ," người đàn ông nói. "Tôi cần cháu đi

với tôi một chút, được không?"

Tôi nhìn ra phía sau người đàn ông, về phía con đường. Shaun sẽ tới đây bất kỳ lúc nào. Gã sẽ đi xe tải trắng, xách theo túi đồ lề. Gã sắp phá tan căn bếp của bố tôi.

"Ngay trên khu Heath, một chỗ ngay trên khu Heath đây thôi," người đàn ông nói. Ông đút cái hoa lại vào túi áo khoác.

Chị em tôi từng lên khu Heath với bố, nhẩn nha lại Đồi Nghị Viện sau thánh lễ, mang theo bánh mì kẹp trong ba-lô. Bánh ấy do chị Tilly làm sau khi thử nghiệm nhiều kiểu: pho-mát mềm, táo với tương ớt vị gừng; rồi đến thịt giăm-bông với dứa hộp – nước dứa ngọt thấm vào bánh mì. Mùa đông, bố pha cà phê đầy một bình cách nhiệt; cũng bình đó, vào mùa hè ông bỏ đầy đá với nước chanh ép – uống vào nghe thật kỳ quặc, vị nước chanh lẫn với chất cà phê. Ông sẽ ngồi ở băng ghế trông ra thành phố London bộn bề, đôi mắt dõi nhìn nơi chân trời. Có lúc ông đắm vào suy tưởng, chị em tôi mà biến mất chắc ông cũng không biết. Tôi hay chạy đến bên cạnh, liến thoắng, mè nheo, hỏi vặn hỏi vẹo, buộc ông trở về thực tại, về với mấy chị em, về với tôi.

"Dạo này người ta có trồng loại hoa hồng không gai," tôi nói.

Mắt ông ánh lên tia hi vọng. "Cháu đi chứ?" Ông hỏi.

Tôi nhớ lại lúc xưa – tầm nhìn từ Đồi Nghị Viện, hương cỏ và gió mơn man trên da mình. Tôi ở trong căn nhà này lâu quá rồi.

"Tôi không quen ông," tôi đáp. "Với lại có người tên là Shaun sắp tới đây để sửa lại nhà bếp."

Ông di di bàn chân trên bậc thềm, rồi húng hắng như người hút thuốc. Tôi hình dung ra ông nằm trước cửa nhà, rúc vào cái túi ngủ bẩn thỉu. So với một kẻ sống nơi hè phố thì ông có khiếu chuyện trò. Ông nhìn tôi, ánh mắt như nói rằng ông có điều quan trọng cần tỏ bày mà không biết mở lời thế nào.

"Ông có biết bố tôi không?" Tôi hỏi.

Ông lưỡng lự.

“Vậy là ông đến chia buồn?”

Ông nghiêng đầu như nói có lẽ thế, có lẽ thế. Tôi tưởng tượng gã Shaun rứt mấy cái tủ bếp khỏi tường, hình dung ấy khiến tôi buồn rượi. Tôi lại liếc nhìn, nhưng đường vẫn vắng tanh.

“Có lẽ người ta trồng giống hoa không gai thật,” ông nói. Và rồi ông mỉm cười, thế là cả gương mặt ông khác đi, tôi có thể hình dung ra ông thời trẻ - đôi mắt xanh dương ánh đầy hi vọng.

“Xưa, nhà tôi hay lên khu Heath chơi vào chủ nhật,” tôi nói.

Ông gật gù, chờ đợi.

Tôi nhìn phần lụa màu lam ngọc thòi ra khỏi cái bao trong hành lang. Lẽ ra tôi không nên mặc bộ đầm đó. Tôi cởi vớ, mang đôi dép xỏ ngón mới vào, với lấy chìa khoá móc trên tường.

“Nửa tiếng nữa tôi phải về,” tôi nói.

“Không xa đâu, mà quan trọng lắm,” ông nói. Gò má ông ửng hồng, ông bối rối sờ quai hàm hệt như tôi làm những lúc không biết nói gì. “Tôi tên Daniel,” ông nói và chìa tay ra, những ngón tay thon dài như tay tôi. Bàn tay chị Tilly với chị Cee giống bố - ngắn và mập hơn. Tay người đàn ông này cáu bẩn ở khớp ngón, móng tay vàng xỉn, lại dài quá cỡ. Cái bắt tay làm tôi liên tưởng tới da cá sấu.

Ông rảo bước quả quyết đến không ngờ. Tôi đi cách ông một bước, ngang qua nhưng căn nhà đơn sơ, dọc con đường Đông Heath, rồi vào khu Heath. Một người đàn ông đi ngang qua, tôi nửa muốn túm lấy ông mà kêu lên, nhìn này, nhìn tôi đang làm gì thế này, ông cản tôi đi.

Ông Daniel không nói gì lúc chúng tôi bước đi, và tôi cảm kích vì điều đó. Chúng tôi men xuống dốc đồi về phía những cái hồ, rồi lại quành lên. Mãi đến một lối hẹp, cành lá ẩm ướt quệt trên đầu, mặt đất rải rác lá khô, tôi mới buộc mình dừng lại.

“Tôi xin lỗi, tôi không biết mình đang... Quả thật tôi phải đi về, tôi xin lỗi,” tôi nói.

“Một phút nữa là tới rồi.” Giọng ông nhẹ như làn khói mỏng. Tôi thấy ông muốn giữ tôi lại thì dư sức – tôi hình dung cảnh mình trình báo đầu đuôi với một viên cảnh sát hờ hững, cái cốc nhựa đựng trà loãng nằm trên bàn, và tôi nói là ông ấy có gì đó quen quen, tôi thấy ông đáng tin. Không, tôi không biết giải thích sao nữa.

“Đi một chút nữa nhé? Xong rồi cháu cứ về, tất nhiên là cháu phải về.” Ông không chạm vào người tôi.

Tôi bước tiếp.

Ông dừng lại. Bên trái là hàng cây, bên phải là vạt cỏ, và tầm nhìn ra London bị xén bởi đường gợn cong của một ngọn đồi. Một phụ nữ đẩy chiếc xe nôi ba bánh đi ngang. Ông chờ. Khi cô đi khỏi, ông nhìn tôi, rồi nhìn hàng cây. “Tới nơi rồi.”

Tôi theo ông. Dọc theo một lối đi mờ nhạt, qua một con suối ngoằn ngoèo, giữa hai bụi cây đỗ quyên. Xa xa vẳng tiếng còi tầm, gần bên là tiếng chim lảnh lót. Ông rẽ trái. Tôi đứng yên nhìn ông di chuyển giữa hàng cây. Ông trở lại, đôi mắt ánh vẻ sợ hãi như một đứa trẻ lạc giữa đám đông. “Ngay đây,” ông nói, tay ra dấu về phía sau như thể mời tôi vào nhà. Tôi thoáng thấy ánh giấy bạc với màu nhựa hồng sau kẽ lá, nên bước vào. Chỗ này là cả một khoảng trống giữa những bụi đỗ quyên mà người ta không bao giờ nhận ra.

Mặt đất có vẻ được quét sạch cành lá, và ông đã cột những thứ linh tinh lên nhánh cây. Cảnh tượng này khiến tôi nghĩ đến thánh đường. Cả một vòm những màu xanh lam, xanh lục, nâu, tía, bạc và vàng lấp lánh trên đầu chúng tôi.

Tôi nghĩ tới những món quà trên tường nhà mà tim đập như trống dồn. Ông chặn lối ra mất rồi. Ông đang nói gì đó về màu sắc và những chữ cái, ánh mắt phóng nhìn tôi rồi nhìn những mẩu nhựa, kim loại và giấy mắc

trên nhánh cây, rồi quay lại nhìn tôi. Tôi chỉ có thể tự trách mình nếu chuyện không hay xảy ra khiên tôi bỏ mạng nơi này. Chị Cee hẳn sẽ nghĩ vậy – mặc dù chị không nói thẳng ra – và lần này chị đúng.

"Vậy là ông để những món ấy để trước nhà, tại sao ông làm vậy?" Tôi hỏi. Ông thất thần nhìn tôi. "Và cớ gì ông lại đến dự đám tang bố tôi? Tất cả chuyện này là sao?" Tôi chỉ vào những vật treo quanh chúng tôi. Mặt ông căng thẳng, rồi chùng xuống, như tôi vừa đoạt mất thứ gì của ông. Tôi không muốn làm người này buồn, một ông già từ tốn có nụ hồng nửa tàn nửa héo và đôi bàn tay nhăn nheo quá đỗi, nhưng tôi không hiểu, và bỗng dưng tôi muốn đi về.

"Có rượu whisky. Tôi muốn thết cháu cốc trà, nhưng ở đây không có điện," ông nói, rồi cười căng thẳng.

Tôi cân nhắc tình hình. Tôi nhỏ người hơn ông, nhưng lại trẻ và khoẻ hơn. Ông thì chân đứng còn không vững.

"Tôi xin lỗi, tôi phải..." Tôi nhao người về phía trái của ông. Tôi nghe áo khoác của ông chạm nhẹ vào cánh tay, và thủ thế. Nhưng ông không nhúc nhích. Ông để tôi đi.

Bên ngoài, trời sáng rỡ khiến tôi thấy mất phương hướng như khi rời rạp chiếu phim vào giữa ngày – một khoảnh khắc chệnh choạng khi ta bước ra ngoài, hoà vào không khí mát lành, sáng sủa, và thấy rằng thời gian vẫn trôi đi bất kể thế nào.

Tôi đứng, chờ đợi, mặc dù chẳng biết chờ cái gì. Ông ở lại trong hốc trống. Tôi thấy ông sau kẽ lá. Ông già cỡ tuổi bố, nhưng tôi đồ là ông trẻ hơn chút đỉnh. Có lẽ là một người bạn, hay đồng nghiệp thất cơ lỡ vận.

Điện thoại di động của tôi reng. *Shaun – Sửa bếp.* Chắc gã đang đứng trước nhà cùng túi đồ lề và thợ phụ nữa. Chắc gã nhấn chuông được một lúc rồi, tôi hãy còn trong cái hốc của một ông già điên. Chắc gã sẽ bực bội, nhưng giờ thì chưa nhiều lắm. Tôi nhìn màn hình nhấp nháy. Điện thoại ngừng reng, rồi kêu cái bíp như tỏ ra hờn dỗi.

Tôi có thể nghe tiếng ông. Tôi có thể thấy ông vẹt cành lá bước ra. Tôi chờ đến khi ông đứng trước mặt tôi, phủi lá và những vết bùn trên áo quần. Chúng tôi đứng trên lối hẹp, nhìn nhau.

"Tôi xin lỗi..." Ông mở lời, nhưng rồi ấp úng ngừng lại.

"Shaun gọi." Tôi giơ điện thoại lên. "Gã thợ xây ấy mà. Hôm nay, họ phá bỏ căn bếp của bố tôi để thay mới. Họ tới nhà rồi."

Ông gật đầu. "Có lẽ cháu phải..."

"Tôi thả toàn bộ sô ly rượu vang của ông ấy xuống sàn. Toàn bộ. Rồi tôi xỏ đôi giày của ông ấy mà đi qua đi lại trên đống thuỷ tinh vỡ." Tôi chẳng biết sao tôi lại kể với ông ta chuyện này. Ông không nói gì. Chắc ông nghĩ tôi khùng.

Bên phải chúng tôi, quá hàng cây một chút, có một con bé mặc đồ hồng chạy vòng quanh, hai sải tay giang ra, cứ tưởng là nó cố sức thì sẽ bay lên. Tôi nghĩ về những cái tủ bếp sẽ bị phá tan nát, bị gom lại rồi vứt đi như mớ ly nọ.

"Cho phép tôi mời ông ly cà phê, hay ly trà nhé?" Tôi nói. "Chúng ta có thể đến quán trong khuôn viên Kenwood House."

Trong một phút, tôi tưởng có lẽ ông sắp khóc, hoặc bước tới ôm chầm lấy tôi. Nhưng ông chỉ thọc tay vào túi áo, gật đầu đáp "Vâng, rất vui lòng, cảm ơn cháu."

22.

Mười lý do bố yêu mẹ của con

Cô ấy làm bố cười.

Cô có cách biết được bố đang nghĩ gì.

Cô có mái tóc đẹp nhất trần gian.

Cô ấy không quan tâm chuyện bố vò nát tấm bằng, chuyện bố không chắc đời mình sẽ về đâu.

Cô ấy tràn đầy sức sống.

Cô làm bố nhớ những bình sứ thót cổ trong Nhà Bảo tàng Anh – cực kỳ quý giá.

Cô gọi tên bố như thể cái tên ấy có gì đặc biệt.

Khi cô chú tâm vào bố, toàn bộ thế giới còn lại mờ đi, chỉ còn lại bố và cô ấy.

Cô nghĩ bố can đảm hơn bố tưởng.

Bố thực sự nghĩ là cô ấy muốn sống cùng bố.

Lần này, bố đi theo con. Bước chân con sải dài, bố không theo kịp. Đôi vai con căng lên trong chiếc áo thun, đôi dép xỏ ngón lạch bạch trên đường. Con đã không hiểu. Khi con đi, bố thấy hình ảnh của chính mình – rõ mồn một – đứng trên Cầu Albert lúc nửa đêm, mọi thứ bừng sáng như khu hội chợ, còn bố thì chờ rơi xuống. Nhưng giờ chúng ta đang ở đây, bước đi cùng nhau.

Bố biết một người từng đi trên một sợi dây căng trên cao. Đứng nhìn anh ta mà căng thẳng – một cơn gió nhẹ hay chút sơ sẩy cũng đủ đẩy anh ta rơi xuống, buộc anh ta nhớ ra mình chỉ là con người. Bố bước một bước, rồi bước kế tiếp, rồi bước kế tiếp. Bố hình dung một đường thẳng mảnh, màu đỏ, nối con với bố, xa ra phía trước và về phía sau tới tận nhà của con – nhà của ông ấy – và nối tới tất cả những tháng năm ta đã mất.

Khi chúng ta tới lối đi rải sỏi dẫn vào hình thù trắng toát của Kenwood House, con rút gói thuốc từ trong túi và dừng lại đưa bố một điếu. Bố gắng sức giữ tay bớt run.

“Cháu đoán là chú làm chung với bố,” con nói. Hơi thuốc làm tôi dễ chịu, tôi nhả khói thành vòng tròn.

Con chú ý nhìn.

“Thời trai trẻ hoang phí,” bố đáp, con bật cười. “Không, họ chưa từng để chú làm bác sĩ,” bố nói.

“Làm bệnh nhân thì được chứ ạ?”

Bố không dám nhìn con. Bố ngó ngang bãi cỏ về cái hồ với công trình bé tí lãng phí tiền xây. Cố lên, ông già.

Điện thoại trong túi con lại kêu chiêm chiếp. Con chờ nó im, rồi rút ra bấm bấm gì đó. “Gã ấy sẽ bực lắm đây,” con nói. “Ta đi nào.” Con lại bước đi và bố nối gót.

“Lúc nhỏ tôi hay trốn nhà đi,” con nói. Bố gần như không nghe được. “Đi tận xuống đường Finchley hồi sáu tuổi.” Bố hình dung ra con, một con bé tí

hon, tóc đỏ, ánh mắt ngang bướng. Hình dung ấy khiến bố vừa sợ vừa tự hào. "Bố tôi giận điên lên, chưa từng thấy ông ấy giận cỡ ấy," con nói.

Bố cũng muốn kể gì đó, nhưng những câu chuyện trốn nhà của bố không hay gì mấy.

"Rồi lần ấy trở thành đầu đề trêu ghẹo. Không vui chút nào – *bé Alice cứ thích chạy rông, nào biết có nguy không*." Con quay lại nhìn bố, rồi bố nhìn xuống những viên sỏi màu hổ phách dưới chân con.

Chúng tôi thả bước đến toà nhà, đi vào qua khoảng trống giữa bờ rào cao được xén tỉa vuông vức. Lối đi rải sỏi trải dài đến tận quán ăn. Mặt bàn đóng bằng ván gỗ, trên mỗi bàn có bình sứ đựng rau thơm. Kenwood House. Lâu rồi tôi mới trở lại đây.

Con vào mua trà và bánh, không cho bố trả tiền. Bố phải tự ngăn mình đòi trả, bởi bố chẳng biết mình có đủ tiền không, và cái cảnh đếm từng xu lẻ thật quá sức chịu đựng. Con bảo bố tìm một bàn trống, bố đáp "được chứ," con có vẻ nhẹ nhõm.

Tôi lần tới chỗ để bàn ghế, chọn bàn ở góc xa, chỗ tường gạch cao. Tôi ngồi quay lưng về góc tường để nhìn được khắp quán. Trên bàn có một cây hương thảo tí hon trong chậu đất. Tôi ngắt một lá, bóp lại cho mùi vương vào đầu ngón tay. Mùi thịt nướng dã ngoại, và mùi ngày hè. Tôi thấy cặp khách bàn bên cạnh ngó mình, rồi nhìn nhau. Xa hơn, một đứa bé nghển cổ về phía tôi – cặp mắt xanh dương, tóc vàng – xưa tôi cũng giống nó.

Bố đã đến đây với mẹ của con. Lần đầu tiên đó, cô mặc bộ đầm mùa hè điểm hoa văn trừu tượng: những sắc lam hè – xanh da trời, xanh ngọc, xanh cô-ban. Cổ đầm trễ hơi quá vai, nên bố thấy được những đốm tàn nhang nỏ xíu trên lưng cô. Cũng sợi dây chuyền cô luôn đeo – dây vàng, mặt kim cương giọt nước. Lúc cô trò chuyện, tay cô mân mê nó. Cô từng bảo bố sợi dây chuyền là của bà ngoại con để lại, cô không tháo ra bao giờ, kể cả lúc đi ngủ.

Tôi cố nhớ lại lần đó chúng tôi ngồi bàn nào, cái buổi chiều cùng bộ đầm

xanh lam ấy. Nhưng mỗi lần tôi nhìn kỹ một bàn nào, tôi lại biết là không phải nó. Đã nói những chuyện gì nhỉ? Lâu lắm rồi. Tôi ngắt một lá hương thảo nữa, đưa lên mũi. Một nửa trong tôi ao ước rằng cô ấy đang đứng trong kia, gọi trà Earl Grey và bánh cà-rốt, bởi như vậy thì tôi có thể hành xử khác đi, tôi có thể tìm được lời hay ý đẹp, để được là bố của con gái tôi.

Con bước lại dãy bàn, ngẩng cao đầu lướt tìm, tay cầm chắc cái khay như sợ nó nhảy mất. Bố ngăn mình đứng lên, ngăn mình tỏ ra vồ vập hay nhẹ nhõm quá. Bố chỉ giơ tay lên để con lại bàn.

"Tôi gọi điểm tâm kiểu Anh, mong là ông dùng được. Còn có chuối và bánh hồ đào," con nói.

Thứ lỗi cho bố.

"Lần nào cả nhà tới đây, bố tôi cũng uống trà Earl Grey," con nói tiếp. "Tôi chưa bao giờ thích thứ đó." Chắc người ấy cũng từng đến đây với ông ta. Thôi đừng nghĩ tới làm gì.

"Tôi có lấy ít đường, vì không biết ông muốn dùng bao nhiêu." Con đẩy một mớ gói đường sang cho bố. Một gói lọt khe mặt bàn rớt xuống. Con cúi người nhặt nó lên. Sau đó, bố đưa bàn tay về phía con. Hai ta đều nhìn nó. Bàn tay của một người già. Bàn tay của một kẻ không nhà. Không phải loại bàn tay mà người ta muốn có trên người bố mình.

"Tôi khuấy trà nhé?" Con mở nắp bình đang nóng, lấy muỗng chọc chọc vào túi trà căng phồng. Hơi nóng toả ra quấn vào con. "Bố con tôi từng cãi nhau một trận," con nói.

Tôi rụt tay lại, để trên đùi, nghe như tay ai khác.

"Cũng không to tát gì, kiểu như... Tôi không biết nữa. Từ đó bố con không hoà thuận được nữa." Con rót trà. Bố tưởng tượng ra cảnh triền đồi xanh mướt ở Ấn Độ, nơi một phụ nữ khom lưng hái lá trà.

"Tôi nói linh tinh rồi." Con lắc đầu. "Ông dùng bánh đi." Con lấy một đĩa bánh trong khay đẩy sang bố. Bố xé một gói đường rồi trút vào cốc trà của mình. Con đang quan sát bố. Bố bỏ gói nữa, rồi thêm vào thật nhiều sữa tới

gần tràn cốc.

"Ông ấy chết rồi. Nhưng điều này thì ông biết rồi," con nói.

Tôi khuấy trà chậm rãi theo hình tròn, trà liếm lên thành cốc rồi chảy xuống đĩa lót.

"Vậy ông quen với bố, hay mẹ tôi?" Con hỏi.

Tôi nâng cốc chạm môi. Đã thêm nhiều sữa vậy mà còn nóng quá, chưa uống được.

"Có một phụ nữ dự tang biết mẹ tôi. Tôi không nhớ được tên bà." Con nhíu mày. "Nhưng tôi chắc bà có nói..."

"Mẹ của cháu." Bố buột miệng không kịp nghĩ. "Tôi quen mẹ cháu." Marina. Cô ấy có kể với con không? Con đang nhìn bố. Con có biết hay chưa? Con đang chờ bố nói tiếp.

"Quen hồi lâu lắm rồi," tôi nói. "Trước khi bà gặp bố tôi?"

Tôi bẻ một miếng bánh. Tôi nghe tiếng mình nhai. Vụn bánh kẹt vào kẽ răng, thế là tôi đảo lưỡi moi ra.

"Tôi chẳng nhớ gì mấy về bà, lúc bà chết tôi mới bốn tuổi," con nói.

Chết vì tông xe. Bố tưởng tượng nhiều lần lắm rồi. Con nhìn xa xăm, đĩa bánh vẫn còn nguyên.

"Tôi rất tiếc, chuyện buồn quá," tôi nói. Tôi đang cố sức giữ giọng điềm tĩnh.

"Ông có dự tang bà không?"

Tôi nuốt khan, rồi lắc đầu. "Lúc đó tôi... tôi đang ở nước ngoài." Lại nối dối à Daniel, không thấy nói dối hại đời thế nào ư.

"Tôi có nghe về vụ tông xe," bố thốt, không phải để làm con buồn mà cốt để biết thêm chút ít.

"Lẽ ra bà đi đón tôi," con nói. "Tôi hãy còn quá nhỏ nên không hiểu chuyện, nhưng tôi biết bà đi ngược hướng. Người phụ nữ dự tang mới rồi – tôi không nhớ được tên bà – tin là mẹ tôi chợt nổi hứng rồi chạy đi đường

khác." Tôi cẩn thận nâng cốc trà, hớp một ngụm nhỏ.

"Tôi vẫn luôn nghĩ một điều. Nếu bà không đi rước tôi thì đâu phải lái xe. Chắc người ta cũng nghĩ vậy, đúng không?"

"Không đâu, cháu đừng nghĩ như vậy," tôi lắc đầu.

"Và rồi có vài lần tôi tưởng bà bỏ nhà ra đi," con nói. "Có lẽ trong cốp xe có một túi đựng vài bộ đồ thay đổi với bàn chải đánh răng." Con cười nhẹ. "Có lẽ đúng vậy thật."

Có lẽ con đúng. Có lẽ cô ấy không chịu nổi nữa. Tôi còn nhớ một lần thả bộ cùng cô qua khu Bloomsbury. Một đám bồ câu vỗ cánh bay lên xung quanh, cô đứng lại ngắm chúng. Nếu tôi được chọn kiếp sống này, tôi muốn làm chim. Tôi bảo rằng cô sẽ làm chim bói cá, cô đáp được làm chim sẻ thì thích.

Tôi cố dẹp ý nghĩ có lẽ cô đã đổi ý và trở đầu xe đi tìm tôi. "Xin lỗi, không hiểu sao tôi lại kể ông nghe những chuyện này. Hãy kể về ông đi." Con nghiêng người gần lại bố, chăm chú.

Tôi sờ gò má. Lẽ ra tôi phải kiếm một lưỡi dao mà cạo râu mới phải. Ổn mà, tôi tự nhủ. Chuyện đang ổn cả. "Dài dòng lắm," tôi nói.

Con mỉm cười, và suýt nữa bố nói ra rằng bố là bố của con. Năm chữ đủ sức gây chấn động trần gian. Tôi hình dung người đàn ông tôi từng quen, bước đi trên sợi dây thừng căng giữa hai cái cây, nét mặt anh tập trung vào nỗi hiểm nguy cận kề.

"Cháu thật có phước," bố nói. Con nhăn mặt, và bố lại nói hớ. "Có một người cha tốt như vậy thật là tốt số." Bố nói gì thế này? Sao lại nói vậy? "Tôi đã chẳng biết gì mấy về ông già mình."

"Ông ấy mất rồi?"

"Không, à phải, nhưng là sau này. Có điều ông không được như tôi vẫn nghĩ." Tôi đang trượt vào thế nguy hiểm. "Chuyện rắc rối lắm, kể ra cháu sẽ chán," tôi nói.

“Không chán đâu ạ.”

Chúng tôi ngồi trong im lặng. Con ăn bánh. Cặp khách bàn bên đã đi, thay vào đó là một phụ nữ tóc đen dài thắt bím. Không có gì ngăn cản con ngẩng lên, tay lấy túi đồ để ở ghế bên cạnh và nói “Tôi phải đi thật rồi,” bởi con đâu có gì khác để làm với ông già này nữa? Tôi thấy mặt đất chao nghiêng, phải níu lấy cạnh bàn bằng cả hai tay để khỏi... “Bố bảo mẹ khó tính.” Con dùng nĩa đẩy vụn bánh trong đĩa.

“Cô ấy đẹp lắm,” tôi nói, rồi nuốt khan. “Với lại ngẫu hứng, hăng hái, thích những điều bất ngờ.”

“Ông quen mẹ tôi thế nào?”

“Tôi với cô ấy gặp...” Tôi không sắp xếp nổi ý tứ. “Hai chúng tôi đều thích những phòng triển lãm hội hoạ. “Tôi gặp cô trong một phòng triển lãm.”

Con gật đầu chầm chậm, như không chắc chắn.

“Cô ấy là kiểu người tính một đằng làm một nẻo.” Bố cười với con. “Và có lẽ cô hơi mau chán.” Con khẽ nghiêng đầu.

“Tôi không có ý chê...” Gò má tôi nóng lên.

“Không sao ạ.”

“Tôi chỉ có ý nói hẳn cô cũng khổ tâm,” tôi nói. “Cô ấy thích được tự do thoải mái, mà phụ nữ có con thì cũng không còn tự do mấy. Không phải là cô ấy không thương yêu các con, trong đó có cháu.”

Con sờ quai hàm. Bố muốn với qua nắm tay con.

“Ông có bao giờ thấy bà mặc bộ đầm màu lam ngọc, dài tay không?” Con hỏi.

Tôi lắc đầu.

Con cầm một gói đường gập qua gập lại ở giữa. Những hạt đường rơi ra qua chỗ xé, tung toé lên bàn. “Các ông bố bà mẹ làm ta chẳng biết đâu mà lần,” con nói, bố bật cười, con cũng cười, bố nghe như có thêm không khí để thở. “Ông biết không, tôi hẹn hò với một anh chàng được ba năm mà chưa

lần nào gặp bố mẹ, anh em hay bất cứ ai quen hắn; họ còn không biết có tôi trên đời. Tôi giận lâu lắm, nhưng tôi nghĩ mình suy nghĩ không phải lẽ về chuyện đó." Con cứ xếp đi xếp lại gói đường. "Hắn bảo như vậy thì hai đứa tự do hơn, nhưng đó là thế mắc kẹt. Tôi ngồi trong căn hộ ấy, điện thoại reo mà tôi không được nhấc máy, sợ rằng đó là người thân của hắn, điều đó làm tôi cứ muốn hét lên."

Bố không biết nói gì. Bố thấy một dải mây màu tro ứ đầy nước mưa ngay sau lưng con. Bên trái con, người phụ nữ tóc bím liếc nhìn hai ta. Bên phải con, một cặp thanh niên uống chung một ly cô-ca. Họ cũng để ý thấy một người vô gia cư ngồi cạnh cô gái đẹp. Họ chụm đầu lại thì thầm bàn tán.

"Chắc là khổ tâm lắm," mãi tôi mới nói.

Nhưng bố hiểu lầm con. Con lắc đầu. "Xin lỗi chú, tôi chỉ đang làm rõ vài thứ," con nói. Bố hình dung được trong thoáng giây con trông ra sao khi còn nhỏ: linh lợi, hay hỏi, nhút nhát nhưng tò mò. Nhanh trí. Đúng là từ bố muốn nói: nhanh trí. "Tôi không chắc ta cho gã thợ kia leo cây là đúng hay sai nữa," con nói, rồi lại cười. "Tôi nên về nhà gọi cho hắn. Gặp được ông... thật vui." Con cười, như thể đó là lời nói đùa, rồi đứng lên, chìa tay ra.

Nếu bố chạm vào con, bố sẽ phải để con đi, mà bố không chắc mình có thể để con đi. Bố ngó trân bàn tay con, chợt thấy sao nó mong manh quá. Nếu bố đợi lâu nữa, sẽ chẳng còn gì để buông ra.

"Tôi cần giải thích đôi điều," bố nói.

Con do dự, rồi ngồi lại, túi xách để trên đùi, nhìn bố trông đợi. "Tôi muốn biết về..." Con nói sau một lúc im lặng. Con nghiêng đầu về phía khu Heath.

Bố mím môi trù trừ. Ngoài sân, một con chó kéo căng dây xích, sủa lên vô cớ.

"À, điều tôi muốn nói là..." Bố nhìn con. Con đang cắn ngón tay. Sao lại làm vậy? Đời con đã đủ đau thương rồi, bố biết mà. "Tôi có một anh bạn tên Anton," bố nói. Con lắng nghe, nhưng ánh mắt con cũng có vẻ tinh quái như khi mẹ con nghi ngờ, buồn chán, hoặc giận hờn. "Anh này quê ở Ba

Lan. Tôi giúp anh ấy viết thư cho đứa con gái." Nói bấy nhiêu, má đã nóng bừng. Con không nói. Bố thoáng thấy trán con nhăn lại. "Anh ấy nghĩ vợ ở nhà có người khác, cháu hiểu không?" Bố đang làm hư chuyện, nói năng gì đâu không. "Cô kia không cho anh nói chuyện với con gái, rồi giờ không thèm nhấc điện thoại luôn."

"Sao chú ấy không về nhà tìm họ?" Con hỏi.

"Chuyện rắc rối lắm."

Con nhìn đồng hồ - con phải về, con phải gọi cho người thợ nọ. Câu chữ hiện lên trong đầu bố, bố nghe thấy chúng.

"Tôi không hiểu sao ông để lại những thứ ấy trên tường nhà," con nói. "Nhà bố tôi."

Bố muốn nắm lấy tay con. Bố muốn trấn an con, nói với con rằng mọi thứ đều ổn.

"Ông thường làm vậy à?" Con cười căng thẳng. "Ông có biết mẹ tôi thật không, hay đây chỉ là một trò đùa kỳ cục? Ông chọn bừa ai đó rồi bịa chuyện? Những người khác cũng mắc lỡm à?"

Bố lắc đầu. "Không, không. Không có ai khác cả." Nói bậy rồi. Bố lại mất con rồi. Bố nhìn ánh sợ hãi loé trong mắt con, giờ đây con còn nghĩ thế nào được nữa, bố chỉ là một ông điên, bố chỉ là một kẻ nguy hiểm, điên khùng, cô đơn.

"Tôi xin lỗi, tôi phải đi rồi," con nói. Con đứng dậy. Bố ngồi yên mà nhìn con.

"Tên của cháu màu xanh lam, một màu xanh nhạt băng giá," tôi nói. Tôi không kìm lòng được.

"Tạm biệt, ông Daniel." Con cười gượng, trông giống nhăn nhó hơn. Con quay lưng, đôi dép lạo xạo trên sỏi. Bố chỉ thấy được gót chân con dưới gấu quần jean.

"Alice ơi."

Con quay lại. Bố yêu con. Bố yêu mẹ con. Bố là bố của con đây. Bố biết câu chuyện này thật rối rắm, nhưng quan trọng lắm con à. “Mong cháu gặp tay thợ xây suôn sẻ,” tôi nói.

Con mỉm cười, vén tóc ra sau tai. “Cảm ơn,” con nói, rồi quay người đi mất.

Bố vẫn biết mình là thằng ngốc. Bố nhìn con đi ra. Con không nhìn lại. Tay con túm chặt quai túi xách. Cổ con thẳng lên. Bố muốn gọi con lần nữa, nhưng hư bột hư đường hết rồi. Con biến mất sau bức tường xanh lục. Bố không còn cớ gì ở lại đây nữa. Nếu không nhờ bình trà với mấy cái đĩa còn vụn bánh, người ta đã đuổi bố đi rồi. Bố lấy bông hồng trong túi ra, ngắt từng cánh một, tới khi chỉ còn trơ đài và nhị hoa. Rồi bố với lấy cốc của con, nắm chặt giữa hai bàn tay.

• • •

“Mẹ muốn có cháu ẵm bồng, con à,” mẹ tôi bảo tôi. Lúc ấy là hai năm trước khi bà chết. Trước đó bà cũng có nói, nhưng tôi chỉ nhớ lần đó. Hai mẹ con ngồi trong phòng khách, một căng phòng ngột ngạt những ghế bọc nệm nhung, đồ đạc phủ khăn ren. Chiếm trọn tâm trí tôi là hôm gặp nhau ở quán ăn, và hai chữ “có thai” lơ lửng giữa hai chúng tôi.

“Con xin lỗi vì để mẹ thất vọng,” tôi đáp.

“Ôi chào, thất vọng gì. Ý mẹ là có con thì tốt, rồi hai đứa sẽ ổn định với nhau.”

Tôi chú mục nhìn giấy dán tường có hoa văn những chiếc lá quần quại vươn lên từ tấm thảm dày màu xanh lục.

“Mẹ luôn mong con quen được ai đó. Bố con cũng vậy. Bố mẹ thích cả gia đình tụ lại ăn uống mỗi chủ nhật, mỗi Giáng Sinh,” mẹ nói. Lúc này, mắt bà đã gần loà hẳn. Tròng trắng vàng đi, mà lúc nào lệ cũng chực trào ra từ khoé

mắt.

Tôi thấy như mình bị đóng băng, sợ rằng mình sẽ không bao giờ đứng dậy được nữa, rằng tôi sẽ sống mòn mỏi như bà tới cuối đời trong một căn phòng nhạt nhoà, xấu xí, ngồi sau cửa sổ ngắm đời buồn trôi. Tôi nhớ lại hồi nhiều năm trước, nàng ngồi đối diện với tôi, trong bụng là con – một mầm sống nhỏ bé khiến mọi thứ vừa chớm nở đã lụi tàn.

“Con phải đi đây,” tôi nói.

“Con ngồi còn chưa ấm chỗ mà,” mẹ đáp.

“Con thấy không khoẻ.”

“Mẹ làm con buồn rồi.”

“Không, con đâu có buồn gì.”

“Con biết là mẹ thương con chứ, Daniel. Bố con cũng thương con nữa.”

Tôi bước ra ngoài, hoà vào buổi chiều ảm đạm. Đôi chân rầu rĩ đưa tôi tới quán rượu gần nhất – một chỗ sạch sẽ hiếm hoi có màn hình tivi cỡ lớn đặt trong góc. Tôi uống thứ whisky rẻ tiền không pha đá cho tới lúc họ xua tôi đi.

• • •

Tôi ngồi lại thật lâu. Một nữ phục vụ tiến tới, thấy cái cốc trong tay tôi bèn lướt đi.

Mưa bắt đầu nặng hạt. Khách khứa giật mình như bị ngạc nhiên, dù họ có thể nghe mùi mưa tới nếu để ý. Tôi nhìn họ tản ra, cứu lấy những phần bánh ăn dở, những phần nước uống dở, vội vàng, cười rộn. Tôi ngồi yên, nắm cốc trà của con khi nãy. Tôi nhìn mưa rơi vào cốc trà của mình. Tôi nhìn mưa thấm vào vụn bánh. Tôi ngồi thật lâu, níu kéo, bởi tôi biết rằng khi tôi buông bỏ, sẽ chẳng bao giờ tôi trở lại đây nữa, chẳng bao giờ nữa.

23.

Mười điều ta không nên làm

Rình rập bạn trai cũ trên Facebook.

Đáp lời mời của kẻ lạ.

Nhân hoá những ngôi nhà.

Ăn sô-cô-la ngay trước khi đi ngủ.

Nghĩ ngợi nhiều quá.

Ở quá lâu một chỗ.

Ngụp đầu xuống nước bồn tắm và nghĩ về chuyện không trồi lên.

Lo lắng thái quá về màu sơn.

Quyến luyến cỏ cây.

Đánh cắp một bức hình của mẹ.

Gã Shaun tỏ ra biết điều ngoài mong đợi, lại sẵn lòng tới lần nữa. Tôi kể là mình có chuyện gấp, điện thoại thì bỏ ở nhà. Hắn bảo mai hắn tới. Tôi ngồi trên sàn bếp, uống nửa chai vang đỏ. Tôi nghĩ ngợi về ông già Daniel, không biết ông có chỗ nào khô ráo để trú không; ông biết mẹ thật không, tại sao cuộc đời ông thành ra như vậy. Tôi cố tưởng tượng cảnh mình kể cho chị Tilly với chị Cee về ông, nhưng chịu. Tôi nghĩ về toà nhà Kenwood House và tất cả những người tới uống trà lúc giữa ngày. Lẽ ra tôi nên mua hai chai bia lạnh sủi bọt. Lẽ ra tôi phải hỏi han ông nhiều hơn.

Những dịp trường nghỉ, nhà tôi thường hay tới quán ấy. Lúc ra ngoài, bố tôi luôn mặc áo khoác, ông có rất nhiều áo – giờ chúng đang mắc trên giá trong cửa hàng từ thiện Oxfarm nào đó ở đầu bên kia thành phố. Những buổi chiều chủ nhật trong kỳ nghỉ, nhà tôi đi bộ qua khu Heath tới quán, chị em tôi chọn bánh thật là lâu. Bố hay mặc áo khoác nhung kẻ màu be, loại áo mà nếu ta vuốt ngược lên thì mềm, ấm như da thú, còn vuốt không đúng chiều thì mặt áo biến thành những hình thù vằn vện. Tôi đứng ở bàn để bánh, nhón chân lên xem người ta có những gì, tay vịn vào tấm kính thấp, đầy những dấu tay dinh dính. Tôi xin bố cho uống trà – tôi chẳng thích vị trà, nhưng uống trà khiến tôi giống người lớn hơn. Ông ăn bánh Florentine, uống trà Earl Grey. Thỉnh thoảng tôi nhìn ông, hễ thấy ánh mắt ông xa xăm là tôi biết ông đang nghĩ về mẹ.

Chị Tilly gọi lúc tôi đang trên giường. “Alice ơi, chị nói chuyện với Cee rồi.”

Tôi lăn qua nằm úp bụng xuống. Tôi vẫn chưa ăn tối, nên bải hoải.

“Bọn chị lo cho em quá chừng.”

Tôi đưa tay kia dụi mắt. “Có gì đâu mà lo chị.”

“Cee bảo mình qua nhà nó.”

Chị Cee sống trong một căn hộ biệt lập kinh khủng ở khu Berkhamsted.

“Ngày mai đó,” chị Tilly nói.

“Không được rồi, mai thợ sửa bếp tới.”

“Em chưa đưa chìa khoá cho họ à?”

“Chưa.”

“Vậy thì chờ đến tối hẵng qua.”

“Phải qua à?”

“Phải qua chứ. Cái bếp sao rồi? Họ bắt đầu suôn sẻ chứ?”

“Cũng được.” Tôi ngó trân cái áo gối màu lam sẫm.

“Em ổn chứ, Alice? Ăn gì chưa?”

“Em ổn.”

“Qua gặp nói chuyện chút thôi, có sao đâu.”

Tôi lần ngón tay lên xuống trên gối. “Chị biết không, bữa kia em chợt nhận ra em sẽ không bao giờ bỏ hai chị, kể cả chị Cee. Không chắc là em đã nghĩ gì nữa.”

“Alice à, em lo lắng chuyện cái nhà phải không?”

“Em sắp đi rồi, chị Tilly, sớm thôi.”

“Đi đâu?”

Tôi trở lại nằm ngửa. “Đâu đó xa xa. Em đang tính đi Ấn Độ. Tới Delhi trước, rồi có lẽ đi Varanasi, hay Bangalore.” Tôi uốn lưỡi nhả những địa danh đó ra. Chỉ nói ra thôi đã khiến lồng ngực tôi căng tràn oxy.

“Em trốn chạy hoài vậy sao được, Alice.”

Tôi nằm lắng nghe sự câm lặng truyền qua đường dây.

“Chị xin lỗi,” rốt cuộc chị cũng nói.

“Em không thấy như vậy là trốn chạy gì hết. Vậy mới là sống.”

Một lúc lâu, chị không nói gì. Tiếng còi tầm vẳng lên bên ngoài, tắt lặng, rồi đi ngày càng xa.

“Có lẽ em là dân du mục,” rồi chị cũng nói. “Giống những người ở Trung Quốc mà em kể.”

“Ở Mông Cổ chứ.”

“Những người sống trong lều ấy.”

“Phải rồi.”

“Chị hình dung được cảnh em sống trong lều.”

Tôi mỉm cười. “Săn sóc chồn, luộc thịt cừu, lấy sữa ủ rượu à?”

“Giao tiếp với thiên nhiên. Thức dậy giữa đêm, bò ra ngắm sao trời.”

Mặt đất dưới chân tôi. Bầu trời nở ra mênh mông. Xung quanh cô tịch, không bóng người.

“Có điều em đi rồi, chị lại nhớ em,” chị Tilly nói.

Tôi ngó lên trần nhà. Cái chụp đèn trông đơn côi, lạc lõng giữa mặt vữa trắng.

“Cee cũng nhớ em.”

Tôi khịt mũi. “Chị Cee mong em đi càng xa càng tốt thì có.”

“Em đừng nên nghĩ vậy, Alice à. Nó thương em mà em không thấy đó thôi.”

• • •

Đúng y tám giờ rưỡi, Shaun với thợ phụ tới nhà. Tôi nhòm qua cửa sổ phòng khách để kiểm tra rồi mới mở cửa.

.”Đây là Geoff,” hắn nói. “Chữ đầu là G, không phải J.”

Geoff chừng hai lăm, cao, mảnh khảnh, da tái, tóc đen mun, râu quai nón xồm xoàm, mắt láo liên. Lúc bắt tay, tôi nghe tay hắn ươn ướt mồ hôi. Tôi ngó lại tường ngoài trước khi đóng cửa, nhưng không có gì.

“Ta vào việc ngay thôi nhỉ?” Shaun đề nghị. Hắn có một cái răng cối bọc vàng.

Tôi chỉ đường cho họ vào bếp. Họ đứng ở cửa, ngó nghiêng để tính toán. Tôi pha trà, bày bánh quy lên bàn cho họ, và chỉ lối vào phòng tắm. Tôi đưa cho Shaun một bộ chìa khoá, bảo hắn cái cửa trước bị kẹt.

"Tôi ở trên lầu, cần gì thì cứ kêu," tôi nói rồi lẩn đi.

Từ trên gác mái mà nghe rõ mồn một. Tôi ngồi trong ghế đu, áp chặt tai lại mà vẫn nghe tiếng họ phá tan căn bếp.

Gần trưa, tôi lần xuống lầu. Không còn nhận ra cái bếp nữa. Họ tháo tủ ra, chất lên bàn. Trên tường đầy vết sẹo – những lỗ khoan sâu hoắm xuyên qua lớp vữa. Lớp sơn cũ màu xanh đậu mờ mờ ẩn hiện dưới lớp sơn trắng bong tróc. Cái bếp ga nằm chơ vơ giữa phòng.

Tôi mỉm cười với Shaun và Geoff. Trán và nhân trung Geoff lấm tấm mồ hôi. Người họ dính đầy bụi bặm, tóc vương mảnh gỗ và sơn tường. Tôi gắng đi qua đống lộn xộn trong bếp để ra vườn.

Những mầm cây có vẻ cô đơn. Chúng đã lớn, nhưng lá không mướt bằng lúc còn an toàn trong khay ươm. Tôi quỳ xuống đất, chạm nhẹ vào từng cây một. Chúng bắt đầu khác nhau – vài cây có thân dài mà thẳng, vài cây mọc lá to, có răng cưa. Khéo chứ, tôi thì thầm, rồi quay lại nhìn đằng sau, phòng hờ Shaun hoặc Geoff bước ra trông thấy. Cái hoa bằng giấy báo ngã ra một bên, ngấm đẫm hơi nước từ đất bốc lên. Tôi bốc nó lên, bỏ vào thùng rác.

Khi chị Cee gọi, tôi toan không nhấc máy.

"Sáu rưỡi mình ăn tối đó nhé," chị nói.

"Em khoẻ, cảm ơn chị hỏi thăm."

"Chị chỉ muốn chắc là em tới."

"Chị Tilly đã lệnh cho em chấp hành nghiêm chỉnh."

"Được. Vậy anh Steve sắp xếp đón em ở ga. Em tính đi chuyến xe lửa nào?"

"Chị có nhớ em không?" Tôi hỏi.

"Em nói cái gì vậy hở?"

“Khi em đi xa đó. Em tự hỏi lòng, biết chị có bao giờ nghĩ về em không.”

“À thì tất nhiên là có. Em có sao không vậy, Alice?”

“Người ta đang phá tan cái bếp kìa.”

“Họ làm tốt cả chứ?”

“Sao mà biết được. Cả cái bếp tan hoang như bị bom. Mà chắc ít lâu nữa sẽ gọn thôi.”

“Alice ơi, chị phải đưa mấy nhóc đi tập đá bóng. Em nhắn anh Steve biết giờ xe lửa tới nhé?”

“Bảo Max ghi cho em một bàn.”

“Em biết là không được thiên vị mà Alice. Được thể, bọn trẻ đâm ra vòi vĩnh cho xem.”

• • •

Chuyến xe tới Berkhamsted đầy những người đi mua sắm: mấy đứa thiếu niên đọ giày mới, phụ nữ cầm những túi nhựa to quai dây, chỗ ngồi chất đầy những chăn lông, lò nướng các kiểu, và máy in. Chị Tilly với tôi ngồi đối mặt nhau. Chị đang chú tâm vào gì đó. Đôi tay chị đan vào nhau, cặp mắt trông ra ngoài cửa sổ, lung linh phản chiếu cảnh vật trên đường đi.

Anh Steve tới ga đón hai chị em. Dù ưa băng sau hơn, tôi vẫn ngồi vào ghế trước, nhìn cái túi thơm mùi oải hương màu hồng nhỏ xíu lủng lẳng dưới kính hậu giữa.

• • •

Tôi cố cư xử thật khả ái. Tôi trầm trồ khen cái nhà kính mới: những

chiếc ghế dài bằng liễu gai, đệm rời có hoa văn; chiếc bàn thấp cũng bằng liễu gai, mặt kính; bọn xương rồng trông như tượng dương vật cắm gai đứng trong những chậu đất màu nâu trên bậu cửa sổ dài và thấp. Tôi thông cảm với Martin vì thằng bé không được trường cho vào đội tuyển toán; nghe Matthew kể về bàn thắng quyết định trận đấu cuối tuần trước; tấm tắc khen bức tranh vẽ tên lửa không gian của Max dán trên tủ lạnh. Tôi ngồi uống trà cạnh chị Tilly ở bàn điểm tâm, nhìn chị Cee xắt mỏng ức gà. Tôi gắng không bực bội bởi sự thật là, trong bếp của chị Cee, ấm trà hợp với bộ tách, bộ ấm-tách hợp với chén-đựng-đường, tất thảy bộ ấm-tách-chén-đựng-đường hợp với bình-cà-phê, tất thảy ấm-bình-tách-chén hợp với khay bưng, toàn bộ những thứ ấy được nhét vào khoảng trống vừa vặn một cái khay giữa tủ lạnh và kệ rượu vang.

"Hai chị có biết một ông tên Daniel không?" Tôi hỏi. Cả hai nhìn tôi cảnh giác.

"Người đó quen mẹ. Em nhớ ông đó có tới dự tang." Mặt tôi ửng đỏ, tôi nghe nóng ran trên má và cổ. "Một ông già, nhìn giông giống người lang thang."

Chị Cee rót sốt cà chua lên những lát thịt gà béo mọng hồng hồng trên khay thuỷ tinh. "Một ông già lang thang à?" Chị hỏi.

"Hay gì đó mà người ta gọi. Vô gia cư chẳng hạn."

"Tại sao mẹ lại quen một người vô gia cư?" Chị Cee cà phẳng lớp sốt trên thịt gà.

"Thôi bỏ đi," tôi nói. "Em tình cờ gặp ông này trên phố. Rồi em nhận ra ông có tới dự tang. Em nghĩ là ông cũng có ghé nhà mình. Với lại cô gì, à cô Marina..." Vậy là tôi nhớ đúng, cô ấy hỏi tôi có gặp ai tên Daniel không.

Tôi thấy chị Cee với chị Tilly liếc nhau. "Sao?" Tôi hỏi.

Chị Cee quay đi, mở tủ lạnh, lấy pho-mát ra.

"Chuyện gì vậy?" Tôi quay sang chị Tilly.

"Đâu có gì."

Tôi nhướn mày.

“Đâu có gì đâu.” Chị xoay xoay cái đĩa lót.

“Em có nói chuyện với ông đó không?” Chị Cee hỏi. Chị xắt pho-mát và tôi nhìn từng miếng rơi xuống đĩa.

“Chút chút.”

“Ông ấy nói gì?”

Tôi tựa chỏ lên bàn, chống cằm. “Đâu có nói gì nhiều. Hai người uống trà chung. Ông ấy có gì đó quen quen. Em không biết hồi nhỏ có gặp qua chưa, hay ông ấy là bạn thất lạc của nhà mình.”

“Em trà nước với một ông ăn xin à?”

“Cee à.” Giọng chị Tilly gắt gỏng khác thường.

“Alice, bọn chị thấp thỏm, lo cho em mãi.”

“Bộ em còn con nít hay sao. Em tự lo được.” Tôi độp lại.

“Bọn chị biết chứ.”

Tôi nâng cốc trà. Tôi muốn ném quách nó vào tường, nhưng lại làm một ngụm, rồi đặt trở xuống đĩa lót cái cạch. “Chị Cee, em xài máy tính của chị chút được không?”

“Được, trong phòng làm việc đó.” Giọng chị có vẻ nhẹ nhõm.

Phòng làm việc nằm ở nhà trước, hình chữ nhật. Một kệ sách chất đầy tạp chí Reader’s Digest với chồng báo Autocar cũ của anh Steve. Tôi để cửa bếp mở. Sau một lúc rù rì với nhau, hai bà chị đóng cửa mất. Thây kệ họ.

Tôi xem thông tin chuyến bay. Bay Delhi tốn bốn trăm xèng, đi Goa mất năm trăm. Đi Lapaz thì tám trăm. Tôi gắng hình dung mình đeo ba-lô mới, xếp hàng ở quầy soát vé, dùng quấy quá đồ ăn chế biến sẵn trong khay nhựa, cảm nhận cú tăng adrenalin khi máy bay hạ cánh. Tôi vẫn chưa đòi tiền bảo hiểm du lịch vì sự cố chuyến đi gián đoạn – tôi về nhà sớm để gặp bố. Đòi như vậy thì cũng nhẫn tâm. Nhưng tôi hãy còn tiền để dành, cộng với số tiền bố cho, rồi tiền chia từ vụ bán nhà sắp tới.

Tôi tìm chuyến bay tới Marrakesh, Bankok, Tokyo, Nairobi, rồi bỏ cuộc, ngả người ra ghế. Cái ghế bọc vải giả da màu đen, có bánh lăn, tay vịn thì dễ gãy. Tôi ngó trân bằng khen của bọn nhóc trên tường, sau cái bàn. Bố mình chết rồi, tôi tự nhủ. Ông cũng xấu xa như hai kẻ trong bếp, tôi tự nhủ. Có lẽ rồi tôi cũng bỏ họ mà đi. Tôi nghĩ tới ông Daniel, thắc mắc ông có phải vô gia cư thật không, ông có giống những người phải chịu cảnh màn trời chiếu đất hay không. Tôi nghĩ lẽ ra mình nên cho ông ít tiền, đăng ký cho ông một đêm khách sạn. Tôi chọn ra ba chuyến bay tới Delhi rồi gửi email mấy đường link cho chính mình.

• • •

Sau bữa tối, bọn trẻ bị xua đi ngủ hết, anh Steve đã rút ra nhà để xe, ba chị em tôi ngồi trong nhà kính, trên mấy cái ghế dài mới cứ cót két khi mình nhúc nhích. Chị Cee khui chai vang thứ hai. Má chị ửng đỏ vì rượu. Chị Tilly uống nước cam vắt. Tôi không nhắc tới ông Daniel, họ cũng không.

Chị Tilly đang nóng lòng thổ lộ gì đó – tôi để ý thấy cả tối nay, chị ngắc nga ngắc ngứ.

"Chuyện gì vậy chị?" Tôi hỏi chị.

"Chị nghĩ nghĩ, sao mà em giống mẹ quá chừng, vậy thôi à."

Tôi thấy chị Cee liếc xéo. Tôi nuốt khan. "Có phải tại vậy mà bố..."

"Mà bố làm sao?"

"Không có gì." Tôi rót đầy ly. Sao ông không muốn nhìn tôi sau khi bà chết? Tôi hãy còn nhỏ, nhưng tôi nhớ chuyện này.

"Em đừng nghĩ bố không thương em, Alice à," chị Tilly nói. "Sao em lại nghĩ vậy?"

Chị Tilly nhún vai, cắn cắn môi. "Thật ra chị có chuyện khác cần nói."

Mấy chị em chưa từng thuận hoà với nhau. Tôi nhớ lần thăm một đứa bạn cùng trường lúc nghỉ lễ - ba đứa nhóc với cả bố lẫn mẹ chơi đùa với nhau thật thoải mái. Tôi nhìn đôi tay chị Tilly xoắn xít trong lòng.

"Chị có thai," chị nói.

Chị Cee suýt phun rượu vang ra sàn. Cả ba không nói gì. Chị Tilly mở to mắt, hết nhìn tôi đến nhìn chị Cee, rồi lại nhìn tôi.

"Chà, ít nhất thì vụ này không tới tai bố," mãi chị Cee mới nói.

Tôi nhìn lệ dâng lên trong mắt chị Tilly.

"Thôi đi," tôi rít lên.

Chị khoanh tay lại. "Giờ thì gã Toby tính thế nào? Có bỏ vợ lo cho chị không?" Cái cách chị nói hệt như muốn gào lên rằng chuyện đó sẽ chẳng bao giờ xảy ra. Chị có lý, nhưng, ôi trời ơi.

"Chuyện này đáng mừng mà chị Tilly." Hai chị em ngồi sát nhau. Tôi chúi người nắm tay chị. Bàn tay ấy nóng hổi, râm rấp mồ hôi. Chị nhìn tôi cảm kích, và tôi nhoẻn cười đáp lại cái nhìn của chị. Chị gật đầu, một giọt nước mắt lăn xuống gò má.

"Chị gần bốn mươi rồi, chứ trẻ trung gì nữa, Tilly," chị Cee nói.

Chị Tilly mím môi, gật đầu lần nữa. "Chị thấy chuyện mình rồi sẽ chẳng tới đâu," chị đáp.

Chị Cee cau mặt. "Vậy vụ này là cố tình? Hắn biết nghĩ không vậy?"

Chị Tilly đổi thế, cái ghế rên rỉ như con thú bị thương. "Anh ấy đâu có biết." Chị nói thật khẽ, suýt nữa tôi không nghe ra.

"Rồi chị sẽ nói anh ấy biết chứ?" Tôi hỏi.

Chị nhún vai.

"Hắn mà biết thì có mà chạy mất dép," chị Cee nói.

"Làm sao chị biết anh ấy sẽ làm gì," tôi đáp.

"Cee nó nói đúng," chị Tilly can. "Có con là chuyện ngoài ý muốn."

“Vậy rồi sao? Phá thai à?” Chị Cee lại hỏi.

Chị Tilly ngắc ngứ, siết chặt tay tôi. Tôi lắng nghe tiếng tivi loáng thoáng trên phòng khách, tiếng tíc kim loại của đồng hồ trong phòng khách.

“Chị muốn có con. Chị sẽ giữ nó,” chị Tilly bảo.

“Vậy là bỏ anh ấy sao?” Tôi hỏi.

Chị nhún vai. “Chị muốn chuyện này xảy ra mà.”

“Thế là em lại được làm dì,” tôi nói rồi mỉm cười. “Chị cũng lên chức đó, chị Cee.”

“Chà, hắn chịu trả tiền cấp dưỡng thì hãy giữ,” chị Cee nói.

Chị Tilly lắc đầu quầy quậy.

“Không đơn giản đâu, chị Tilly à.” Chị Cee tiếp.

“Chị biết chứ.”

Tôi nhìn chị Tilly. Chị mặc quần vải bông màu xanh dương, áo sơ-mi rộng. Tôi tưởng tượng đứa bé nhỏ bằng ngón tay, hay bằng nắm tay mình đang cuộn tròn trong người chị.

“Bao lâu rồi...?” Tôi hỏi.

“Được hai tháng rưỡi rồi em,” chị nói.

Chị Cee nốc một hơi cạn ly rượu. “Em không biết đâu đó,” chị nói.

“Chị thì cần biết cái gì, chị Cee. Chuyện của chị Tilly chứ nào phải của chị. Vai tụi mình thì cùng lắm chỉ nên gõ trống cổ vũ thôi, đúng hay không?” Tôi trừng mắt ngó chị Cee tới lúc chị nhún vai đáp, “có điều chị lo là...”

“Em thấy vụ này đáng uống mừng lắm,” tôi nói. Tôi rót đầy ly chị Cee, nâng ly của mình hướng về giữa phòng. “Vì đứa con của chị Tilly, cầu chúc cho nó được hạnh phúc, được yêu thương và luôn biết rằng cả thế giới này nằm dưới chân nó.”

24.

Mười khoảnh khắc tôi cảm thấy muốn chết

Ngày đầu tiên đi học, một bạn gái cuỗm mất cặp của tôi, đổ mọi thứ ra rồi cười vang.

Sau lần gặp nhau ở quán, người ấy nói lời từ chối.

Sau khi tôi biết về vụ tai nạn.

Trước khi tôi biết về vụ tai nạn.

Khi mẹ gọi báo tôi những gì ông ta đã làm.

Suốt mùa đông năm ấy ở Preston.

Khi mẹ tôi chết. Tôi để dao lên cổ tay, nhưng không cứa đủ mạnh.

Khi phòng triển lãm bị phá sản, tôi mất công việc ưa thích duy nhất của mình.

Lần ấy trên bãi biển – không phải vì trước đó tôi không vui, mà vì nó thật ý nghĩa.

Tôi chưa từng thật sự muốn chuyện đó xảy ra, vì em, nhưng có những lúc thấy như mình yêu thương nhau thì đỡ khổ hơn lúc này.

Đơn giản mà nói, bố thật là hèn, một kẻ hèn nhát chết tiệt. Bố trở lại đây vì chẳng biết nơi nào khác để tới. Con không hiểu điều bố cố tỏ bày. Cũng phải thôi. Bố đào chai whisky còn một nửa lên, mở nút rồi kề lên miệng mà uống. Cổ họng bố như bốc hoả. Bố già quá rồi, không thể ngồi bệt xuống được, và cũng vì dù lá cây che bớt mưa, mặt đất vẫn đẫm nước. Không sao. Bố ngó trân những sắc màu viết cho con. *Alice. Daughter. Love. Sorry. Father.*

Bãi biển Brighton. Bố và mẹ con đứng trên bờ, tay nắm tay, chân trần trên đá trắng. Đó là một buổi sớm mai, không khí đượm mùi muối và rong biển.

"Hay là mình bỏ sỏi vào túi rồi xuống," cô nói. Tôi nhìn cô ngơ ngác, rồi cô kể tôi nghe về nữ văn sĩ Virginia Woolf - bà mang bốt cao su, mặc áo khoác lông thú, trong túi nhét cục đá lớn, đi xuống sông ở Sussex tự trầm.

Tôi uống thêm nữa. Đã lâu rồi kể từ lần cuối tôi cho phép mình uống. Nhưng cái cảm giác đắm chìm từ từ này vẫn quen thuộc.

Tôi nhét đầy các túi – túi quần, túi sơ-mi, túi áo khoác – đá kéo chằng những đường chỉ, làm vải biến dạng. Cô nhìn tôi mà cười vang. Tôi nhảy múa quanh cô, làm mớ đá nặng lạo xạo trong túi, và rồi tôi nắm tay cô đi xuống biển. Lúc đầu cô tự nguyện, gần như nhảy chân sáo bên cạnh tôi. Có một khoảnh khắc tôi hoảng sợ, nhưng rồi vẫn đi tiếp, nước dán quần áo vào da, đá kéo tôi xuống đáy biển. Cô ngập ngừng, cố dừng lại, cố rút tay ra, nhưng tôi không cho.

Sau đó tôi bảo rằng mình chỉ đùa thôi. Tôi đâu muốn làm hại cô, tất nhiên tôi không muốn; cái ấy đầu tiên là ý của cô, sao cô lại phải huỷ hoại mọi thứ, chỉ là trò đùa thôi. Tôi vẫn nhớ giọng cô hốt hoảng cất trên mặt nước, nhớ cảm giác bình yên sâu thẳm mà tôi cảm thấy khi nắm tay cô bước vào lòng biển, không hề có ý định quay lại.

Tôi rứt một cái lá ngay trên đầu mình. Cả bụi cây rung lên, thả những

hạt mưa xuống góc trú này, tựa như những viên đạn bé xíu, lạnh toát. Tôi ấn ngón cái vào mép lá, cho tới khi móng tay xuyên qua, chạm vào ngón trỏ, rồi bỏ mẩu bán nguyệt tí hon đó xuống đất, rồi ngắt nữa, rồi ngắt nữa, cho tới khi chỉ còn trơ lại gân lá.

Khi ấy, tôi đã quen Julianne đủ lâu để biết được sự thể sẽ tiếp nối thế nào. Đầu tiên là những lời tức giận *khoác ánh đỏ*, rồi một tiếng hét *dày* như núi nửa phun trào, sau cùng là im lặng *màu xanh dương nhồn nhột*. Tôi đã phá hỏng chuyến đi cuối tuần. Chúng tôi định ở lại tới khi mặt trời lặn, nhưng cô khoanh tay trước ngực và thông báo cô muốn đi ngay.

Chúng tôi sánh bước trở về khách sạn, không nói không rằng. Trong phòng ngủ, cô cởi bộ quần áo ướt, ném vào tôi. Tôi ôm cô, dụi vào tóc cô, nói rằng tôi yêu cô. Cô liên hồi cào cấu, đấm vào ngực tôi, nhưng bất kể thế nào, đôi tay cô quơ quàng tìm cách tháo những cài buộc trên quần áo tôi. Sau đó, cô lăn khỏi, bỏ lại tôi giữa mênh mông biển cả trên chiếc giường, để tôi lắng nghe tiếng nước rơi trên làn da cô trong phòng tắm. Cô một mực đòi chúng tôi đi cho sớm, và nỗi lặng câm màu xanh băng ngự trị bên trong chiếc xe suốt chặng đường về.

Bố nghĩ hẳn con đã tượng hình ngay buổi sáng ấy. Trong căn phòng ấy, nơi nỗi cuồng nộ và ý nghĩ về cái chết lửng lơ. Lẽ ra không nên như vậy, bố xin lỗi.

Tôi sục whisky như nước súc miệng, dồn từ má này qua má kia rồi ngược lại. Tôi ấn ngón trỏ xuống đất ẩm, cảm thấy mặt đất lún xuống dưới ngón tay mình.

Khi whisky đã hết, tôi vặn nắp lại rồi đập cái chai xuống đất. Nó không vỡ. Tôi muốn đập vỡ cái gì đó.

Phá bỏ thì nhanh hơn tạo tác. Tôi bắt đầu chầm chậm, gần như miễn cưỡng. Tôi kéo những sắc màu tới khi nhánh cây chùng xuống, chỉ buộc căng ra. Tôi gồng mình đón nhận từng lần đứt đoạn, từng lần lá bật trở lên, từng đợt nước mưa sót; nhựa, dây, giấy, kim loại trong tay tôi – chẳng gì

khác ngoài những mẩu rác rưởi. Xám than. Hồng tía. Lam băng. Hoa mộc lan. Xanh lục. Bạc. Nâu sẫm. Cam. Vàng kim. Cố công suy nghĩ thật là ngốc nghếch – tôi chả bao giờ suy nghĩ gì sất. Tôi vứt lung tung xuống đất, cho tới khi chúng chỉ còn là một mớ lộn xộn vô nghĩa, lạo xạo dưới bàn chân tôi.

Bố có thể quay lại nhà con. Có thể con vẫn còn đó. Nhưng để làm chi? Gặp thì ích lợi gì cho con đâu?

Ôi kết cuộc sao mà chóng vánh. Tôi bước qua lại, nghiền nát mớ màu dưới đế giày, tìm quanh xem còn không, nhưng hết rồi. Những đoạn dây buộc còn sót trên cành trông như giá thòng lòng bị đứt, đầu tưa ra yếu ớt. Vẫn chưa đủ.

Khi tôi hiểu ra mình sắp làm gì, tôi sụp quỳ xuống. Một tiếng kêu – đột ngột và hoang dại – thoát ra từ đôi môi.

Tôi mang bức hình của cô ấy kể từ buổi chiều gặp gỡ trong quán ấy, khi cô chạm đầu ngón tay lên gò má tôi mà như một con dao sắc bén cứa vào, mãi sau này mới thấm đau. Tôi cẩn thận gìn giữ mảnh giấy này nguyên vẹn, nét mực vẫn viền quanh gương mặt cô. Tôi đưa tay lên túi áo khoác.

Đừng.

Tim tôi đập dồn trong lồng ngực. Thôi chẳng còn chi nữa. Kỷ vật này còn ích chi nữa. Tôi lấy bức hình ra khỏi túi, gỡ lớp nhựa bọc bên ngoài.

Đừng.

Cô đang ngẩng nhìn tôi, mỉm cười như thể cô tỏ tường điều gì mà tôi không biết. Thôi chẳng còn chi nữa. Kỷ vật này còn ích chi nữa.

Tờ giấy mềm oặt đi vì thời gian. Nó không phản kháng nổi khi tôi cầm mép trên, xé một đường cắt đôi gương mặt mẹ của con gái mình. Nếu nó phản kháng đôi chút, có lẽ tôi đã dừng lại được. Nhưng khi tôi đã cầm hai tờ giấy xé đôi trong tay, có gì đó bật lên trong lòng, khiến tôi xé mãi, xé mãi đến khi không còn nhận ra cô được nữa, đến khi tôi bị bủa vây bởi những mẩu bé xíu màu trắng như hoa giấy. Thế là tôi khóc những tràng thảm thiết, nức nở, nghẹn ngào như đứa trẻ – thứ âm thanh mà tôi không muốn

ai nghe thấy.

Nỗi niềm này quá sức chịu đựng trái tim tôi. Đâu chỉ vì bức hình, đâu chỉ vì những sắc màu kia, mà là tất cả. Tôi chới với tìm chai thuốc, nhưng nó không còn nữa.

25.

Mười điều tôi muốn quên

Màu da của bố trước khi ông chết.

Hồi mấy chị em còn nhỏ, chị Cee thường giấu đồ ăn bữa tối vào áo khoác, đi về phòng, rồi nửa đêm lẻn xuống lầu vứt đi. Tôi biết chuyện và kể với bố, nhưng sự thể vẫn như cũ.

Rằng tình tôi với anh Kal đã hết.

Có thời tôi ăn cắp đồ trang điểm, sô-cô-la thỏi và quần tất trong tiệm.

Tôi đã nhận tiền bố cho, trái với thói thường của mình, bởi nhận thì thật dễ.

Tôi lừa dối Kal. Chỉ một lần, không phải mọi lúc. Một cái hôn – tôi hôn một gã trong hộp đêm. Không phải biện bạch, nhưng hôm đó tôi bị căng thẳng, cộng với say vodka.

Tôi mồ côi.

Tôi từng ước chị Cee chết thay cho Mẹ – đáng nói là giờ tôi vẫn ước như vậy.

Tất cả những lần tôi hỗn hào với bố.

Rằng tôi không bao giờ được chuyện trò với ông nữa.

Chị Tilly, bụng mang bầu, đang nghỉ trong căn phòng dành cho khách nhà chị Cee. Tôi nằm trên ghế dài ở gác mái, đắp chăn lông nhân tạo dày, diềm lông chim, thêu hoa văn xanh dương. Những chiếc gối cũng cùng kiểu ấy; tôi nghe những cánh hoa thêu gồ lên áp vào má mình. Cửa sổ mái không có mành che, từ lúc mặt trời mọc tôi đã thức dậy, nghĩ ngợi về anh Kal.

Tôi đẩy chăn lông qua một bên, mặc áo thun quần jean vào, ngồi dậy, lưng tựa gối, chân xếp bằng, giỏ xách của tôi nằm trước mặt – cái giỏ màu đen hiệu Slazenger được moi ra từ gác mái nhà bố. Tôi lấy những món quà từ túi hông, bày ra thành một hàng.

Cách cắt nghĩa duy nhất là ông ấy bị điên. Có điều cách ấy không đúng mấy. Dẫu ông già nua, dơ bẩn, có lẽ vô gia cư – nhưng ông không điên hơn tôi. Tôi cầm cái hoa nhỏ màu hồng lên. Nó đã quăn lại thành một viên tròn mỏng manh.

Cánh cửa mở ra mà không có tiếng gõ. Tôi đưa tay che những món quà như để bảo vệ chúng, rồi nhìn lên định mắng chị Cee. Nhưng người vào là Max, nó xộc vào, phóc lên giường trước khi tôi kịp nói một lời.

"Dì Alice ơi, con ở lại đây với dì, khỏi đi nhà thờ được không?" Vì mới thức dậy, mái tóc vàng của nó vẫn còn rối bù, nó đã ngủ say chẳng biết gì. Nó mặc bộ pyjama có hình những chiếc máy bay. Ba cái nút trên không cài, làn da mịn tai tái của nó lộ ra. Tôi chợt thấy yêu thương trỗi dậy trong lòng. Tất nhiên chị Tilly muốn có con, tất nhiên là vậy. Thằng Max duỗi ườn trên tấm chăn, rồi bò lại chỗ tôi. Những món quà xê xích khi nó cử động, thế là tôi vòng tay chặn chúng lại.

"Gì vậy ạ?" Nó hỏi.

Tôi nhìn xuống. Rác rến. Chỉ mà mấy mẩu rác mà thôi. "Dì thấy con phải đi nhà thờ đó," tôi nói. "Nếu không dì sẽ gặp rắc rối với mẹ của con."

Max làm điệu bộ nhăn nhó, dẩu môi, chun mũi, đảo mắt. Nó cầm tấm

bìa cứng màu cam lên. Tôi với tay ra đòi lại. “Để đó, Max, đừng có...”

“Nhìn này, đây là mấy chòm sao mà, tuyệt quá.” Nó giơ tấm bìa lên trần nhà. “Ở trường, tụi con học về vũ trụ. Đây là chòm Thợ Săn, nó do một thợ săn biến thành. Đây là thất tinh Muỗng Lớn, nó còn có tên khác nữa.”

“Thất tinh đó thuộc chòm Đại Hùng. Con nói thật sao?” Tôi lấy lại tấm bìa, nhìn kỹ hình dạng những lỗ xoi đầu bút bi còn dính mực ở mép.

Max đảo mắt. “Cô Jordan kể là thời xa xưa, người ta thường hay nằm ngắm sao rất lâu, họ học được hết thảy hình dạng với cách xoay vòng của tinh tú.”

“Con thích cái này không?” Tôi cầm cái hoa bạc lên.

“Giống đồ con gái quá.”

“Một ông già cho dì đó.”

Max nhìn tôi, nghiêng đầu rồi nhăn mặt hỏi. “Ông ấy là ai?”

“Dì không biết.”

“Nhưng ông ấy biết dì?” Tôi nhún vai.

“Mẹ bảo không được nói chuyện với người lạ.”

“Mẹ con nói đúng đó.”

Max cầm chuỗi ngọc trai giả lên. Nó để ý nâng lên sao cho những mẩu nhựa, tấm bài, sợi dây và hạt dẻ ngựa đong đưa bên dưới. Tôi bồn chồn không yên. Tôi muốn nó thôi ngay.

“Có khi ông ấy là pháp sư.” Max nhìn lên. Nó đeo chuỗi ngọc trai vào tay. Tôi giơ tay ra đòi nhưng nó không đưa lại. “Ở trường, tụi con cũng học phép thuật. Tụi con đều phải giả trang, con làm pháp sư, nhưng thằng Bradley Stevens xí cái nón đẹp nhất, nó to như vầy nè.” Nó giơ hai tay lên đầu mô tả, chuỗi ngọc trai lướt nhảy trong không khí. Thốt nhiên, nó dừng lại, bỏ những món đó xuống một cách sùng kính. “Có khi mấy món này là đồ làm phép của ông đó,” nó nói. Nó xem xét tất thảy những món quà, rồi nhìn tôi nghiêm trọng. “Con mong ông ấy là pháp sư phe thiện,” nó nói.

"Chắc vậy đó con. Mà con không phải lo điều đó làm chi."

• • •

Cả nhà đi nhà thờ. Tôi ngồi cạnh chị Tilly, sau lưng chị Cee, anh Steve và ba đứa nhóc. Tôi ngắm những cái cổ trắng bong của ba cậu cháu trai, nghĩ ngợi về ông Daniel và tấm bìa xoi các vì tinh tú. Mỗi lần chúng tôi quỳ xuống, tôi nhận thấy chị Tilly nheo mắt, đôi tay đan chặt vào nhau, miệng rầm rì khấn nguyện. Thánh đường cũng hợp với họ hơn tôi.

Hai chị em ở lại ăn cơm trưa. Hôm nay chị Cee thật là chăm chút, và hoà thuận. Tính chị ấy sáng nắng chiều mưa, theo lời chị Cee là do thừa hưởng từ mẹ. Chị ấy đã báo cái tin kia cho anh Steve, anh mỉm cười ra chiều thông hiểu, đưa nước cho chị Tilly trong khi rót rượu chúng tôi. Khi cả nhà đang ăn món bánh kem trứng sô-cô-la của chị Cee, Max thông báo là tôi biết một pháp sư thứ thiệt. Tôi thấy chị Cee lườm tôi dò xét, nên cố cười khoả lấp cho xong.

"Ông đó để lại bùa cho dì nữa đó," thằng Max lại nói.

"Không có đâu," tôi không nhìn Max. "Làm gì có." Tôi cà muỗng vào bát, mắt nhìn mấy cái khăn ăn màu trắng và nâu khéo hợp với những vòng buộc khăn màu bạc, dưới sàn là tấm thảm có hình hoa quả. Tôi cần đi khỏi đây. Tôi giúp dọn bàn, cắm đĩa vào máy rửa bát, dẹp mấy ly rượu vang. Chị Cee bắt đầu pha cà phê.

"Em về đây, để xem tên Shaun đó làm tới đâu rồi." Tôi nói. Rồi cảnh tượng những cái tủ trong bếp của bố bị rút khỏi tường khiến tôi đứng sững, tay áp chặt vào miệng.

"Bộ em cũng có bầu hay sao?" Chị Cee đứng tựa hông vào máy rửa bát mà hỏi.

"Đâu có."

"Hay là em qua ở với chị một thời gian. Bên nhà cũ có gì vui đâu."

Tôi ngó chị Cee, thấy chị nói thật lòng.

"Mình giết nhau mất," tôi đáp.

Chị không cười mà lại buồn thiu. "Chị muốn em xem nhà chị là nhà của em, Alice à."

Ý chị là bố chết rồi, căn hộ của chị Tilly nhỏ như lỗ mũi, còn mày là kẻ lang bạt kỳ hồ, nên chốn này thành căn cứ chính là phải.

"Tuần này em đăng ký chuyến bay," tôi nói.

"Mà em đi đâu?"

"Chắc Delhi." Xa nơi này. Đến đâu tôi có thể thôi ngẫm nghĩ. "Khỏi lo, nhà bên kia cũng gần xong xuôi rồi."

Chị Cee nhìn vào phòng ăn. Chị Tilly với anh Steve đang khe khẽ nói chuyện. Chị quay lại tôi, nhướn mày. Tôi nhún vai. "Bà chị sẽ xoay sở tốt thôi." Cee bĩu môi.

"Em nghĩ chị ấy sẽ làm một bà mẹ tuyệt vời," tôi nói.

"Hẳn rồi. Chị có cái lo là..."

Tôi siết tay chị Cee. "Nhà mình có một mình bà chị cả chiếm hết cái tật lo lắng. Thôi thì mình hãy ủng hộ chị ấy."

"Em đi tuốt những đẩu những đâu mà đòi ủng hộ?"

"Em đi bộ ra ga được rồi."

Tôi ló đầu qua cửa phòng khách, chào tạm biệt mọi người, bảo rằng phải về ngay, dặn chị Tilly cứ ở lại chơi.

• • •

Khi tôi về tới, chiếc xe tải của Shaun không còn đó nữa. Căn nhà trông

mệt mỏi và trống hoác. Tôi không muốn vào phòng mình, nên cứ đi loanh quanh. Ước gì bây giờ đang đông, không khí lạnh áp vào mặt tôi, tay chân ấm áp trong quần jean, áo khoác. Ước gì bầu trời là bức tranh than chì lờ mờ, chứ không phải màu xanh ngắt như màn hình máy tính thế này.

Khu Heath đông ken người ta. Tôi rảo bước, vai trĩu mang túi xách. Gió lay động cây cối. Tôi thấy được màu đất tối, ẩm ướt bên dưới lá cỏ. Mồ hôi bắt đầu thấm áo, và cơn hoảng xộc lên chấp chới trong cổ họng. Tôi tìm không thấy. Mình biết khu này mà, tôi tự nhủ, nhưng nó cứ lảng tránh tôi hết lần này tới lần khác.

Tôi còn không tìm được tòa dinh cơ Kenwood House nữa, mà chỗ đó tôi tới cả trăm cả ngàn lần rồi. Tôi luôn tự hào rằng mình có thể đi lạc một cách hạnh phúc, tìm niềm vui theo từng bước chân. Nhưng bữa nay tôi vui không nổi. Rồi khi cuối cùng tôi tới một mỏm đồi thấp và nhìn thấy hình dáng Kenwood House phía xa xa, tôi lại có chút thất vọng, chứ không hẳn là nhẹ nhõm. Quán ăn đông kín. Một hàng người kéo đến tận quầy kem góc xa. Bọn trẻ con chí choé cãi nhau như bị say nắng, hoặc say đường. Những mẩu chuyện trò bằng tiếng Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Ba Lan hoà quyện vào không khí ngưng đọng.

Tôi mua cà phê, vào bàn trống giữa sân, rồi lại hối hận vì không chọn góc khuất mà ngồi. Tôi cứ ngẩng lên dõi tìm. Nhưng ông không đến. Chẳng có ai đến cả.

• • •

Những khi không vui, tôi ẩn náu dưới chiếc chăn lông. Một thói quen từ hồi tôi còn nhỏ. Đầu là trụ lều, cái chăn làm tường, giống lều của người da đỏ, có điều thích hơn. Tôi thích nhất là khi ánh sáng ngoài lều xuyên vào; tôi thích nhìn hình thù đám lông ngỗng tơ dưới lần vải mềm, mỗi lần nhìn

lại khác đi. Bây giờ tôi thèm dựng cái lều ấy: ngồi dưới tấm chăn lông, những bức tường đổ xuống từ đỉnh đầu mình.

Tôi bước như thể đang đi trong bóng tối, cố gắng tắt tâm trí đi mà lắng nghe cơ thể mình. Một đoạn bên phải, một đoạn bên trái, tới lối đi hẹp chìm vào màu xanh lục. Khi tôi tìm thấy nó – ít nhất tôi nghĩ đây là nó – tôi dừng lại, nhìn quanh. Một cặp đang đi trên lối rộng hơn, song song với lối tôi đang đứng, nhưng họ không thấy tôi. Tôi hé nhìn qua kẽ lá. Một mảnh vải màu vàng, mẩu nhựa xanh dương. Đúng chỗ này rồi.

Nhưng nó tan hoang. Tôi cúi mình bước vào, nhìn thấy không phải những màu sắc treo trên cây, mà là một đám hỗn độn rải rác trên đất. Những đoạn dây màu đứt hãy còn trên nhánh cây, nhưng giờ thì vô dụng. Tôi khuỵu gối cúi xuống, nhặt một mảnh giấy xếp vuông tà góc; một khúc dây xanh lục; cái ruột viết – mực xanh như màu máu sâu bướm; cái kẹp tóc màu hồng tươi, vài góc mất sơn lộ ra màu bạc; cái nắp chai màu lam nhạt; những mẩu giấy vụn có vết mực phai; một con tem hạng nhất, góc màu vàng kim. Tôi lật lật mọi thứ, như thể hi vọng chạm vào là chúng trở lại như cũ.

Tôi hình dung ra gương mặt ông Daniel, vết sẹo mảnh trên má, đôi mắt ngơ ngác như trẻ lạc. Chắc không phải ông làm. Chắc ai đó tìm thấy chỗ này, khoái trá huỷ hoại chỗ này. Đó là căn cớ tôi cần rời khỏi thành phố này: bởi nó là nơi người ta phá hoại những thứ kẻ khác cố công tạo tác, cố công chăm chút, phá chỉ để mà phá thôi. Tôi tự nhủ ở đâu mà chẳng vậy. Mà tạo ra những thứ quá mỏng manh, quá yếu ớt như vậy chẳng phải là ngốc nghếch, là mời gọi sự huỷ diệt hay sao.

Ở góc trong có một chai whisky rỗng, nhãn rượu lạ. Tôi nghĩ có lẽ mình nghe thoang thoảng mùi rượu whisky toả ra từ làn da ai đó. Tôi hình dung ra cảnh người đó lúi húi dưới cành lá uống rượu.

Tôi hút hai điếu thuốc, dụi tàn vào hộp. Rồi tôi chọn cái kẹp tóc, với lên cột nó vào sợi dây màu xanh dương. Khi tôi buông tay, nó lúc lắc như đang

tưởng tượng ra cơn gió nào. Tôi lại nhặt cây viết bi, ngòi cáu mực khô, cột nó vào cái kẹp tóc. Tôi làm chầm chậm mà ngẫu hứng, nhận ra có gì đó an ủi trong hành động buộc lại dây vào những thứ linh tinh ấy.

Có nhiều mảnh giấy vuông nhỏ xíu, trên có những đường mực phai. Giữa đống lộn xộn nơi đây, chỉ có những mảnh này là liên quan với nhau. Tôi cố ráp chúng lại, nhận ra ai đó đã xé bức hình một phụ nữ. Tôi thấy một con mắt, có lẽ một cái tai, rồi thoáng nghĩ đây là hình mẹ mình. Nó làm tôi nhớ tới bức hình tôi tìm được trên gác mái. Ngốc thật, sao lại bận tâm chuyện đó làm gì. Tôi gom vụn giấy dẹp vào góc, rồi tiếp tục cột mọi thứ khác lên cành cây. Tôi có cảm giác như mình bị mất thăng bằng.

Không đúng. Tôi duỗi người trên nền đất, nhìn lên. Khi trước chắc chúng được sắp xếp theo thứ tự nào đó. Tôi ngó trân những khối hình ấy. Có nhiều sắc xanh dương và nâu, thi thoảng loé lên màu vàng kim và hồng tươi. Gì chứ? Tôi bật hỏi, hắt chữ ấy ra thành hình dạng hẳn hoi để được nghe thấy.

Tôi nằm đó chờ đợi, nhưng không có gì xảy ra, nên tôi ngồi dậy, kéo túi xách lại. Tôi nâng những món quà – những món quà từ ông – từng thứ một, rồi cột chúng vào cành cây. Tôi chừa những cái hoa lại sau cùng: bông hoa bạc tí hon cùng đoá hồng tàn; thêm bông hoa bằng giấy báo mà tôi lục ra từ thùng rác dù không nghĩ không nên làm vậy, nó vấy bẩn và xộc xệch. Tôi lật nó qua lại, đọc những vần đứt đoạn: *ther, amil, ead, fi, cret, morn*. Tôi xoi lỗ cho mỗi bông, rồi trồng chúng cạnh nhau.

Tôi xong rồi. Hoàn thành. Tới lúc đi rồi. Tôi sẽ tới một quán ăn, gọi ly cà phê nữa. Tôi sẽ uống nó, hút điếu thuốc, rồi ép mình suy nghĩ. Thật ra, trên đường tới quán ăn, tôi sẽ mua một cuốn sổ với một cây viết mực nước – loại mực giúp viết chữ mềm mại hơn – rồi mở trang đầu cuốn sổ, ngồi trong quán với tách cà phê thơm. Đầu trang tôi sẽ ghi “Việc cần làm”; không, tôi sẽ ghi “Làm gì tiếp theo?” hoặc “Làm gì bây giờ?,” dưới dòng tiêu đề tôi sẽ viết hẳn hoi. Tôi chẳng biết mình sẽ viết những gì, nhưng đến đó, bày cuốn sổ với cây viết lên bàn, chắc tôi sẽ có ý viết.

Tôi ngồi yên, lắng nghe.

Chim đang hót – một con gần, một con ở xa, tiếng hót nhỏ hơn. Tôi còn nhớ lần ngồi nghe chương trình radio kể về những loài chim ở vùng Amazon biết bắt chước tiếng máy cưa tôi đã cười ngặt nghẽo ra sao, rồi lúc kể lại với anh Kal, tôi mới nhận ra chuyện đó thật buồn.

Dù trời đứng gió, những chiếc lá cứ xao động như người ta nhích bước tránh nhau trong đám đông.

Tiếng bước chân lạo xạo trên lối rải sỏi. Tiếng thịch của một trái bóng.

Một con chim khác, tiếng hót như nài nỉ, bị cắt ngang bởi những khoảng lặng bồn chồn. Tôi lắng chờ nghe tiếng hót đáp lại, nhưng không có.

Tới lúc đi rồi. Tới lúc rời xa rồi. Nhưng tôi ở lại. Tôi nhìn đồng hồ: 7 giờ tối. Chị Cee sắp làm món xăng-uých nướng pho-mát, cắt bánh sô-cô-la thành những tam giác gọn ghẽ. Bọn nhóc sắp nằm ườn trên ghế dài, xem tivi. Chị Tilly sắp đọc cuốn *Cẩm nang thai kỳ*, hoặc trăn trở quyết định mối quan hệ với gã Toby. Ông Daniel – tôi không hề biết ông ở đâu hay ông sắp làm gì. Tôi tưởng tượng ông chỉ là một đốm tí hon trên bản đồ London. Có quá nhiều lối vào nhà, quá nhiều cầu vượt và góc ngã tư. Bản đồ ấy không thể hiện được một con người.

Tôi không định nhớ tới anh Kal. Anh sẽ ở với cô gái ấy. Một đĩa phim với đồ ăn mua mang về – đó là cách chúng tôi qua những đêm Chủ Nhật; tuy không độc đáo gì, nhưng tôi lại thích. Tôi nhớ những lúc ngồi trên chiếc ghế dài bọc da, quá to so với căn phòng mà anh mua lúc thi đỗ; những hộp đồ ăn mang về nằm trên bàn bếp, ánh sáng phát ra từ tivi hắt lên da hai đứa.

Tôi lấy gói thuốc và điện thoại ra khỏi túi xách. Không có cuộc gọi nhỡ nào. Tôi gọi chị Tilly.

"Alo, Alice à."

"Chào chị."

"Em ổn không vậy?"

“Tối nay đẹp quá chị nhỉ?” Tôi nằm nghiêng, gác điện thoại trên tai.

“Cảm ơn em vụ hôm qua, Alice.”

“Chị ấy sẽ quen thôi. Chị biết tính chị ấy mà.”

“Em sắp đi nữa thật à?”

“Em kể với chị rồi đó.” Mùi whisky không còn nữa, hoặc tôi quen nó rồi. Thay vào đó là mùi đất lẫn mùi kim loại, mùi lá cây xanh tốt mùa hè.

Mỗi năm, bố nhất định đưa cả nhà đi du lịch với nhau, cả khi chị Tilly đã vào đại học. Mấy chị em tôi theo ông đi khắp những khu khảo cổ - đền đài ở Knossos, cổ thành Acropolis, lâu đài Alhambra, vừa chiều theo ông vừa thầm trách ông đủ các kiểu. Tôi nhắm mắt lại, ép lòng bàn tay xuống đất. Giá mà bây giờ tôi được trở về tuổi thơ, được hưởng năm phút của một kỳ nghỉ xa xưa ấy, được mang đôi xăng-đan bắt nắng thiêu đốt bàn chân, được phấn khích đi bộ dọc những vỉa hè đan cài bao mùi hương lạ cùng bao từ ngữ vô phương hiểu nổi, được có bố sánh bước bên cạnh. “Chị nhớ mấy lần nhà mình đi nghỉ không?” Tôi hỏi.

“Em ở đâu vậy, chị nghe tiếng chim. Trong vườn à?”

“Chị nhớ lần cả nhà bị trúng thực không? Ở đâu nhỉ?”

“Ở Bruges thì phải? Cả nhà ăn món trai xốt rượu với khoai tây chiên, xong cả đêm thay phiên nhau vào nhà vệ sinh.”

“Em có gặp Kal,” tôi nói.

Chị không nói gì. Tôi nghe tiếng tivi hạ nhỏ trong phòng bên kia đầu dây.

“Hai chị luôn đối xử tốt với anh ấy, em cảm kích vì điều đó.”

“Em có sao không?”

“Em thấy làm như chị là gan lắm đó, chị Tilly.”

“Cee thì thấy chị ngu thôi.”

“Kệ mụ ấy đi.”

"Chị sợ ghê lắm."

"Sợ là phải rồi. Tôi lăn ra nằm ngửa, ngắm những mẩu linh tinh trên đầu. "Chị Tilly ơi, em cứ ngẫm nghĩ về ông Daniel – người em kể với chị đó." Chị húng hắng.

"Hình như ông ấy muốn nói với em gì đó, mà em không hiểu được," tôi nói.

"Em nói gặp ông đó thế nào?"

Tôi nghĩ tới những món quà trên tường gần cửa trước. "Em tình cờ gặp thôi, thấy ông ấy quen quen."

"Thật à?"

"Hôm đám tang đó. Mà lạ nỗi em thấy giống như mình từng biết ông, nhưng không nhớ quen thế nào." Tôi nhặt bông hoa giấy bạc lên, xoay xoay. "Mà em lạc mất ông ấy rồi. Em không biết ông ấy ở đâu. Chỉ e là ông cố nói điều gì quan trọng với em. Em cứ nghĩ vụ đó có liên quan tới mẹ."

"Alice, em có nghĩ là..."

"Sao?"

Chị Tilly không đáp. Tôi hình dung ra chị đang nằm trên ghế dài bọc nệm thật êm, lại thêm những đường hoa văn màu vàng gớm ghiếc.

"Hở, em nghĩ làm sao?" Tôi hỏi lại.

"Bố luôn tin là có những điều không nói ra thì tốt hơn, phải không?"

"Kiểu như lời nguyền khủng khiếp nào đó à?"

"Chỉ là..."

"Tên Toby đó mà bỏ chị, em sẽ moi gan hắn ra. Thề đó."

"Ý chị không phải..." Chị ngập ngừng. "Cảm ơn em"

Hai chúng tôi nói chuyện khám nội soi của chị, rồi tôi cúp, tắt máy hẳn. Tôi nằm ngắm bầu trời tối dần, thế gian biến thành màu trắng và đen. Hông tôi nhức nhối vì nằm thẳng trên mặt đất. Có giọng nói bên trong tôi

gào thét, bảo tôi đứng dậy, đi mua bữa tối mà ăn, rảo bước mà về nhà. Giọng nói ấy không thành tiếng, giống như truyền từ rất xa tới. Dù sao, tôi đáp rằng tôi làm gì có nhà mà về. Nguy hiểm lắm, giọng nói tiếp tục – tôi biết giọng ấy thét gào bởi từng câu từng chữ nó nói đều căng thẳng – điều mày đang làm thật ngốc nghếch, nó bảo. Nhưng ở đây tôi thấy an toàn. Tôi biết là không nên như vậy, nhưng ở đây tôi thấy an toàn.

26.

Mười lý do tôi không nhảy xuống sông tự vẫn

Ai đó sẽ phải dọn xác tôi.

Tôi có một đứa con gái.

Có thể con sẽ hiểu ra, mà bố không còn trên đời để giải thích mọi chuyện.

Đôi khi ta phải tin tưởng...

Tôi không muốn chết giống bố mình.

Tôi đã nghĩ ông là kẻ hèn nhát.

Tôi chứng kiến hậu quả việc đó đối với mẹ.

Tôi không phải là người bỏ cuộc.

Bố thương con.

Và có lẽ...

Cầu Albert trông giống một tiểu kiến trúc trong vườn thượng uyển thời Victoria: những dãy đèn kỳ ảo; trụ cầu như những cái bánh kem đám cưới nhiều tầng; một dải hoa sắt sơn vàng toả ra trên sông. Tôi men dọc bờ kè Chelsea ra đó. Không phải vội. Dòng sông lặng lẽ trôi như một con vật luồn qua thành phố, phản chiếu cây cầu và đèn đuốc trên đó. Nếu tôi quay đầu, đổi hướng, tôi có thể đi thẳng ra bờ biển. Tôi tự hỏi có ranh giới nào giữa sông và biển, có chỗ nào vừa là sông vừa là biển hay không.

Vỉa hè khá hẹp. Tôi dừng lại ở bờ bắc, trong khoảng tối giữa hai ngọn đèn đường, tựa tay lên gờ sắt lạnh. Nước sông đang cao. Tôi tưởng tượng ra lúc nhảy xuống: nước lạnh, níu kéo như một đứa trẻ nài nỉ. Nước sẽ rút sự sống ra khỏi tôi. Nước sẽ khiến tim tôi vỡ ra một lần và mãi mãi. Tôi nhìn lên mé thượng dòng sông, chỗ khu nhà World's End góc cạnh, những khe cửa sổ toả ánh đèn vàng; nhìn hình thù tăm tối của nhà máy điện Lots Road; và nhìn dòng sông chảy qua tất cả.

Bố tưởng tượng mẹ của con đứng cạnh bố, thấy mình làm thế mà không phải hoảng hốt và nổi giận như thường khi. Nhìn kia Julianne, đẹp quá nhỉ? *Anh đang lảng tránh, Daniel.* Nhưng anh tìm thấy con bé rồi. Sau bao lâu vất vả, anh tìm được con gái chúng ta rồi. *Tìm ra rồi anh đã làm được gì?* Chỉ để nó yên thân thôi.

Gió nhẹ thổi tới như hơi thở lướt trên má tôi. Mùi chỗ này không giống mùi thị thành, bầu trời cao hơn, sáng hơn so với lúc ta bị vây quanh bởi gạch đá. Bố vẫn còn nghe vị ngọt cái bánh con đãi bố, bên dưới vị khẳn khé của whisky.

Tôi không nhảy xuống. Bố chưa bao giờ là làm nổi những điều lớn lao, nhưng con đã cho bố thấy rồi. Mà có lẽ trái tim bố không sẵn sàng buông xuôi, ít nhất là chưa.

Tôi thả bước, băng qua màn đêm, về phía bình minh, qua những con đường yên tĩnh, những khuôn viên trống trải. Khi nửa đêm về sáng, thành phố đẹp hơn bao giờ hết, ta nghe được tiếng bước chân của mình khua trên

vỉa hè, ta có thể cảm thấy cả thế gian chờ đợi một ngày tới. Và bình minh lặp đi lặp lại một cách thần kỳ - luôn luôn một kiểu, luôn luôn khác biệt. Hôm nay mặt trời nhô lên, dịch sang trái vào khoảng không trong vắt. Mọi thứ ánh nắng chạm vào mềm đi, cả thành phố trở nên lung linh như trong mơ; làn sương mù buổi sáng biến bê tông thành khối màu xanh lơ.

Tôi bước về hướng bắc: qua những dãy nhà gạch uy nghi trên đường Sloane; qua những toà sứ quán, tường tô điệu đà; băng qua một góc công viên Hyde yên ả đến kỳ quái, xuống đường New Bond phù phiếm, tới đường Marylebone. Tôi tới công viên Regent khi một người đàn ông mặc áo phản quang đang mở khoá cổng. Anh gật đầu chào nhưng không nói gì. Được làm người đầu tiên vào công viên Regent sáng thứ hai cũng vui. Tôi đi xuyên qua công viên, nhìn ngắm bầu trời chuyển từ màu hồng sang màu lam, đan cài những đám mây ti. Tôi chọn lối ngang qua vườn thú, rồi lại gần hàng rào, bên dưới những tán cây. Hai con vẹt lông đỏ tươi đậu đối mặt nhau. Một con quay sang nhìn tôi khi tôi đi qua.

Tôi đang trở lại khu Heath. Tôi không biết chắc lý do. Tôi không biết chắc mình có muốn vậy không. Tôi chưa từng có cái cảm giác bị níu kéo này đã lâu rồi. Có lẽ còn sót một ngụm whisky – tôi hãy uống chút rượu ấy rồi nằm xuống mà ngủ.

• • •

Nhưng khi bố cúi mình vào cái hốc, bố thấy con nằm trên mặt đất. Bố vội vàng xông tới, quỳ xuống nhưng lại không thể chạm vào con. Gương mặt con tái như màu cẩm thạch, tóc xoã quanh đầu. Không có máu. Không có chỗ lõm dị dạng nào người cả.

“Alice ơi?” Bố kêu gần như không thành tiếng. Con bất động. “Alice ơi.” Lần này to hơn. Vẫn vậy. Bố cúi xuống, tay nhặt lá rụng trên người con, cúi

sát miệng con. À, con vẫn thở, chắc chắn là còn thở. Bố ngồi thẳng lại. Alice. Con gái của bố. Bố ngắm con ngủ, trong khi đó ý tưởng manh nha từ lúc bố gặp con chợt hiện rõ. Con đang hoang mang lạc lối, nếu bố cho con biết ta là ruột thịt, con sẽ càng hoang mang lạc lối. Có những sự thật khác nữa. Có những cách khác để tỏ bày nữa.

Khi con mở mắt, dường như con không ngạc nhiên khi thấy bố. Con ngẩng đầu lên, rồi ngả lại xuống đất.

"Ông cũng về rồi," con nói.

"Sao cháu lại ở đây?" Giọng tôi run rẩy.

Con chống khuỷu tay, giọng có vẻ rên rỉ.

"Ông ngủ ngoài trời như vầy sao?" Bố nhún vai.

"Tôi thấy mình lụ khụ, xương cốt ê ẩm cả."

Con đang ở đây. Con có thể đã chết vì cớ gì đó. Con trở lại.

"Cháu có nhà mà? Bộ nhà cháu bị làm sao rồi à?" Tôi hỏi.

"Tôi không chịu nổi cái nhà đó nữa." Con kéo áo xuống qua khỏi cạp quần jean, rồi xoa cổ. "Tôi nằm mơ ngộ lắm," con nói, rồi nhìn chỗ khác, và bố nghĩ hay là con mơ thấy bố.

"Alice, ngủ bờ ngủ bụi vầy nguy hiểm lắm," tôi bảo.

Con nhìn xuống, quay đầu sang một bên. "Tôi ổn mà."

"Cháu đừng làm vậy nữa, đừng bao giờ. Xem cháu lạnh run kìa." Bố cởi áo khoác nhung kẻ nâu, đưa cho con. Con ngập ngừng.

"Tôi xin lỗi, mặc một chút cho ấm thôi." Bố nói.

Con khoác hờ nó lên vai, nhưng không xỏ tay vào. Bố nhìn xuống áo mình. Không sạch sẽ, lại còn mất một nút. Trong một thoáng bố thấy mình sức cùng lực kiệt.

"Ông đã đi đâu?" con hỏi. Tóc con vương vài mẩu đất và nhánh cây.

"Tôi đi bộ thôi."

Con nhướn mày, chờ nghe tiếp. Bố nhặt một cái lá trên mặt đất, bứt nó thành nhiều mảnh.

"Ông ngủ ở đâu?" Con hỏi.

"Không ngủ."

"Ông có vẻ mệt lắm."

"Không sao đâu."

"Tôi cố làm..." Con chỉ lên vòm lá, và đến lúc này bố mới thấy công trình của con. Bố chợt nghe vui vui. Màu sắc lộn xộn hết cả, giống như một thứ tiếng mà bố chưa từng biết. "Tôi mang những món quà lại đưa ông," con nói. Bố nhận ra chúng – tấm bìa cứng màu cam, chuỗi hạt trai, cái nón lủng lẳng trên cành. "Tôi cố làm cho đẹp..." Con nhún vai, mỉm cười và bố muốn ôm choàng lấy con. Chợt bố nghe cơn đau nhói trong lồng ngực. Không phải lúc này chứ. "Chắc tôi sắp xếp không đúng thứ tự," con nói.

"Đẹp lắm, cảm ơn cháu."

Bố thấy mớ giấy vụn bên phải con, tim bố lại chới với. Lẽ ra bố không nên xé bức hình. Nhưng có lẽ nhờ vậy mà con mới trở lại với bố. Bố gom những mảnh giấy vụn ấy nhét vào túi quần. Con nhìn bố thắc mắc, nhưng không hỏi gì. Có những thứ không cần phải nói ra. Con đã phải buồn lòng nhiều bởi hai người bố - ông Malcolm với một ông già lạ hoắc đến dự tang.

Bụng con kêu lên, rồi như đáp lại, bụng bố cũng kêu.

"Đói quá," con nói. "Ta đi ăn sáng thôi nhỉ?" Con đưa áo khoác trả bố.

"Không."

Con ngước lên nhìn. Bố làm con sợ rồi.

"Cháu thích ăn trái mâm xôi không?" Bố hỏi. Con gật đầu.

"Đi nào." Khi bố nhoài ra khỏi cái hốc, chợt nghe gì đó cồm cộm dưới giày. Là cái hoa bằng giấy báo. Như một đứa trẻ, con trồng nó cùng bông hoa bạc, và cả bông hồng tàn nhỏ xíu.

• • •

“Lâu rồi tôi không ăn thứ này,” con nói. Ngón tay con lem nhem màu tía như bố, một vệt nước quả dính trên má con. “Mâm xôi còn hơi chát chát.”

“Cỡ vài tuần nữa mới chín.”

Con gật gù, bố hình dung ra hai ta sẽ còn trở lại đây ăn mâm xôi nữa.

“Tôi biết chỗ kia có cây táo,” bố nói.

Con nhướn mày rồi mỉm cười. Nhưng khi bố con mình tới đó, táo hãy còn nhỏ, lại cao quá tầm. Bố nhìn con vươn tay thật cao mà không tới. Con thấy ánh nhìn của bố và nhăn nhó.

“Ông đỡ tôi lên nổi không? Đỡ trên vai đó?” Con hỏi, rồi lắc đầu. “Xin lỗi, chẳng biết tôi nghĩ gì nữa.”

“Được chứ, được chứ.” Bố xoay lưng lại, khom người xuống.

“Ông chắc chứ?”

“Cứ lên đi.”

Bố nghe chân con đặt lên vai. Bố bắt đầu đứng dậy, con túm lấy đầu bố giữ thăng bằng.

“Ông chắc chịu nổi không...” Con lo lắng thốt lần nữa, nhưng bố đã đứng thẳng lên rồi. Bố chưa từng thấy mình mạnh mẽ, cao lớn, và hạnh phúc nhường này sau bao năm trời đằng đẵng. Bố muốn thét lên cho thoả: nhìn này, tôi đang chơi đùa cùng con gái tôi. Bố bước lại gần cây táo, nghe con rướn người lên, chân con chịu trên đôi tay bố.

“Một trái,” con kêu lên. “Trái nữa.” Bố cảm thấy cái giật nảy mỗi lần con rứt táo khỏi cành. “Tôi hết tay rồi,” con nói, rồi thả một, hai, ba, bốn trái táo xuống đất. Táo hãy còn chưa chín. “Được rồi, được rồi, xuống nào.” Bố khuỵu chân, phớt lờ cơn đau nhói dọc xương sống, thế là con nhảy xuống phía trước, chạy vài bước, cười vang. “Mình đủ táo làm một cái bánh rồi,”

con nói, giơ ba trái táo lên, chỉ trái còn lại nằm dưới đất. Bố hình dung ra cảnh bố con mình ngồi với nhau, trên bàn là bánh táo và hai ly sữa trứng.

Mấy trái táo có màu xanh lục sắc và chua. Hai bố con ăn táo, vừa nhăn mặt vừa chép môi.

"Tiếc quá, táo này dùng để nấu ăn, mà còn chua quá, chưa chín."

"Ăn vào tỉnh người ấy chứ," con nhoẻn cười.

"Hay là cháu lấy hai trái về." Con gật đầu, rồi gom táo vào tay. Bố không muốn con đi. Bố không có ý nói vậy.

"Mình để táo trong đó..." Con chỉ cái hốc. "Tôi lấy sau cũng được. Để tôi mua ly cà phê đãi ông."

• • •

Bố đứng bên ngoài trong khi con cất táo. Khi trở ra, con đeo chuỗi ngọc trai nhựa trên cổ. Những mẩu bìa giấy, nhựa, hạt dẻ và lụa lòng thòng bên dưới như một thứ đồ trang sức kỳ lạ.

Là chữ *Father.*

Con mua cà phê đựng trong ly giấy chỗ quán ăn đường Swains – bố kể là mình không thích mấy thứ cà phê nhiều bọt, cầu kỳ đó, và con cười vui vẻ. Hai bố con thả bước về khu Heath, lên đến tận Đồi Nghị Viện, ngồi trên băng ghế trông về thành phố.

"Cháu trai của tôi nghĩ ông là pháp sư," con nói rồi cười ngất.

"Cháu trai à?"

"Tôi có ba cháu trai. Tôi cưng đứa út nhất, mặc dù chị Cee bảo không được phép thiên vị đứa nào." Con xoa xoa một vết lấm trên quần jean. "Nó tên Max."

"Vậy là cháu kể chuyện tôi với nó à?" Bố nói mà giọng khấp khởi vui

mừng.

"Không hẳn vậy, nó thấy được cái..." Con nói, bàn tay chạm vào chuỗi ngọc trai trên cổ. Một con hải âu lượn trước mắt chúng tôi, kêu lên. "Tiếng bọn hải âu sao lúc nào cũng buồn như khóc thương ai vậy."

Bố nhớ lúc mẹ con ở bãi biển Brighton, bộ đầm ướt tới thắt lưng.

"Có khi nó khóc thương biển cả. Không hiểu sao nó lại bay vào London trong khi nó có thể vui vẻ trên mặt sóng ngoài kia."

"Đôi lúc tôi thấy London cũng như biển."

Con không đáp, dõi mắt ra chân trời bên trên thành phố. "Có khác là nó luôn biến đổi theo tâm trạng." Tôi nói, tự thấy mình sao ngớ ngẩn.

Con khẽ quay lại nhìn bố. "Tôi sắp bay đi Delhi rồi, tuần tới." Con nói.

Tim bố chùng xuống.

"Tôi đắn đo chuyện ở lại, nhưng mà... Tôi thực muốn cảm thấy mình ở lại đây là hợp lẽ." Con kéo một lọn tóc, nhấc bàn chân lên ghế, co gối lại, choàng tay ôm đôi chân.

Ý nghĩ đó trở lại. Nếu bố kể con nghe sự thật, con sẽ cảm thấy như cây trốc gốc. Điều con cần lại là sự ổn định, một kiểu gốc rễ con người nào khác. Bố làm được điều ấy, bố biết là mình làm được.

27.

Mười lý do để ở lại

Bà chị cả có thai.

Bà chị kế có khả năng lấy đó làm cớ sinh sự.

Tôi mệt mỏi.

Đôi khi tôi cảm thấy như đi trong vòng tròn lẩn quẩn.

Tôi ghét những căn phòng khách sạn.

Tôi ghét chứng đờ đẫn sau chuyến bay.

Tôi có thể làm quen ai đó. Quỷ thật, có khi tôi lấy chồng rồi đẻ con luôn ấy chứ.

Bố muốn tôi ổn định cuộc sống, ông lo ngày lo đêm chuyện tôi cứ bay tới những miền đất xa lạ.

Hai bà chị nghĩ lúc nào tôi cũng trốn chạy.

Tôi muốn ngừng trốn chạy.

Tôi chà chà tràng hạt nhựa vào ngực, đi theo ông Daniel qua bãi cỏ, xuống Đồi Nghị Viện. Không hiểu sao tôi lại đeo chuỗi hạt ấy vào. Chắc trông tôi ngố lắm. Hạt dẻ ngựa gõ vào xương ức khi tôi bước đi. Hồi còn nhỏ tôi hay lượm lặt dẻ ngựa, gom lại thành cả bụm bóng loáng. Rồi mỗi năm qua đi, tôi lại buồn bã khi vỏ hạt mờ dần, nhăn lại, dù tôi biết trước là chúng sẽ như vậy.

Trước đường chạy bộ, ông Daniel quành sang trái, băng qua khoảng sân quần vợt, nhà hóng mát, quán ăn có cửa kính, rồi ngang hồ bơi ngoài trời, xuống nhà ga Gospel Oak. Chúng tôi đứng chỗ những ngọn đèn, và tôi tự hỏi những người lái xe ngang qua nghĩ gì, họ có thấy một cô gái trẻ - người đã ngủ một mình ngủ dưới tán cây trong công viên Hamstead Heath – đứng cùng một ông già, thoáng nhìn qua cũng biết chắc là kẻ không nhà. Họ sẽ không để ý, mà nếu có cũng không quan tâm làm chi. Tôi sờ túi quần jean kiểm tra xem mảnh bìa cứng còn nguyên không.

Trước khi tới một dãy căn hộ cao tầng xây bằng gạch tối màu kiểu thập niên bảy mươi, chúng tôi băng qua một khu toàn những dãy nhà gạch sơn phết đẹp đẽ, dây tử đằng bò quanh, hàng rào thuỷ lạp xén tỉa gọn gàng. Rồi lên cầu. Ông Daniel dừng giữa cầu, chúng tôi nhìn qua lưới lan can cầu xuống những đường ray thẳng tắp bên dưới.

“Nếu bây giờ ông có thể tới bất kỳ nơi nào, ông chọn đi đâu?”

Một chuyến xe lửa vụt qua, cây cầu rùng mình dưới chân chúng tôi. Ông Daniel rà ngón tay dọc lan can, tạo ra những tiếng trầm trầm. “Tôi sẽ ở lại đây,” ông nhìn tôi đáp.

Đêm ấy tôi nằm mơ thấy ông – một cơn mơ vừa thật, vừa khiến tôi hoang mang. Cả hai tháo bàn tay ra cứ như búp bê, rồi đổi cho nhau. Có điều khi tôi nhìn lại, tôi thấy từ cổ tay trở xuống là tay của chính mình. Lúc tôi thức dậy thì ông đã ở đó, rồi kỳ lạ một nỗi, tôi nghe như đang ở trong căn nhà thật sự của mình. Tôi có thoáng nghĩ qua, rằng có lẽ ông và mẹ tôi... Nhưng điều ấy thật ngớ ngẩn, tôi không muốn nhớ tới nữa. Tôi quý ông, chỉ

vậy thôi.

"Tôi sẽ đi Inverness, hoặc đâu đó xa hơn về hướng bắc. Tôi sẽ tới cực bắc của Scotland rồi bắt thuyền qua Iceland, hoặc đâu đó ở Na Uy. Tôi sẽ đi ngắm bắc cực quang, vì đã xem qua nhiều hình ảnh mà thấy giả giả thế nào."

Ông cười, nhưng có chiều buồn bã, nên tôi im. Chúng tôi bước tiếp, ngang qua một toà nhà đơn độc, tua tủa xung quanh là những bảng *Cho thuê*, có xe máy và chậu cây cùng những lá cờ đội bóng dán trên kính ban công đã phai mờ. Chúng tôi tiến vào sự hỗn độn của con đường Kentish Town, đến khi ông quặt sang khúc cong ngõ St. Pancras, men theo bên trái đến khu Agar Grove. Chúng tôi không chuyện trò mấy, nhưng kỳ lạ là nhịp bước cả hai dường như đang nói chuyện với nhau. Cứ một lúc ông Daniel lại dừng và nhặt gì đó lên – một nắp chai màu vàng kim; một cái nút vàng giữa có một cái sao; một cây đinh gập thành góc vuông. Ông nhìn nhìn những thứ ấy, rồi cho vào túi.

"Tôi thích áo khoác của ông," tôi nói.

Ông bật cười. "Một gã tên là Thợ Săn cho tôi đó."

"Thợ Săn à?"

"Viết giống như hiệu bốt Thợ Săn đó. Áo này là để..." Ông nhìn tôi. "Để dành cho một dịp đặc biệt."

Ở góc đường York, ông dừng chân, tháo một mẩu nhựa nhỏ màu xanh dương nhạt khỏi hàng rào dây thép. "Tên của cháu màu xanh dương," ông nói.

Một chiếc xe tải lao qua gần chúng tôi, và tôi cảm thấy cú tăng nhẹ adrenalin mà lúc máy bay cất cánh, người ta hay bị, hoặc lúc người ta đứng trên bục sân ga và một chiếc xe lửa lao qua, không dừng lại.

"Màu lam băng, giống như màu nước sông băng," ông nói. "Giống giống màu này." Ông giơ mẩu nhựa lên, tôi cầm lấy nhưng không biết đáp thế nào. Gương mặt ông xịu đi, ông thôi nhìn tôi và cúi đầu. "Tôi thường thấy

chữ có màu ấy mà, chắc là cháu không biết đâu."

Tôi cười với ông, nhưng gượng gạo, biết chắc là ông cũng cảm thấy vậy. Chúng tôi rẽ vào đường York, bước đi dưới cây cầu, tiếng xe tải vang vọng trên mặt đường bê tông. Ông Daniel dừng lại bên một hàng rào mắt cáo, xa xa là khu sau nhà ga King's Cross. Bức tường gạch cao mà bẩn gợi nhớ về một toà nhà cũ. Những khoang nhà tạm Portakabin màu da bò nằm ì trên mặt đất như sợ sệt không gian giữa chốn thị thành. Sau đó, chúng tôi đứng đối diện mặt kính gợn sóng của toà nhà King's Place, nhìn xuống con thiên nga đơn độc khoan thai bơi dọc dòng kênh. Một người đàn ông nhấc tấm lưới cá trống trơn lên khỏi mặt nước, rồi lại tung xuống. Một người khác ngồi trên băng ghế gỗ nhìn ông nọ lưới cá, tay cầm chai bia màu vàng kim. Trên bức tường lan can có một chiếc máy bay đồ chơi nhỏ, mũi nhọn hoắt, cánh sơn màu cam. Ông Daniel cầm nó lên đưa tôi. Nó bằng kim loại, kỳ lạ là nó vừa nặng vừa lạnh toát. Tôi đặt nó trở lại tường, mũi chỉ về hướng tây, sẵn sàng cất cánh.

"Hồi ông quen mẹ, ông có gặp mấy chị tôi không?" Tôi hỏi.

"Có một lần thôi," ông đáp.

"Tôi có hỏi hai chị biết ông không."

Ông đặt tay lên ngực, nhăn mặt lại như đang đau.

"Ông có sao không?" Tôi hỏi.

"Không sao đâu. Mấy đứa còn nhớ tôi không?"

Tôi lắc đầu. "Không ạ. Chắc hồi đó hai chị còn nhỏ quá."

Ông quay đi, bước tiếp. Tôi theo ông qua dòng người xe hối hả ở giao lộ King's Cross, dọc lên đường Euston tới khối khung thép nhà ga St Pancras. Ông vẫn ép tay vào ngực.

Tôi từng đi trên một sông băng ở Canada. Nhóm du khách toàn người lạ; chúng tôi chen chúc trên một chiếc xe khách, bánh xe to bằng bề rộng người tôi. Xe chạy lên mãi, lên mãi, rồi dừng lại trên mặt băng trơn trượt màu xanh-trắng. Chúng tôi có nửa tiếng, và tôi bước chậm rãi, cẩn thận ra

khỏi nhóm, quay lưng về phía họ cùng chiếc xe để thu vào tầm mắt toàn là băng tuyết giống như da nẻ lởm chởm, như những giọt nước mắt bẩn đông cứng lại, và không giống bất kỳ thứ gì tôi từng thấy.

“Vậy tên ông màu gì?” Tôi hỏi.

Ông dừng bước, nhưng không trả lời. Chắc tôi nói sai làm ông buồn rồi. Chúng tôi đang đứng trên đường Eusston, bên phải là màu gạch cam và trắng của nhà ga St Pancras, bên trái là dòng xe cộ ồn ào.

“Tôi nhớ ông có nói tên tôi màu xanh dương.” Tôi nói lớn lên để ông nghe thấy. “Vậy nên tôi thắc mắc biết tên ông có màu không.” Khùng quá, ông khùng, tôi cũng khùng nốt. Đây không phải chỗ dừng chân. Chúng tôi đang ở giữa lòng đường, người ta phải chật vật tránh né. Đây không phải chỗ để nói chuyện.

“Màu cam,” rốt cuộc ông cũng nói. Giọng của ông nhỏ đến nỗi tôi phải nghiêng sát vào ông mới nghe thấy. “Màu cam nhạt, gần như trong suốt, gần như không phải là một màu.” Tôi chờ ông nói thêm, nhưng ông yên lặng. Một chiếc xe tải phì khói, xe hơi rào rạo trên mặt đường, một cái điện thoại di động rung trong túi áo khoác ai, một em bé đang khóc.

Tôi nhớ lại lúc bố nằm trên giường, rèm kéo kín, cùng những chữ cái màu đỏ cẩm chướng khủng khiếp đó trên xe tang. “Đôi lúc bố nhìn tôi lạ lạ...” Ông Daniel nhìn tôi chăm chú. Tôi bắt đầu bước đi, nghe tiếng ông rảo bước theo. “Bố con tôi có chút... Ông không chịu cho tôi biết điều gì đó, tôi cứ nằng nặc đòi nghe, mà nào có quan trọng gì? Ai thèm quan tâm cái đó? Ý tôi là chỉ có giây phút hiện tại này mới quan trọng, chứ không phải thời quá vãng, ông thấy đúng không?”

“Tôi từng gặp một người nói y hệt như vậy, ông ấy là một Phật tử.” Ông Daniel đáp.

“Có lẽ tôi đồng bóng hơn mình tưởng,” tôi gắng cười khoả lấp.

“Tôi chắc người đó nói điều ông ta đốn ngộ,” ông Daniel nói.

Tôi nuốt khan, bước nhanh hơn, đầu cúi xuống. Đường Gower. Ngõ

Drury. Khu Aldwych. Phố Lancaster Place. Chúng tôi dừng lại trên cầu Waterloo, những hình khối bê tông của Nhà hát Quốc gia bên tay phải, toà nhà Sommerset yên lặng và nguy nga bên tay trái. Tôi nhìn chăm chăm xuống dòng nước chảy xiết.

"Bạn của ông thế nào rồi?" Tôi hỏi.

"Bạn nào?"

Ông Daniel tựa vào tường, tay chống cằm. Ông cắn môi, im lặng. Tôi quay sang nhìn một người đàn ông tóc sẫm, cầm máy ảnh ra hiệu cho bạn gái – qua trái, chút nữa, chút xíu nữa. Cô gái đứng, tay đút vào túi quần jean bó, vai rụt lại, miệng hé một nụ cười bẽn lẽn.

"À anh ấy kiếm được việc làm, rồi anh ấy sẽ về nhà." Rốt cuộc ông Daniel cũng đáp.

Một chiếc thuyền cảnh sát hiện ra trên dòng sông, ngay dưới chân chúng tôi, sáu người đàn ông rúc vào cái khoang nhỏ hẹp như mấy chú nhóc chơi trận giả trên bè phao.

"Tốt quá." Tôi nhìn cái thuyền. Người cầm lái đứng đằng đuôi, thân hình thả lỏng, mắt dán vào đường chân trời. Bỗng dưng tôi cảm thấy khao khát được một người đàn ông cao hơn mình ôm chặt vào lòng, để được tựa đầu vào ngực người đó. Tôi kéo nhẹ chuỗi hạt trên cổ. "Vậy chữ cái nào là màu trắng ạ?" Tôi hỏi.

Tôi thấy ông nắm chặt bàn tay lại.

"Xin lỗi, tôi có nói gì sai không?"

"Chữ F," ông đáp. "F như trong *father*. Nó màu trắng, gần giống màu xà cừ."

Tôi cào cào móng tay trên đầu tường, nhìn vào màn hình kỹ thuật số bên hông Nhà hát Quốc gia, trên đó những chữ cái màu cam loè nhoè chạy nối nhau. Tôi có thể hỏi ông lần nữa: ông là ai? Ông quen mẹ thế nào? Ông đang cố nói gì với tôi?

Tôi nhìn bàn tay ông nằm cạnh bàn tay mình trên tường. Khuôn móng tay chúng tôi giống nhau. Tôi liếc nhìn gương mặt ông. Trông ông không khoẻ - xanh xao, lấm tấm mồ hôi, gần như tái xám. Ông cứ nắm bàn tay lại thành đấm rồi xoè ra. Hai bên chúng tôi, du khách túm tụm lại quanh những quyển cẩm nang và máy ảnh, rồi rút đi, tìm gì mới mẻ để xem. Chim lượn vòng trên trời. Lúc nãy ông nói gì nhỉ, London giống như biển cả.

Tôi nghiêng đầu qua để thu trọn tầm nhìn có cầu Blackfriars, cầu Southwark, toà nhà Gherkin, nhà thờ St Paul, ánh đèn chớp nháy trên cầu tàu Canary phía xa xa; và tưởng tượng mọi thứ biến thành nước, cả gạch đá và mặt đường, những viền cửa sổ chạm khắc và lan can kim loại sắc bén. Tôi tưởng tượng toà tháp BT rung lắc rồi ngã xuống, sau đó lại hiện ra cao lớn, lấp lánh, rồi lại lắc lư và ngã xuống; cả thành phố trỗi dậy và ngã xuống, trùng trùng những ngọn sóng bạc đầu đánh tới; và bên dưới tất cả, một dòng thuỷ lưu kéo giật.

• • •

Chúng tôi rẽ ở một góc đường, thấy một chiếc xe ủi màu vàng ngếch máng lên cạnh một toà nhà: những văn phòng cũ kỹ - những tấm ốp màu xanh lục nhạt bị xé toạc ra, kính vỡ toang. Cái xe ủi cặm cụi làm việc. Dáng nó di chuyển có gì đó trìu mến: thì thầm lời đường mật của tình nhân vào những căn phòng trống rỗng, rồi cào ra đủ thứ gạch đá vụn vỡ, âu yếm như một người yêu. Tôi đứng ngắm nhìn. Tôi biết ông Daniel đang nhìn mình, nhưng tôi không để tâm. Chiếc xe ủi sục máng vào lần thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thêm một mảng tường chịu thua, đổ sụp xuống, bụi tung mù mịt xung quanh.

Chúng tôi đi qua nhà hát Old Vic, và tôi nhớ lần vào đó với anh Kal – đùi anh áp vào tôi, ngón gõ nhịp bồn chồn trên lòng bàn tay tôi bất kể hôm đó

chúng tôi xem thứ gì: màn diễn gì đó có những áo chẽn, lọng che, mặt diễn viên thoa phấn trắng toát. Ở công viên góc đường, ai đó đang nướng thịt, những cuộn khói bốc lên qua tán cây. Chúng tôi đi ngang một quán rượu Cuba có bức bích chương cỡ lớn: một phụ nữ đứng trên đỉnh thế giới, cánh tay giơ cao. Điện thoại của tôi reo. Tôi đứng trên vỉa hè, nhìn màn hình xanh nhấp nháy.

"Gã thợ sửa nhà lại gọi à?" Ông Daniel hỏi.

"Là anh Kal." Điện thoại ngừng reo.

"Người làm cháu thấy bế tắc đó sao?" Ông Daniel hỏi. Tôi nhìn ông, rồi nhìn điện thoại. Reng mới nửa hồi chuông. Tôi chờ đợi. Không có tin nhắn nào. Tôi nghĩ tới cái xe ủi đang cào xới toà nhà đổ.

"Bố tôi vẫn hay nói người ta không được đi thụt lùi. Nếu tiếp tục, tôi với anh ấy chỉ có nước đi thụt lùi." Tôi đáp.

"Vậy cháu muốn điều gì?" Ông đang đứng cạnh tôi, chỉ cần giơ bàn tay ra là chạm được vào tôi, nhưng ông đứng yên.

"Tôi không biết nữa. Chỉ muốn được cảm thấy... Không biết nữa."

Ông mỉm cười, thoáng chạm vào tôi – lướt nhẹ trên cánh tay. Ông giật bàn tay lại, giấu vào giữa khuỷu và hông. Rồi ông gục gặc đầu như thể ra hiệu, xem nào, ta đi tiếp thôi, và ông lại bắt đầu bước đi. Chúng tôi đi về phía đường Elephant và đường Castle. Tôi thấy những chiếc cần cẩu phủ phục bên hình thù đang vươn dậy của toà tháp, xung quanh là bạt phủ thi công màu xanh dương.

"Anh ấy sống dưới đó," tôi nói. "Tôi không chắc là mình muốn..." Ông gật đầu, rẽ trái vào một con đường hẹp, đưa chúng tôi vòng lại khúc sông.

"Cháu đổi ý lúc nào cũng được mà. Ngày xưa, mãi tôi mới ngộ ra điều đó." Ông nói.

"Ý ông là sao ạ?"

Ông nhún vai. "Tức là sau một thời gian, ta có thể xác định rằng thứ

mình muốn có lại không phải là thứ thực sự ta cần." Ông húng hắng. "Tức là cháu có thể đổi ý về mọi thứ." Ông nhìn tôi. "Ví dụ như bố tôi. Tôi oán ghét ông rất lâu, cứ đinh ninh là tới chết vẫn còn ghét, có điều ít lâu sau, tôi bắt đầu thấy chuyện đời không chỉ đơn giản như vậy. Tôi bắt đầu ngẫm nghĩ hồi xưa, có lẽ ông đã sống tận lực mình."

"Vậy là ông không còn ghét bố nữa?" Tôi hỏi.

Ông nhún vai. "Không biết nữa, tôi đang cố."

Chúng tôi men theo dòng sông đến cầu Hungerford. Lên bậc thềm, trên đầu những người đàn ông thổi trumpet điệu gõ chân trong bóng tối bên dưới. Cây cầu giống như một khối sáp ong dưới chân chúng tôi. Một chiếc xe lửa chạy ngang, bị cắt tành những hình tam giác bởi các thanh giằng bằng kim loại. Những sợi dây văng to bản màu trắng xéo qua đầu chúng tôi, giao nhau ở tít trên trời.

"Tưởng tượng mình xây một cái nhà chỗ này," tôi nói.

"Ngay trên cầu sao?"

Tôi đứng lại. "Phải, ngay chỗ này, ngay giữa cầu. Tưởng tượng mình thức dậy đón quang cảnh này mỗi sáng." Tôi tựa vào lan can kim loại, nhìn xuôi dòng sông về phía Westminster. "Sao ông... Ý tôi là làm thế nào ông trở thành...?" Tôi ấp úng hỏi.

"Có vài biến cố xảy tới, rồi tôi quyết định sai một số chuyện, vậy đó," ông đáp. Ông đứng cạnh tôi. Tôi nghĩ về tấm bìa cứng trong túi quần jean, có xoi những vì tinh tú. "Và rồi... à, sống lang thang thế này lại hợp với tôi," ông nói. "Không phải lúc nào cũng hợp, nhưng... Tôi thà ngồi cạnh dòng kênh, ngắm mặt trời lặn còn hơn qua bữa tối tạm bợ ở mấy chỗ tồi tệ mà tôi từng sống."

"Có lẽ hai chúng ta giống hệt nhau." tôi nói. Tôi thấy ông căng thẳng như thể tôi vừa làm ông sợ. "Ý tôi là, tôi đủ tiền mua một căn hộ trong chung cư. Mấy chị em tôi đang bán nhà của bố, nên tôi sẽ có đủ. Mà hình như tôi quen lang thang rồi, chẳng biết làm sao dừng lại. Có lẽ chúng ta

giống hệt nhau chuyện đó.” Ông không nói gì.

“Chắc ông nghĩ tôi là một đứa con nít hư hỏng.”

“Không đâu. Tôi mừng cho cháu. Có một nơi riêng để ăn ở... thì tốt chứ.”

“Cái hốc ở phố Heath có phải là một kiểu tổ ấm không?”

Ông lắc đầu. “Đối với cháu mà nói, một căn hộ tại London mới là tổ ấm.”

“Hôm qua ở nhà bà chị, tôi đã định đặt vé máy bay,” tôi nói. “Đi Delhi.”

“Cháu cứ ở lại một thời gian cũng tốt.”

Tôi nhìn xuống dòng sông lặng lờ trôi bên dưới. Tôi thấy mệt, cả người đau nhức. Tôi cần phải tắm. “Mình đi tiếp nhé?” Tôi hỏi.

Chúng tôi bước hẳn ra khỏi ánh nắng, vào dưới ánh đèn huỳnh quang, dọc những bức tường đường hầm ốp gạch bẩn thỉu, qua một bóng đèn bọc lưới kim loại nhơm nhớp, những dãy cọc nhọn đuổi chim cáu đầy bụi. Ông Daniel đi phía trước tôi, đầu cúi gằm. Tôi thấy mép ống quần của ông đã sờn rách, ống trái có đường rách như dao cắt, ngay phía trên chỗ sau đầu gối. Chúng tôi tới chỗ hành lang trên đường Villiers, phong cách như một ban công Ý, trông ra công viên, xa hơn nữa là là con sông. Suýt nữa thì tôi bỏ qua nó: một chiếc xương lá nhuộm màu cam – thứ mà ta có thể mua trong một cửa hàng đồ thủ công để kẹp vào thiệp mừng. Nó bị gãy, mép tưa như lụa rách. Ông Daniel vẫn bước đi về phía một cái chợ yên tĩnh nhô ra bên đường. Tôi đứng lại, nhìn dáng ông đi. Khi ông dừng bước và quay lại, từ xa tôi vẫn thấy rõ cơn hoàng sợ lướt trên mặt ông.

Tôi chìa chiếc xương lá ra, đi lại chỗ ông. “Nhìn này, xin tặng ông,” tôi nói. Nó nhẹ như bẫng, giống như không hề tồn tại. “Tôi biết cái này không đúng màu tên ông, nhưng tôi thấy đẹp quá, nên...” Ông nhìn tôi, và tôi buộc mình nhìn lại. Một cặp khách bộ hành lướt qua, người phụ nữ ngoái lại nhìn. “Nên tôi muốn tặng ông,” tôi nói.

Đôi mắt ông chớm cười trước khi miệng kịp nhoẻn ra.

Ông để chiếc xương lá vào lòng bàn tay, lấy tay kia che nó lại. “Alice à,”

ông nói mà giọng run run. “Tôi không định nói với cháu điều này...”

“Vậy xin ông đừng nói.”

Ông nhăn mặt.

Tôi nghĩ tới cảnh bố chống tay trên giường, điếu thuốc run run trên tay. Lẽ ra tôi phải nhượng bộ. Lẽ ra tôi phải nói rằng mình thương ông, và cứ để yên mọi chuyện như thế.

“Đôi lúc, ta cứ để yên mọi thứ như nó vốn có mới là tốt nhất, phải không ạ?” Tôi hỏi.

Ông nhìn tôi trân trân một lúc, rồi mỉm cười, gật gù, và xoay đi.

Tôi theo bước ông xuống phố Strand, rồi ra quảng trường Trafalgar. Chúng tôi đi quanh chân đài tưởng niệm Nelson, rồi lại nghỉ chân ở một đài phun nước có tượng một phụ nữ nghiêm nghị vịn con cá heo. Những đồng hai xu nằm trên nền gạch xanh dương, hình ảnh bị nước làm méo đi. Du khách quây quần khắp quảng trường. Bên phải chúng tôi, hàng cột của Nhà Triển lãm Quốc gia vươn lên cao.

“Mẹ thường hay đưa mấy chị em tôi tới Nhà Triển lãm Chân dung Quốc gia,” tôi nói. “Có điều tôi không nhớ gì.” Tôi nhúng ngón tay xuống nước. “Hình như có nhiều chuyện vui trong nhà mà tôi không nhớ.” Ông Daniel ngồi bên đài nước, đôi tay siết chặt trong lòng. “Có phải ông gặp mẹ ở đó không?” Tôi hỏi.

“Gì chứ?” Ông ngẩng phắt đầu lên.

“Ông gặp mẹ tôi ở phòng triển lãm phải không?”

Ông trông ra đường Charing Cross. Tôi bắt gặp ánh mắt màu xanh dương của ông, và tôi có thể hình dung ra gương mặt ông thời trẻ. Đẹp trai, gầy gò, hơi lóng ngóng nhưng nụ cười thì hiền hậu. Tôi tự hỏi ông đã từng cưới vợ hay chưa. Tôi tự hỏi mẹ tôi nghĩ thế nào về ông.

“Tôi có một bức hình của mẹ, nó nằm trong cái ba-lô tôi làm mất lúc đáp máy bay về nhà.” Tôi nói.

“Người ta tìm không được sao?”

Tôi rút tay khỏi nước, những giọt nước rơi lách tách trở xuống. “Tôi không đòi họ tìm. Nghe thì ngốc, nhưng tôi không thể. Tôi nghĩ chắc tại bố...” Tôi cười ngập ngừng với ông. “Tôi mong mong nó sẽ tới nơi nào đó thú vị chứ không chỉ ở lì trong một căn phòng không cửa sổ ở sân bay Heathrow. Đâu đó có bãi biển đẹp – Jamaica, Sumatra hay Mauritius.”

“Cháu giống mẹ lắm.” Tay phải của ông nắm tay trái thật chặt, làm nó trắng bệch ra. “Xưa tôi có yêu một người,” ông nói, xoa xoa cằm. “Mà chuyện không thành.” Ông nhìn xuống như hồi tưởng.

“Đôi khi, mọi chuyện không được như ta trông đợi.” Tôi đáp.

“Tôi vẫn còn vương vấn mãi mối tình đó.” Lời ông nói như có ý rằng chuyện đó sắp thay đổi. “Tôi bắt đầu lang thang, bước đi triền miên nhiều tiếng đồng hồ, nhiều ngày đằng đẵng để cố quên,” ông nói tiếp. “Và rồi tôi ngộ ra cách nhìn, cách để ý mọi thứ.” Ông khẽ dịch người. Tôi nghe được mùi da, mùi mồ hôi bện trên áo ông. “Sau đó tôi học cách đứng yên một chỗ.” Ông nhìn tôi như thể vừa nói điều gì đó có tính nhân quả. “Đó mới là điều quan trọng nhất, đứng yên là quan trọng nhất,” ông tiếp.

Tôi nhìn du khách chụp những bức ảnh na ná nhau hết lần này tới lần khác. Chợt nhận ra vài tấm trong số đó dính cả hai chúng tôi đứng bên đài phun nước mà trò chuyện. Những người này sẽ tải ảnh về máy của họ ở Pháp, Mỹ, New Zealand, và chúng tôi sẽ hiện diện bên họ, bị ngưng đọng và phớt lờ, nhưng vẫn là hiện diện.

“Nếu cháu đứng yên một chỗ đủ lâu, nơi ấy sẽ mở lòng ra đón nhận cháu. Cũng mất thời gian, nhưng hễ cháu nhận ra những nét đặc định của nó, cháu sẽ thấy nơi đó là nhà mình,” ông nói.

Tôi chợt nghe nước mắt mình dâng lên, chỉ chực tuôn trào. Tôi mím chặt môi, chú mục nhìn một nhóm thiếu nữ mặc áo có dòng chữ “I love London,” mép trước cột thành nút trên rốn.

Lúc biết chắc là mình không khóc, tôi liếc nhìn ông Daniel. Ông đang

nhìn đăm đắm dọc quảng trường, gương mặt khá nghiêm nghị.

"Cháu mừng là mình gặp được bác." Chẳng hiểu sao tôi lại nói vậy.

Ông quay lại, mỉm cười. Rồi ông nắm tay tôi. Bàn tay thô ráp ấy vẫn khiến tôi bất ngờ, dù trước đây tôi đã bắt tay ông. Tôi nhìn xuống bàn tay đầy nhẫn của mình, rồi nhìn bàn tay ấy, bàn tay một người đàn ông đã chai sạn nhưng vẫn còn xếp được những mảnh giấy tí hon thành hoa.

"Ta ngắm trời đi," ông nói. Chiều lòng ông, tôi ngửa đầu ra, nhìn lên trời.

"Không." Giọng ông có vẻ bực bội. "Không phải như vậy."

Ông buông tay tôi ra, lùi lại vài bước, rồi hạ người xuống tới khi lưng ông áp thẳng lên mặt đường, ngay giữa quảng trường Trafalgar. Đài tưởng niệm Nelson vươn lên khinh khỉnh phía trên ông. Tôi nhìn quanh tìm người giúp; hoặc giả không phải giúp thì phản ứng sao đó, bảo tôi làm gì đó. Ông Daniel nằm ngay ra đó, chiếc xương lá đặt trên ngực. Tôi kéo kéo chuỗi hạt trên cổ. F là màu trắng. D là màu cam. A là màu xanh dương. Tôi nghĩ tới cái hốc ở phố Heath, những mảnh màu cột trên nhánh cây. Rồi ông nói gì đó, hoặc tôi tưởng là ông nói, nhưng tôi không chắc được bởi giọng ông lạc đi giữa những âm thanh khác, tiếng róc rách của đài phun, và tiếng xe cộ ầm ì. Tôi bắt gặp một đôi nam nữ nhìn Daniel, rồi nhìn nhau. Mặt họ lộ vẻ cười cợt, thế là tôi bỗng nổi giận bừng bừng. Tôi những muốn bảo họ, có gì sai đâu nào, ông ấy ngắm trời thôi mà – có chết chóc gì ai đâu. Tôi bước lại gần, bàn chân gần sát đùi ông. Tôi chờ ông ngẩng đầu lên, ngoắc tay ra hiệu là tôi cũng phải nằm xuống ngay giữa quảng trường Trafalgar lúc năm giờ chiều một ngày thứ hai. Nhưng ông không. Tôi chờ chờ, và ông không nhúc nhích. Tôi tự hỏi ông có thiếp đi, hay chết rồi chăng, nhưng rồi ông đưa cánh tay phải lên che mắt.

Thay vì nằm cạnh ông Daniel, tôi hợp thành góc vuông với ông: đầu tôi cạnh đầu ông, người tôi choãi ra xa. Tôi nghe được mùi trên người ông – mồ hôi, bụi bặm và những thứ gì nữa tôi không biết. Mặt đường ép chặt vào lưng chúng tôi. Tôi nhận ra kẽ hở giữa những viên gạch lát qua lần áo thun.

Tôi hình dung ra một bàn chân mang sức nặng của cả một thân người giẫm lên mình. Tôi hình dung ra một người mặc cảnh phục đưa tay túm lấy vai kéo mình dậy. Nhưng không có gì xảy ra. Không có gì hết, thế nên hơi thở tôi dần chậm và sâu hơn, tôi có thể chuyên chú ngắm bầu trời trên kia.

Cảm giác như ta đang bay, giống như tôi mới là vật dịch chuyển chứ không phải những đám mây kia. Nếu tôi liếc qua hết góc nhìn, tôi sẽ thấy được đỉnh các toà nhà – South Africa House, Canada House, Nhà Triển lãm Quốc gia, nhà thờ St Martin-in-the-Fields và phần thân trên của những người qua lại. Một cánh chim hải âu lượn vào tầm mắt rồi đi mất. Tôi dõi theo đường bay chậm chạp, yên lặng của một chiếc máy bay, nghĩ tới hành khách trên đó đang nhìn xuống chúng tôi, thấy London càng lúc càng nhỏ lại. Họ sẽ nhận biết hình dáng những toà nhà, nhưng còn người ta – gồm có tôi, ông Daniel và mọi người quanh đây – sẽ vô hình đối với họ.

Tôi nghĩ chắc lâu lâu nữa tôi mới lại ngồi trong một chiếc máy bay, nhìn thế gian teo tóp lại thành những khối tí hon bên dưới.

Người ta đi vòng quanh chúng tôi; tôi nhận biết sức nặng của họ, nghe những câu chữ đứt đoạn của họ lơ lửng trong không khí một lúc rồi mới tan biến. Đứng yên giữa lòng thị thành thật nguy hiểm; tôi như nghe được tiếng bố dặn, vầng trán nhăn lại – cái nhăn trán này ông chỉ dành riêng cho mấy đứa con gái của ông. Tôi nhìn chăm chăm bầu trời và cầu nguyện cho ông: mùi khói thuốc và da lộn; đôi mắt ông sáng lên khi kể về những nền văn minh xa xưa chỉ còn để lại những hòn đá xếp đặt cẩn thận, một mảnh đồ gốm cổ, một dụng cụ được tạo tác thủ công. Và khi tôi nghĩ về lời ông Daniel nói: *nếu cháu đứng yên ở một chỗ đủ lâu, cháu sẽ cảm thấy nơi ấy là nhà*. Tôi muốn với tay chạm ông. Tôi muốn nói lời cảm ơn, nhưng không chắc là cảm ơn vì cái gì, thế nên chẳng biết mở lời ra sao. Thay vì cảm ơn, tôi rút tấm bìa màu cam trong túi ra. Tôi cúp đôi bàn tay lại giữ, giơ nó lên, nhíu mắt lại nhìn vào những tia sáng to bằng đầu kim. Chòm Gấu lớn. Chòm Gấu nhỏ. Chòm Song Ngư. Chòm Thợ săn. Tôi cảm thấy ông Daniel quay đầu nhìn tôi, thế là tôi nhích tấm bìa một chút để cả hai nhìn ngắm tinh tú

cùng nhau.

HẾT

• Chú thích •

[1] Nguyên văn: The Peninsula, The Salmon Fisher to the Salmon, Bogland

[2] Anton dùng tiếng Anh không chuẩn

[3] Nguyên văn: Do Androids Dream of Electric Sheep?

[4] Nguyên văn: Brave New World

[5] Một dinh cơ mở cửa phục vụ công chúng tham quan